

MARC LEVY



# KIỆP SAU



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: *La prochaine fois*

© 2005 Editions Robert Laffont, S.A., Paris

International Rights Management: Susanna Lea Associates

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Robert Laffont và  
Nhà Nam, 2006.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa và Truyền thông

Nhã Nam, 2006.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

# Kiếp sau

Nguyễn Hương Lan *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Marc Levy đã sống ở Mỹ bảy năm, tại San Francisco, nơi ông đã thành lập một công ty thiết kế hình ảnh tổng hợp, sau đó trở về Paris điều hành một văn phòng kiến trúc sư. Năm 2000, ông cho ra mắt bạn đọc cuốn tiểu thuyết đầu tiên, *Nếu em không phải một giấc mơ...*: cuốn sách này được xếp trong danh sách những cuốn sách bán chạy nhất trong suốt 70 tuần và được hãng Dreamworks dựng thành phim. Tháng 11 năm 2001, ông cho ra tác phẩm thứ hai, *Em ở đâu?*, tiếp theo là *Bảy ngày cho vĩnh viễn...* (2003) và *Kiếp sau* (2004). Cả cuốn tiểu thuyết này cho tới nay mỗi cuốn đã bán được hơn năm triệu bản. Marc Levy hiện đang sống ở New York và Paris.

*Cho Louis, cho chị gái Lorraine của tôi*

Jonathan,

Cậu có còn mang cái tên đó nữa không? Đền hôm nay tớ mới nhận ra còn biết bao nhiêu điều tớ chưa biết tới và tớ cố tìm mọi cách để đẩy lui những giới hạn của sự trống rỗng vẫn vây quanh tớ kể từ ngày cậu ra đi. Mỗi khi nổi cô đơn kéo tớ làm u ám cuộc đời, tớ thường nhìn lên trời, rồi nhìn xuống đất và có một cảm giác mãnh liệt rằng cậu vẫn còn ở đâu đó quanh đây. Và cứ như vậy trong suốt nhiều năm, tớ vẫn tin vào điều đó, duy chỉ có tớ và cậu không thể gặp nhau, không thể nghe thấy tiếng của nhau.

Dường như chúng ta còn có thể đi ngang qua nhau mà không nhận ra nhau.

Tớ vẫn không ngừng đọc kể từ ngày cậu ra đi, tớ đã đi rất nhiều nơi để tìm kiếm cậu, tìm cách để hiểu một điều gì đó. Và những trang cuộc đời cứ càng mở ra, tớ càng nhận thấy rằng sự hiểu biết càng rời xa tớ, giống như trong những cơn ác mộng mà mỗi bước tiến lên lại là một bước lùi.

Tớ đã đi khắp các gian phòng của những thư viện lớn, những con đường trong thành phố đã từng là của chúng ta, nơi chúng ta đã từng chia sẻ với nhau biết bao kỷ niệm từ thời thơ ấu. Hôm qua, tớ đã thả bộ dọc bờ sông, trên những con đường lát gạch trong khu chợ không có mái che mà cậu từng yêu thích. Tớ đã dừng lại chỗ này, chỗ khác, có cảm giác như cậu vẫn đang đi cùng tớ, rồi tớ quay về cái quán rượu nhỏ gần

cảng như mỗi ngày thứ sáu hàng tuần. Cậu có còn nhớ không? Chúng ta vẫn thường xuyên gặp nhau ở đó vào lúc chiều buông xuống. Chúng ta đã vui vẻ tán dóc với nhau rất lâu về tất cả những niềm đam mê mà chúng ta cùng chia sẻ. Và chúng ta đã bàn luận hàng giờ liền về những bức tranh đã làm cuộc sống của chúng ta trở nên sống động hơn và cho phép chúng ta vượt thời gian để quay về những thời đại khác nhau trong quá khứ.

Chúa ơi, tớ và cậu đã cùng yêu hội họa biết bao! Tớ vẫn thường đọc lại những cuốn sách cậu đã viết, đã gấp lại trong đó văn phong của cậu cũng như những gì cậu từng yêu thích.

Jonathan, tớ không biết cậu đang ở đâu. Tớ không biết tất cả những gì chúng ta đã từng có với nhau có ý nghĩa gì không, không biết sự thật có tồn tại hay không, nhưng nếu một ngày cậu đọc được lá thư này, thì khi đó cậu sẽ biết tớ đã thực hiện lời hứa với cậu.

Tớ biết rằng khi đứng trước bức tranh, cậu sẽ chấp tay sau lưng, cậu sẽ nheo mắt lại như mỗi khi gặp điều gì ngạc nhiên, rồi cậu sẽ mỉm cười. Nếu mọi chuyện đúng như tớ hằng mong ước, cô ấy sẽ đứng bên cậu, cậu sẽ ôm cô ấy trong vòng tay, cậu và cô ấy sẽ cùng ngắm nhìn bức tranh tuyệt tác mà chúng ta đã có đặc quyền chia sẻ cùng nhau, và rồi có thể, rất có thể cậu sẽ nhớ ra. Khi đó, nếu mọi chuyện diễn ra đúng như vậy, đến lượt tớ yêu cầu cậu một điều, cậu còn nợ tớ điều đó. Mà thôi, hãy quên đi điều tớ vừa viết ra, trong tình bạn không ai nợ ai điều gì cả. Nhưng đây là điều tớ muốn:

Hãy nói với cô ấy, nói với cô ấy rằng ở đâu đó trên trái đất này, ở rất xa hai người, tớ đã từng cùng cậu đi qua những

con phỏ, cùng cậu ngồi cười đùa quanh một chiếc bàn, và vì những phiến đá sẽ còn tồn tại thật lâu, hãy nói với cô ấy rằng trên những phiến đá nơi chúng ta đã cùng nhìn và cùng đặt bàn tay lên, sẽ còn mãi một phần câu chuyện của chúng ta. Hãy nói với cô ấy, Jonathan, rằng tớ đã từng là bạn cậu, rằng cậu đã từng là một người anh em của tớ, và có thể còn hơn thế nữa vì chúng ta đã chọn nhau, hãy nói với cô ấy rằng sẽ không bao giờ có điều gì có thể chia rẽ tớ và cậu, kể cả sự ra đi vô cùng đột ngột của hai người.

Kể từ hôm ấy, không một ngày nào trôi qua tớ không nhớ tới hai người và tớ luôn cầu mong cho hai người được sống hạnh phúc bên nhau.

Giờ tớ đã là một ông già, Jonathan ạ, giờ ra đi của tớ sắp đến, nhưng nhờ có hai người, tớ đã trở thành một ông già với trái tim ngập tràn ánh sáng, thứ ánh sáng khiến nó trở nên thanh thản. Tớ đã yêu! Có chẳng mỗi con người đều có thể ra đi với điều may mắn vô giá ấy?

Một vài dòng nữa thôi và rồi cậu sẽ gấp lá thư này lại, cậu sẽ yên lặng cất nó vào túi áo, sau đó cậu sẽ chấp hai tay sau lưng và cậu sẽ mỉm cười, cũng giống như tớ khi đang viết những dòng cuối cùng này cho cậu. Tớ cũng vậy, Jonathan, tớ đang cười, và nụ cười chưa bao giờ tắt trên môi tớ.

Chúc hai người hạnh phúc.

Bạn của cậu, Peter.

# 1

- **T**ớ đây, tớ chuẩn bị rời Stapledon và sẽ tới trước nhà cậu trong nửa tiếng nữa, hy vọng cậu có nhà chứ? Cái máy nhắn chết tiệt! Tớ tới ngay đây.

Peter lục đọc gác máy, lục trong túi áo tìm chùm chìa khóa cho đến khi nhớ ra hôm trước anh đã đưa nó cho tài xế. Anh nhìn đồng hồ, chuyến bay tới Miami sẽ cất cánh khỏi sân bay Logan vào cuối buổi chiều, nhưng trong thời buổi nhộn nhạo này, các quy định mới về an ninh buộc hành khách phải tới sân bay tối thiểu hai tiếng trước giờ khởi hành. Anh khóa cửa căn hộ nhỏ và lịch sự nằm trong một khu phố tài chính mà anh đã thuê cả năm, rồi đi theo dãy hành lang phủ thảm dày. Anh ấn ba lần lên nút gọi thang máy, một cử chỉ nóng ruột chưa bao giờ khiến thang máy đến nhanh hơn. Còn những mười tám tầng nhà phía dưới, rồi anh vội vã bước qua mặt ông Jenkins, người gác cổng tòa nhà, và thông báo với ông rằng anh sẽ trở về vào ngày mai. Anh đặt cạnh cửa quầy gác một túi quần áo để

hiệu giặt là bên cạnh tòa nhà sẽ cho người sang lấy. Ông Jenkins cất vào ngăn kéo cuốn *Văn học và Nghệ thuật* của Nhà xuất bản Boston Globe mà ông đang đọc dở, ghi lời yêu cầu của Peter vào quyển đăng ký dịch vụ, rồi rời quầy gác chạy theo anh và mở cửa.

Ra tới bậc thềm, ông mở một chiếc ô thật to và che cho Peter khỏi những giọt mưa rào nhẹ đang rơi trên thành phố.

- Tôi đã gọi xe cho ông, ông thông báo, mắt chăm chăm nhìn đường chân trời mờ mịt.

- Ông thật tốt bụng, Peter trả lời giọng khô khốc.

- Bà Beth, hàng xóm cùng tầng với ông, hiện đang vắng nhà, nên khi nhìn thấy thang máy dừng lại ở tầng đó, tôi đã đoán được...

- Tôi biết bà Beth là ai rồi, Jenkins!

Người gác cổng nhìn những dải mây xám và trắng lơ lửng trên đầu họ.

- Thời tiết thật đáng ghét, phải không ông? Ông tiếp lời.

Peter không trả lời. Anh đi ứng với những tiện nghi đời sống ở một khu nhà sang trọng. Mỗi lần đi qua quầy gác của ông Jenkins, anh lại có cảm giác một phần riêng tư của mình bị xâm phạm. Đằng sau quầy gác đối diện với những cánh cửa lớn hai chiều, người đàn ông với cuốn sổ ghi chép kiểm tra mọi lượt đi về của từng người sống trong tòa nhà. Peter tin chắc rằng cuối cùng thì người gác cổng này sẽ biết rõ mọi thói quen của anh hơn phần đông bạn bè anh. Một hôm, với tâm trạng không vui, anh rời tòa nhà

theo lối cầu thang dẫn ra khu để xe. Khi trở về, anh ngao nghể đi ngang qua Jenkins, trong khi ông thì lại nhả nhận đưa cho anh một chiếc chìa khóa đầu tròn. Khi anh sống sờ nhìn lại, Jenkins nói giọng thần nhiên:

- Nếu ông muốn quay lại bằng đường đã đi ra, thì nó sẽ rất hữu dụng với ông. Các cửa nổi hành lang với cầu thang ở mỗi tầng đều được khóa từ bên trong, nó sẽ giúp ông đối phó được với vấn đề bực mình này.

Trong thang máy, Peter đã hứa danh dự với bản thân không bao giờ để lộ bất cứ cảm xúc nào, vì biết chắc Jenkins sẽ không bỏ qua mảy may một thái độ nào của anh nhờ vào camera theo dõi. Và đến khi, sáu tháng sau, khi anh có mối quan hệ gần gũi với một cô tên là Thaly, một nữ nghệ sĩ trẻ đang lên, anh đã ngạc nhiên khi thấy mình qua đêm tại khách sạn vì thích không ai nhận ra mình. Còn hơn là phải nhìn cái vẻ mặt sáng lên của người gác cổng, tâm trạng vui vẻ bất di bất dịch mỗi sáng của ông ta khiến anh khó chịu hơn bao giờ hết.

- Tôi nghĩ mình đã nghe thấy tiếng động cơ xe của ông. Ông sẽ không phải đợi lâu đâu, thưa ông.

- Ông còn nhận ra từng chiếc xe qua tiếng động cơ của chúng cơ à, Jenkins? Peter buột miệng nói hơi xấc.

-Ồ, không phải tất cả các xe, nhưng chiếc xe Anglê cũ của ông, ông sẽ thừa nhận với tôi thôi, có những tiếng lách cách nhẹ nhàng phát ra từ thanh truyền, nghe như “Đa đê đơ”, gợi nhớ đến âm điệu tuyệt vời của những người họ hàng chúng tôi ở bên Anh.

Peter nhướn mày, anh nổi cáu. Jenkins thuộc loại

người cả đời chỉ mơ được sinh ra là một công dân của Nữ hoàng, một sự vượt trội về đẳng cấp trong cái thành phố đặc sệt truyền thống Ăng lê này. Đồi đèn pha tròn của chiếc xe hộp hiệu Jaguar XK 140 lóe sáng từ cổng nhà xe. Người tài xế dừng chiếc xe trên hàng vạch trắng được vẽ chính giữa bậc thềm.

- Thật vậy sao, Jenkins thân mến! Peter thốt lên và tiến tới cánh cửa xe mà người tài xế đã mở sẵn cho anh.

Về mặt nhân nhó, Peter ngồi vào sau vô-lăng, khởi động máy làm chiếc xe Ăng-lê cũ gầm gừ, đồng thời khê đưa tay vẫy Jenkins.

Anh nhìn qua kính chiếu hậu để kiểm chứng rằng ông ta, theo thói quen, sẽ chờ anh rẽ ở góc đường rồi mới tự cho phép mình quay vào.

- Bộ xương già! Lão sinh ra ở Chicago, cả gia đình lão đều ra đời ở Chicago! Anh lắm bầm.

Anh đặt chiếc điện thoại di động vào giá gác và ấn phím tắt lưu số điện thoại nhà Jonathan. Anh ghé vào chiếc micro được gắn vào tấm chắn nắng và hét lên:

- Tớ biết cậu có ở nhà! Cậu không thể hình dung được cái thiết bị chặn cuộc gọi của cậu làm tớ khó chịu thế nào đâu. Dù cậu có đang làm gì đi nữa, thì cậu cũng chỉ còn chín phút nữa thôi. Đây, tốt nhất là cậu nên ở nhà.

Anh cúi người để thay đổi tần số chiếc radio được đặt trong hộp đựng găng. Khi ngừng lên, anh phát hiện ra trước mũi xe anh một quăng, một bà lão đang đi qua đường. Tập trung hơn một chút, anh nhận ra bà đang đi bằng bước chân đôi khi trĩu nặng bởi tuổi già. Lốp xe để

lại vài vệt đen trên mặt đường trải nhựa. Khi chiếc xe đã dừng hẳn, Peter mở choàng mắt. Bà cụ vẫn tiếp tục sang đường, bình thản. Hai tay vẫn còn bấu chặt lấy vô-lăng, anh hít một hơi, tháo dây bảo hiểm và khom người bước xuống xe. Anh rảo bước và luôn miệng nhận lỗi, khoác tay dìu bà đi nốt vài mét còn lại cho tới vỉa hè.

Anh đưa bà cụ tắm các cửa mình, và lại xin lỗi. Bằng tất cả sự quyến rũ của mình, anh thề rằng sẽ còn ân hận vì đã gây ra cho bà cụ nỗi sợ hãi nhường ấy hàng tuần lễ. Bà cụ tỏ vẻ vô cùng ngạc nhiên. Bà trấn an anh bằng cách hươ hươ chiếc gậy trắng. Chắc chắn bà nặng tai nên mới giật mình rồi nên lại được khi anh nhã nhặn nắm lấy khuỷu tay để giúp bà qua đường. Peter lấy đầu ngón tay nhặt một sợi tóc vương trên áo mưa của bà cụ và để bà đi tiếp, còn mình thì quay trở lại xe. Anh trấn tĩnh lại trong mùi da cũ quen thuộc tràn ngập chiếc xe cổ. Anh tiếp tục lái chậm chậm trên con đường dẫn tới nhà Jonathan. Đến ngã tư thứ ba, anh đã bắt đầu huyết sáo.

\*

\*      \*

Jonathan leo những bậc thang của ngôi nhà xinh đẹp nơi anh sống trong khu cảng cũ. Đến tầng cuối cùng, cửa cầu thang mở ra dẫn tới căn xưởng ốp kính nơi người bạn gái sống cùng anh đang vẽ tranh. Anna Valton và anh gặp nhau trong một buổi tối khai mạc triển lãm. Một hội do một nhà sưu tầm nữ giàu có và kín đáo trong thành phố

sáng lập đã giới thiệu các tác phẩm của Anna. Xem những bức tranh được trưng bày của Anna, anh có cảm giác tranh của cô luôn ẩn chứa một phong thái trang nhã của tác giả. Phong cách của cô thuộc về một thế kỷ mà anh đã dành cả sự nghiệp để nghiên cứu. Phong cảnh trong tranh của Anna dường như vô tận, không cùng, và anh đã bình luận với cô bằng những lời lẽ chọn lọc và xác đáng. Tình cảm của một nhà chuyên môn tên tuổi và uy tín tầm cỡ như Jonathan đã đi thẳng vào trái tim của cô gái lần đầu được triển lãm tranh.

Từ đó, họ gần như không rời nhau và đến mùa xuân năm sau, họ đã dọn đến sống trong ngôi nhà do Anna chọn ở gần bến cảng cũ này. Căn phòng nơi cô ở phần lớn thời gian ban ngày và đôi khi cả ban đêm có cả một khoảng rộng ợp kính. Ngay từ những giờ đầu tiên của buổi sớm, ánh sáng đã tỏa khắp gian phòng, bao phủ nó bằng một bầu không khí nhuộm màu kì diệu. Mặt sàn menh mông vàng óng với những dải gỗ rộng trải dài từ chân tường gạch trắng tới tận các cửa sổ lớn. Mỗi khi rời cộ vế, Anna thích đốt một điếu thuốc, tới ngồi bên một trong những bậu cửa sổ bằng gỗ, nơi tầm nhìn trải rộng ra khắp bãi vịnh. Bất kể thời tiết thế nào, cô cũng nâng những cánh cửa sổ có thể kéo lên dễ dàng nhờ những sợi dây kéo bằng gai, và hít lấy không khí êm dịu pha trộn giữa mùi thuốc lá với cái ẩm ướt do biển mang lại.

Chiếc Jaguar của Peter đậu dọc bên lề đường.

- Em nghĩ bạn anh đến đấy, cô nói khi nghe thấy tiếng Jonathan phía sau.

Anh tiến lại gần và ôm cô trong vòng tay, vùi đầu vào khoảng tối nơi cổ cô với một nụ hôn. Anna rung mình.

- Anh sẽ làm Peter phải chờ mất!

Jonathan luồn tay qua cổ chiếc váy sợi bông và kéo nó trượt xuống ngực Anna. Những tiếng còi xe lại réo lên, cô vui vẻ đẩy anh ra.

- Người làm chứng của anh hơi phiền phức đấy, anh đi đi, đi nhanh tới cái hội thảo của anh đi, anh càng đi nhanh thì sẽ càng sớm về.

Jonathan lại hôn cô và đi giật lùi ra. Khi cánh cửa đã sập lại, Anna lại châm một điếu thuốc mới. Từ phía dưới, bàn tay của Peter thoáng hiện khỏi xe để chào cô khi chiếc xe đi xa dần. Anna thở dài và đưa mắt nhìn về phía bến cảng cũ nơi trước kia có biết bao nhiêu người di cư đã cập bến.

- Sao cậu chẳng khi nào đứng giờ thế? Peter hỏi.

- Giờ của cậu ấy à?

- Không, giờ máy bay cất cánh, giờ người ta hẹn nhau để ăn trưa hoặc ăn tối, giờ hiển thị trên đồng hồ của chúng ta, nhưng cậu có thêm đeo đồng hồ đâu!

- Cậu là nô lệ của thời gian, còn tớ chống lại nó.

- Khi cậu nói một điều như thế với bác sĩ tâm lý của cậu, cậu có biết ông ta sẽ chẳng thèm nghe thêm bất cứ lời nào cậu thốt ra sau đó không? Ông ta sẽ tự nhủ, không biết nhờ cậu, liệu ông ta có thể mua được chiếc xe hàng mơ ước loại nào, xe hộp hay mui trần.

- Tớ không có bác sĩ tâm lý!

- Vậy thì cậu nên suy nghĩ lại. Cậu thấy thế nào?

- Còn cậu, điều gì khiến cậu phấn chấn thế?

- Cậu đã đọc các tập san *Văn học và Nghệ thuật* của Nhà xuất bản Boston Globe chưa?

- Chưa, Jonathan trả lời vừa nhìn qua cửa kính xe.

- Đến Jenkins còn đọc chúng rồi! Tớ bị báo chí cho lên thớt rồi!

- Thế hả?

- Cậu đọc nó rồi!

- Một chút xíu thôi, Jonathan trả lời.

- Một lần hồi còn đi học, tớ hỏi cậu có từng ngủ với Kathy Miller mà tớ mê một chưa, cậu cũng trả lời: “Một chút thôi”. Cậu có thể định nghĩa cho tớ biết điều cậu muốn nói bằng “một chút thôi” không? Từ hai mươi năm nay tớ vẫn thắc mắc đấy...

Peter đập tay vào vô-lăng.

- Không thể được, cậu có thấy cái tiêu đề chèo kéo: “Những buổi bán đấu giá gần đây của chuyên gia đấu giá Peter Gwel thật đáng thất vọng!” Ai đã từng phá vỡ kỉ lục vô song đáng nhớ trong vòng mười năm trở lại đây cho một tác phẩm của Seurat? Ai đã bán tranh của Renoir cao giá nhất từ mười năm nay? Rồi bộ sưu tập của Bowen với tranh của Jongkind, của Monet, của Mary Cassatt và những bức khác? Và ai là một trong những người đầu tiên bảo vệ Vuillard? Cậu thấy giờ ông ta có giá thế nào chưa?

- Peter, cậu cấu làm gì, nghề phê bình là phải phê bình, thế thôi.

- Trong máy nhắn của tớ có đến mười bốn tin nhắn đầy lo lắng của những người hùn vốn với tớ ở Christie's, đó là điều làm tớ bức đấy!

Anh dừng lại trước ngã tư đèn đỏ và tiếp tục cúi kính. Jonathan chờ vài phút và vặn nút radio. Giọng nói của Louis Amstrong vang lên trong xe. Jonathan chợt nhìn thấy một chiếc hộp đặt trên băng sau.

- Gì thế kia?

- Chẳng gì sất! Peter lắm bầm.

Jonathan quay lại và liệt kê những thứ bên trong, vẻ hớn hờ.

- Một máy cạo râu, ba chiếc sơ mi rách, hai ống quần ngủ, ống nọ tách rời khỏi ống kia, một đôi giày thiếu dây buộc, bốn lá thư bị xé nát, tất cả đều dính đầy xốt cà chua... Cậu chia tay rồi hả?

Peter vặn người đẩy chiếc hộp các-tông xuống sàn.

- Cậu chưa bao giờ có một tuần lễ xui xẻo hả? Peter vừa đáp lại vừa vặn to âm thanh của chiếc radio.

Jonathan nhận thấy mối lo của bạn tăng dần, anh liền góp ý.

- Cậu chẳng việc gì phải lo lắng cả, cậu đối đáp tài lắm kia mà!

- Đó chính là loại suy nghĩ ngu xuẩn khiến con người ta lao thẳng vào tường.

- Tớ đã bị một vố sợ chết khiếp khi lái xe rồi, Peter nói.

- Bao giờ?

- Ban nãy, lúc vừa ra khỏi nhà tớ.

Chiếc Jaguar vọt lên và Jonathan nhìn những dãy nhà cũ của khu bến cảng lướt qua cửa kính xe. Họ đi theo đường tắt dẫn tới sân bay Quốc tế Logan.

- Jenkins thân mến ra sao rồi? Jonathan hỏi.

Peter đưa xe vào chỗ đậu đối diện với chòi gác. Anh kín đáo luồn một tờ bạc vào tay người gác trong khi Jonathan vớ lấy chiếc túi cũ để phía sau. Họ đi lên theo lối để xe, bước chân âm vang. Như mọi lần đi máy bay, Peter mất hết kiên nhẫn khi người ta yêu cầu anh tháo thắt lưng và cởi giày bởi anh đã làm cửa kiểm tra an ninh réo chuông ba lần khi đi qua. Anh lẩm bẩm vài lời không mấy nhã nhặn và nhân viên phụ trách liên kiểm tra hành lý của anh cho tới từng chi tiết nhỏ nhất. Jonathan ra hiệu rằng mình sẽ chờ tại quầy báo như thường lệ. Khi Peter đuổi kịp Jonathan, anh đang vui đầu vào một cuốn sách của Milton Mezz Mezzrow, một tuyển tập nhạc jazz. Jonathan mua cuốn sách. Họ lên máy bay mà không gặp thêm trở ngại gì và chuyến bay khởi hành đúng giờ. Jonathan từ chối khay thức ăn mà tiếp viên hàng không mang đến, hạ lá trập của cửa kính máy bay, bật chiếc đèn sáng dịu và miệt mài đọc những ghi chép chuẩn bị cho buổi hội thảo mà anh sẽ dự trong vài giờ nữa. Peter xem lướt cuốn tạp chí của hãng hàng không, rồi tới bảng chỉ dẫn an toàn, và cuối cùng là cuốn bán hàng trên máy bay mà anh đã thuộc lòng. Rồi anh đu đưa người trên ghế.

- Câu chán hả? Jonathan hỏi mà không rời mắt khỏi tập tài liệu đang xem dở.

- Tôi đang suy nghĩ đấy chứ!

- Tôi đã bảo mà, cậu đang chán.

- Cậu thì không thể chắc?

- Tôi đang ôn lại cho buổi hội thảo.

- Cậu đúng là bị lão ta ám ảnh mất rồi, Peter trả đũa và lại với tay lấy bảng chỉ dẫn an toàn của chiếc 737.

- Bị mê hoặc chứ!

- Với tình trạng đâm đầu đến mức đó, bạn yêu quý, tớ xin phép nhấn mạnh tới bản chất áp đặt trong mối quan hệ giữa cái lão họa sĩ người Nga ấy với cậu.

- Vladimir Radskin đã qua đời từ cuối thế kỷ thứ XIX, tớ chẳng có mối quan hệ nào với ông ta, mà chỉ với tác phẩm của ông ta thôi.

Jonathan lại mãi miết đọc, một khoảng im lặng ngăn ngủi bao trùm.

- Tớ vừa thoáng thấy cái cảm giác “đã từng gặp”, Peter ranh mãnh nói qua đầu môi, nhưng cũng có thể đó là do đây là lần thứ một trăm chúng ta bàn về chuyện này rồi.

- Thế cậu làm gì trong máy bay này nếu cậu không bị nhiễm cùng loại virus với tớ, hả?

- Thứ nhất, tớ đi theo cậu; thứ hai, tớ trốn những cú điện thoại của các đồng nghiệp đang phát hoảng vì bài báo của một thằng ngốc trên Boston Globe; và thứ ba, tớ đang buồn.

Peter lấy một chiếc bút dạ từ trong túi áo vét và gạch một dấu thập lên tờ giấy kẻ ô vuông trên đó Jonathan đã trân trọng viết những ghi chép của mình. Không rời mắt khỏi tập ảnh đang nghiên cứu dở, Jonathan vẽ một dấu tròn bên cạnh dấu thập của Peter. Ngay lập tức, Peter đánh trả lại một dấu thập khác và Jonathan gạch dấu tròn tiếp theo theo đường chéo...

Chuyến bay hạ cánh sớm mười phút so với dự định. Họ không có hành lý gửi theo và chiếc taxi đưa họ thẳng tới khách sạn. Peter nhìn đồng hồ và thông báo họ có hơn một tiếng trước khi hội thảo bắt đầu. Sau khi đã hoàn thành thủ tục tại quầy lễ tân, Jonathan lên phòng thay quần áo. Cánh cửa phòng khép lại sau lưng anh không một tiếng động. Anh đặt túi lên chiếc bàn giấy bằng gỗ gụ kê đối diện cửa sổ và với tay lấy điện thoại. Khi Anna nhắc máy, anh nhắm mắt, để lòng mình cuốn theo giọng nói của cô, cảm giác như anh đang ở cạnh cô trong xưởng vẽ. Đèn trong xưởng đã tắt hết. Anna đang ngồi trên bậc cửa sổ. Phía trên cô, qua những ô kính rộng, một vài ánh sao lấp lánh trong quảng sáng yếu dần của ánh đèn thành phố, trông như những điểm sáng nhẹ được thêu trên một tấm vải nhạt màu. Những làn gió ẩm ướt của biển quất vào các cửa kính cũ, đọng lại trên các gờ cửa bằng chì. Thời gian gần đây, Anna xa cách với Jonathan, giống như các bánh xe của một guồng máy mỏng manh bị rít lại kể từ khi họ quyết định tiến tới hôn nhân. Những tuần lễ đầu, Jonathan cho rằng khoảng cách mà cô đặt ra giữa họ giống như một nỗi sợ hãi trước sự cam kết cho cả cuộc đời. Thế nhưng, chính cô là người mong muốn nghi lễ này hơn cả. Thành phố của họ cũng bảo thủ giống như môi trường nghệ thuật mà họ đang tham dự. Sau hai năm sống chung, đã đến lúc cần hợp thức hóa mối quan hệ của họ. Các khuôn mặt của xã hội Boston nhắc nhở họ điều đó vào mỗi buổi tiệc rượu thời thượng, mỗi dịp khai mạc triển lãm, mỗi buổi bán đấu giá quy mô.

Jonathan và Anna đã chịu thua sức ép của giới thượng lưu. Về bề ngoài đẹp đẽ của cặp uyên ương chính là bằng chứng cho sự thành công trong sự nghiệp của Jonathan. Phía đầu dây bên kia, Anna im lặng, anh nghe tiếng thở của cô và đoán xem cô đang làm gì. Những ngón tay dài của Anna đang lùa trong mái tóc dày. Nhắm mắt lại, dường như anh có thể cảm thấy da thịt cô. Vào cuối ngày, mùi nước hoa của cô lẫn với mùi thơm của gỗ trần ngập mọi ngóc ngách của xưởng vẽ. Cuộc nói chuyện của họ kết thúc bằng sự im lặng, Jonathan gác máy và mở mắt ra. Phía dưới cửa sổ phòng anh, một hàng xe hơi nối đuôi nhau thành dải băng dài màu đỏ. Cảm giác cô độc xâm chiếm anh, giống như mọi lần xa nhà. Anh thở dài, tự hỏi tại sao mình lại nhận lời tới buổi hội thảo này. Một giờ trôi qua, anh với tay dỡ hành lý ra và chọn lấy một chiếc sơ mi trắng.

Jonathan lấy hơi trước khi bước lên bục. Anh được đón tiếp bằng những tràng vỗ tay, rồi cử tọa chìm vào trong không gian mờ tối. Anh ngồi vào sau một cái bàn có lắp chiếc đèn bằng đồng như thổi ánh sáng lên bài viết của anh; Jonathan nắm rõ bài phát biểu của mình; anh đã thuộc lòng những gì muốn trình bày. Tác phẩm đầu tiên của Vladimir Radskin mà anh giới thiệu tối nay được chiếu lên một màn hình khổng lồ phía sau lưng. Anh chọn cách cho trình chiếu các bức tranh của nhà danh họa người Nga theo trình tự ngược thời gian. Loạt đầu tiên với các khung cảnh nông thôn nước Anh thể hiện rõ công trình mà

Radskin đã hoàn thành vào cuối cuộc đời do bệnh tật mà yếu mệnh của ông.

Radskin đã vẽ những bức họa cuối cùng trong phòng ngủ, nơi mà căn bệnh đã không cho phép ông rời bước. Ông qua đời ở tuổi sáu mươi hai. Hai bức chân dung lớn nhất của Ngài Edward Langton, thương gia, nhà sưu tầm danh tiếng đã bảo trợ cho Vladimir Radskin, một vẽ ông đang đứng, bức kia tả ông ngồi sau một chiếc bàn làm việc bằng gỗ gụ. Mười bức tranh khắc họa với một sự nhạy cảm không giới hạn cuộc sống của dân nghèo tại các khu ngoại ô Luân-đôn vào cuối thế kỷ thứ XIX. Mười sáu bức tranh nữa đã góp mặt trong buổi giới thiệu đầy đủ của Jonathan. Mặc dù vẫn còn chưa biết chính xác thời kỳ ra đời, nhưng chủ đề trong tranh khiến người ta nghĩ đến thời trai trẻ của họa sĩ tại nước Nga. Sáu bức trong số đó do chính Sa hoàng đặt hàng, tái hiện chân dung của những nhân vật quyền cao chức trọng của triều đình, và mười bức khác được vẽ theo cảm hứng về đời sống khổ cực của nhân dân. Những khung cảnh đường phố ấy chính là nguyên nhân khiến Radskin bị trục xuất vĩnh viễn và buộc phải vội vã rời khỏi quê hương mà không bao giờ còn được quay trở lại. Đó là khi Sa hoàng cho phép ông được trưng bày các tác phẩm trong gian triển lãm riêng của Người tại Cung điện Ermitage ở Saint-Petersbourg, Vladimir đã cho treo một vài bức tranh trong số đó và đã gây ầm ĩ. Sa hoàng thoát chuyển sang căm giận ông ghê ghớm vì đã cả gan vẽ lại những nỗi thống khổ của dân chúng còn sống động hơn cả việc ca ngợi sự ưu việt của triều đại. Lịch sử kể lại rằng

khi quan tham nghị văn hóa trong triều hỏi ông vì sao làm vậy, Vladimir đã trả lời rằng nếu con người muốn thống trị bằng cách nuôi dưỡng những điều dối trá, thì tranh của ông tuân theo quy tắc hoàn toàn trái ngược.

Nghệ thuật, trong những thời khắc yếu đuối nhất, cũng chỉ có thể đẹp hơn mà thôi. Phải chăng sự cùng quẫn của người dân Nga không đáng được miêu tả như chính bản thân Sa hoàng? Ngài cố vấn, một người rất coi trọng Vladimir, đã chào từ biệt ông bằng một cử chỉ cay đắng. Ông ra hé cánh cửa bí mật trong gian thư viện khổng lồ chất đầy bản chép tay quý giá và giục chàng trai trẻ chạy trốn thật nhanh trước khi mật vụ tới tìm anh. Từ nay trở đi, ông sẽ không còn giúp gì được cho anh nữa. Xuống hết chiếc cầu thang xoắn, Vladimir đi theo một hành lang dài tối tăm, giống như một lối mòn dẫn tới địa ngục. Đôi tay lần mò trong bóng tối theo các vách tường thô ráp, anh tiến dần về phía tây của cung điện, khom mình đi dưới những đường hầm hoặc những hang đá ẩm ướt. Những con chuột già xlavơ chạy lang thang ngược chiều thỉnh thoảng lướt qua mặt anh, rồi tỏ ra quan tâm tới kẻ đột nhập này đến mức quay lại chạy theo cắn vào chân anh.

Cho tới khi đêm xuống, Vladimir ngoi lên mặt đất và tìm thấy chỗ trốn trên sàn một chiếc xe ngựa, nấu mình trong đồng rơm cũ đã bị đám ngựa của Sa hoàng xéo nát. Anh ẩn mình trong đó chờ trời sáng và chạy trốn khỏi cung điện khi ban mai vừa rạng.

Tất cả các tác phẩm của Vladimir đã bị tịch thu ngay chiều hôm đó. Chúng cháy bùng lên trong cái lò sưởi

khổng lồ của một bữa tiệc lớn do ngài cố vấn của Sa hoàng tổ chức. Buổi tiệc kéo dài bốn giờ đồng hồ.

Tối nửa đêm, mọi khách mời vội xúm lại bên cửa sổ để thưởng thức một buổi trình diễn ở phía trong cung điện. Nép mình trong hốc tường, Vladimir chứng kiến vụ ám sát. Vợ anh - Clara, bị bắt ngay trong buổi tối, và bị hai tên lính gác kéo tới nơi hành hình. Ngay từ khi ra đến sân, mắt nàng đã không rời các vì tinh tú. Mười hai hòng súng giương lên. Vladimir cầu trời để đôi mắt nàng quay lại nhìn anh một lần cuối cùng. Nhưng nàng không làm thế, nàng hít một hơi thật sâu, mười hai hòng súng cùng phun lửa. Đôi chân khuyu xuống và cơ thể bị xé nát của nàng ngã vật xuống nền tuyết dày vấy máu. Tiếng vọng tình yêu của nàng vượt qua những bờ tường vây lan xa, và sự im lặng lại bao trùm không gian. Trong sự soi sáng của nỗi đau đang bóp nghẹt tim anh, Vladimir phát hiện ra sự sống còn mãnh liệt hơn cả nghệ thuật của anh. Sự tương hợp hoàn hảo của tất cả các màu sắc trên đời này cũng không thể miêu tả được nỗi đau của anh. Đêm đó trong tâm trí anh, rượu vang chảy tràn trên các bàn tiệc chẳng khác nào dòng máu chảy ra từ cơ thể không sự sống của Clara. Từng dòng máu đỏ như sơn loang trên chiếc áo khoác màu trắng, vẽ thành những vệt ngoằn ngoèo trên nền gạch trơn trượt như khắc trong trái tim chàng họa sĩ những vết rạn đen ngòm. Vladimir đã mang trong tâm trí một trong những tác phẩm đẹp nhất mà ông thực hiện tại Luân-đôn mười năm sau đó. Trong thời gian sống tha hương, ông đã tái hiện lại quãng đời bị hủy hoại của mình tại nước Nga với phong cách thay

đổi, bởi không bao giờ Vladimir còn vẽ thân thể hay khuôn mặt phụ nữ, cũng như không bao giờ còn thấy trên tranh của ông xuất hiện bất kỳ một chấm màu đỏ nào nữa.

Hình ảnh minh họa cuối cùng biến mất khỏi màn hình. Jonathan cảm ơn cử tọa đã hưởng ứng buổi hội thảo của anh với sự hoan hô nhiệt liệt. Những tràng pháo tay như đề lên đôi vai anh như những gánh nặng làm trần trở cá tính kín đáo của anh. Anh cúi gập người, vuốt ve tấm bìa bọc tập tài liệu, ngón tay mân mê theo những nét chữ viết tên Vladimir Radskin. "Họ đang tung hô ông đấy, ông bạn già à", anh thì thầm. Đôi má đỏ bừng, anh cầm lấy cặp và vẫy tay chào cử tọa lần cuối một cách vụng về. Trong khán phòng, một người đàn ông đứng lên và ra hiệu cho anh, Jonathan ôm chặt chiếc cặp vào ngực và lại quay người về phía cử tọa. Người đàn ông tự giới thiệu bằng giọng rõ ràng và đĩnh đạc.

- Frantz Jarvitch, của tạp chí *Nghệ thuật và Tin tức*. Thưa ông Gardner, ông có thấy việc không một bức tranh nào của Vladimir Radskin được trưng bày trong một bảo tàng lớn là một điều bình thường không? Ông có nghĩ rằng những người phụ trách bảo tàng đã không nhận ra tài năng của ông ấy?

Jonathan tiến sát lại micro để trả lời người vừa đặt câu hỏi cho anh.

- Tôi đã dành phần lớn cuộc đời nghiên cứu của mình để giới thiệu về ông và làm cho các tác phẩm của ông được công nhận. Radskin là một họa sĩ vĩ đại, song cũng như một số người khác, ông đã bị thời đại của mình lãng

quên. Ông chưa bao giờ tìm cách lấy lòng ai, sự chân thật là tâm điểm trong tác phẩm của ông. Vladimir đã cố gắng vẽ nên niềm hy vọng và quan tâm đến những gì chân thực nhất của con người. Điều này đã khiến ông không chiếm được cảm tình của giới phê bình.

Jonathan ngẩng đầu lên. Ánh mắt của anh chột như nhìn vào xa xăm, bị cuốn hút bởi một thời đại khác, một không gian khác. Anh thoát khỏi sự lúng túng, và những lời nói tuôn chảy như thể người họa sĩ già đã nhập vào anh để lên tiếng tự bảo vệ mình.

- Hãy nhìn những khuôn mặt mà ông đã vẽ, những luồng sáng mà ông tạo nên, cũng như vẻ độ lượng và vẻ hổ thẹn của các nhân vật trong tranh ông. Không hề có bất cứ một bàn tay nào nắm lại, không một ánh nhìn dối trá.

Gian phòng chìm trong im lặng, một người phụ nữ đứng lên.

- Sylvie Leroy, gian Tekné của bảo tàng Louvre. Truyền thuyết kể lại rằng chưa một ai từng được nhìn thấy tác phẩm cuối cùng của Vladimir Radskin, một bức tranh cho tới nay vẫn chưa được tìm thấy. Ông nghĩ thế nào về điều này?

- Đó không phải là truyền thuyết, thưa bà. Trong một lá thư gửi tới Alexis Savrassov, Radskin viết rằng mặc dù đang bị một căn bệnh hành hạ khiến ông ngày một yếu dần, ông vẫn đang thực hiện một tác phẩm mà ông cho là đẹp nhất trong đời ông. Khi Savrassov hỏi đáp để hỏi thăm sức khỏe và hỏi ông đang ở giai đoạn nào của công việc, Vladimir trả lời: "Hoàn chỉnh bức tranh này là liều thuốc

duy nhất giúp tôi chống lại nỗi đau ghê gớm đang cào xé ruột gan tôi". Vladimir Radskin qua đời sau khi đã hoàn thành bức tranh cuối cùng. Bức tranh này đã biến mất một cách bí ẩn trong một buổi đấu giá danh tiếng được tổ chức ở Luân-đôn năm 1868, một năm sau khi họa sĩ qua đời.

Jonathan giải thích rằng bức tranh đó, có thể là một tác phẩm lớn, đã được rút khỏi buổi bán đấu giá vào phút cuối và vì một số lý do mà chính bản thân anh cũng không được biết, toàn bộ tranh của Vladimir Radskin đã không tìm được người mua trong suốt ngày hôm ấy. Họa sĩ đã bị lãng quên trong một thời gian dài. Đó là một sự bất công làm buồn lòng Jonathan cũng như bất cứ ai coi người họa sĩ này là một trong những nghệ sĩ lớn nhất của thế kỷ mà ông đã sống.

- Sự giàu có của một trái tim nghệ sĩ luôn kêu lên lòng ghen tị hoặc sự khinh miệt của những người cùng thời. Một số người chỉ nhận thấy vẻ đẹp trong những gì đã chết. Nhưng ngày nay, thời gian chẳng còn tác động gì tới Vladimir Radskin nữa. Nghệ thuật nảy sinh từ xúc cảm, đó là điều khiến nó trở nên vĩnh hằng, bất tử. Tuy nhiên, phần lớn các tác phẩm của ông hiện được trưng bày trong các bảo tàng nhỏ hoặc nằm trong một vài bộ sưu tập tư nhân lớn.

- Người ta kể rằng trong tác phẩm cuối cùng, hình như Radskin đã vi phạm quy tắc của mình và dường như đã sáng tạo ra một màu đỏ đặc biệt? Một người khác lại hỏi.

Cả gian phòng như chờ đợi câu trả lời của Jonathan. Anh chấp tay sau lưng, nheo mắt và ngẩng đầu lên

- Như tôi vừa nói với các vị, bức tranh này đã đột

ngột biến mất, trước khi được ra mắt công chúng. Và cho tới nay, không hề để lại bất cứ một dấu vết nào. Bản thân tôi cũng đã tìm kiếm mọi bóng dáng của nó kể từ khi bước vào nghề. Chỉ duy nhất các bức thư mà Vladimir Radskein trao đổi với đồng sự Savrassov và một vài bài báo thời kỳ đó chứng tỏ nó đã từng tồn tại. Cần thận trọng mà đáp rằng mọi khẳng định khác về nội dung cũng như cấu tạo của nó đều là truyền thuyết. Xin cảm ơn quý vị.

Jonathan lại đón nhận một tràng vỗ tay nữa rồi bước vội về cuối khán phòng, lui vào hậu trường. Peter đang chờ anh, ôm lấy vai anh và chúc mừng.

\*

\*       \*

Vào cuối buổi chiều, các phòng hội thảo của Trung tâm hội nghị Miami đã vãn bóng bốn ngàn sáu trăm khách cùng đến trong ngày hôm đó. Làn sóng người đã chia thành từng dòng nhỏ chảy vào vô số quán bar và tiệm ăn trong khu phố. Với diện tích ba mươi ngàn piê<sup>(1)</sup> vuông, khu James L.Knight Center được nối bằng một lối đi dạo ngoài trời tới khách sạn Hyatt Regency với hơn sáu trăm phòng.

Một tiếng đồng hồ đã trôi qua kể từ khi buổi hội thảo của Jonathan kết thúc. Peter kè kè điện thoại di động còn Jonathan thì chiếm chiếc ghế cao của quầy bar. Anh gọi một ly Bloody Mary và cởi nút cổ áo sơ mi. Trong một

---

1. Đơn vị đo lường: một piê bằng khoảng 30 cm.

góc phòng được chiếu bởi thứ ánh sáng màu đồng, một nghệ sĩ dương cầm già nua đang rải vào không gian bằng một khúc nhạc của Charlie Haden. Jonathan nhìn người đang đệm vĩ hồ cầm. Anh ta ôm chặt cây đàn vào lòng, khẽ thì thầm với nó từng nốt nhạc mà anh đang chơi. Rất ít người chú ý tới họ. Dù rằng họ chơi thật tuyệt. Nhìn họ, người ta có thể dễ dàng đoán ra họ đã đồng hành qua một chặng đường dài. Jonathan đứng dậy đặt một tờ mười đô la vào chiếc ly có chân để trên chiếc dương cầm Steinway. Để cảm ơn, nhạc công chơi contrebass gảy một tiếng khô khốc lên các dây đàn. Khi Jonathan quay trở lại quầy bar, tờ bạc đã biến mất mà khúc song tấu vẫn trôi chảy không một nốt nhạc nào bị lỡ. Một người đàn bà đã ngồi vào chiếc ghế cao cạnh chỗ Jonathan. Họ nhả nhặn chào nhau. Mái tóc màu bạch kim của bà khiến anh nghĩ ngay tới mẹ mình. Có quãng đời mà ký ức chúng ta lưu giữ về cha mẹ không thay đổi, như thể tình yêu tước đoạt từ chúng ta ký ức về tuổi già của họ.

Người đàn bà nhìn vào vạt trong áo vét của Jonathan nơi cài chiếc thẻ anh quên chưa gỡ ra, nhờ đó bà ta biết tên anh cũng như việc anh là một chuyên gia thẩm định tranh có hạng.

- Giai đoạn nào vậy? Bà ta hỏi thay cho câu chào.

- Thế kỷ thứ XIX, anh trả lời và cầm ly lên.

- Một giai đoạn tuyệt vời, người đàn bà tiếp lời và nhấp một ngụm rượu bước-bông mà người phục vụ vừa rót đầy ly. Tôi đã dành phần lớn những nghiên cứu của mình cho giai đoạn này.

Bị kích thích bởi trí tò mò, tới lượt Jonathan cúi người để xem chiếc thẻ bà đeo trên cổ. Người ta có thể thấy trên đó tên hội nghị chuyên đề về các khoa học huyền bí mà bà tham dự. Jonathan để lộ sự ngạc nhiên của mình bằng một cái lắc đầu nhè nhẹ.

- Anh không thuộc loại người làm gì cũng chăm chăm vào tử vi, số má của mình phải không nào? Người đàn bà hỏi anh.

Bà hớp một ngụm nữa và nói thêm:

- Nói để anh yên tâm, tôi cũng không!

Bà quay người trên chiếc ghế và chìa tay về phía anh, ngón áp út đeo chiếc nhẫn nạm một viên kim cương lớn.

- Chiếc nhẫn này được chế tác theo kiểu cổ, bà nói tiếp, nó gây ấn tượng hơn trọng lượng thực của nó tính bằng ca-ra. Nhưng đây là một viên đá gia truyền, và tôi đặc biệt yêu nó. Tôi là giáo sư, tôi phụ trách một phòng thí nghiệm tại trường đại học Yale.

- Bà nghiên cứu về đề tài gì?

- Về một hội chứng.

- Một căn bệnh mới ư?

Đôi mắt ánh lên sự ranh mãnh, bà trấn an anh.

- Hội chứng “đã từng gặp”!

Đã lâu nay, chủ đề này thu hút trí tò mò của Jonathan. Cái cảm giác đã từng trải nghiệm những gì đang đến với mình không hề lạ lẫm.

- Tôi nghe nói chính não bộ của chúng ta có thể lường trước được sự kiện sẽ xảy ra.

- Ngược lại, đó chính là sự biểu đạt của tiềm thức.

- Nhưng nếu chúng ta chưa từng trải qua sự kiện đó, thì làm sao chúng ta có thể nhớ về chúng được?

- Ai bảo anh biết rằng anh chưa từng trải qua?

Bà bắt đầu nói chuyện với anh về cuộc sống trong tiền kiếp và Jonathan tỏ vẻ gần như giấu cợt. Người đàn bà hơi lùi lại và nhìn anh dò xét.

- Anh có cái nhìn thật hay. Anh có hút thuốc không?

- Không.

- Tôi cũng đoán thế, mùi thuốc có làm anh khó chịu không? Bà ta hỏi và rút từ trong túi ra một bao thuốc.

- Cũng không luôn, Jonathan trả lời.

Anh với lấy một bao diêm đặt trên quầy, quẹt một que và đưa về phía bà ta. Diêm thuốc bắt lửa. Ngọn lửa cũng vụt tắt.

- Bà có dạy học không? Anh hỏi.

- Thỉnh thoảng tôi cũng có một giảng đường đông nghịt. Nếu anh không tin vào cuộc sống trong kiếp trước, thì sao lại đưa mình vào thế kỷ XIX?

Jonathan bị chạm tự ái, anh suy nghĩ một lúc rồi nghiêng sang bà ta.

- Tôi có mối liên hệ gần như đam mê với một họa sĩ thời đó.

Bà ta cẩn vụn một viên đá đang ngâm trong miệng và đưa mắt nhìn về phía các giá chất đầy rượu.

- Người ta quan tâm tới những kiếp trước bằng cách nào vậy? Jonathan hỏi tiếp.

- Bằng cách nhìn vào đồng hồ và cảm thấy không hài lòng với những gì được ghi trên đó.

- Chính thế, đây là một quan điểm mà tôi đã thử tìm mọi cách để giải thích cho người bạn thân nhất của tôi hiểu. Ngoài ra, tôi cũng chẳng đeo đồng hồ bao giờ!

Người đàn bà nhìn anh chăm chú và Jonathan cảm thấy mất tự nhiên.

- Xin bà thứ lỗi, Jonathan lại nói, tôi không hề có ý chế nhạo bà.

- Thật hiếm thấy một người đàn ông xin lỗi. Chính xác là anh làm gì trong lĩnh vực hội họa?

Mẫu tàn thuốc cong trĩu sắp rụng xuống quầy bar. Jonathan đẩy chiếc gạt tàn hứng phía dưới ngón tay trở vàng khè của người đang nói chuyện với anh.

- Tôi chuyên về thẩm định.

- Vậy là nghề nghiệp buộc anh đi nhiều nơi.

- Quá nhiều.

Người đàn bà có mái tóc màu bạch kim mân mê mặt kính chiếc đồng hồ đeo tay.

- Thời gian cũng chu du đây đó. Nó chuyển từ địa điểm này sang địa điểm khác. Chỉ trong đất nước này thôi đã có đến bốn múi giờ khác nhau rồi.

- Tôi không thể chịu nổi những sự lệch giờ này nữa, cả cái dạ dày của tôi cũng vậy. Có những tuần tôi dùng bữa sáng vào giờ ăn tối.

- Nhận thức của chúng ta về thời gian bị lệch lạc. Thời gian là một chiều không gian chứa đầy những hạt năng lượng. Mỗi loài vật, mỗi con người, mỗi nguyên tử xuyên qua chiều không gian này bằng một cách khác nhau. Có thể một ngày nào đó tôi sẽ chứng minh rằng chính thời

gian mới chúa đựng vũ trụ, chứ không phải ngược lại.

Đã khá lâu rồi Jonathan không gặp một người đam mê một vấn đề đến độ anh hoàn toàn bị hút vào cuộc trò chuyện. Người đàn bà tiếp tục chủ đề của mình.

- Chúng ta cũng từng tin rằng trái đất bằng phẳng, và mặt trời quay quanh chúng ta. Đa số con người chỉ tự hài lòng tin vào những gì mình nhìn thấy. Một ngày nào đó chúng ta sẽ hiểu ra rằng thời gian luôn vận động, nó cũng quay như trái đất và không ngừng giãn nở.

Jonathan trở nên bối rối. Để che giấu điều đó, anh lục các túi áo vét của mình. Người đàn bà tóc trắng ghé sát mặt anh.

- Cho tới khi chúng ta chấp nhận xét lại vấn đề những lý thuyết tự mình phát minh ra, chúng ta sẽ hiểu thêm rất nhiều điều về độ dài tương đối và thực chất của một kiếp sống.

- Đó là điều bà giảng trên lớp phải không? Jonathan hỏi và hơi lùi lại.

- Trông mặt anh kìa! Anh có hình dung nổi nét mặt những sinh viên của tôi nếu hôm nay tôi tiết lộ với họ thành quả nghiên cứu của tôi không? Chúng ta còn quá sợ hãi, chúng ta vẫn chưa sẵn sàng. Và cũng ngu muội như chính tổ tiên chúng ta, chúng ta quy tất cả những gì vượt tầm hoặc gây nhiều hiểu biết của chúng ta thành siêu linh hoặc bí hiểm. Chúng ta là một sinh vật say mê tìm hiểu nhưng lại sợ khám phá. Chúng ta trả lời nỗi sợ hãi của mình bằng các đức tin, cũng hơi giống như các thủy thủ thời xưa từ chối ý tưởng đi du lịch và tin chắc rằng nếu rời

xa những điều họ nằm lòng thì thế giới sẽ rơi vào một vực sâu không đáy.

- Nghề của tôi cũng có những khía cạnh khoa học của nó. Thời gian làm phai nhạt màu sắc trong tranh và khiến cho nhiều thứ không thể thấy được bằng mắt thường. Bà không thể hình dung được những điều kỳ diệu chúng tôi đã khám phá trong quá trình phục chế một bức tranh đầu.

Người đàn bà chột túm lấy cánh tay anh. Bà nhìn anh chăm chăm. Hai đồng tử màu nước biển của bà chột như lóe sáng.

- Ông Gardner, ông vẫn chưa nắm bắt được tâm vóc của vấn đề. Nhưng tôi không muốn quấy rầy ông bằng hàng mớ lời lẽ. Tôi cứ thao thao bất tuyệt mỗi khi đề cập đến vấn đề này.

Jonathan ra hiệu cho người phục vụ quầy tiếp thêm rượu cho bà. Dưới bóng tối của đôi mí nặng trĩu, ánh mắt bà dõi theo cử chỉ của người phục vụ. Bà nhìn chăm chú theo thứ nước màu hổ phách đang sóng sánh dọc thành chai bằng pha lê. Bà lắc lắc những viên đá trong chiếc ly và uống cạn một hơi. Rồi dường như thấy Jonathan đang chờ nghe tiếp, bà tiếp tục:

- Chúng ta vẫn còn chờ đợi các nhà thám hiểm mới của chúng ta, những vị khách qua đường của thời gian. Một nhóm Magellan, Copernic, Galilee mới thôi là đủ. Mọi người sẽ coi họ là kẻ dị giáo, sẽ cười nhạo họ nhưng chính họ là những người mở những con đường của vũ trụ, chính họ sẽ làm hiện diện linh hồn của chúng ta.

- Đó quả là một đề tài đặc biệt đối với một nhà khoa

học, khoa học và tâm linh thường không mấy khi hòa hợp được với nhau!

- Hãy dẹp những thứ chung chung ấy đi! Lòng tin là một vấn đề tôn giáo, tâm linh phát sinh từ ý thức của chúng ta, cho dù chúng ta có là ai hoặc có tưởng mình là ai.

- Bà thật sự tin rằng sau khi chúng ta chết, linh hồn khiến chúng ta tiếp tục tồn tại?

- Không phải bất cứ cái gì mất thường không nhìn thấy là không tồn tại!

Bà ta đã nói về linh hồn, Jonathan nghĩ về linh hồn của một họa sĩ già người Nga đã sống trong anh kể từ một ngày chủ nhật trời mưa, khi bố anh đưa anh đi thăm bảo tàng. Trong căn phòng rộng với trần cao mênh mông, một bức tranh của Vladimir Radskin đã hút hồn anh. Xúc cảm từ bức tranh đó đã mở rộng những cánh cửa của thời niên thiếu và vĩnh viễn dẫn dắt cuộc đời anh.

Người đàn bà nhìn anh chăm chú, đôi mắt màu xanh của bà ngả sang đen. Jonathan cảm thấy như bà đang đánh giá anh. Bà quay sang nhìn ly rượu của mình.

- Những gì không phản chiếu được ánh sáng đều trong suốt, bà nói bằng giọng khàn khàn, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng không tồn tại và chúng ta cũng không thể nhìn thấy sự sống khi nó rời khỏi cơ thể của chúng ta.

- Tôi phải thú thật với bà rằng nhiều khi tôi còn chẳng nhìn thấy nó trong cơ thể của một số người đang sống như chúng ta.

Người đàn bà mỉm cười và im lặng.

- Nhưng rồi ai cũng phải chết thôi, Jonathan nói tiếp, về hơi ngưng nghỉu.

- Mỗi người trong chúng ta tồn tại và phá bỏ sự tồn tại ấy và tự "rút lui" theo một nhịp riêng. Chúng ta không già đi theo thời gian, mà theo cách năng lượng chúng ta tiêu thụ và tái tạo để có thể tiếp tục.

- Bà cho rằng chúng ta hoạt động nhờ vào một kiểu ắc-quy mà chúng ta sử dụng rồi lại nạp đầy chẳng?

- Đúng, gần như vậy.

Nếu như chiếc thẻ đeo trên người không chúng nhận tư cách khoa học của người đàn bà này, Jonathan đã cho rằng anh đang tiếp xúc với một trong những kẻ lạc loài cô độc vẫn thường châu chực ở các quán bar tìm người để trút bầu tâm sự điên rồ của họ. Lúng túng, anh lại ra hiệu cho người phục vụ tiếp thêm rượu cho bà. Bà lắc đầu từ chối lời mời. Người phục vụ đặt chai rượu bước-bông xuống mặt quầy bar.

- Bà nghĩ rằng một linh hồn có thể sống lại nhiều lần ư? Jonathan hỏi tiếp và kéo chiếc ghế lại gần.

- Một số thôi, đúng vậy.

- Khi tôi còn nhỏ, bà tôi kể rằng các vì sao là linh hồn của những người đã lên trời.

- Ánh sáng của một ngôi sao không cần đến thời gian để tới với chúng ta, chính thời gian đã dẫn đường cho nó. Cần phải hiểu bản chất của thời gian là gì, đó là phương tiện cho một chuyến du lịch trong chiều của thời gian. Thân xác của chúng ta bị giới hạn bởi những sức mạnh vật lý đối kháng với chúng, nhưng linh hồn của chúng ta có

thể vượt qua được.

- Thật tuyệt vời khi hình dung rằng chúng sẽ không bao giờ chết. Tôi biết linh hồn của một họa sĩ...

- Đừng quá lạc quan, đa số các linh hồn sẽ kết thúc bằng cách tắt lịm. Chúng ta thì già đi, còn linh hồn, chúng thay đổi kích cỡ, theo trình tự mà chúng ghi nhớ.

- Chúng ghi nhớ lại gì?

- Chuyến du hành của chúng trong vũ trụ! Ánh sáng mà chúng hấp thụ được! Các tế bào của sự sống! Đó là thông điệp mà chúng mang theo, từ lúc còn vô cùng bé cho tới khi trở thành vô cùng lớn, cũng là điều mọi linh hồn đều mơ ước đạt được. Chúng ta sống trên một hành tinh mà rất ít người trong số chúng ta đã đi hết một vòng đời của mình, và cũng rất ít linh hồn đạt được mục đích của chuyến du hành: đi hết vòng tròn của tạo hóa. Linh hồn là những sóng điện. Chúng được hình thành bởi hàng triệu hạt li ti, giống như tất cả những gì làm nên vũ trụ của chúng ta. Giống như vì sao của bà cậu, linh hồn cũng sợ sự tan rã của chính nó, tất cả đối với nó chỉ là vấn đề năng lượng. Chính vì lý do ấy mà nó cần có một thân thể trên mặt đất, nó vây bọc lấy cơ thể ấy, tự tái tạo trong cơ thể và tiếp tục cuộc hành trình trong chiều thời gian. Khi cơ thể không còn đủ năng lượng nữa, nó liền rời bỏ và tìm đến một nguồn sống mới cho phép tiếp tục chuyến du lịch của mình.

- Và nó sẽ tìm kiếm trong bao lâu?

- Một ngày, hay một thế kỷ? Điều này tùy thuộc vào sức mạnh và nguồn năng lượng mà nó đã tái tạo nên trong một cuộc sống.

- Thế nếu thiếu thì sao?
- Nó sẽ tắt!
- Thế năng lượng mà bà nói đến là gì?
- Nguồn gốc của cuộc sống: tình cảm!

Peter làm Jonathan giật mình khi đột ngột đặt tay lên vai anh.

- Rất xin lỗi vì đã cắt ngang, anh bạn ạ, nhưng họ sẽ không giữ chỗ cho chúng ta đâu. Để có thể tìm được một bàn khác, sẽ là cả một nỗi phiền toái, nơi này lúc nhúc toàn những kẻ quê mùa đói lả.

Jonathan hứa lát nữa sẽ tới nhà hàng tìm Peter. Peter chào người đàn bà rồi ra khỏi quán bar, vừa đi vừa ngược mắt nhìn trời.

- Ông Gardner, người đàn bà lại nói, tôi không hề tin vào sự ngẫu nhiên.

- Sự ngẫu nhiên thì có liên quan gì ở đây?

- Tầm quan trọng quá mức mà chúng ta dành cho nó thật đáng sợ. Trong tất cả những gì tôi vừa nói với ông, chỉ nên nhớ một điều duy nhất. Có khi hai linh hồn gặp nhau chỉ để hợp lại thành một. Chúng sẽ phụ thuộc vào nhau mãi mãi. Chúng không thể tách rời nhau và sẽ liên tục tìm kiếm nhau, từ kiếp này sang kiếp khác. Nếu như trong một quá trình tồn tại trên mặt đất, một nửa bị tách rời khỏi nửa kia, phá bỏ lời thề đã gắn kết chúng, cả hai linh hồn sẽ cùng tắt ngay lập tức. Linh hồn này sẽ không thể tiếp tục chuyển du hành mà không có linh hồn kia.

Khuôn mặt người đàn bà đột nhiên biến đổi, các nét thoát danh lại, đôi mắt trở lại màu xanh nước biển sâu

thăm. Bà đứng lên và nắm lấy cổ tay Jonathan. Bà siết chặt lấy nó bằng tất cả sức lực của mình. Giọng bà càng trở nên nặng nề hơn.

- Ông Gardner, vào lúc này, có điều gì đó đã khiến ông đoán ra tôi không phải là một bà già mất hết lý trí. Hãy thật chú ý tới điều tôi sắp nói với ông đây: đừng bỏ cuộc! Cô ấy đã trở lại, cô ấy đang ở đây. Ở đâu đó trên trái đất này, cô ấy đang chờ đợi ông, tìm kiếm ông. Từ giờ trở đi thời gian của cả hai người đều đang trôi dần. Nếu như một trong hai người chối bỏ người kia, điều đó còn tồi tệ hơn cả đánh mất cuộc sống, điều đó có nghĩa là cả hai người sẽ đánh mất linh hồn. Chặng cuối của chuyến du hành sẽ vô cùng uống phí vì hai người đã tiến tới rất gần đích. Khi hai người nhận ra nhau, đừng bỏ qua nhau.

Peter vừa quay trở lại, tóm lấy cánh tay Jonathan, buộc anh phải quay nửa vòng trên ghế.

- Họ không muốn giao bàn cho tớ khi chúng ta “chưa đến đủ”! Tớ vừa phải thương lượng ba phút liên tục với người quản lý khách sạn để anh ta để tên chúng ta lại trong danh sách chờ. Cậu khẩn trương lên, có một miếng sườn tái sắp không thể rỉ máu được nữa rồi đây!

Jonathan giật mạnh để thoát khỏi tay người bạn, nhưng khi anh quay lại, người đàn bà tóc trắng đã biến mất. Tim anh bắt đầu đập dồn, anh chạy vội ra hành lang. Song dòng người đã nuốt chửng mọi hy vọng có thể tìm lại bà ta.

## 2

Người quản lý khách sạn xếp cho họ ngồi vào một khoang ở trong góc nhà hàng. Thả người xuống chiếc ghế bọc vải giả da màu đỏ, Jonathan vẫn không thể tự giải thoát khỏi sự căng thẳng đang xâm chiếm người anh. Thức ăn trong đĩa anh vẫn chưa hề đụng tới.

- Cậu thật là lạ, Peter vừa nói vừa nhai ngon lành.

- Tớ làm gì?

- Cậu không ngừng nói nút cà vạt.

- Thì sao?

- Cậu không đeo cà vạt.

Jonathan nhận thấy tay phải mình run rẩy, anh giấu tay xuống dưới bàn và nhìn Peter chăm chú.

- Cậu có tin vào số phận không?

- Nếu cậu muốn biết, thì miếng sườn này sẽ chẳng thể nào thoát khỏi số phận của nó được.

- Tớ đang nói chuyện nghiêm túc với cậu đấy!

- Thật sao?

Peter cắm dĩa vào một miếng khoai tây rồi rưới thật nhiều sốt vào đĩa.

- Có một chuyến bay lúc mười giờ tối: nếu cậu đi ngay lúc này, cậu có thể bắt kịp chuyến bay đó, Peter tiếp tục nói, mắt vẫn nhìn vào một miếng thịt to tướng nằm ở đầu đĩa. Về mặt cậu trông thật tệ.

Jonathan vẫn không hề đụng vào thức ăn trong đĩa của mình, với tay xé một mẩu bánh mì nằm trong chiếc giỏ nhỏ đặt giữa hai người. Anh bóp vụn ruột bánh mì còn đang ấm. Trong lồng ngực, tim anh vẫn đập như gõ trống.

- Tớ sẽ thanh toán tiền khách sạn, đi nhanh đi!

Anh chợt cảm thấy tiếng nói của Peter như vang lên từ rất xa.

- Tớ thấy không được khỏe lắm, Jonathan vừa nói vừa tìm mọi cách để lấy lại bình tĩnh.

- Cậu lấy quách cô ấy cho xong đi, cậu bắt đầu làm tớ mệt mỏi vì cái cô Anna ấy rồi đấy.

- Cậu không muốn về tối nay với tớ hả?

Tức thời, Peter chưa hiểu ra lời cầu cứu của người bạn. Anh tự rót cho mình thêm một ly rượu vang.

- Tớ muốn tận dụng buổi tối hôm nay để nói với cậu về những vấn đề mà tớ đang phải giải quyết ở văn phòng, tớ muốn cùng cậu suy nghĩ cách nào đó để trả đũa lại những bài báo đang thả sức tấn công tớ. Tớ cũng muốn cậu nghiền ngẫm những gì tớ sẽ đưa ra trong các buổi đấu giá sắp tới, nhưng tớ sẽ phải ngồi ăn tối với cái miếng sườn này, thôi thì cũng tạm được. Tớ không thể nhả tâm bỏ rơi nó được, làm như vậy sẽ tổn hại ý niệm về những buổi tối

vui vẻ mà gã độc thân phải được quyền hưởng thụ.

Jonathan ngáp ngừng, rồi đứng lên và chạm tay vào chiếc ví nằm trong túi áo khoác.

- Cậu sẽ không giận tớ chứ?

Peter chặn tay bạn lại.

- Đừng có lời thôi. Cậu không thể trả tiền cho một bữa ăn mà cậu không hề tham dự. Tớ sẽ hỏi cậu một câu rất riêng tư, nhưng sẽ chỉ có tớ với cậu được biết câu trả lời thôi nhé?

- Tất nhiên, Jonathan nói.

Peter thận trọng nhìn miếng thịt vẫn còn nguyên trong đĩa của Jonathan.

- Cậu không phản đối nếu tớ "xử lý" nó chứ?

Rồi trước khi Jonathan kịp trả lời, anh đổi đĩa cho bạn và tiếp.

- Thôi nào, đi đi, và gửi lời chào cô ấy hộ tớ. Ngày mai tớ sẽ gọi điện cho cậu ngay khi về đến nhà. Tớ thật sự cần cậu giúp tớ thu xếp lại mọi việc, dạo này ở văn phòng lộn xộn quá.

Jonathan đặt tay lên vai bạn bóp nhẹ, anh cảm thấy mình tìm lại được chút cân bằng đã bị mất. Peter ngược đầu quan sát bạn hồi lâu.

- Cậu có chắc là sẽ ổn không?

- Không sao, tớ chỉ hơi mệt thôi, cậu khỏi cần lo. Những việc kia cậu có thể tin vào tớ.

Anh đi nhanh ra cửa. Hàng ngàn ánh đèn trước cửa khách sạn làm anh lóa mắt. Anh dùng tay ra hiệu cho người tiếp tân. Với vẻ choáng váng và vụng về, Jonathan

trông giống như một con bạc mệt mỏi vì vận xui. Một chiếc taxi tiến vào dưới mái che. Khi chiếc xe vừa nổ máy, anh vội mở cửa sổ để kiểm chút không khí.

- Anh không gặp may phải không? Người lái taxi chăm chú nhìn anh qua kính chiếu hậu.

Jonathan lắc đầu trấn an ông ta. Anh nhắm mắt và tựa đầu vào lưng ghế. Ánh đèn bên ngoài lấp loáng qua đôi mắt khép hờ tạo thành những vệt sáng khiến anh nhớ tới những miếng bia mà khi còn nhỏ anh thường buộc vào nan hoa xe đạp rồi cho quay. Không khí mát dần. Jonathan mở mắt. Quang cảnh ngoại ô lướt qua ngoài cửa kính. Anh cảm thấy trong người trống rỗng, không còn muốn điều gì.

- Tôi đã ra khỏi đường cao tốc, có một tai nạn, người lái taxi nói.

Jonathan nhìn thẳng vào ánh mắt ông ta phản chiếu qua tấm gương chiếu hậu.

- Trông anh có vẻ thiếu ngủ, mãi vui chơi quá phải không?

- Không, tôi đã làm việc quá sức!

- Thì cũng phải có cái gì để say mê chứ!

- Khoảng bao lâu nữa chúng ta sẽ tới? Jonathan hỏi.

- Hy vọng sẽ không lâu lắm. Chặng đường được tính phí trọn gói rồi.

Từ đằng xa, những ánh đèn vàng của khu sân bay bùng lên trong bóng tối. Chiếc taxi đậu dọc vỉa hè trong khu vực dành cho hành khách của hãng Continental Airline. Jonathan thanh toán tiền và rời khỏi chiếc xe Ford màu trắng có những cánh cửa đỏ. Nó đi xa dần.

Tại quầy làm thủ tục, cô tiếp viên cho anh biết vé của bốn ghế hạng nhất đều đã bán hết, còn khoang hạng thường thì gần như còn trống. Anh chọn một chỗ ngồi cạnh cửa kính. Vào cái giờ muộn màng này của ban đêm, những dòng khách du lịch đã thưa dần. Anh nhanh chóng qua cửa kiểm soát và tiến vào dãy hành lang dài bất tận dẫn tới phòng chờ.

Một chiếc McDonnell Douglas có in biểu tượng của hãng Continental Airline đang đón khách ở cuối hành lang. Đầu chiếc máy bay dường như muốn chạm vào lớp kính ngăn cách dãy hành lang với bên ngoài. Một chú bé đang đứng chờ cùng mẹ đưa tay vẫy các phi công đang ngồi trong khoang máy trên cao. Người cơ trưởng cũng vẫy tay chào chú bé. Một lát sau, một nhóm khoảng chục hành khách đổ ra lối đi và nhanh chóng biến vào bên trong thang. Cô tiếp viên đóng cửa máy bay và ra hiệu để trấn an các hành khách đang chờ tới lượt lên máy bay. Công việc vệ sinh bên trong đang được tiến hành và chẳng mấy chốc sự chờ đợi sẽ kết thúc.

Vài phút sau, chiếc bộ đàm trong tay cô vang lên tiếng rè rè, cô nhận thông điệp được truyền qua bộ đàm rồi cúi người xuống chiếc micro và thông báo bắt đầu tiếp nhận hành khách lên máy bay.

Chiếc máy bay vượt lên trên những tầng mây dày đặc, một luồng ánh sáng màu bạc xé tan màn đêm. Jonathan ngả lưng ghế để tìm kiếm một sự thoải mái và cố tìm cách chợp mắt mà không được. Anh dán mặt vào ô kính và ngắm nhìn những đợt sóng bông đang lướt qua dưới cánh máy bay.

\*

\*

\*

Khi anh về, cả căn nhà vắng lặng. Jonathan bước qua bậc thềm và tiến vào phòng ngủ. Chăn đệm trên giường vẫn được xếp gọn gàng, có lẽ Anna đang ở tầng trên. Anh tiến về phía phòng tắm. Dưới vòi hoa sen, những tia nước mạnh quất vào mặt anh rồi chảy dọc theo thân mình. Anh thả lỏng người một lúc lâu. Rồi anh choàng chiếc áo tắm vào người và lên tầng trên cùng. Anh mở cửa xuống vẽ. Đèn đã tắt hết. Ánh trăng bên ngoài chiếu qua lớp kính cũng đủ để xua tan bóng đêm. Anna nằm co ro trên một băng ghế. Anh nhẹ nhàng tiến lại gần cô và đứng yên lặng nhìn cô ngủ. Anh quỳ gối và thềm được vuốt má cô. Cô chột cựa mình trong giấc ngủ và thu người lại. Anh kéo chiếc khăn choàng màu xám phủ trên đôi chân cô lên che kín hai vai rồi quay người đi ra. Anh thả mình vào giữa chiếc giường rộng và cuộn người dưới lớp chăn dày. Nằm nghe tiếng mưa đập vào các khung kính, anh chìm dần vào giấc ngủ sâu.

\*

\*

\*

Mùa đông phủ trên thành phố Boston những lớp tuyết dày. Thành phố được giăng kín bởi những chùm đèn lấp lánh chuẩn bị cho lễ Noel. Giữa hai chuyến đi xa, Jonathan

gặp lại Anna trong ngôi nhà của họ, nơi họ còn phải chuẩn bị khá nhiều việc.

Anna tính toán đến từng chi tiết để chuẩn bị cho đám cưới của họ, từ việc chọn giấy để in thiệp mời, hoa bày tiệc trong nhà thờ, các bài phát biểu trong lễ cưới, chọn món cho buổi tiệc rượu trước bữa tối, sơ đồ bàn tiệc tuân thủ nghiêm ngặt theo những nấc thang thứ bậc phức tạp của xã hội thượng lưu Boston, duyệt buổi diễn thử của dàn nhạc và những bản nhạc họ sẽ chơi trong buổi tối hôm đó. Và Jonathan mặc dù rất muốn âu yếm Anna song cũng bị cuốn theo niềm say mê của cô và buộc phải bắt tay vào chuẩn bị sao cho lễ cưới của họ sẽ trở thành lễ cưới tuyệt vời nhất từ trước tới nay tại thành phố này, đúng như cô hằng ao ước. Tất cả các ngày thứ bảy, họ đi dạo khắp các cửa hàng trưng bày đồ chuẩn bị cho lễ cưới, chủ nhật nào họ cũng chăm chú vào các tập quảng cáo hoặc các mẫu mã sưu tầm được ngày hôm trước. Anh có cảm giác như có những ngày cuối tuần trôi qua, việc lựa chọn khăn trải bàn hoặc những bó hoa bày trên bàn tiệc cho buổi lễ đã tước đi còn nhiều hơn là mang lại cho anh sự hào hứng với lễ cưới. Những tuần lễ trôi qua và sự nhiệt tình của anh ngày càng giảm sút.

\*

\*       \*

Mùa xuân đến sớm, các nhà hàng quanh khu cảng cũ đã bày bàn ăn ra ngoài trời kéo dài cho tới tận khu chợ không mái

che. Anna và Jonathan đã làm việc suốt buổi sáng, và giờ đang ngồi quanh một chiếc đĩa đầy hải sản. Anna rút ra một cuốn sổ gáy xoắn và đặt trước mặt. Jonathan nhướn đôi mày nhìn cô gạch những dòng chữ ở trang cuối cùng, lòng thầm hy vọng điều đó báo hiệu công cuộc chuẩn bị kéo dài bấy lâu đã dần tới giai đoạn cuối. Bốn tuần nữa thôi, cũng vào giờ này, hôn lễ của họ sẽ được trình trọng cử hành.

- Ba tuần liền được nghỉ trọn vẹn hai ngày cuối tuần sẽ không phải là quá nhiều nếu chúng ta muốn tận hưởng niềm vui trong ngày trọng đại!

- Anh thấy thế là hài hước lắm sao? Anna vừa nói vừa cắn nhẹ chiếc bút trong tay.

- Anh biết đó là loại bút mà em thích nhất, và em đã phải dùng hết khoảng hai chục chiếc như thế trong những tháng vừa qua, nhưng có lẽ em nên ném thử món hào này.

- Anh biết đấy, Jonathan, em không có cả cha lẫn mẹ để giúp em tổ chức buổi lễ, và khi em nhìn anh, có những lúc em thực sự có cảm giác như mình sẽ phải cưới một mình!

- Anna, có những lúc anh cảm giác như em đang chuẩn bị đám cưới với những chiếc khăn bàn!

Anna nhìn anh đầy trách móc, cô cầm lấy cuốn sổ, đứng lên và rời khỏi nhà hàng. Jonathan không tìm cách giữ cô lại. Anh chờ cho những cái nhìn tò mò của các khách hàng xung quanh quay đi trước khi tiếp tục bữa ăn. Anh tận dụng chút tự do cuối buổi chiều để đi dạo qua một siêu thị băng đĩa rồi dừng lại tại một quầy hàng, nơi một chiếc áo len dày màu đen bày trong tủ kính chìa tay mời gọi anh. Đi lang thang trong những con phố cổ kính,

anh tìm cách gọi di động cho Peter, nhưng toàn gặp phải hộp thư thoại. Anh liền để lại một tin nhắn. Sau đó anh dừng lại trước một quầy hoa và mua một bó hồng đỏ rồi thả bộ về nhà.

Trong bếp, Anna khoác một tấm tạp dề vải nilông ôm khít lấy eo khiến bộ ngực của cô càng trở nên đầy đặn sau cổ áo khoét trễ. Cô chẳng buồn để ý tới bó hoa Jonathan đặt trên bàn. Anh ngồi lên một trong những chiếc ghế tròn cao. Đôi mắt ngáp tràn âu yếm, anh nhìn Anna đang tiếp tục chuẩn bị bữa tối mà không hé một lời. Những cử chỉ dứt khoát của cô cho thấy cô vẫn đang giận anh.

- Anh xin lỗi, anh nói, anh không muốn làm em buồn.

- Không phải chuyện đó! Em muốn đám cưới này gây ấn tượng với không chỉ riêng chúng ta, em là vợ anh và em có trách nhiệm phải đóng góp vào sự thành công của anh trong sự nghiệp, anh hiểu không! Em không phải người cần sự tôn trọng và ngưỡng mộ của giới thượng lưu miền Đông này. Khi treo tranh của anh trong phòng khách, chủ yếu họ muốn được chiêm ngưỡng sự thành công của anh trên tường nhà họ.

- Em không muốn chúng ta chấm dứt cuộc tranh cãi ngu ngốc này ư? Anh nói. Đây, tốt nhất em hãy cho anh biết ai sẽ là người làm chứng của em; sau từng ấy thời gian, hẳn em phải có quyết định cuối cùng rồi chứ?

Anh đứng dậy, đi vòng qua quầy rượu và định ôm cô. Anna đẩy anh ra.

- Anh phải tạo ra ham muốn, Jonathan a, cô tiếp tục, chính vì như vậy mà em trang điểm, ngay cả khi đi chợ,

chính vì vậy mà ngôi nhà này lúc nào cũng được em chăm chút cẩn thận, và những bữa tối mà chúng ta thường thức cũng không ngoại lệ. Cả đất nước này sống nhờ những ham muốn, vì vậy đừng bao giờ trách móc những đòi hỏi của em về sự hoàn hảo, em sẽ là người có những yêu cầu rất khắt khe đối với anh trong tương lai.

- Nhưng anh không bán tranh, Anna ạ, anh chỉ thẩm định chúng thôi, Jonathan trả lời trong tiếng thở dài. Anh mặc kệ mọi người nghĩ gì, và vì chúng ta sắp làm đám cưới, anh buộc phải nói cho em biết một điều rất quan trọng: anh chẳng hề câu nệ chuyện trang điểm, mỗi buổi sáng nhìn em ngủ, anh cảm thấy em đẹp hơn bội phần so với những lúc em sửa soạn cho một buổi dạ tiệc. Chỉ có vào lúc đó trong ngày, trên giường ngủ, trong sự riêng tư của hai chúng ta, chẳng ánh mắt xa lạ nào có thể quấy rầy ngoài ánh mắt anh nhìn em. Anh muốn thời gian phải là bạn đồng hành của chúng ta, thay vì ngăn cách hai ta như mấy tuần gần qua.

Cô đặt chai rượu vang đang mở lên quây và nhìn anh không chớp mắt. Jonathan vòng ra sau lưng cô, hai tay anh vuốt nhẹ dọc lưng cô xuống tới hông và dừng lại, những ngón tay khẽ gõ nút buộc chiếc tạp dề. Anna hơi cứng lại, rồi cô để mặc anh.

Một ngày bắt đầu trong ánh mặt trời lạnh lẽo. Cuộc tranh cãi hôm trước đã lắng dần qua một đêm. Jonathan thức dậy và chuẩn bị bữa sáng rồi mang tới cho Anna. Họ cùng

ăn và tận hưởng một buổi sáng chủ nhật thật dài. Anna lên xưởng vẽ còn Jonathan tiếp tục ngồi thư giãn. Họ bỏ qua bữa trưa và lang thang cả buổi chiều dọc các phố nhỏ trong khu cảng cũ. Đến gần bốn giờ chiều, họ ghé vào một tiệm bán đồ ăn sẵn kiểu Ý và mua thật nhiều thức ăn cho bữa tối, rồi ghé vào cửa hàng cho thuê băng ở góc phố để chọn vài cuốn băng video.

\*

\*

\*

Ở đầu kia thành phố, mái tóc bù xù của Peter lộ ra khỏi một đồng chăn nệm dày. Ánh sáng ban ngày đã lòi anh ra khỏi giấc ngủ mê mết. Anh vươn vai rồi liếc về phía chiếc đài có đồng hồ đặt trên bàn ngủ. Giấc ngủ quá trưa anh tự thưởng cho mình đã kéo dài hơn anh tưởng. Peter ngáp dài, quờ tay tìm chiếc điều khiển vô tuyến dưới những nếp gấp của lớp chăn dày. Khi tìm thấy, anh ấn bừa lên một nút. Trước mắt anh, màn hình được gắn vào tường bắt đầu bật sáng, anh liền nhấn nút chuyển kênh. Hình một chiếc phong bì nhỏ nhấp nháy ở góc dưới màn hình báo tin anh có thư điện tử. Anh chọn chế độ đọc thư và bức thư hiện lên. Ngày tháng trong thư cho thấy nó vừa được gửi trong ngày do một người quen của Nhà đấu giá Christie's tại Luân-đôn. Bây giờ là ba giờ chiều ở miền Đông nước Mỹ nhưng đã là tám giờ tối tại bên kia bờ đại dương.

- Không phải cả họ cũng đọc báo rồi chứ! Peter càu nhàu.

Bức thư điện tử được viết bằng phong chữ nhỏ. Peter căm ghét cặp kính lão mà anh buộc phải đeo từ nhiều tháng nay. Không muốn chấp nhận mình đang già đi, anh thà tự hành hạ mình bằng những bài tập căn bản trông vào những động tác nhăn mặt mà người ta quảng cáo là sẽ có tác dụng cải thiện thị lực. Những dòng chữ buộc anh phải căng mắt để đọc. Vừa đọc lại đến lần thứ ba bức thư điện tử của người đồng nghiệp ở Luân-đôn, anh vừa với tay lấy chiếc điện thoại và không cần nhìn vào các nút, anh bấm số rồi nóng ruột chờ chuông reo. Sau mười hồi chuông, anh đập máy rồi bấm lại số. Sau ba lượt, anh cúi kính mở ngăn kéo tủ đầu giường và lấy ra chiếc điện thoại di động. Anh gọi cho tổng đài và đề nghị nối máy với phòng vé của hãng hàng không British Airways. Anh ngoẹo cổ kẹp lấy điện thoại và đi về phía tủ treo quần áo. Anh phải kiễng chân mới nhìn thấy chiếc va-li để tận ngăn trên cùng rồi với tay chộp lấy chiếc quai kéo mạnh khiến nó trượt về phía anh, kéo theo một mớ túi du lịch rơi thẳng xuống người. Cuối cùng thì phía đầu dây bên kia cũng có một nhân viên phòng vé bắt máy, anh vừa cầu nhàu vừa xỏ chân vào ống quần.

- Vương miện của Nữ hoàng bị đánh cắp, và toàn bộ nhân viên hãng các anh đều bận truy lùng nên không thể nghe điện của khách hàng phải không?

\*

\*

\*

Lúc này là sáu giờ tối, bầu trời thoát sập tối báo hiệu một

cơn dông đang bao trùm thành phố. Các đám mây dày lên, cuộn lại như những tấm vải bạt quần chặt lấy nhau, mọng nước đến nỗi như được nhuộm màu xám xịt hoặc đen thẫm. Một vài giọt nước trĩu nặng xuyên qua bức màn mây dày đặc, vẽ trên nền trời âm u những vệt thẳng màu trắng bạc trước khi quất mạnh xuống mặt đường nhựa. Jonathan hạ thấp rèm cửa sổ. Một buổi tối ngồi trước ti-vi quả là thích hợp trong tiết trời u ám này. Anh vào bếp, mở tủ lạnh và lấy ra những hộp đựng các món ăn Ý mà Anna đã chọn. Anh bật lò nướng để chuẩn bị hâm lại món cà trộn phô-mát bỏ lò, rắc thật nhiều phô-mát parmesan<sup>(2)</sup> lên trên rồi bước lại chỗ điện thoại treo tường. Anh đang định bấm số máy xướng vẽ của Anna thì ánh đèn báo hiệu có cuộc gọi đến nhấp nháy, rồi chuông điện thoại reo vang.

- Cậu biến đi đâu mất thế? Đây là lần thứ mười tớ gọi cho cậu rồi đấy!

- Chào cậu, Peter!

- Xếp đồ vào va-lí ngay đi, tớ sẽ chờ cậu ở sân bay Logan, phòng chờ của hãng hàng không British Airways, chuyến bay đi Luân-đôn lúc chín giờ 15 phút tối, tớ đã đặt sẵn hai vé cho tớ và cậu rồi.

- Khoan đã, hai giây thôi, giả sử hôm nay không phải là chủ nhật, hiện giờ không phải tớ đang đứng trong bếp chuẩn bị bữa tối cho cô gái sẽ lấy tớ trong bốn tuần nữa, và cũng không định sẽ cùng cô ấy ngồi xem *Thạch tín và*

---

2. Parmesan : Một loại phô-mát bào vụn chuyên được dùng để rắc lên hoặc ăn kèm với một số món ăn của Ý.

*những dải dăng-ten cũ*, thì vì có gì tớ phải đi cùng cậu?

- Tớ rất khoái khi cậu nói chuyện kiểu ấy, tớ có cảm giác như chúng ta đang ở nước Anh rồi, Peter đáp lại bằng giọng châm chọc.

- Thôi nào, anh bạn, tớ rất mừng vì cậu gọi, và nói theo miệng lưỡi của cậu, giờ thì tớ đang bận đàm đạo với món cà trộn pho-mát bỏ lò, vì thế nếu cậu bỏ quá cho...

- Tớ vừa nhận được một mẫu tin từ Luân-đôn, một nhà sưu tầm đang muốn bán năm bức tranh của một danh họa bậc thầy, cả năm bức đều của một ông Vladimir Radskin nào đó... Thế món lasagne<sup>(3)</sup> của cậu có gì ở trong?

- Cậu nói nghiêm túc đấy chứ?

- Nhân thế, tớ sẽ giới thiệu cậu với đồng nghiệp của tớ tại Luân-đôn. Tớ không hề đùa, ngay cả khi đi chữa răng tớ cũng còn cười nhiều hơn lúc này! Jonathan, hoặc tớ và cậu, hoặc đối thủ của chúng ta sẽ giành được quyền đăng cai buổi đấu giá những bức tranh này, tùy cậu thôi, hơn thua trên thị trường luôn được đánh giá theo chất lượng chuyên môn.

Jonathan nhú mày, anh bòn chòn quần sợi dây điện thoại quanh ngón trỏ.

- Không thể có năm bức tranh của Radskin được rao bán ở Luân-đôn.

- Tớ không hề bảo cậu chúng sẽ được bán ở đó, chúng chỉ được trưng bày thôi. Với một bộ sưu tập tầm cỡ

---

3. Lasagne: Một món ăn của Ý rất được ưa chuộng, được làm từ mì dẹt trộn sốt cà chua và pho-mát rồi bỏ lò nướng.

đó, tớ sẽ tổ chức bán tại Boston... và tớ sẽ cứu vãn được sự nghiệp của mình.

- Số liệu của cậu không chính xác, Peter ạ. Tớ nhắc lại rằng không thể có tới năm bức tranh được rao bán. Tớ biết rất rõ các bức tranh của Radskin hiện đang ở đâu, chỉ có bốn bức trong số đó hiện đang nằm trong tay những nhà sưu tầm giấu tên.

- Tất nhiên rồi, cậu là chuyên gia mà, Peter đáp rồi nói thêm về chế nhạo: Chính vì vậy mà tớ gọi cậu vào giờ này, vì nghĩ rằng bí ẩn đó có lẽ sẽ đáng giá hơn một bữa ăn tối. Lát gặp nhé.

Jonathan nghe một tiếng cạch, Peter đã bỏ máy mà không chào. Anh gác điện thoại lên tường. Một vài giây sau, Anna, không bỏ sót một lời của câu chuyện, cũng gác máy trong xưởng vẽ. Cô đặt bút vẽ xuống ống nước, choàng chiếc khăn dạ lên người, luồn tay vuốt lại mái tóc xoa rồi theo lối cầu thang xuống bếp. Jonathan vẫn đứng trầm tư cạnh điện thoại. Tiếng Anna làm anh giật mình.

- Ai gọi anh thế?

- Peter.

- Anh ta khỏe chứ?

- Ừ.

Anna hít một hơi thật sâu mùi hoa từ bi tràn ngập trong căn phòng. Cô mở cửa lò nướng và ngắm món ăn đang chuyển dần sang màu vàng dưới sức nóng của lò nướng.

- Chúng ta sẽ ăn một bữa thật ngon, em bật phim rồi chờ anh trong phòng khách nhé, em đói gần chết rồi đây, anh đói không?

- Có, có, Jonathan trả lời bằng giọng gần như lãnh đạm.

Đi ngang qua bàn bếp, Anna túm lấy một cọng a-ti-sô bỏ vào miệng.

- Em sẵn sàng chịu đày đoạ để được ăn đồ Ý, cô vừa nhai vừa nói.

Cô chùi một giọt dầu dính ở khóe miệng rồi đi ra. Jonathan thở dài, lấy khay thức ăn nóng rấy từ trong lò ra và khéo léo bày lên một chiếc đĩa. Anh đặt các món khai vị xung quanh món chính, cất phần của mình vào tủ lạnh. Rồi anh mở một chai rượu chianti<sup>(4)</sup>, đổ đầy một chiếc ly chân cao thật đẹp đặt bên cạnh đĩa pho-mát mozzarella<sup>(5)</sup>.

Anna ngồi chờ trên ghế sofa, màn hình tinh thể lỏng đã bật sẵn, chỉ còn việc nhấn nút điều khiển, đầu DVD sẽ bắt đầu phát bộ phim của Capra.

- Anh có muốn em ra bếp lấy đĩa hộ anh không? Cô dịu dàng hỏi trong khi Jonathan đặt đĩa thức ăn lên đùi cô.

Anh ngồi xuống bên cạnh và cầm lấy tay cô. Về ý này, anh giải thích với cô anh sẽ không ăn tối ở nhà. Không để cô kịp phản ứng, anh kể cho cô nghe mục đích cuộc gọi của Peter và nhẹ nhàng xin lỗi cô. Anh phải đi, không phải chỉ vì anh mà còn vì người bạn đang rơi vào một hoàn cảnh nghề nghiệp rất tệ hại. Nhà Christie's sẽ không thể nào hiểu nổi vì sao anh có thể bỏ qua một cuộc bán đấu giá như vậy. Đó có thể là một lỗi nghề nghiệp ảnh hưởng

---

4. Rượu chianti: Một loại rượu vang Ý.

5. Mozzarella: Một loại pho-mát làm từ sữa trâu.

nghiêm trọng tới sự nghiệp mà cả cô cũng hết sức giữ gìn. Cuối cùng, anh thú thật với cô rằng từ lâu anh đã mơ ước có dịp được tới gần các bức tranh đó, được đưa tay lướt nhẹ trên các vệt sơn nổi, được ngắm nhìn những màu sắc chân thực, không bị ống kính máy ảnh hay việc in trên giấy làm nhòe sắc độ.

- Ai là người rao bán chúng? Cô khẽ hỏi.

- Anh không biết. Có thể chúng thuộc về một người thừa kế phòng tranh của Radskin. Chưa bao giờ anh tìm thấy bất cứ dấu vết được bày bán của những bức tranh này, và trong lần đầu tiên xuất bản cuốn ca-ta-lô về vị danh họa, anh đã buộc phải tự hài lòng với các bức ảnh cũng như giấy chứng nhận nguyên bản.

- Có bao nhiêu bức tranh được rao bán?

Jonathan lưỡng lự trước khi đưa ra con số. Anh biết sẽ không thể mong cô chia sẻ với anh niềm hy vọng được khám phá bức tranh thứ năm mà Peter đã nói. Bức họa cuối cùng của Vladimir Radskin trong mắt Anna chỉ là ảo tưởng, một hệ quả của niềm say mê cuồng nhiệt và nguy hại mà người chồng chưa cưới của cô dành cho ông già họa sĩ điên rồ.

Jonathan bước tới tủ quần áo, mở một chiếc va-li nhỏ, chọn một vài chiếc áo sơ-mi được gấp cẩn thận, một cái áo len mỏng, vài chiếc cà-vạt và quần áo lót đủ dùng trong năm ngày. Tập trung vào việc soạn hành lý, anh không nghe thấy cả tiếng chân Anna bước tới đằng sau.

- Anh lại bỏ em đi theo nhân tình của anh, chỉ cách lễ cưới của chúng ta có bốn tuần, anh thật không biết điều chút nào!

Jonathan ngẩng đầu lên, đường nét gợi cảm của cổ vợ chưa cưới nổi bật trên khung cửa.

- Tình nhân của anh, theo cách nói của em, là một họa sĩ già, bị điên, cũng theo lời em nói, và đã qua đời cách đây vài chục năm. Trước ngày cưới của chúng ta, điều này lẽ ra phải khiến em yên tâm về con người anh chứ. \*

- Em không biết nên hiểu những lời vừa rồi của anh như thế nào, và em có còn nằm trong phạm vi những mối quan tâm của anh hay không.

- Anh không hề có ý gì cả, anh trả lời và vòng tay ôm lấy cô.

Anna tìm cách cưỡng lại, cô đẩy anh ra.

- Anh càng lúc càng quá đáng!

- Anna, anh không có sự lựa chọn nào khác. Đừng làm cho mọi việc thêm phức tạp. Tại sao anh không thể chia sẻ được với em những niềm vui kiểu này nhỉ, khi thật!

- Thế nếu Peter gọi điện trước giờ cử hành hôn lễ, thì anh có hoãn đám cưới lại không?

- Peter là bạn thân nhất của anh, và là người làm chứng cho chúng ta, cậu ta sẽ không bao giờ gọi điện trước giờ hôn lễ.

- Thật sao? Anh ta sẽ chẳng thấy ngại đâu!

- Em nhầm rồi, ngoài sự hài hước mà em chẳng buồn nhận thấy ở cậu ta, Peter còn là người rất tế nhị.

- Nếu thế thì anh ta quả khéo che giấu. Nhưng nếu

anh ta gọi, thì anh sẽ làm gì.

- Nếu vậy thì anh nghĩ có lẽ mình sẽ phải từ chối tình nhân để hoàn thành hôn lễ với người vợ của anh.

Jonathan hy vọng, mặc dù không thật tin tưởng lắm, rằng Anna sẽ không tiếp tục chất vấn anh nữa. Không muốn châm thêm dầu vào lửa những tranh cãi mà cô đang cố nhen lên giữa họ, anh thu xếp hành lý và bước vào buồng tắm để lấy nốt một số đồ vệ sinh cá nhân. Cô vội vã bước theo anh. Anh đi ngang qua cô và với tay lấy chiếc áo măng-tô. Khi anh cúi người định hôn cô, cô lùi lại và nhìn anh.

- Anh thấy không, chính anh đã thừa nhận đấy thôi, Peter hoàn toàn có khả năng gọi cho anh vào ngày hôn lễ!

Jonathan bước xuống cầu thang; khi đã xuống tới sảnh, anh vẫn nắm nắm cửa rồi quay lại nhìn Anna hồi lâu, lúc này cô đang đứng khoanh tay từ trên cầu thang nhìn xuống.

- Không đâu, Anna ạ, cậu ta biết rằng nếu không làm như vậy thì đến sáng thứ hai anh sẽ giết cậu ta.

Anh bước ra ngoài và sập mạnh cửa. Jonathan ra hiệu gọi một chiếc ta-xi. Anh yêu cầu người lái xe đưa anh tới sân bay Logan. Cơn đông đã khiến thành phố ngập úng. Nước chảy trên vỉa hè đã xóa ngay những dấu chân anh. Khi chiếc xe đã đi xa, bức màn sáo trên cửa sổ xuống về của Anna rủ xuống. Cô mỉm cười.

### 3

Jonathan đứng chờ Peter trước cửa lên máy bay của chuyến bay BA 776. Anh dõi mắt theo những hành khách cuối cùng đang biến mất cuối hành lang. Một bàn tay đặt lên vai anh. Nhìn thấy vẻ mặt nhăn nhó của bạn, Peter nhướn mày.

- Tớ vẫn còn là người làm chứng của cậu chứ?

- Cứ theo đà này, cậu sẽ là người làm chứng cho vụ ly hôn của tớ.

- Nếu cậu muốn, thì tớ cũng sẽ nhận lời thôi, nhưng cậu phải kết hôn trước mới được, có những chuyện kiểu gì cũng phải tuân theo trật tự thời gian.

Người phụ trách đội bay đưa mắt nhìn họ sốt ruột, cánh cửa máy bay chỉ còn chờ nốt họ là có thể đóng lại. Peter chọn chỗ ngồi cạnh cửa kính. Jonathan vừa kịp xếp chiếc va-li nhỏ lên ngăn hành lý thì máy bay bắt đầu chuyển bánh.

Một tiếng sau, khi cô tiếp viên bước lại dãy ghế của

họ, Peter nhả nhận thông báo rằng cả hai đều sẽ không dùng tới khay thức ăn cô mang tới. Jonathan ngạc nhiên nhìn bạn.

- Cậu đừng lo! Peter thì thầm thông cảm. Tớ đã nghĩ ra hai độc chiêu đáng giá ngàn vàng để cải thiện các chuyến bay đường dài. Tớ đã ghé qua tiệm bán đồ ăn sẵn ưa thích nhất của cậu và mua một số món để chúng ta có thể thưởng thức một bữa tối thật thịnh soạn. Tớ hơi cảm thấy có lỗi vì món lasagne của cậu.

- Món cà trộn pho-mát bỏ lò, Jonathan khó chịu nói. Thế bữa tiệc của cậu đâu, tớ sắp chết đói rồi đây?

- Nó nằm ở một trong những ngăn hành lý phía trên đầu chúng ta. Ngay sau khi nàng tiếp viên và xe thức ăn kia khuất sau tấm ri-dô, tớ sẽ dọn lên bữa tối của chúng ta!

- Thế độc chiêu thứ hai của cậu là gì?

Peter nghiêng người lấy từ trong túi áo ra một hộp thuốc viên và lắc lắc trước mặt bạn.

- Là cái này! Anh nói về tự mãn và chìa ra hai viên thuốc màu trắng. Đây là một viên thuốc thần kỳ. Khi tỉnh dậy cậu có thể nhìn ra cửa sổ và tự nhủ: "Kìa, sao trông giống Luân-đôn ghê!"

Peter đổ hai viên thuốc vào lòng bàn tay. Anh đưa một viên cho bạn nhưng Jonathan từ chối.

- Cậu sai lầm rồi đấy, Peter vừa nói vừa ném viên thuốc vào sâu trong họng. Đây không phải là thuốc ngủ, nó chỉ giúp cho cậu dễ chợp mắt hơn thôi, và tác dụng phụ duy nhất của nó, là cậu sẽ không hề có chút cảm giác gì về thời gian trong suốt chuyến bay.

Jonathan không đối ý. Peter tựa đầu vào ô cửa và mỗi người theo đuổi những suy tư riêng của mình. Cô tiếp viên trưởng kết thúc công việc của mình và biến mất vào khoang dành cho nhân viên hàng không. Jonathan tháo dây an toàn rồi đứng lên.

- Trong ngăn nào? Anh hỏi Peter rồi chỉ tay lên các ngăn hành lý phía trên.

Peter không trả lời. Jonathan cúi người xuống và nhận ra bạn đã thiu thiu ngủ. Anh đập nhẹ tay lên vai Peter, ngáp ngừng một lát rồi lại thử lay bạn thêm vài lần nữa nhưng vô ích, Peter đã ngủ mê mết. Jonathan mở nắp ngăn hành lý ngay trên chỗ họ ngồi. Khoảng một chục chiếc túi du lịch và áo khoác được xếp lộn xộn chồng chất lên nhau. Anh cúi kính người xuống. Khoanh hành khách chìm trong bóng tối. Một giờ đồng hồ sau, Jonathan tắt đèn ngủ và tìm cách lục lấy hộp thuốc ngủ trong túi áo bạn. Peter ngáy đều đặn, đầu gục vào mép cửa, Jonathan không có cách nào với tới túi áo bên phải của bạn.

Sáu tiếng sau, cô tiếp viên lại hiện ra trước cửa khoang hành khách, tay đẩy một chiếc xe khác. Bị cơn đói hành hạ suốt cả chuyến bay, Jonathan hạnh phúc đón nhận khay đựng bữa sáng. Cô tiếp viên nghiêng người mở mặt bàn cho Peter, lúc này vừa tỉnh giấc, miệng vẫn còn ngáp khi cô đưa cho anh khay đồ ăn. Anh vụt ngồi thẳng dậy.

- Tớ đã nói với cậu là tớ sẽ phụ trách bữa tối cơ mà! Anh vừa nói vừa tức giận nhìn Jonathan.

- Nếu cậu nói thêm một lời nữa, lần sau tỉnh dậy cậu sẽ nhìn qua cửa sổ và tự nhủ : “Kìa, sao trông giống bệnh

viện Thánh Vincent ở Luân-đôn thế nhỉ!”

Cô tiếp viên đặt khay thức ăn lên mặt bàn của Peter, Jonathan nhặt chiếc bánh mì và bánh sừng bò trên khay và đưa lên miệng nhai vội vã trước vẻ mặt sững sờ của bạn.

Một chiếc ta-xi đưa họ từ sân bay Heathrow tới tận trung tâm Luân-đôn.

Vào buổi sớm tinh mơ, đi xuyên qua quảng trường Hyde Park quả là một điều thú vị, khiến người ta sẵn sàng quên mất mình đang ở giữa lòng một trong những thủ đô lớn nhất châu Âu. Những thân cây cổ thụ ẩn hiện trong làn sương mù dày đặc vẫn còn bao trùm thảm cỏ rộng mênh mông. Jonathan nhìn qua cửa xe, chăm chú theo dõi đôi ngựa đốm xám đang sóng bước, móng gỗ trên nền đường ẩm ướt bằng cát nện của lối đi dành cho xe ngựa. Họ đi qua cánh cửa song sắt mang tên Cửa Ông Hoàng. Lúc này vẫn chưa tới tám giờ sáng, vậy mà tại bùng binh Marble Arch thực là một địa ngục của các dòng xe. Họ đi dọc theo đường Park Lane và cuối cùng được chiếc ta-xi đen thả xuống cửa sảnh có mái che của khách sạn Dorchester, nằm ngay cạnh công viên khu phố Mayfair sang trọng. Hai người lấy chìa khóa phòng rồi ai về phòng nấy. Một lát sau, Peter sang phòng Jonathan. Đang thay quần áo, Jonathan ra mở cửa cho bạn trong chiếc áo sơ mi trắng và một chiếc quần cộc bằng vải kẻ ô kiểu Ê-cốt.

- Tổ nhận ra vị du khách lịch lãm đây rồi! Peter vừa bước vào vừa đùa cợt. Tổ đang tự hỏi cậu sẽ ăn mặc như

thế nào nếu tớ đưa cậu sang Châu Phi? Chuyến bay đã làm tớ mệt nhoài rồi, anh nói thêm và thả người ngồi lún sâu vào chiếc ghế bành da to đùng kê cạnh cửa sổ.

Jonathan không trả lời, biến mất sau cánh cửa buồng tắm.

- Cậu vẫn còn giận hả? Peter hét to.

Jonathan lộ đầu ra từ cánh cửa khép hờ.

- Tớ đã trải qua kỳ nghỉ cuối tuần bằng cách ngồi nhìn cậu ngủ ngon lành trong máy bay và rất có khả năng tớ đang bị đe dọa ly thân vào thời điểm chỉ còn bốn tuần trước ngày cưới. Tại sao tớ phải giận cậu cơ chứ? Anh vừa hỏi vừa chỉnh lại nút thắt cà-vạt.

- Bao giờ cậu cũng mặc quần cuối cùng hả? Peter giễu cợt hỏi.

- Điều đó làm cậu khó chịu sao?

- Không, không hề, có điều nếu chẳng may gặp hỏa hoạn, nếu là tớ, tớ sẽ cảm thấy đỡ ngại hơn khi phải chạy ra hành lang mà chưa kịp đeo cà-vạt.

Jonathan ném ra một cái nhìn cẩu bần.

- Đừng có cau có như thế, Peter nói tiếp, chúng mình tới đây là vì ngài danh họa của cậu đấy chứ.

- Ít nhất thì người đưa tin của cậu cũng đáng tin cậy hả?

- Với cái giá mà tớ phải trả, tớ nghĩ tốt nhất anh ta nên thế! Anh ta đã viết rõ ràng *năm bức tranh* trong bức thư điện tử gửi cho tớ, Peter vừa nói vừa nhìn qua cửa sổ.

- Nếu thế gã ấy nhầm rồi, tin tớ đi!

- Tớ nhận được thư của cậu ta lúc vừa tỉnh giấc, và tớ

đã gọi lại hấn mấi mà không được. Lúc đấy ở bên này muộn quá rồi, và tớ thì không thể trách hấn vì đã tự cho phép xả hơi vào tối chủ nhật.

- Cậu lại tỉnh giấc lúc trời đã xế chiều hả?

Peter tỏ vẻ lúng túng khi trả lời Jonathan.

- Tớ thức hơi khuya... Này anh bạn, chính tớ mới là người phải hy sinh kỳ nghỉ cuối tuần để cậu được thỏa niềm đam mê, cho nên đừng có làm tớ cảm thấy tội lỗi như vậy nữa!

- Theo cậu thì một buổi bán đấu giá tầm cỡ như vậy sẽ không giúp gì cho cậu thoát khỏi những rắc rối với các cộng sự của mình phải không, thưa ngài chuyên gia đấu giá?

- Thôi thì cứ cho là chúng ta cùng hy sinh kỳ nghỉ cuối tuần vì một mục đích chung vậy!

- Cậu còn có tin gì khác không?

- Địa chỉ phòng tranh nơi các bức tranh sẽ được triển lãm bắt đầu từ hôm nay. Đó sẽ là nơi diễn ra các cuộc thẩm định, cho tới khi chủ nhân các bức tranh tìm được người xứng đáng giao trách nhiệm tổ chức buổi bán đấu giá.

- Thế hiện giờ ai đang là đối thủ của cậu?

- Tất cả những người nào có trong tay một chiếc búa và biết nói "đấu giá kết thúc". Tớ hoàn toàn trông cậy vào cậu để họ chọn tớ là người được nói câu này trong buổi bán đấu giá sắp tới!

Danh tiếng của Jonathan xứng đáng là một con át chủ bài trong cuộc chạy đua giành cơ hội này giữa những chuyên gia đấu giá. Là người đầu tiên có mặt, lại đi cùng một nhà chuyên môn tầm cỡ như Jonathan, Peter quả đã

đi trước một bước dài.

Họ băng qua căn sảnh rộng của Dorchester, Peter dừng lại trước bàn người gác cửa. Anh chìa ra một mẫu giấy nhỏ và hỏi thăm đường tới địa chỉ ghi trên đó. Người đàn ông trong bộ đồng phục đỏ liền đi vòng qua quầy, mở một tấm bản đồ khu phố và dùng bút vạch đường họ phải đi để đến được phòng tranh. Bằng giọng long trọng, ông khuyên họ nên ngắm đầu lên một vài lần, tại những địa điểm mà ông đã đánh một dấu thập, để chiêm ngưỡng mặt tiền của một vài tòa nhà cổ, hoặc một tòa dinh thự mà chắc chắn họ sẽ thấy thích thú. Bối rối, Peter nhướn mày hỏi người gác cổng xem ông ta có tình cờ có một người họ hàng xa đang sống tại Boston không. Người gác cổng tỏ vẻ ngạc nhiên vì câu hỏi của anh, rồi tận tình đưa hai người tới tận cánh cửa quay và giữ cửa chờ họ đi qua. Sau đó, ông lại đi cùng họ ra tận phần sảnh có mái che bên ngoài và cẩn thận nhắc lại tất cả những chỉ dẫn vừa mới trình bày trước đó vài phút. Peter cầm lấy tấm bản đồ từ tay ông và kéo Jonathan đi luôn.

Họ men theo những con phố nhỏ lấp lánh ánh nắng. Mặt tiền các cửa hàng nằm dọc các vỉa hè lát gạch trắng đua nhau trưng bày đủ kiểu màu sắc. Những chậu hoa treo đều đặn trên các cột đèn đua trong gió nhẹ. Jonathan có cảm giác như đang sống trong một thời đại khác. Anh đang đi tới một cuộc hẹn mà anh đã chờ đợi từ rất lâu, vừa đi vừa ngắm những mái nhà được lợp bằng ngói gỗ hoặc đá đen. Ngay cả khi người đưa tin của Peter có nhầm lẫn, ngay cả khi Jonathan phải thất vọng như anh

đã chuẩn bị tinh thần sẵn, thì anh cũng biết tại một trong những phòng tranh nằm quay lưng về phía đường Piccadilly, rốt cuộc anh sẽ được đứng gần những tác phẩm cuối cùng của Vladimir Radskin. Chưa đầy mười phút là họ đã tới trước số 10 phố Albermarle. Peter lấy mẫu giấy trong túi áo vết ra và kiểm tra lại địa chỉ. Anh đưa mắt nhìn đồng hồ và áp mặt vào những thanh sắt bảo vệ lớp kính của phòng tranh.

- Chắc họ vẫn chưa mở cửa, anh nói về bực mình.

- Lẽ ra cậu phải làm cảnh sát mới đúng, Jonathan đáp ngay lại.

Nhìn sang bên kia đường, Jonathan nhìn thấy một quán cà phê, bánh ngọt có mặt tiền toàn bằng kính. Anh quyết định đi sang đường, Peter theo sau. Quán cà phê có địa điểm thật đẹp. Mùi thơm lừng của hạt cà phê mới xay quện lẫn mùi bánh mì nóng vừa ra lò. Một vài người khách ngồi chống tay lên những mặt bàn cao, ai nấy đều đang vui đầu vào đọc tạp chí hoặc báo. Khi hai người bước vào, không ai trong số họ ngước mắt lên.

Tới trước quầy bar lát đá hoa vân xám, họ gọi hai cà phê capucino, rồi mỗi người tự cầm lấy cốc của mình đi về phía chiếc bàn nhỏ kê sát vách ngăn bằng kính. Đó cũng là lần đầu tiên Jonathan nhìn thấy Clara. Cô mặc một chiếc áo khoác màu be, ngồi trên một chiếc ghế cao, vừa lật từng trang cuốn tạp chí *Herald Tribune* vừa nhấm nháp từng ngụm cà phê kem. Mải đọc, cô lơ đãng đưa cốc nước còn nóng lên miệng, nhăn mặt vì bị bỏng, không hề rời mắt khỏi cuốn tạp chí, cô đặt cốc nước xuống mặt bàn và

lật nhanh sang trang khác. Trông Clara thật gợi cảm, cho dù lớp kem đã quét lên môi trên của cô một vệt ria trắng hơi khó coi. Jonathan mỉm cười, anh rút một tờ khăn giấy mỏng, tiến lại gần và đưa cho cô. Clara cầm lấy song vẫn không ngẩng đầu lên. Cô lau miệng và máy móc đưa trả lại cho anh. Jonathan cất tờ giấy vào túi áo khoác song vẫn không rời mắt khỏi Clara. Đọc xong bài báo khiến cô có vẻ không vui, cô đẩy cuốn tạp chí ra và lắc đầu từ phải qua trái, rồi quay lại nhìn Jonathan, bối rối.

- Chúng ta có quen nhau không?

Jonathan không trả lời.

Tay cầm chiếc khăn giấy, anh chỉ lên cằm mình. Clara chằm chằm lên mặt, đưa trả lại chiếc khăn, suy nghĩ một vài giây rồi đôi mắt chợt vụt sáng.

- Xin lỗi anh, cô nói. Tôi thành thật xin lỗi, tôi không hiểu sao tôi vẫn tiếp tục đọc tạp chí này, mỗi lần đọc, nó đều làm tôi bức bối hết cả ngày.

- Thế bài báo đó viết gì? Jonathan hỏi.

- Chẳng có gì quan trọng, Clara trả lời, toàn những điều ra vẻ vừa chuyên môn vừa uyên bác, song rốt cuộc chỉ toàn những nhận định ngạo mạn.

- Còn gì nữa không?

- Anh thật tốt khi tỏ ra quan tâm như vậy, song chưa chắc anh đã hiểu được đâu, đây là một vấn đề chán ngắt liên quan tới chuyên môn của tôi.

- Thì cứ cho tôi một cơ hội, thế cái thế giới ấy của cô là gì?

Clara nhìn đồng hồ và với ngay lấy chiếc khăn quàng

cổ để trên chiếc ghế kế bên.

- Hội họa! Đến lúc tôi phải đi, sắp muộn rồi, tôi đang chờ một đợt giao hàng.

Cô đi ra cửa và quay người lại trước khi ra đến ngoài.

- Một lần nữa, cảm ơn anh...

- Có gì đâu, Jonathan ngắt lời.

Cô vẫy tay chào anh và đi ra. Qua cửa kính, Jonathan nhìn cô chạy băng qua đường. Tới vỉa hè bên kia, cô nhét chìa khóa vào một chiếc hộp nhỏ được gắn trên bề mặt tường và tấm màn sắt trước cửa phòng tranh số 10 phố Albermarle từ từ kéo lên. Peter lại gần Jonathan.

- Cậu làm gì thế?

- Tớ nghĩ là chúng ta đi được rồi, Jonathan vừa nói vừa nhìn theo bóng Clara biến mất trong phòng tranh.

- Chúng ta có hẹn với cô gái ấy ư?

- Tớ có cảm giác đúng như vậy.

- Nếu vậy thì cậu phải thay đổi ngay cái cách cậu nhìn cô ta đi.

- Cậu nói thế nghĩa là sao?

- Cậu đừng cho tớ là thằng ngốc, nhưng thôi không sao, dù sao thì hai chục năm nay tớ cũng quen rồi.

Đáp lại vẻ ngạc nhiên của Jonathan, Peter nhấc mặt và chỉ tay vào cằm mình. Anh bước ra khỏi cửa hàng, vừa giả vờ vung vẩy một chiếc khăn mùi xoa trong tay. Ánh mặt trời chiếu sáng khắp phòng tranh. Jonathan từ đầu vào lớp kính. Các bức tường vẫn còn trơn tru, căn phòng trống trơn, cô gái có lẽ đang ở phía sau quầy. Anh nhấn chiếc chuông nhỏ nằm kế bên cánh cửa gỗ sơn màu xanh da trời. Peter

đứng phía sau anh. Một vài giây sau Clara xuất hiện. Cô vẫn mặc chiếc áo khoác ban nãy, hai tay thọc sâu vào túi. Cô mỉm cười nhận ra Jonathan, kéo chốt rồi mở hé cửa.

- Tôi để quên chìa khóa ở quán cà phê chẳng?

- Không, Jonathan đáp, nếu không thì tôi đoán cô đã không thể vào.

- Có lẽ anh nói đúng, hay là tôi để quên ví?

- Cũng không luôn.

- Sở tay của tôi! Tôi luôn để mất nó, có lẽ vì tôi căm ghét các cuộc hẹn.

- Cô yên tâm, tôi cam đoan là cô chẳng để quên gì cả.

Nóng ruột, Peter chen lên trước Jonathan và đưa cho Clara chiếc các của anh

- Peter Gwel, đại diện cho Christie's, chúng tôi từ Boston vừa đến đây sáng nay để gặp cô.

- Boston? Xa thế kia à, văn phòng chính của công ty các anh không nằm ở Luân-đôn sao? Clara trả lời và nhường đường để hai vị khách bước vào.

Cô quay người đi vào và hỏi có thể giúp gì cho họ. Peter và Jonathan nhìn nhau ngạc nhiên. Jonathan bước theo cô tới cuối phòng tranh.

- Tôi là chuyên gia thẩm định tranh. Chúng tôi đã được thông báo...

Clara ngắt lời anh, vẻ thích thú.

- Tôi đã đoán ra điều gì khiến các anh đến đây, mặc dù các anh đến hơi sớm quá. Như các anh đã thấy, tôi đang chờ chuyến hàng đầu tiên sẽ tới vào sáng nay.

- Chuyến hàng đầu tiên à? Jonathan hỏi.

- Để đảm bảo an toàn, mỗi bức tranh sẽ được vận chuyển riêng, mỗi ngày một bức. Để xem được hết các bức tranh, có lẽ các anh sẽ phải ở lại Luân-đôn cả tuần tới. Phòng tranh này hoàn toàn độc lập, song với nghề này, thường là các hãng bảo hiểm có quyền ra lệnh.

- Cô sợ các bức tranh có thể bị đánh cắp trong quá trình vận chuyển à?

- Đánh cắp, hoặc tai nạn, một bộ sưu tập tầm cỡ đó cũng đòi hỏi phải chuẩn bị chu đáo một chút.

Một chiếc xe tải sơn biểu tượng của hãng Delahaye Moving đỗ vào vỉa hè trước lớp kính. Clara ra hiệu cho người lái chính xuống xe. Peter và Jonathan quả may mắn, bức tranh đầu tiên vừa được chuyển tới. Tấm cửa lật phía sau được hạ xuống, ba người đàn ông vác chiếc hòm khổng lồ tới tận giữa căn phòng. Hết sức cẩn thận, họ dỡ dần từng miếng ván được đóng vào để bảo vệ bức tranh. Cho tới khi bức tranh được lấy ra khỏi hộp đựng bằng gỗ, Clara chỉ cho những người thợ vị trí treo bức tranh. Jonathan nóng lòng quá mức. Những người vận chuyển treo bức tranh lên bằng sự chính xác rất đáng ngưỡng mộ. Khi họ vừa rời bức tranh, Clara liền kiểm tra khung và tỉ mỉ xem xét bề mặt tranh. Hải lòng, cô ký vào phiếu nhận hàng và trao trả nó cho người đội trưởng.

Mất gần hai tiếng đồng hồ trôi qua chiếc xe tải mới rời khỏi khu phố. Trong suốt thời gian đó, Peter và Jonathan kính cẩn đứng nhìn Clara nhận và xếp đặt vị trí cho bức tranh. Nhiều lần Jonathan muốn giúp nhưng cô không đồng ý. Cô gắn sợi dây báo động và trèo lên một chiếc ghế

thang khá cao để xoay rừng chiếc đèn chiếu hướng về phía bức tranh. Jonathan đứng ra phía trước và đưa một vài gợi ý để điều chỉnh ánh đèn chiếu mà cô còn chưa nhìn tới nơi. Cô phải trèo xuống nhiều lần để đích thân ngắm nghía kết quả công việc của mình. Cầu nhàu một vài lời mà chỉ một mình cô hiểu được, Clara lại trèo lên thang và điều chỉnh luồng sáng đèn. Peter thì thào vào tai bạn rằng trước đây anh vẫn tưởng bạn mình là người duy nhất điên rồ và bị nhà danh họa Nga ám ảnh, song giờ thì danh hiệu đó đã tìm được đối thủ cạnh tranh. Jonathan nhìn bạn bằng ánh mắt quả trách và Peter lùi ra xa, suốt quãng thời gian còn lại của buổi sáng anh không rời khỏi chiếc điện thoại di động. Anh vừa nói chuyện điện thoại vừa đi dọc theo bức tường kính, có lúc tiến vào giữa phòng tranh, có khi lại ra tận vỉa hè, trong khi Clara và Jonathan trao đổi với nhau quan điểm của họ về chất lượng ánh sáng đạt được. Tới khoảng một giờ chiều, Clara đứng quan sát bức tranh, bên cạnh Jonathan. Hai tay chống lên hông, nét mặt cô đã giãn ra, cô lấy khuỷu tay huých anh khiến anh giật nảy người.

- Tôi đói quá, cô nói, còn anh?

- Tôi cũng vậy!

- Anh có thích ăn món Nhật không?

- Có.

- Lúc nào anh cũng nói nhiều như thế này à?

- Phải, anh trả lời ngay trước khi nhận thêm một cú huých tay nữa.

- Bức họa này thật tuyệt, phải không? Clara nói tiếp, giọng xúc động.

Bức tranh vẽ cảnh một bữa trưa ở đồng quê. Một chiếc bàn kê trên một sân lát đá rộng bên cạnh một tòa nhà. Khoảng hơn một chục thực khách đang ngồi ăn, một số người nữa đứng ở phía xa hơn. Một cây dương lớn xòa tán rộng che bóng mát lên hai người đàn ông ăn mặc lịch sự. Nét vẽ của danh họa chân thực tới mức tạo cảm giác như hai nhân vật đang mấp máy môi thành lời trò chuyện với nhau. Màu sắc của tán lá và bầu trời tươi sáng cho thấy đó là một buổi chiều hè đẹp trời, cho dù đã cách đây cả thế kỷ nhưng vẫn còn sống động. Jonathan nghĩ tới việc tất cả những nhân vật này đều đã qua đời, thân thể của họ giờ đã chỉ còn là cát bụi, thế nhưng dưới nét vẽ của Vladimir, họ sẽ không bao giờ mất đi được. Chỉ cần nhìn họ trong bức họa này là có thể tưởng tượng ra họ như còn đang sống. Anh phá tan sự lặng thinh ngưỡng mộ mà Clara và anh cùng gom góp từ lúc nãy.

- Đây là một trong những tác phẩm cuối cùng của nhà danh họa. Cô có để ý góc nhìn đặc biệt này không. Rất hiếm khung cảnh được vẽ theo kiểu như vậy. Vladimir đã sử dụng độ cao để làm tăng thêm chiều sâu cho tầm nhìn của ông. Giống như cách thể hiện của một nhà nhiếp ảnh.

- Thế anh có nhận thấy không một người phụ nữ nào xuất hiện quanh bàn ăn không? Cứ cách một ghế lại có một ghế trống.

- Ông ta không bao giờ vẽ phụ nữ.

- Ông ấy căm ghét phụ nữ ư?

- Vợ ông ấy mất sớm và không thể nào quên được nỗi đau ấy.

- Tôi chỉ thử anh thôi! Thôi nào, chúng ta đi, dạ dày tôi luôn giãy vò mỗi khi tôi tìm cách lờ nó đi quá lâu.

Clara kéo Jonathan đi, cô bật camera theo dõi, tắt đèn, bật còi báo động và đóng cửa. Trên vỉa hè, Peter vẫn tiếp tục đi đi lại lại, ra hiệu cho họ anh sắp trò chuyện xong và sẽ đuổi theo họ.

- Di động của bạn anh không cần sạc pin bao giờ hả?

- Cậu ấy tràn trề năng lượng đến nỗi truyền cả sang pin điện thoại rồi!

- Chắc vậy, chúng ta đi nhanh lên thôi, ở ngay trước mặt kia rồi.

Jonathan và Clara băng qua đường, họ bước vào một nhà hàng nhỏ bán đồ ăn kiểu Nhật và chọn một khoang trong góc. Jonathan đưa thực đơn cho Clara đúng lúc Peter xuất hiện trước cửa và nhập bọn cùng họ.

- Chỗ này thật thú vị, anh ngồi xuống và nói. Thật xin lỗi vì đã để hai người phải chờ, tôi cứ nghĩ với sự chênh lệch giờ giấc, tôi sẽ có một chút thời gian trước khi các văn phòng ở Boston bắt đầu làm việc, nhưng "chợ chưa họp kẻ cắp đã đến".

- Cậu có đói không? Jonathan hỏi và đưa thực đơn cho bạn.

Peter mở thực đơn rồi đặt nó lên bàn, về mặt anh trông thật bực bội.

- Hai người thích món cá sống này lắm hả? Tôi khoái những món không khiến mình phải đắn đo về độ tươi sống hơn.

- Hai anh quen nhau lâu lắm rồi phải không? Clara

hỏi về thích thú.

Bữa ăn trưa khá dễ chịu. Peter tận dụng hết sức sự thu hút của mình, anh làm cho Clara cười khá nhiều. Anh kín đáo viết vài chữ lên một chiếc khăn giấy và nhét vào tay Jonathan. Jonathan mở tờ giấy để trên đùi; sau khi đọc xong, anh vo tròn mẩu giấy và lén thả nó xuống đất. Phía bên kia đường, dưới bầu trời Luân-đôn vẩn vù mây, bức tranh của danh họa già người Nga vẫn tỏa ra ánh sáng của một mùa hè xa xưa dường như không bao giờ ngừng tắt.

Sau bữa ăn trưa, Peter quay về văn phòng Christie's trong khi Jonathan và Clara trở lại phòng tranh. Suốt buổi chiều hôm ấy, anh ngồi trên một chiếc ghế cao, đối diện với bức tranh. Anh chăm chú xem xét từng chi tiết nhỏ qua kính lúp, rồi cẩn thận ghi chép những nhận xét của mình vào một cuốn sổ lớn gáy xoắn.

Peter gọi ngay thợ chụp ảnh tới phòng tranh vào cuối buổi chiều. Anh ta tỉ mỉ sắp đặt dụng cụ. Vài chiếc ô thật to màu trắng cắm trên giá ba chân đặt hai bên bức tranh, nối với chiếc máy ảnh ống kính 6x6 bằng những sợi dây.

Trong ánh chiều tà, lớp cửa kính vài chục lần lóe lên những tia sáng theo nhịp đèn flash nối tiếp nhau. Từ ngoài đường nhìn vào, người ta có thể tưởng nhầm một cơn bão đang bùng lên bên trong phòng tranh. Đến cuối ngày, người thợ chụp ảnh xếp đồ nghề ra phía sau căn phòng rồi chào Jonathan và Clara. Anh ta sẽ quay lại vào ngày hôm sau, cũng giờ này, để tiếp tục công việc với bức tranh thứ hai. Trong khi anh ta chào Clara trên ngưỡng cửa, Jonathan kiểm tra lại chữ ký nằm phía dưới bức họa. Đó quả thực là

bức *Bữa ăn trưa ở đồng quê* của Vladimir Radskin, nó đã từng được triển lãm ở Paris hồi đầu thế kỷ, rồi ở Rome trước chiến tranh và sẽ được liệt vào danh mục tác phẩm của danh họa sắp được phát hành.

Đã khá lâu Jonathan mới lại cảm thấy mệt mỏi do lệch múi giờ. Anh đề nghị Clara để anh giúp đóng cửa phòng tranh. Cô cảm ơn anh nhưng còn một số việc phải hoàn thành. Cô tiễn anh ra tận cửa.

- Hôm nay quả là một ngày tuyệt vời, anh nói, tôi vô cùng biết ơn cô.

- Nhưng thật sự tôi có làm được gì ghê gớm đâu, Clara trả lời bằng giọng nhẹ nhàng, anh phải cảm ơn ông ấy mới đúng, cô nói thêm và chỉ tay vào bức tranh.

Khi ra đến cửa, anh không thể kiềm chế nổi cái ngáp dài. Anh quay lại và dăm dăm nhìn Clara.

- Tôi phải có tới cả ngàn câu hỏi dành cho cô, anh nói. Cô mỉm cười.

- Tôi nghĩ là chúng ta còn cả một tuần cho các câu hỏi, giờ thì anh hãy về ngủ một giấc đi, suốt chiều nay tôi đã tự hỏi không biết anh làm thế nào để có thể đứng vững được.

Jonathan lùi bước và giơ tay chào tạm biệt. Clara cũng giơ tay vẫy và một chiếc ta-xi đen tiến tới đậu bên hè.

- Cảm ơn cô, Jonathan nói.

Anh lên xe và lại ra hiệu chào cô qua cửa sổ. Clara quay vào trong và khép cánh cửa phòng tranh, cô bước tới sát lớp kính và nhìn theo chiếc xe đi xa dần, về trầm ngâm. Một câu hỏi khác cứ vẩn vương trong tâm trí cô kể từ bữa trưa. Cảm giác đã từng gặp Jonathan càng lúc càng trở nên

ám ảnh. Khi anh ngồi trên chiếc ghế cao, say sưa ngắm nhìn bức tranh, một vài cử chỉ của anh khiến cô cảm thấy gần như thân thuộc. Mặc dù cô đã cố gắng suy nghĩ rất nhiều, song vẫn không thể nào nhớ ra bất cứ ngày tháng hay địa điểm nào liên quan tới cảm giác này. Cô nhún vai và quay trở lại bàn làm việc.

Khi về đến phòng, Jonathan nhận thấy đèn sáng màu đỏ đang nhấp nháy trên điện thoại để bàn. Anh đặt ngay túi xuống, nhắc máy lên và nhấn nút nghe tin nhắn. Giọng nói của Peter vẫn không hề bớt sôi nổi. Hai người được mời tới dự một buổi khai mạc triển lãm, sau đó là cuộc chiêu đãi trong một nhà hàng sang trọng, với những “món ăn đúng nghĩa”, “được nấu chín”, Peter thông báo. Anh hẹn Jonathan ở sảnh lúc chín giờ tối.

Jonathan làm như không biết nguyên nhân khiến anh ít nhiều thất vọng. Anh để lại một tin nhắn trả lời trong phòng Peter. Sự mệt mỏi đã hoàn toàn chế ngự anh, anh muốn ở nhà ngủ hơn, họ sẽ gặp lại nhau vào sáng ngày mai. Ngay sau đó, anh bấm số máy nhà mình ở Boston. Chuông điện thoại reo song không có ai nghe máy, có lẽ Anna đang ở trong xưởng vẽ và có thể cô đã ngắt chuông điện thoại, cũng có thể cô đã ra ngoài mà không để máy nhắn tin. Jonathan cởi bỏ áo quần và bước vào phòng tắm.

Khi trở ra, quần quanh người một chiếc áo choàng tắm dày bằng vải bông, anh lấy cuốn sổ và đọc lại những gì đã ghi chép. Anh đưa tay vuốt nhẹ phía dưới một trang sổ kín đặc chữ, nơi có một ký họa nhỏ mà anh đã nhanh tay thảo trong buổi chiều. Mặc dù đường nét còn vụng về,

song có thể dễ dàng nhận ra khuôn mặt của Clara. Jonathan thở dài, đặt cuốn sổ xuống, tắt đèn, hai tay đan sau gáy và nằm chờ giấc ngủ đến.

Một tiếng sau, vẫn chưa ngủ được, anh nhảy xuống khỏi giường, lấy bộ áo complet treo trong tủ, mặc một chiếc áo sơ-mi mới và rời khỏi phòng. Anh chạy theo hành lang dài dẫn tới thang máy, buộc dây giày khi đã vào bên trong, chỉnh lại cà-vạt khi cửa thang máy mở ra ở tầng trệt. Anh nhận ra Peter đang đứng cạnh cây cột bằng đá hoa cương ở đầu kia của gian sảnh. Jonathan bước vội, nhưng khi gần tới chỗ Peter, anh chợt nhận ra đáng một người khác, tràn đầy vẻ nữ tính, đứng cạnh cây cột. Cánh tay Peter quàng qua eo cô gái có thân hình tuyệt đẹp, trang phục thoáng hết mức. Jonathan mỉm cười đứng lại trong khi Peter biến mất sau cánh cửa quay. Đứng trơ trọi giữa sảnh của khách sạn Dorchester, Jonathan nhìn quầy bar và quyết định vào đó. Trong quầy đông kín người. Chàng trai phục vụ bèn đưa anh tới một chiếc bàn nhỏ, Jonathan thả mình lút sâu trong chiếc ghế bành rộng bằng da màu đen. Một chai rượu bước-bông và một chiếc sandwich sẽ dung hòa một mối độ lệch múi giờ với những ý muốn bất chợt của anh.

Anh vừa mở tờ báo thì ánh mắt chợt bắt gặp mái tóc bạch kim của một người phụ nữ ngồi bên quầy bar. Jonathan nghiêng người, song đám đông vây quanh quầy che khuất tầm nhìn của anh, khiến anh không thể nhìn thấy khuôn mặt người phụ nữ. Jonathan nhìn thêm hồi lâu, dường như bà ta đang chăm chú nhìn người pha rượu.

Anh định quay lại với trang báo song chợt nhận ra động tác đặc biệt khi bàn tay đòi mỗi của người đàn bà lắc cho các viên đá quay tròn trong ly whisky, rồi anh nhìn thấy chiếc nhẫn bà ta đeo trên tay. Tim đập rộn rã, anh lập tức đứng dậy. Khó nhọc lắm mới rẽ được một lối đi qua đám đông, cuối cùng anh cũng tới được quầy bar.

Nhưng một người phụ nữ khác hẳn tuổi bà ta đã ngồi vào ghế đó. Một đám đàn ông xúm quanh cô, cố tìm cách kéo cô ra nhập bọn với họ. Jonathan phải khó khăn lắm mới có thể bứt ra khỏi đám người đang say sưa. Anh kiểng chân và nhìn thấy mái tóc trắng đi về phía cửa trông như đang trôi trên một đại dương tưởng tượng. Khi anh ra tới nơi, sảnh khách sạn vắng tanh. Anh chạy vội ra bên ngoài, tới phần sảnh có mái che, hỏi người gác cổng xem có nhìn thấy một người đàn bà vừa mới bước ra. Lúng túng, ông nhả nhận cho anh biết vì nguyên tắc nghề nghiệp, ông ta không có quyền trả lời những câu hỏi như vậy... Đúng là Luân-đôn.

\*

\*

\*

Ngày hôm sau Jonathan và Peter gặp nhau từ sáng sớm để cùng chạy bộ trong công viên.

- Này, trông mặt cậu kìa! Đối với một người xem như đã ngủ suốt mười hai tiếng, nhìn cậu như mất ngủ ấy, Peter nói với Jonathan. Cậu lại ra ngoài phải không?

- Không, chỉ có điều tớ chẳng hề chớp mắt, thế thôi.

Thế còn cậu, tôi qua thế nào?

- Rất đáng kể, toàn những người có địa vị.
- Thật sao? Thế cô ta thế nào?
- Rất đáng kể!
- Tớ cũng nghĩ thế.

Peter vịn tay lên vai Jonathan.

- Thôi nào, thật ra thì tớ chỉ thay đổi kế hoạch vào phút cuối, mà cũng hoàn toàn do cậu không chịu đi cùng tớ. Tớ rất cần cà phê, anh vui vẻ nói, tớ cũng chẳng ngủ được nhiều lắm.

- Cậu làm ơn đừng có kể chi tiết với tớ, Jonathan tiếp lời.

- Tâm trạng cậu khá tốt, như vậy là được. Các đối thủ của chúng ta sẽ không thể chinh đốn xong đội ngũ trước ngày thứ sáu, như vậy là chúng ta có hơn họ một tuần để giành được buổi đấu giá này. Bây giờ thì hãy trang bị cho vẻ mặt của cậu một chút quyền rũ trước khi tới gặp “cô chủ phòng tranh” của chúng ta, tớ vẫn chưa biết ai là người sở hữu các bức tranh song ý kiến của cô ta sẽ đóng một vai trò quan trọng và tớ có cảm giác cô ấy cũng không hề thờ ơ trước sự hấp dẫn của cậu.

- Peter, cậu làm tớ phát bực rồi đấy.

- Đấy, tớ đã bảo mà, tâm trạng của cậu thật tuyệt vời!

Peter nói vội. Cậu nên đi ngay bây giờ.

- Cậu nói gì cơ?

- Cậu chỉ có một ước muốn là quay lại xem bức tranh của cậu, thế thì đi ngay đi.

- Cậu không đi với tớ à?

- Tớ còn có việc. Có phải dễ mà mang được các bức tranh của Radskin về Mỹ đâu.

- Nếu thế, cậu tổ chức buổi bán đấu giá tại Luân-đôn đi.

- Không được, tớ cần sự có mặt của cậu.

- Tớ thấy có vấn đề gì đâu?

- Khi nào về khách sạn thay quần áo, cậu lấy cuốn sổ tay và nhớ kiểm tra lại điều tớ nói đây: hình như cậu sẽ lấy vợ vào cuối tháng sáu ở Boston.

- Cậu muốn bán các bức tranh đó trong vòng một tháng nữa hả?

- Chúng ta sẽ chốt lại danh mục các tác phẩm trong mười ngày nữa, tớ vẫn có đủ thời gian.

- Bộ não của cậu có biết là cậu không hề nghiêm túc khi nói thế không?

- Tớ biết, đó quả là một cuộc cá cược điên rồ, nhưng tớ chẳng còn lựa chọn nào khác nữa, Peter cầu nhàu.

- Tớ không nghĩ là cậu điên, mà thậm chí còn hơn cả thế nữa kia!

- Jonathan, bài báo đó đã làm cả văn phòng đảo lộn từ trên xuống dưới. Hôm qua trong hành lang, mọi người nhìn tớ như thể tớ đang hấp hối vậy.

- Tại lúc đó cậu đang bị quỷ ám chứ gì!

- Tớ cũng muốn thế lắm, Peter thở dài. Nhưng không, tớ cam đoan với cậu là mọi chuyện đang xoay chuyển theo chiều hướng rất xấu, buổi bán đấu giá này có thể sẽ cứu được tớ và tớ thực sự cần cậu hơn bao giờ hết. Phải tìm mọi cách để chúng ta có thể tóm được nhà danh họa già của cậu.

Nếu buổi bán đấu giá này tuột khỏi tay chúng ta, tớ sẽ không thể vực lên được, mà ngay cả cậu cũng thế.

Cả tuần này, không khí tại các văn phòng của Nhà Christie's tại Luân-đôn sôi lên sùng sục. Các chuyên gia người bán, người mua và những người điều khiển các buổi bán liên tục bàn bạc trong các phòng họp khác nhau. Các nhà chuyên môn ở mỗi khâu luôn phải gặp nhau từ sáng đến tối, bàn định và lên kế hoạch cho các buổi bán của nhiều chi nhánh trên khắp thế giới, soát lại các danh mục và phân chia các tác phẩm lớn cho những chuyên gia đấu giá. Peter sẽ phải thuyết phục các cộng tác viên để họ đồng ý cho anh mang những bức họa của Vladimir Radskin sang Boston. Trong khoảng non một tháng nữa, dưới búa của anh sẽ là buổi đấu giá các tác phẩm lừng danh của thế kỷ XIX, mà những tạp chí nghệ thuật quốc tế sẽ không thể không tập trung sự chú ý. Đảo lộn chương trình không phải là một việc nằm trong thói quen của ban lãnh đạo công ty, Peter biết làm được điều này quả không hề dễ dàng, và trong cảm giác cô đơn, anh chợt thấy nghi ngờ chính bản thân mình.

Khi Jonathan đến trước cửa nhà số 10 phố Albermarle thì đã hơn mười giờ sáng, Clara đã có mặt ở đó. Qua lớp kính, cô nhìn thấy anh xuống ta-xi và đi qua đường về phía quán cà phê nhỏ. Vài phút sau, anh bước ra, trong tay cầm hai chiếc cốc to đựng bằng bìa đựng cappucino, cô mở cửa cho anh. Khoảng gần mười một giờ sáng, chiếc xe tải của hãng

Delahaye Moving đến đầu dọc vỉa hè trước cửa phòng tranh. Chiếc hòm đựng bức họa thứ hai được đặt trên những chiếc ghế kê ở giữa phòng, Jonathan thấy trong anh đang lớn dần cảm giác nôn nóng chứa đầy kỷ niệm. Một phần nhờ tuổi thơ mà anh chưa bao giờ hoàn toàn rũ bỏ, anh vẫn luôn giữ cho mình cái cảm giác ngây ngất trước một điều mới lạ. Có biết bao người trưởng thành xung quanh anh đã tự mình đánh mất cái cảm giác tuyệt vời ấy? Cho dù một số người có thể cho đó là lỗi thời, song Jonathan vẫn có thể phấn khích trước màu sắc của một buổi chiều xuống, mùi hương của một mùa, nụ cười trên khuôn mặt của một cô gái xa lạ đi ngang qua đường, ánh mắt của một đứa trẻ, cử chỉ của một người già hay thậm chí chỉ là một trong những sự quan tâm nhỏ nhất nhất trong cuộc sống thường nhật. Và cho dù Peter thỉnh thoảng vẫn chế giễu anh, Jonathan luôn tự nhủ sẽ mãi mãi trung thành với một lời hứa với cha anh, rằng anh sẽ không bao giờ để mất đi cái cảm giác ngây ngất ấy. Phải che giấu sự nôn nóng lúc này, đối với anh, còn khó hơn cả ngày hôm qua. Có thể anh sẽ phải chờ lâu hơn để được chiêm ngưỡng tác phẩm mà anh hằng mơ tưởng, cũng có thể nó không nằm trong bộ sưu tập này, song Jonathan vẫn tin vào ngôi sao may mắn của mình.

Anh nhẩn nại nhìn những người thợ lần lượt tháo từng chiếc đinh khỏi những tấm ván gỗ sáng màu. Cứ mỗi tấm ván được người đội trưởng thận trọng gỡ ra, anh lại có cảm giác tìm mình đập mạnh hơn một chút. Clara đứng cạnh anh, tay chấp sau lưng, cô cũng run rẩy vì nóng ruột.

- Tôi ước sao họ lột hết những mảnh gỗ kia ra cùng một lúc, để có thể xem bức tranh ngay bây giờ, Jonathan thì thầm.

- Tôi đã chọn họ chính vì họ sẽ làm hoàn toàn ngược lại! Clara thấp giọng trả lời.

Chiếc hòm hôm nay trông còn đồ sộ hơn cả chiếc của ngày hôm qua. Việc tháo dỡ khung bảo vệ còn cần khoảng hơn một giờ nữa. Nhóm thợ vận chuyển đã đến giờ giải lao. Họ trèo cả lên thùng xe tải để có thể tận hưởng một ngày nắng đẹp. Clara đóng cửa phòng tranh và đề nghị Jonathan cùng đi dạo để thay đổi không khí. Họ đi bộ dọc con phố, rồi bỗng nhiên cô gọi một chiếc ta-xi.

- Anh đã bao giờ đi dạo dọc sông Tamise chưa?

Họ thả bộ dưới những hàng cây dọc theo bờ sông. Jonathan trả lời tất cả các câu hỏi mà Clara đặt ra cho anh. Cô hỏi anh điều gì đã khiến anh trở thành một chuyên gia thẩm định tranh và vô tình đã mở ra trong anh một góc nhìn vào quá khứ. Họ ngồi xuống một chiếc ghế băng và Jonathan kể cho cô nghe về buổi chiều mùa thu năm ấy, khi cha anh đưa anh tới thăm bảo tàng lần đầu tiên. Anh mô tả cho cô về kích thước của căn phòng mênh mông mà cha và anh đã bước vào. Cha anh đã buông tay ra, tín hiệu của sự tự do. Đứa bé chợt dừng lại trước một bức tranh. Người đàn ông được vẽ trong bức tranh treo chính giữa bức tường lớn dường như chỉ nhìn vào nó.

- Đây là một bức tự họa, cha anh thì thầm, ông ta đã

tự vẽ chính mình, rất nhiều họa sĩ làm như vậy. Giới thiệu với con, đây là Vladimir Radskin.

Và thế là chú bé bắt đầu đùa chơi với người họa sĩ già. Cho dù nó trốn sau chiếc cột to, chạy vòng vèo khắp gian phòng theo hướng này hay hướng khác, dù nhanh hay chậm, dù bước lên hay lùi xuống, ánh mắt kia vẫn dõi theo và chỉ tập trung vào một mình nó. Ngay cả khi nó nhắm tịt mắt, đứa trẻ biết rằng “người đàn ông trong bức tranh” vẫn nhìn nó đăm đăm. Như bị mê hoặc, nó bước lại gần bức tranh và cứ đứng như vậy hàng giờ. Đường như tất cả đồng hồ trong vòng nghìn dặm quanh đó đã ngừng kêu tích tắc, như hai thời đại đã hòa nhập vào nhau bởi sức mạnh của một cái nhìn, một cảm xúc duy nhất. Bằng tất cả tâm hồn của tuổi mười hai, Jonathan bắt đầu tưởng tượng. Bằng một nét cọ trên một bức tranh vượt lên mọi nguyên tắc vật lý, đôi mắt người đàn ông đã gửi qua hàng thế kỷ những lời mà chỉ một mình đứa bé nghe được. Cha anh đã tìm được một chỗ ngồi phía sau anh, trên một chiếc ghế băng. Jonathan say mê ngắm nhìn bức tranh như bị hút hồn; cha anh ngồi ngắm đứa con trai, bức tranh đẹp nhất của đời ông.

- Thế nếu ông không đưa anh tới bảo tàng ngày hôm đó, thì giờ anh sẽ làm gì? Clara hỏi bằng giọng rụt rè.

Có phải cha anh, người đàn ông với nụ cười luôn hiện trên môi, hay là số phận, đã dẫn bước anh tới bức tranh treo tại phía tường ấy? Hay là cả hai? Jonathan không trả lời. Tối lượt anh hỏi Clara điều gì đã gắn cô với người họa sĩ già. Cô mỉm cười, nhìn chiếc đồng hồ trên gác chuông

Big Ben phía xa xa, đứng lên và vẫy một chiếc ta-xi.

- Chúng ta còn rất nhiều việc phải làm, cô nói.

Jonathan không gắng hỏi, anh vẫn còn có hai ngày nữa, và nếu như vận may mỉm cười với anh, nếu bức họa thú năm thực sự tồn tại, có thể anh sẽ còn ba ngày ở bên cô.

Sáng hôm sau, Jonathan lại gặp Clara và những người thợ vận chuyển đã giao bức tranh của ngày hôm đó. Trong khi họ đang bận rộn tháo dỡ, một chiếc Austin bé tí màu đỏ chói dừng trước tường kính. Một thanh niên từ trên xe bước xuống và đi vào phòng tranh, hai tay ôm một chồng tài liệu. Clara ra hiệu cho anh ta rồi biến mất vào phía trong. Người lạ mặt, không nói một lời, chăm chú nhìn Jonathan trong mười phút, cho tới khi Clara xuất hiện trong chiếc quần da và một chiếc áo được thiết kế bởi một nhà tạo mẫu nổi tiếng. Jonathan bị choáng ngợp bởi vẻ dịu dàng gợi cảm toát ra nơi cô.

- Chúng tôi sẽ quay lại sau hai tiếng, Clara nói với người thanh niên.

Cô vội vã ôm chồng tài liệu mà người thanh niên để trên bàn bước ra cửa, rồi quay lại nói với Jonathan.

- Anh đi với tôi, cô nói.

Ra tới vỉa hè, cô nghiêng người về phía anh và nói nhỏ:

- Anh ta tên là Frank, làm việc trong một phòng tranh khác của tôi. Nghệ thuật đương đại! Cô vừa nói thêm vừa chỉnh lại dây áo.

Hơi sững sờ, Jonathan mở cửa xe cho cô. Clara chui

vào xe và lách mình qua hộp số sang ghế bên kia.

- Ở chỗ chúng tôi, tay lái nằm phía bên kia, cô vừa nói vừa cười và cho chiếc Cooper khởi động.

Phòng tranh ở Soho rộng gấp năm lần phòng tranh ở Mayfair. Các tác phẩm được trưng bày không thuộc phạm vi chuyên môn của Jonathan, song anh vẫn nhận ra trên tường có ba bức tranh của Basquiat, hai bức tranh của Andy Warhol, một của Bacon, một của Willem de Kooning, cùng các bức tranh khác và một số tác phẩm điêu khắc hiện đại, trong đó có hai bức tượng của Giacometti và Chillida.

Clara trao đổi khoảng nửa giờ với một khách hàng, gợi ý cho một phụ tá tráo đổi vị trí hai bức tranh, kiểm tra độ sạch của một đồ gỗ bằng cách kín đáo miết tay lên bề mặt, ký hai tờ séc được kẹp trong một cặp hồ sơ màu cam do một người phụ nữ có mái tóc đỏ được thắt bằng vài sợi dây màu xanh trình cho cô. Sau đó, cô gõ một bức thư trên chiếc máy tính cũng rất xứng đáng được coi là một tác phẩm nghệ thuật, rồi tỏ ra hài lòng, cô đề nghị Jonathan đi cùng cô tới chỗ một người đồng sự. Cô yêu cầu ai đó báo với Frank anh sẽ phải ở lại Mayfair hơi lâu một chút. Sau khi chào bốn người đang làm việc tại phòng tranh, họ lại rời đi bằng chiếc xe nhỏ.

Cô lái xe điều nghệ theo những con phố hẹp của Soho và cuối cùng cũng lách được vào chỗ đậu xe duy nhất còn trống trên phố Greek. Jonathan đứng chờ trong khi cô thương lượng một bức tượng khá lớn với một người bán hàng. Họ về tới số 10 phố Albermarle vào đầu giờ chiều.

Vấn không phải là bức tranh mà anh hy vọng được nhìn thấy, xong vẻ đẹp của bức tranh nhận được cũng an ủi anh khá nhiều.

Người thợ ảnh phá tan bầu không khí thân mật gần gũi mà cả anh và cô, mặc dù chưa thú nhận bằng lời, song đều cảm thấy dễ chịu. Trong khi Jonathan xem và đánh giá bức tranh, Clara bận rộn bên bàn làm việc sắp xếp giấy tờ và ghi chép. Thỉnh thoảng, cô ngước mắt lên quan sát anh; đôi lúc anh cũng làm như vậy, và một vài lần ánh mắt họ gặp nhau, hai người cùng vội vã quay đi để lẩn trốn sự tình cờ ấy.

Peter đã ở lì cả ngày tại Christie's, bận rộn tập hợp những tài liệu cần thiết để chuẩn bị cho buổi đấu giá. Anh đã nhận được những tấm ảnh chụp ngày hôm trước và chọn ra những tấm đáng được đưa vào cuốn danh mục của anh. Lúc không bận rộn với những thành viên trong ban quản trị để thuyết phục họ rằng anh hoàn toàn có thể tổ chức mọi thứ đúng hạn, anh lại giam mình trong phòng dữ liệu. Ngồi trước một màn hình máy tính được kết nối với một trong những hệ thống cơ sở dữ liệu tư nhân lớn nhất trong lĩnh vực kinh doanh nghệ thuật, anh lưu lại và sắp xếp tất cả các bài viết và các bức ảnh được thực hiện trong vòng một thế kỷ về những tác phẩm của Vladimir Radskin. Buổi họp ban quản trị để quyết định số phận của anh đã được dời lại tới hôm sau và Peter có cảm giác như mỗi giờ trôi qua, cổ áo sơ-mi lại càng siết chặt lấy họng anh.

Anh gặp lại Jonathan tại khách sạn để đưa bạn tới một buổi dạ tiệc thượng lưu, những chốn ấy khiến

Jonathan căm ghét hơn mọi thứ trên đời. Song, vì công việc, anh vẫn cố tỏ ra tươi tỉnh trong suốt buổi nhạc kịch với sự cố mặt của những nhà sưu tầm nghệ thuật lớn nhất cũng như những nhà kinh doanh nghệ thuật tên tuổi nhất. Tối cuối buổi diễn, Jonathan ra về ngay lập tức. Trong khi đi dạo theo những con phố của Covent Garden, anh nghĩ tới cuộc sống xa xưa từng diễn ra tại đây. Những mặt tiền tuyệt đẹp này trước kia vẫn còn nham nhở vôi vữa, những con đường trong khu phố này, giờ là một trong những con phố đắt giá nhất của thủ đô Luân-đôn, xưa kia tồi tàn và bẩn thỉu. Dưới ánh sáng mờ yếu ốt phát ra từ một trong những ngọn đèn cao áp chiếu xuống vỉa hè bóng loáng, khoảng một trăm năm mươi năm về trước, anh đã có thể gặp đâu đó trong con phố nhỏ này một họa sĩ người Nga tay cầm một mẫu than đang cặm cụi vẽ những người qua đường hối hả mua bán xung quanh một khu chợ.

Peter, về phần mình, đã gặp một cô bạn cũ người Ý vừa mới ghé Luân-đôn. Anh ngập ngừng đôi chút trước khi mời cô cùng anh uống một vài ly. Dù sao thì buổi họp cũng chỉ bắt đầu vào đầu giờ chiều mai, là lúc mà thông thường anh cảm thấy cao hứng nhất trong ngày. Lúc này mới là nửa đêm, anh bước vào quán rượu trong vòng tay của Melena.

Jonathan tỉnh dậy từ sớm, Peter vẫn chưa có mặt tại sảnh như đã hẹn, anh liền tận dụng cơ hội đó để thông thả tản bộ tới phòng tranh. Cánh cửa sắt bên ngoài vẫn đóng kín,

anh mua một tờ báo và ngồi chờ Clara trong quán cà phê. Một lúc sau, anh chàng Frank đến tìm anh và trao cho anh một phong bì. Jonathan xé ra đọc.

*Jonathan thân mến,*

*Thứ lỗi cho sự vắng mặt của tôi, tôi sẽ không thể gặp anh sáng nay. Frank sẽ thay tôi nhận bức tranh và tất nhiên là phòng tranh vẫn mở rộng cửa chào đón anh. Tôi biết anh rất nóng lòng được nhìn thấy bức tranh của ngày hôm nay, nó rất tuyệt vời. Lần này tôi để anh toàn quyền xử lý phần ánh sáng, tôi biết anh sẽ xoay sở rất tốt. Tôi sẽ gặp lại anh ngay sau khi giải quyết xong công việc. Chúc anh có được một ngày tốt đẹp với Vladimir. Tôi cũng rất muốn ở lại với anh và ông ấy nhưng không thể.*

*Thân mến, Clara.*

Về mặt ưu tư, anh gấp bức thư lại và cất nó vào trong túi áo. Khi anh ngẩng đầu nhìn lên, chàng thanh niên đã ở bên trong phòng tranh. Chiếc xe tải của hãng Delahaye Moving tới đậu dọc vỉa hè. Jonathan ngồi chờ bên quầy bar và lấy bức thư của Clara ra đọc lại. Đến khoảng mười một giờ, anh sang chỗ Frank; cho tới tận trưa, họ vẫn không nói với nhau câu nào. Người đội trưởng thông báo với họ công việc tháo dỡ bức tranh còn cần thêm chút thời gian. Jonathan nhìn đồng hồ và thở dài, thậm chí anh còn chẳng muốn quay lại nghiên cứu những bức tranh đã được treo lên.

Anh ra đứng cạnh cửa kính, thoát tiên đếm những

chiếc xe chạy qua, rồi ước lượng thời gian trung bình mà người cảnh sát tuần tra bên kia đường cần để ghi mỗi tờ giấy phạt, anh đếm được bảy người khách đã bước vào quán cà phê, bốn người trong số họ ở lại gọi đồ uống, ước chừng cây cột điện có lẽ cao khoảng hai mét một. Một chiếc Cooper màu đỏ từ cuối phố chạy tới nhưng nó không dừng lại. Jonathan thở dài, anh đi lại bàn làm việc của Clara và cầm lấy điện thoại.

- Cậu ở đâu thế? Anh hỏi Peter.

- Dưới địa ngục! Miệng tớ cứng đơ như phải gió, mà buổi họp của tớ lại bị đẩy lên sớm một tiếng.

- Cậu sẵn sàng chưa?

- Tớ đã uống bốn viên aspirin nếu như đó là điều cậu muốn biết, và hiện giờ tớ đang nghĩ tới viên thứ năm. Giọng cậu làm sao thế? Peter hỏi anh đúng lúc anh chuẩn bị bỏ máy.

- Giọng tớ có sao đâu?

- Không sao, giọng cậu nghe cứ như cậu đưa đám ấy.

- Không, rất may, đã lâu tớ không phải dự đám tang nào cả.

- Tớ xin lỗi, thông cảm cho tớ, tớ hơi hoảng.

- Tớ lúc nào cũng ở bên cậu, đừng cảm lên, tất cả rồi sẽ tốt đẹp thôi.

Jonathan đặt máy xuống và nhìn Frank đang bận rộn ở phía sau phòng tranh.

- Anh làm việc ở đây đã lâu chưa? Anh vừa hỏi vừa húng hắng ho.

- Cô chủ đã nhận tôi vào làm cách đây ba năm, chàng

thanh niên vừa trả lời vừa đóng một ngăn kéo đựng tài liệu.

- Cô ấy và anh có hợp nhau không? Jonathan hỏi.

Frank lúng túng nhìn anh vẻ ngạc nhiên rồi quay lại với công việc đang dở dang. Một tiếng sau Jonathan lại phá vỡ sự im lặng bằng cách hỏi cậu ta có muốn cùng anh dùng hamburger vào bữa trưa. Frank ăn chay.

\*

\* \*

Peter bước vào phòng họp và ngồi vào chỗ duy nhất còn trống quanh chiếc bàn gỗ gụ. Anh chỉnh lại ghế và chờ tới lượt mình. Mỗi lần tới lượt một đồng nghiệp phát biểu, anh cảm giác như có một sư đoàn tăng thiết giáp với những bánh xích gỉ sét đang lăn trên màng nhĩ và sẵn sàng nã súng vào thái dương anh. Những cuộc tranh cãi kéo dài bất tận. Người ngồi phía bên phải anh đã nói xong và cuối cùng thì cũng đến lượt Peter được mời phát biểu. Các thành viên của hội đồng bắt đầu mở tập hồ sơ anh phát cho họ trước đó. Anh trình bày sơ qua về lịch đấu giá của mình và đặc biệt tập trung vào buổi đấu giá mà anh sẽ thực hiện tại Boston vào cuối tháng sáu. Khi anh đề cập tới nguyện vọng được bổ sung thêm các bức họa của Vladimir Radskin mới được nhắc tới trong thời gian gần đây, tiếng xì xào nổi lên khắp phòng. Ông giám đốc chủ tọa buổi họp cắt lời. Ông nhắc nhở Peter rằng khách hàng đưa ra những bức họa của Radskin là một phòng tranh lớn. Nếu giao các bức họa đó cho Nhà Christie's, chắc chắn khách hàng sẽ trông đợi

công ty chăm sóc quyền lợi của họ một cách trân trọng nhất. Vì vậy không nhất thiết phải quá vội vàng trong công tác chuẩn bị. Các buổi đấu giá tại Luân-đôn trong quý hai có thể sẽ thích hợp hơn nhiều.

- Tất cả chúng tôi đều đã đọc bài báo đó, chúng tôi rất thông cảm với anh, Peter thân mến ạ, nhưng tôi sợ rằng anh sẽ khó có thể tạo ra một sự kiện lớn xung quanh Radskin, dù sao thì ông ta cũng không phải Van Gogh! Ông giám đốc vui vẻ kết luận.

Tiếng cười cố kiềm chế của các đồng nghiệp khiến Peter vô cùng bức mình song làm anh không còn lời nào để tranh luận tiếp nữa.

Một nữ phụ tá bước vào, mang theo một chiếc khay đựng một ấm trà bằng bạc nặng trĩu. Tiếng tranh luận chợt ngừng lại trong khi cô đi một vòng quanh bàn để tiếp trà cho những ai muốn uống thêm. Qua cánh cửa để ngỏ, Peter nhìn thấy James Donovan từ một phòng làm việc bước ra. Donovan chính là người đã gửi bức thư điện tử tới Boston cho anh hôm chủ nhật.

- Xin thứ lỗi cho tôi vài phút, anh lấp bắp và vội vã bước ra hành lang.

Anh tóm lấy tay áo Donovan và kéo ra hơi xa một chút.

- Nói cho tôi biết, Peter gần giọng qua kẻ rằng, tôi đã để sáu tin nhắn cho anh trong vòng hai ngày, anh có đánh mất số điện thoại của tôi không?

- Xin chào, ông Gwel, chàng trai trầm tĩnh nói.

- Tại sao anh không gọi lại cho tôi? Ngay cả anh cũng đã đọc báo quá nhiều rồi phải không?

- Di động của tôi bị mất cắp và tôi không hiểu ông đang nói gì, thưa ông.

Peter cố gắng lấy lại bình tĩnh. Anh lấy tay phủi nhẹ vạt áo vét của Donovan và lại kéo anh ta ra xa hơn chút nữa.

- Tôi có một câu hỏi đặc biệt quan trọng dành cho anh, và anh sẽ phải tập trung toàn bộ chất xám hiện có để cho tôi một câu trả lời duy nhất mà tôi muốn nghe.

- Tôi sẽ cố gắng hết sức, thưa ông, Donovan trả lời.

- Về vụ Radskin, có đúng như anh đã viết trong thư gửi cho tôi là có năm bức tranh sẽ được đưa ra không?

Chàng trai trẻ lấy từ trong túi áo ra một cuốn sổ nhỏ bọc da và lật đi một vài trang, lật lại vài trang rồi lại lật đi vài trang nữa. Cuối cùng anh dừng lại ở một trang và nói bằng giọng phấn khởi:

- Chính xác là như vậy, thưa ông.

- Cụ thể là bằng cách nào anh đã có được con số đó?

Peter hỏi khi cơn nóng giận của anh đã lên tới cực điểm.

Người báo tin cho anh giải thích có một phòng tranh đã liên hệ với Nhà Christie's và anh ta đã được phái gấp tới một cuộc hẹn được ấn định vào thứ sáu tuần trước lúc hai giờ 30 phút chiều tại số 10 phố Albermarle. Đích thân cô chủ phòng tranh đã tiếp anh ta và cung cấp cho anh ta mọi thông tin. Khi trở về phòng làm việc vào lúc bốn giờ chiều, anh ta đã thảo một bản báo cáo và gửi cho sếp mình vào lúc bốn giờ 45 phút chiều. Khi sếp anh ta hỏi trong công ty có chuyên gia đấu giá nào biết rõ về danh họa này không, cô Blenz của phòng tìm kiếm dữ liệu đã đưa ra tên của Peter Gwel, người thường xuyên làm việc với Jonathan Gardner,

một chuyên gia chuyên nghiên cứu về Vladimir Radskin.

- Tôi đã vội vàng viết ngay cho ông một bức thư điện tử và gửi đi từ nhà tôi vào buổi chiều hôm thứ bảy.

Peter nhìn anh ta chằm chằm và nói ngắn gọn.

- Quả là khá cụ thể, Donovan ạ.

Sau khi cảm ơn anh ta, Peter hít một hơi thật sâu và quay trở vào trong phòng họp.

- Tôi có một lý do chính đáng để yêu cầu đưa các bức tranh ra trong buổi đấu giá ở Boston ngày 21 tháng sáu, anh tự hào tuyên bố với cử tọa.

Hội đồng đã đưa ra quyết định: nếu như bức họa cuối cùng của Radskin thực sự tồn tại, nếu đó đúng là tác phẩm trứ danh nhất của danh họa, và nếu Jonathan Gardner cam kết thẩm định nó trong thời gian ngắn nhất, chỉ duy nhất trong trường hợp ấy, Peter mới được tổ chức buổi đấu giá vào tháng sáu. Trước khi để anh ra khỏi phòng họp, ông giám đốc lại một lần nữa nghiêm khắc nhắc nhở anh. Sẽ không được phép có bất cứ một sơ suất nào trong cả quá trình chuẩn bị mang đầy tính ngẫu hứng này; Peter sẽ phải gánh toàn bộ trách nhiệm với tư cách là chuyên gia đấu giá trước các đồng sự của anh.

Cả ngày hôm đó Clara không hề tới phòng tranh. Khoảng giữa buổi chiều cô gọi điện tới xin lỗi. Jonathan đã cùng Frank treo và điều chỉnh đèn chiếu cho bức tranh thứ ba trong tuần. Anh dành toàn bộ thời gian còn lại tiến hành thẩm định. Trong lúc người thợ ảnh chuẩn bị các góc độ để chụp bức tranh, Jonathan sang quán cà phê. Lục tay vào túi áo vét tìm tiền lẻ, anh lấy ra tờ khăn giấy mà anh

đã đưa cho Clara hôm họ gặp nhau lần đầu tiên. Anh nghĩ thấy mùi xạ hương vẫn còn tỏa ra từ chiếc khăn. Anh đi bộ về khách sạn. Peter đến tìm anh vào đầu giờ tối. Suốt cả buổi tối, họ trao đổi với nhau rất ít. Cả hai đều chìm đắm trong dòng suy tưởng riêng của mình. Kiệt sức và đầu đau như búa bổ, Peter lên phòng ngủ từ rất sớm.

Về đến phòng mình, Jonathan để một tin nhắn cho Anna qua điện thoại, rồi nằm dài ra giường để soát lại những gì anh đã ghi chép được trong ngày.

Clara kéo rèm che kín phòng tranh Soho sau một ngày làm việc mệt mỏi. Đứng với giờ tan rã, cô thay đổi hành trình để tránh bị tắc đường.

Jonathan bật vô tuyến. Sau khi đã chuyển hết một vòng các kênh, anh đứng lên và bước lại gần cửa sổ. Một vài chiếc xe lao vun vút trên đại lộ Park Lane. Anh nhìn những dải sáng dài do đèn xe tạo ra cho tới hút tầm mắt. Một chiếc Cooper màu đỏ đi chậm dần tới ngã tư và lăn bánh về phía Notting Hill.

## 4

Ngày thứ sáu đầu tháng sáu ấy có thể sẽ là một trong những ngày quan trọng nhất đời anh. Jonathan đã dậy từ lâu. Con đường vắng vẻ phía dưới cửa sổ phòng anh cho thấy vẫn còn rất sớm. Anh ngồi vào bàn làm việc kê ở góc phòng và viết vài chữ để fax cho Anna trước khi đi.

*Clara,*

*Tôi nào anh cũng tìm cách gọi cho em mà không được. Lẽ ra em phải ghi lại lời chào trên máy nhắn tin để ít nhất anh cũng nghe được tiếng em khi anh gọi về nhà. Khi anh viết những dòng này cho em chắc em vẫn đang ngủ. Ở đây mặt trời bắt đầu lên, anh vẫn ước giá có em ở đây, nhất là ngày hôm nay. Sáng nay, có lẽ cuối cùng thì anh cũng được ngắm bức tranh mà anh vẫn ao ước được nhìn từ rất nhiều năm rồi. Anh không muốn mình quá lạc quan song những ngày dài đằng đẵng vừa qua ở Luân-đôn đã khiến anh chấp nhận tin vào điều đó. Phải chăng cuối cùng anh đã tới chặng cuối cùng*

*của cuộc tìm kiếm kéo dài gần hai mươi năm?*

*Anh nhớ lại thời sinh viên, những buổi tối ngồi một mình trong căn phòng nhỏ, anh đọc đi đọc lại hàng giờ liền những công trình nghiên cứu hiếm hoi nhắc tới sự tồn tại của kiệt tác độc nhất ấy. Bức họa cuối cùng của Vladimir sẽ là công trình thẩm định tuyệt vời nhất của anh. Anh đã chờ đợi nó từ bao lâu nay rồi.*

*Anh vẫn muốn giá mà sự kiện trọng đại khiến chúng ta phải xa nhau này không rơi vào lúc chúng ta phải chuẩn bị cho lễ cưới. Song biết đâu những ngày này sẽ mang lại những điều tốt đẹp cho cả hai chúng ta. Anh muốn quay trở về Boston để chúng ta được gặp lại nhau, quên đi tất cả những áp lực đã chia rẽ chúng ta trong những tuần gần đây.*

*Anh nghĩ tới em rất nhiều, mong em khỏe, hãy cho anh biết tin tức của em.*

*Jonathan*

Anh gấp lá thư lại, nhét nó vào trong túi áo vét và quyết định sẽ đi bộ để thưởng thức làn không khí sớm mai ấm áp. Khi đi qua quầy tiếp tân, anh đưa bức thư nhờ người trực quầy gửi giúp rồi bước ra phố. Phía bên kia đại lộ, công viên bắt đầu mở cửa đón khách vào dạo chơi. Cây cối đã phủ xanh lá và những bồn hoa rực rỡ đua sắc thắm. Jonathan đi tới tận cây cầu nhỏ bắc qua chiếc hồ ở giữa công viên. Anh ngắm nhìn những chú bồ nông khổng lồ đang bông bênh trên mặt nước phẳng lặng. Vừa bước dọc theo lối đi dạo, anh vừa tự nhủ có lẽ anh sẽ rất thích được sống tại thành phố này, anh có cảm giác nó vô cùng thân

thuộc đối với mình. Một giờ trôi qua, anh quay trở lại con đường cũ và đi bộ tới phòng tranh. Anh vào ngồi trong quán cà phê chờ Clara tới. Chiếc xe Austin đậu trước cánh cửa màu xanh lơ. Clara tra chìa khóa vào chiếc hộp báo động gắn trên mặt tường và tấm màn sắt từ từ kéo lên. Clara tỏ ra ngập ngừng, tấm màn sắt dừng lại giữa chừng rồi hạ xuống. Cô quay gót và băng qua đường.

Cô bước vào với vẻ dứt khoát và vài phút sau tiến về phía anh, trong tay cầm hai chiếc tách.

- Cappucino không đường! Coi chừng, còn nóng bỏng đấy.

Jonathan nhìn cô ngạc nhiên.

- Nếu muốn biết thói quen của ai đó, chỉ cần dành chút thời gian quan sát cách sống của họ, cô nói và đẩy một chiếc tách về phía anh.

Cô đưa ly nước lên môi.

- Tôi thích trời như thế này, cô nói, thành phố này thật khác xa mỗi khi trời đẹp.

- Bố tôi nói rằng, khi một người phụ nữ nói về thời tiết, cô ta đang tìm cách tránh những chủ đề khác, Jonathan trả lời.

- Thế mẹ anh nói gì?

- Nếu gặp trường hợp ấy, tốt nhất là không nên nói điều đó cho cô ta biết.

- Mẹ anh nói rất đúng!

Họ nhìn nhau hồi lâu và Clara cười thật tươi.

- Chắc chắn anh đã lập gia đình rồi, đúng không?

Đúng lúc đó Peter bước vào quán cà phê. Anh chào

Clara và quay ngay sang nói với Jonathan.

- Tớ có chuyện muốn nói với cậu.

Clara cầm túi lên, cô chăm chú nhìn Jonathan và tuyên bố cô phải đi mở cửa phòng tranh, rồi cô để họ nói chuyện với nhau.

- Hy vọng là tớ đã không cắt ngang câu chuyện chứ? Peter hỏi và cầm lấy tách của Clara.

- Về mặt cậu trông thật lạ, có chuyện gì thế? Jonathan hỏi.

- Cậu biết không, khi người ta nhắc đến cái chết với những kẻ ngu, cần phải cẩn thận, nguy cơ xảy ra thảm sát chứ chẳng chơi đâu! Các cộng tác viên người Anh của tớ đang muốn thay đổi quyết định. Họ cho rằng Radskin đã vẽ phần lớn các tác phẩm của ông tại Anh, vì vậy các bức tranh của ông ta phải được đưa ra đấu giá tại Luân-đôn.

- Vladimir là người Nga chứ không phải người Anh!

- Đúng, cảm ơn cậu, tớ cũng bảo với họ đúng như vậy.

- Thế cậu định làm gì bây giờ?

- Cậu muốn nói tớ đã làm được gì rồi hả? Tớ đã quyết định buổi đấu giá ấy phải được tiến hành ở nơi nào có nhà thẩm định danh tiếng nhất trong lĩnh vực này.

- Thế nghĩa là sao?

- Là cậu chứ ai, đồ ngốc, cậu chính là nhà thẩm định danh tiếng nhất trong lĩnh vực này.

- Tớ rất thích nghe cậu nói như thế.

- Vấn đề là hội đồng thẩm định không hề từ chối việc chi trả các khoản phí trong thời gian cậu ở lại Luân-đôn, bao lâu cũng được.

- Họ tử tế thật.

- Cậu ăn nhằm phải thứ gì sáng nay thế? Cậu biết là không thể được mà!

- Vì sao?

- Vì ba tuần nữa cậu sẽ tổ chức hôn lễ ở Boston và buổi đấu giá của tớ sẽ diễn ra sau đó hai hôm! Cô chủ phòng tranh này hẳn đã làm đầu óc cậu quay cuồng, tớ thật sự lo cho cậu rồi đấy.

- Thế họ có chấp nhận lý do đó không?

- Họ rất không tán thành sự vội vàng của tớ, họ toàn là những người bảo thủ và muốn để đến mùa thu.

- Thế cậu không nghĩ như thế sẽ tốt hơn hả, chúng ta cũng sẽ có nhiều thời gian hơn.

- Cậu đã kéo tớ tới dự các buổi hội nghị của cậu từ hai chục năm nay, tớ nghĩ rằng Radskin xứng đáng có một buổi đấu giá thật tầm cỡ và các buổi đấu giá trong tháng sáu bao giờ cũng thu hút được những nhà sưu tầm lớn nhất.

- Về phần tớ, tớ nghĩ rằng chính các tác phẩm của Vladimir sẽ làm cho buổi đấu giá của cậu trở nên đặc biệt. Cậu sợ bị chỉ trích, điều tiếng và với tư cách là bạn cậu tớ sẽ phải làm hết sức mình để giúp cậu.

Peter nhìn bạn từ đầu đến chân.

- Tớ nghĩ cậu thật quá đáng!

- Peter, nghiêm túc đi nào, nếu như vận may mỉm cười với tớ, và nếu bức họa cuối cùng ấy xuất hiện trong ngày hôm nay, việc thẩm định sẽ mất công lắm đấy, sẽ phải tìm kiếm rất nhiều tài liệu, mà tớ đã có tới bốn bản kết luận phải hoàn thành.

- Nếu vận may mỉm cười với chúng ta, chúng ta sẽ tổ chức một buổi đấu giá lùng lầy nhất trong vòng mười năm trở lại đây. Thôi tớ đi đây, cậu phải làm sao để tới thứ hai chúng ta ký được hợp đồng với cô gái xinh đẹp làm việc bên kia đường. Nếu cuộc đấu giá này tuột khỏi tay tớ, sự nghiệp của tớ coi như chấm dứt tại đây, tớ trông cậy cả vào cậu đấy!

- Tớ sẽ cố gắng hết sức.

- Ủ, cũng đừng cố quá, cậu nên nhớ tớ là người làm chứng của cậu đấy! Cậu có nhớ được điều đó không?

- Đôi lúc cậu thật là thô thiển.

- Có thể, nhưng tớ cũng thích nghe cậu nói như vậy.

Peter vỗ vai bạn rồi bước ra khỏi quán cà phê. Jonathan trông theo bạn nhảy lên một chiếc ta-xi, rồi anh cũng rời khỏi quán.

Jonathan dừng lại trên vỉa hè và quan sát Clara qua lớp kính. Cô đang điều chỉnh lại đèn chiếu cho bức tranh được mang tới ngày hôm qua. Cô có vẻ hơi áy náy, bước xuống thang và ra mở cửa cho anh. Anh tỏ ra không để ý tới điều đó bằng cách đưa đồng hồ lên xem giờ, chiếc xe tải có lẽ sắp tới và sự sốt ruột của anh đã lên đến đỉnh điểm. Cả buổi sáng anh đi lại trước bốn bức tranh. Cứ mười lăm phút một, anh lại đứng lên và kín đáo nhìn ra đường. Từ sau bàn làm việc, Clara liếc nhìn anh. Anh lại bước tới bức tường kính một lần nữa và ngược mắt ngắm bầu trời.

- Trời có vẻ như đang kéo mây, anh nói.

- Điều đó có đúng với đàn ông không? Clara ngược mắt lên hỏi.

- Cái gì có đúng với đàn ông không?
- Những câu chuyện về thời tiết!
- Tôi nghĩ cũng có thể, Jonathan lúng túng trả lời.
- Anh có nhận ra đường phố rất vắng vẻ không? Hôm nay là ngày lễ của Anh, chẳng ai làm việc ngày hôm nay... trừ chúng ta. Và vì hôm nay là thứ sáu, đa số mọi người đều đã tận dụng kỳ nghỉ dài cuối tuần. Dân Luân-đôn rất thích về nghỉ ở nông thôn. Chiều nay tôi cũng sẽ về nhà.

Jonathan nhìn Clara, rồi không nói một lời, anh tức giận quay đi. Lúc này đã là giữa trưa, các tiệm bán hàng trên phố đều đóng cửa. Jonathan đứng dậy và thông báo với Clara anh sẽ sang uống cà phê ở quán bên kia đường. Khi anh ra tới ngưỡng cửa, cô vợ vội chiếc áo khoác để trên ghế và bước theo anh. Ra đến vỉa hè, cô kéo cánh tay anh lại.

- Anh đừng sốt ruột quá như thế, về mặt đó không hợp với anh chút nào. Tôi sẽ thay đổi kế hoạch, đêm nay tôi ở lại Luân-đôn. Vì trời tối, chúng ta sẽ không thể nói chuyện thời tiết, hơn nữa tôi đã biết trước thời tiết cuối tuần này ra sao rồi, mưa thứ bảy, nắng chủ nhật, hoặc là ngược lại, ở đây thì không bao giờ có thể biết chính xác được!

Họ bước vào quán cà phê. Cả buổi chiều, cô giao phòng tranh cho anh và để anh làm việc một mình.

Jonathan cứ quay vòng vòng, Peter gọi anh vào khoảng năm giờ chiều.

- Thế nào rồi? Cậu ta hỏi giọng sốt ruột.
- Chẳng là thế nào cả, Jonathan gất gỏng trả lời.
- Chẳng thế nào là thế nào?
- Là như thế! Tớ chẳng thể làm gì hơn được.

- Khỉ gió!
- Dù sao chẳng nữa, tớ cũng đồng ý với cậu.
- Thế nghĩa là chúng ta đi toi rồi, Peter lầm bầm.
- Chưa chắc, ai mà biết trước, nhớ đâu chúng ta vẫn chưa hẳn phải tuyệt vọng, tin mừng có thể vẫn còn đó thì sao.
- Đó là trực giác của cậu hay cậu hy vọng thế? Peter hỏi.
- Có thể cả hai, Jonathan rụt rè thú nhận.
- Đúng như tớ lo sợ, tớ chờ điện thoại của cậu đấy nhé! Peter kết thúc và bỏ máy.

Anh chàng Frank điếm tính ghé qua phòng tranh vào cuối buổi chiều để đóng cửa. Clara có việc bận, cô hẹn gặp Jonathan ở địa chỉ ghi vội trên một mẩu giấy do người cộng sự trẻ tuổi của cô chuyển cho anh.

Khi quay về khách sạn, Jonathan không nhận được tin nhắn trả lời nào cho bức thư anh gửi Anna. Thay quần áo xong, anh lại bấm số Boston một lần nữa. Vẫn là tiếng nói của chính anh vang lên trong máy nhắn. Anh thờ dãi và bỏ máy mà không nhắn lại gì.

\*

\*       \*

Clara đã hẹn anh trong một quầy bar khá sang trọng nằm trong khu Notting Hill. Ánh đèn sáng dịu và âm nhạc khiến khung cảnh khá dễ chịu. Cô vẫn chưa tới, anh ngồi chờ cô tại quầy bar. Anh đã di chuyển chiếc cốc đựng hạt hạnh nhân đến lần thứ mười thì thấy cô xuất hiện ngoài

cửa, anh vội đứng dậy. Cô khoác chiếc áo nhẹ, bên trong mặc một chiếc váy dài màu đen ôm sát người. Cô nhìn thấy Jonathan.

- Xin lỗi anh, tôi đến muộn quá. Xe của tôi bị thủng một chỗ khá to dưới lớp phải, mà ta-xi thì ngày càng khan hiếm.

Jonathan nhận thấy những ánh mắt dõi theo bóng Clara khi cô đi ngang qua. Anh chăm chú nhìn cô trong khi cô chọn đồ uống. Trong ánh nền quầy bar, đôi gò má cô hiện lên cùng với những đường nét rõ ràng của khuôn miệng. Jonathan đợi người phục vụ đi khuất và rụt rè nghiêng người về phía Clara.

Họ cùng cất tiếng một lúc và giọng nói của họ hòa lẫn vào nhau.

- Anh nói trước đi, Clara vừa cười vừa nói.
- Chiếc váy này rất hợp với cô.
- Tôi đã thử sáu chiếc liền, mà đến lúc ngồi vào ta-xi rồi tôi còn muốn đổi ý.
- Còn tôi thì là cà-vạt, bốn lần.
- Nhưng anh mặc áo cổ tròn kia mà.
- Vì cuối cùng tôi vẫn không thể quyết định.
- Tôi rất mừng vì có dịp dùng bữa tối với anh, Clara nói và đến lượt cô ngồi nghịch những hạt hạnh nhân.
- Tôi cũng vậy, Jonathan nói.

Clara nhờ người phục vụ quầy bar chọn rượu giúp. Anh ta đề nghị cô ném thử một ly sancerre<sup>6</sup>, nhưng cô

---

6. Một loại rượu vang Pháp được sản xuất tại vùng Sancerre nằm bên dòng sông Loire.

không thích lắm. Khuôn mặt Jonathan chợt bừng sáng, anh nói với người phục vụ quầy bar bằng giọng hóm hỉnh:

- Vợ tôi thích vang đỏ hơn.

Clara mở to mắt nhìn anh, nhanh chóng thay đổi thái độ, cô đưa bảng danh mục rượu cho Jonathan và tuyên bố chồng cô sẽ giúp cô lựa chọn. Anh không hề nhầm lẫn về sở thích của cô. Jonathan gọi hai ly pomerol<sup>7</sup>. Người phục vụ bỏ đi, để hai người ngồi nói chuyện với nhau.

- Khi anh thư giãn, trông anh thật giống một cậu thiếu niên. Về hài hước rất hợp với anh.

- Nếu cô biết tôi lúc còn thiếu niên, có lẽ cô sẽ không nói như vậy.

- Hồi đó trông anh thế nào?

- Để tỏ ra hài hước trước mặt một người phụ nữ, có lẽ tôi phải mất khoảng sáu tháng.

- Thế giờ thì sao?

- Giờ thì khá hơn nhiều hơn rồi, càng lớn tuổi tôi càng tự tin hơn, có lẽ chỉ ba tháng là đủ! Tôi nghĩ có lẽ tôi thấy thoải mái hơn khi bàn về thời tiết, Jonathan thì thâm.

- Nếu như điều này có thể giúp anh, thì tôi muốn nói để anh biết tôi cảm thấy rất thoải mái khi ở bên anh, Clara nói, hai má ửng hồng.

Không gian bên trong mù mịt khói, Clara muốn hít thở không khí trong lành, họ liền rời khỏi quán. Jonathan vẫy một chiếc ta-xi rồi yêu cầu chạy dọc theo bờ sông Tamise. Họ thả bộ trên vỉa hè uốn quanh con sông lững lờ

---

7. Một loại rượu vang Pháp (AOC) được sản xuất tại một làng nhỏ gần Bordeaux.

trôi. Ánh trăng phản chiếu trên mặt nước phẳng lặng. Một làn gió nhẹ lướt trên những cành lá. Jonathan hỏi Clara về thời thơ ấu của cô. Vì những nguyên nhân mà chưa bao giờ có ai giải thích cho cô nghe, cô đã được bà ngoại nhận nuôi từ năm bốn tuổi và năm lên tám bắt đầu theo học tại một trường nội trú của Anh. Cô chưa bao giờ bị thiếu thốn gì, bà cô là một người giàu có và mỗi năm đều đến thăm cô vào ngày sinh nhật. Clara còn giữ mãi hình ảnh lần cuối cùng cô nhìn thấy bà đi khuất dần sau những bức tường của trường nội trú. Đó là vào ngày sinh nhật lần thứ mười sáu của cô.

- Thật kỳ lạ, cô nói thêm, người ta vẫn nói rằng trong ba năm đầu tiên của cuộc đời không ai có thể nhớ được điều gì đã từng xảy ra, vậy mà hình ảnh bố tôi đứng ở đầu con phố nơi chúng tôi từng sinh sống vẫn còn đọng lại mãi trong tôi. Nói đúng hơn, tôi nghĩ rằng đó là bố tôi. Ông vụng về đưa tay vấy, như để chào tạm biệt, rồi ông ngồi vào một chiếc xe và đi mất.

- Có thể đó chỉ là một giấc mơ của cô? Jonathan nói.

- Cũng có thể, dù sao thì tôi cũng chẳng bao giờ biết được ông đã đi đâu.

- Và cô chưa bao giờ gặp lại ông?

- Chưa bao giờ, mỗi năm tôi đều hy vọng mình sẽ được gặp bố. Kỳ nghỉ Noel bao giờ cũng là một chuỗi thời gian lạ lùng. Đa số các nữ sinh trong trường đều về nghỉ cùng gia đình, còn tôi, cho đến năm mười ba tuổi tôi vẫn thường cầu xin Chúa để bố mẹ đến thăm tôi.

- Sau đó thì sao?

- Tôi cầu xin điều ngược lại, mong sao họ đừng bao giờ tới lôi tôi ra khỏi nơi mà cuối cùng thì tôi cũng đã coi là nhà. Tôi biết, điều đó quả thật khó hiểu. Khi còn nhỏ, tôi đau khổ vì không bao giờ được ở lâu tại bất kỳ nơi đâu, khi còn sống với bố mẹ, không bao giờ chúng tôi ở dưới một mái nhà nào quá một tháng.

- Tại sao gia đình cô phải liên tục chuyển chỗ ở?

- Tôi không biết, bà tôi không bao giờ muốn nói cho tôi biết vì sao. Mà cũng chẳng ai khác có thể nói cho tôi biết điều đó.

- Thế cô đã làm gì vào ngày sinh nhật mười sáu tuổi?

- Người bảo trợ của tôi, tôi vẫn thường gọi bà tôi như thế, đã lái một chiếc xe tuyệt đẹp tới đón tôi tại trường nội trú. Thật ngốc, nhưng nếu anh biết được tôi đã tự hào như thế nào trước mặt những người bạn gái cùng trường. Không phải chỉ vì đó là một chiếc xe Bentley tuyệt vời, mà đúng hơn vì bà đã đích thân lái xe tới. Chúng tôi đã chạy xe khắp Luân-đôn, và mặc cho tôi ra sức năn nỉ, bà vẫn không chịu dừng xe lại. Tôi đành phải hài lòng ngắm nhìn những bức tường nhà thờ cổ kính, những mặt tiền quán rượu và những con phố nhộn nhịp dành riêng cho người đi bộ, tất cả những gì trôi qua ngoài cửa kính, nhất là những nẻo đường dọc bờ sông Tamise.

Và kể từ ngày ấy, Clara luôn như có lời hẹn ước với một dòng sông ở đâu đó. Trong mỗi chuyến du lịch, cô luôn tìm được cách để thoát ra khỏi mọi ràng buộc và đến dạo bộ bên một dòng nước, ngược nhìn những nhịp cầu cao nổi lên hai bờ của một thành phố. Không một bên

sông nào còn giữ nổi vẻ bí ẩn đối với cô. Vừa đi dạo dọc con sông Vltava ở Praha, dòng Danube ở Budapest, sông Arno ở Florence, con sông Seine ở Paris hay dòng sông Hoàng Phố ở Thượng Hải, con sông nổi tiếng chứa đựng nhiều bí ẩn nhất, cô vừa tìm hiểu về lịch sử và con người của thành phố đó. Jonathan kể cho cô nghe về bờ sông Charles, về bến cảng cũ ở Boston mà anh rất thích thả bộ lang thang. Anh hứa sẽ đưa cô đi thăm những con đường rải đá nơi phố chợ không có mái che.

- Thế hôm ấy hai người đã đi đâu? Jonathan hỏi tiếp.

- Về nông thôn! Tôi vô cùng giận dữ, tôi vừa trở về từ một vùng quê khác! Chúng tôi ngủ trọ trong một phòng khách sạn mà cho tới bây giờ tôi vẫn còn có thể tả cho anh nghe từng chi tiết. Tôi vẫn còn nhớ màu vải bọc tường, cánh cửa tủ kêu cọt két, mùi gỗ tỏa ra từ chiếc tủ giường nơi tôi gục đầu thiếp đi sau khi mệt mỏi chống đối cơn buồn ngủ. Tôi muốn nghe tiếng bà thở đều đặn bên cạnh tôi, cảm nhận được bà ngay bên tôi. Ngày hôm sau, trước khi đưa tôi quay lại trường nội trú, bà đã đưa tôi tới xem trang viên của bà.

- Trang viên có đẹp không?

- Nếu xét theo hiện trạng khi đó thì không thể gọi là đẹp được.

- Vậy thì tại sao bà lại phải đưa cô đi từng ấy quãng đường để chỉ nó cho cô xem?

- Bà tôi là một người kỳ lạ. Bà đã đưa tôi đến tận đó để bắt tôi cam kết một vài chuyện. Chúng tôi ngồi trong xe dừng trước cánh cổng sắt khép kín, bà nói với tôi rằng

đến tuổi mười sáu, con người ta đã đủ trưởng thành để có thể giữ lời hứa.

- Thế cô đã hứa gì?

- Tôi có làm anh buồn chán vì những câu chuyện của tôi không? Clara hỏi.

Họ ngồi xuống một ghế đá. Chiếc đèn trên cột phía sau lưng họ rọi ánh sáng xuống màn đêm bắt đầu buông. Jonathan đề nghị cô kể tiếp.

- Có tất cả ba lời hứa. Tôi phải thề với bà rằng ngay sau khi bà qua đời, tôi sẽ rao bán trang viên đó và tôi sẽ không bao giờ bước chân vào bên trong.

- Vì sao?

- Hãy nghe nốt hai lời hứa còn lại. Bà là một người rất cả quyết trong thương lượng. Bà muốn tôi đi theo con đường khoa học, muốn tôi trở thành một nhà hóa học. Có lẽ bà nghĩ tôi có thể trở thành một Marie Curie thứ hai!

- Tôi có cảm giác về điểm này cô đã không giữ lời.

- Còn chưa thấm vào đâu so với điều ràng buộc cuối cùng. Tôi đã phải hứa sẽ không bao giờ được đến gần hoặc tiếp cận bất cứ điều gì có liên quan tới thế giới hội họa.

- Đúng vậy, Jonathan nói về bản khoán, nhưng tại sao, cô được gì để đổi lại những lời hứa ấy?

- Bà để lại cho tôi toàn bộ gia tài, và hãy tin tôi, gia tài của bà khá đồ sộ. Ngay sau khi tôi hứa, chúng tôi liền quay xe.

- Ngay cả hôm đó cô cũng không được bước chân vào trang viên ư?

- Thậm chí chúng tôi còn không bước xuống khỏi xe.

- Thế cô đã bán trang viên đó chưa?

- Bà tôi qua đời năm tôi hai mươi hai tuổi, khi đó bản thân tôi đang ngồi héo hắt trên giảng đường đại học chuyên ngành hóa năm thứ ba. Tôi đã rời bỏ ngành tự nhiên ngay ngày hôm ấy. Chẳng hề có một buổi lễ nào cho đám tang, trong tất cả những điều khoản kỳ quặc của bản di chúc, bà đã ghi chú thêm một điều: công chúng viên thừa hành di chúc không có quyền được cho tôi biết nơi bà yên nghỉ.

Thế rồi Clara, sau khi tự hứa với mình rằng cả đời sẽ không bao giờ đụng tới một ống nghiệm nào nữa, đã chuyển tới sống ở Luân-đôn để theo học khóa lịch sử nghệ thuật ở Bảo tàng Quốc gia. Sau đó cô sang Florence một năm và cùng lúc kết thúc khóa học của mình tại trường Nghệ thuật Paris.

- Tôi cũng học ở đó, Jonathan hào hứng, có lẽ chúng ta đã cùng ở trường trong một thời gian chẳng?

- Không thể nào, Clara bĩu môi đáp. Tôi rất tiếc nếu anh không nhận ra điều này, chúng ta chắc chắn phải học cách nhau vài khóa!

Jonathan ngồi thẳng người lên, vẻ lúng túng.

- Tôi muốn nói là tôi cũng từng tổ chức vài hội thảo tại đó.

- Anh còn cố biện minh nữa à! Cô vừa nói vừa không giấu được nụ cười.

Thời gian trôi qua mà cả hai người đều không nhận thấy. Ánh mắt họ nhìn nhau hòa điệu.

- Anh cũng có cảm giác đã từng thấy phải không?

- Phải, tôi thường xuyên cảm thấy vậy, song điều đó chẳng có gì lạ cả, hôm qua chúng ta cũng đi dạo ở đây.

- Tôi không nói về điều này, Clara nói.

- Thú thật, tôi không muốn thể hiện là một người vô duyên, song tôi vẫn tự hỏi không biết chúng ta đã bao giờ gặp nhau chưa, trước cả lần đầu tiên tôi gặp cô trong quán cà phê?

- Tôi cũng không biết đường đời của chúng ta có từng giao nhau không, cô nhìn anh không chớp mắt, song đôi lúc tôi cảm thấy như đã biết anh từ trước đó.

Cô đứng lên và họ rời khỏi bờ sông, sóng bước trên những nẻo đường ngoại ô thành phố. Tiếng kim đồng hồ vang to, rành rọt nhịp nhàng trong màn đêm yên tĩnh, như muốn giữ lại mãi khoảnh khắc kỳ diệu này, khi họ đứng trên hè đường lát đá, trong một cõi vô hình mà không một ai khác ngoài hai người cảm nhận được. Giữa hai con người đi sát cạnh nhau như hiện lên một thế giới khác, lặng lẽ, vô hình trôi theo nhịp bước của họ. Một chiếc taxi màu đen đi cùng chiều với họ. Jonathan nhìn Clara, một nụ cười buồn bã nở trên môi. Anh đưa tay lên và chiếc xe dừng lại bên lề đường. Anh mở cửa xe. Khi Clara bước lên xe, cô quay lại và nhẹ nhàng nói với anh rằng cô đã có một buổi tối thật thú vị.

- Tôi cũng vậy, Jonathan nói, mắt nhìn xuống mũi giày dưới chân.

- Khi nào anh quay về Boston?

- Ngày mai Peter sẽ đi về... tôi còn chưa biết.

Cô bước nhẹ về phía anh.

- Nếu vậy, hẹn sớm gặp lại anh.

Cô đặt lên má anh một nụ hôn. Đó là lần đầu tiên da họ chạm vào nhau và cũng là lần đầu tiên điều kỳ lạ đã xảy ra.

Thoạt tiên Jonathan cảm thấy đầu óc quay cuồng, mặt đất sụt xuống dưới chân anh. Anh nhắm mắt, tưởng như phía trước có hàng nghìn ngôi sao chọt ủa tới. Một cơn chóng mặt kỳ lạ cuốn phăng anh tới một nơi lạ lẫm. Các van tim của anh mở căng ra cho dòng máu tràn đầy trong các huyết quản ào ạt dồn về. Hai thái dương anh ong ong. Dần dần, khung cảnh con phố xung quanh anh bắt đầu biến đổi. Trên bầu trời, các đám mây cuộn cuộn trôi về phía tây, để lộ ra vầng trăng tròn vành sáng lòa. Các vĩa hè tràn phủ bởi một làn sương là là, dưới bóng thủy tinh của chiếc cột đèn cổ kính, vệt hiện ánh nền thay cho ánh điện. Nhựa đường tiêu tan dần dưới lòng phố, để lộ mặt gồ gồ lát đường trong tiếng âm vang như sóng biển ràn rạt rút trên một bãi sỏi. Lốp trát trên tường các ngôi nhà dần dần rụng xuống từng chỗ một, để lộ những mặt gạch trần trụi hoặc những lớp vôi sần sùi. Từ phía bên phải của Jonathan, cánh cửa sắt dẫn vào một ngõ cụt chọt hiện lên, kêu rín rít trên những miếng bản lề đã gỉ sét.

Từ sau lưng, anh nghe thấy tiếng vó ngựa đang phi nước kiệu về phía mình. Anh rất muốn quay đầu lại nhưng chẳng một cơ bắp nào chịu tuân theo sự điều khiển của anh. Một giọng nói mà anh không thể nhận ra đang thì thầm vào tai anh “nhanh, nhanh, nhanh lên, tôi xin anh”. Jonathan cảm thấy hai màng nhĩ như muốn nổ tung. Con vật đã tiến đến rất gần, anh không nhìn thấy nhưng có thể

cảm nhận được tiếng thở của nó, làn hơi phì phò từ mũi nó phả lên vai anh. Cảm giác chóng mặt vẫn tăng lên, hai lá phổi căng tức và tim anh như bị bóp nghẹt.

Anh gắng hết sức lấy lại hơi thở. Anh nghe thấy tiếng gọi của Clara từ xa xăm vọng lại; tất cả trở nên bất động.

Rồi, chậm chậm, các đám mây dần dần che khuất mặt trăng, lớp nhựa đường lại tràn lên trên mặt lát gỗ, những mảng tường lộn xộn được thay thế bằng loạt tường phẳng phiu. Jonathan mở choàng mắt. Trên cột điện, bóng đèn đèn lại xuất hiện thay vào chỗ ngọn nến lập lờ, và tiếng động cơ của chiếc ta-xi kêu ro ro thay thế cho tiếng thở phì phò của con ngựa trong khi anh vẫn còn choáng váng.

- Jonathan, anh vẫn khỏe chứ? Giọng của Clara nhắc lại tới lần thứ ba.

- Ổn cả, tôi nghĩ vậy, anh nói và lấy lại bình tĩnh, tôi chỉ hơi chóng mặt một chút.

- Anh làm tôi sợ quá, mặt anh bỗng nhiên tái mét đi.

- Có lẽ tôi hơi mệt vì chuyến đi xa. Cô đừng quá lo lắng.

- Anh lên xe với tôi, tôi sẽ đưa anh về.

Jonathan cảm ơn cô. Khách sạn của anh nằm ở gần đây, đi bộ sẽ khiến anh cảm thấy thoải mái hơn và không khí tối nay cũng thật dễ chịu.

- Anh bắt đầu tươi tỉnh trở lại rồi đấy, Clara dịu giọng nói.

- Vâng, mọi chuyện sẽ ổn cả thôi, chắc chắn đó chỉ là một cơn váng vất, chẳng có gì đáng ngại cả. Cô về đi, đã muộn rồi đấy.

Clara ngáp ngừng đôi chút trước khi chui vào trong xe. Cô đóng cửa lại và Jonathan nhìn theo chiếc xe đi xa dần. Qua lớp kính phía sau xe, Clara cũng nhìn anh. Khuôn mặt của cô biến mất trong ánh đèn nhấp nháy của chiếc ta-xi vừa rẽ ở cuối đường. Jonathan bắt đầu bước đi.

Anh đã hoàn toàn bình tĩnh trở lại, nhưng có điều gì đó vẫn khiến anh bị xáo trộn. Khung cảnh hiện ra trong cơn choáng không hoàn toàn xa lạ đối với anh. Có điều gì đã trỗi lên từ tiềm thức khiến anh gần như chắc chắn về nó. Một cơn mưa nhẹ bắt đầu rơi, anh dừng lại, ngược nhìn và ngẩng mặt đón những hạt mưa. Lần này, dưới làn mi trầm tư, anh như sống lại thời khắc Clara bước chân vào quán rượu, giây phút tuyệt vời khi cô bỏ chiếc áo khoác ngoài, và nụ cười lúc cô nhận ra anh đang ngồi bên quầy bar. Vào chính giây phút đó, anh những muốn vặn ngược kim đồng hồ. Anh mở mắt ra và thọc tay vào sâu trong túi. Tiếp tục bước đi, anh cảm thấy đôi vai bỗng trĩu nặng.

Trong sảnh khách sạn Dorchester, anh vẫy tay chào người gác cửa và đi về phía thang máy. Đến chân cầu thang, anh đổi ý và quyết định đi bộ lên tầng. Khi vào phòng, anh nhìn thấy một chiếc phong bì nằm dưới khe cửa, rất có thể đó là giấy biên nhận của bức thư anh đã gửi qua fax cho Anna. Anh nhặt nó lên và để lên mặt bàn viết. Rồi anh thả chiếc áo ướt sũng nước xuống chân giá treo quần áo và bước vào buồng tắm. Trên tấm gương hiện lên nét mặt nhợt nhạt của anh. Anh với một chiếc khăn và bắt đầu lau

tóc. Quay trở lại giường, anh đặt tay lên điện thoại và quay số về nhà mình ở Boston. Một lần nữa hộp thư thoại lại ghi lời nhắn của anh. Jonathan đề nghị Anna hãy gọi ngay cho anh, nỗi lo lắng của anh bắt đầu gợn lên vì không có tin tức gì của cô. Một vài giây sau, chuông điện thoại reo vang, Jonathan vội vàng chạy lại nhấc máy.

- Em đi đâu thế, Anna? Anh nói ngay lập tức. Anh đã gọi em cả chục lần, thực sự anh đã bắt đầu thấy lo rồi đây.

Một vài giây yên lặng trôi qua, rồi tiếng Clara trả lời.

- Chính tôi mới lo lắng, tôi chỉ muốn biết chắc là anh đã về rồi thôi.

- Cô thật tốt. Tôi đã đi về cùng với cơn mưa.

- Tôi cũng thấy trời mưa và nghĩ đến anh chẳng có cả ô lẫn áo đi mưa.

- Cô đã nghĩ tới điều đó ư?

- Phải.

- Tôi không biết phải nói thế nào, song điều đó khiến tôi cảm thấy dễ chịu, thật sự rất dễ chịu.

Cô ngừng lại một lúc.

- Jonathan, buổi tối hôm nay của chúng ta, tôi muốn nói với anh một điều quan trọng.

Anh ngồi thẳng người dậy trên giường, hơi áp chiếc điện thoại sát vào tai hơn một chút và cố nén hơi thở.

- Tôi cũng vậy, anh nói.

- Tôi biết anh đã cố kiềm chế để không nói với tôi, đừng nói gì cả, điều đó rất chính đáng trong hoàn cảnh của anh và tôi rất thông cảm với sự thận trọng đó, thậm chí tôi còn ngưỡng mộ nữa. Cũng phải thừa nhận rằng tôi đã

chẳng làm gì để khiến cho tình thế của anh khá hơn, đúng hơn cả là theo tôi thì chúng ta đã quá vòng vo quanh vẩn đề này ngay từ lần nói chuyện đầu tiên tại phòng tranh. Khi nghe anh nói chuyện tối nay, tôi đã tin chắc một điều và tôi nghĩ Vladimir cũng sẽ đồng tình với nhận định của tôi. Thậm chí tôi còn dám chắc rằng ông ấy cũng sẽ tin cậy anh, dù sao thì bản thân tôi cũng đã quyết định đặt lòng tin nơi anh. Có lẽ anh đã nhận được một chiếc phong bì, tôi đã gửi nó tại quầy tiếp tân sau khi chia tay anh. Trong phong bì có vẽ đường đi. Anh hãy thuê một chiếc xe và tới gặp tôi trong ngày mai. Tôi có một thứ rất quan trọng muốn cho anh xem, một thứ chắc anh sẽ rất muốn được nhìn tận mắt. Tôi sẽ chờ anh vào buổi trưa, hãy đến đúng hẹn. Chào anh, hẹn gặp ngày mai.

Cô bỏ máy mà không để cho anh kịp có thời gian trả lời. Jonathan bước lại gần chiếc bàn nhỏ, cầm phong bì lên và mở tấm bản đồ ra. Anh gọi điện cho quầy tiếp tân đặt một chiếc xe cho ngày mai, đồng thời hỏi luôn xem có một lá thư nào được gửi qua fax cho anh không. Người gác cổng trả lời có một cô gái tên Anna Valton đã tìm cách gọi điện cho anh vào buổi chiều, cô chỉ nhấn lại rằng hãy nói cho anh biết cô đã gọi điện tìm anh. Jonathan nhún vai và gác máy.

Giấc ngủ đã cuốn anh đi ngay khi vừa đặt mình xuống giường và suốt đêm anh bị ám ảnh bởi một giấc mơ kỳ lạ. Anh rong ruổi trên yên ngựa theo những nẻo đường trơn nhầy của Luân-đôn cổ kính. Vừa dong ngựa đi từng bước, anh vừa chăm chú quan sát những người đi đường

đang chen chúc nhón nháo trước một ngôi nhà. Tất cả mọi người đều mặc trang phục cổ xưa. Để thoát khỏi đám đông vây quanh mình, anh thúc ngựa chạy thật nhanh.

Đến cuối con đường nhỏ, khung cảnh thôn quê hiện ra trước mắt. Anh ghìm cương cho ngựa đi chậm lại và tiến vào một lối đi có hai hàng cây mọc bên đường. Một người phụ nữ cưỡi ngựa vượt lên anh từ phía bên phải. Một làn mưa nhẹ bắt đầu lất phất. “Nhanh, nhanh, khẩn trương lên”, cô giục giã và bắt đầu cho ngựa phi nước đại.

\*

\*

\*

Tiếng chuông điện thoại báo thức anh đặt hẹn từ hôm trước vang lên kéo anh khỏi giấc mộng. Anh lái chiếc xe đã thuê rời khách sạn Dorchester và đi theo đường cao tốc phía đông thành phố. Theo đúng hành trình đã được vạch trên bản đồ của Clara, anh rẽ sang đường vành đai ra sau khi chạy được khoảng một trăm cây số. Nửa giờ sau, anh lái xe vòng vèo theo con đường quê nhỏ, trong đầu luôn tự nhắc mình rằng ở Anh khi lái xe phải đi sát lề bên trái. Dãy hàng rào gỗ dài dằng dặc bao bọc những cánh đồng cỏ rộng mênh mông. Anh nhận ra ngã ba đúng như được đánh dấu trên bản đồ, rồi tới quán trọ bên đường như cô đã chỉ dẫn. Bỏ qua hai ngã rẽ, anh ngoặt xe theo lối mòn nhỏ đi vào một khu rừng rậm rạp. Bánh xe anh nảy tung như bóng vì những ổ gà trên đường, anh cho xe chạy chậm lại. Xe chạy đến đâu, từng lớp bùn bắn tung tóe sang hai

bên đường đến đó khiến anh không ngăn được cảm giác thích thú. Rồi con đường nhỏ sáng dần lên dưới hàng cây cao. Anh dừng lại trước một cánh cửa song sắt lớn. Phía bên kia cánh cửa uy nghi, một con đường rải sỏi uốn lượn kéo dài khoảng trăm mét dẫn tới một trang viên xinh đẹp kiểu Anh. Ba bậc thang rộng bằng đá chạy viền theo chân tường ở mặt trước tòa nhà. Hai cánh cửa kính lớn được lắp hai bên lối ra vào chính. Clara, khoác trên người một chiếc áo mưa mỏng, đang cầm trong tay một chiếc kéo xén cây. Cô bước lại gần một cây hồng leo bám dọc bờ tường và cắt một vài bông hoa màu trắng. Cô tỉa bớt cành, đưa những bông hoa lên ngửi, rồi sắp thành một bó. Trông cô đẹp rạng rỡ. Ánh mặt trời lúc ẩn lúc hiện xuyên qua làn mây mỏng. Clara thả chiếc áo mưa rơi xuống đất. Chiếc áo phong trắng bó sát thân thể để lộ hai bờ vai, khiến thân hình cô càng trở nên nổi bật.

Jonathan bước ra khỏi xe. Khi anh tiến gần tới cổng sắt, Clara đã vào bên trong tòa nhà. Khi dùng tay trái đẩy cánh cổng, anh chợt nhìn thấy trên cổ tay chiếc đồng hồ mà Anna đã tặng anh trong ngày lễ đính hôn của họ. Trước mắt anh, một làn ánh sáng vàng chói xuyên qua kính cửa sổ tòa nhà rọi lên lớp thảm màu vàng rơm của gian phòng khách. Jonathan đứng bất động hồi lâu trước khi đi đến một quyết định mà anh biết trước mình sẽ phải trả giá rất đắt. Anh quay bước, lại ngồi vào xe và cho xe chạy lùi. Trên đường quay lại Luân-đôn, anh cúi kính gồ mạnh lên tay lái. Anh nhìn giờ trên tấm bảng điều khiển, với lấy chiếc điện thoại di động và gọi Peter. Anh thông báo với bạn

mình sẽ tới thẳng sân bay và nhờ bạn lấy giúp hành lý trong phòng, rồi gọi điện cho hãng hàng không British Airways để xác nhận vé đã đặt.

Suốt dọc đường, lòng anh vô cùng buồn bã, không phải vì giấc mơ được nhìn bức tranh đã không thành, mà bởi một ý nghĩ cứ ám ảnh trong đầu. Xe càng chạy xa khỏi khu trang viên, hình ảnh Clara lại càng hiện lên rõ nét trong tâm trí anh. Khi chạy tới Heathrow, anh đành phải tự thú nhận với mình một sự thật duy nhất vẫn ám ảnh anh. Anh cảm thấy nhớ Clara.

## 5

Peter giậm chân đi đi lại lại trong phòng chờ. Nếu như chuyến bay đi Boston không bị hoãn lại, có lẽ vào cuối giờ chiều Jonathan đã có mặt ở nhà.

- Cậu vẫn còn chưa hiểu điều gì? Jonathan hỏi.

- Sau hai mươi năm tớ theo cậu đi dự các buổi hội thảo, rồi hai đứa mình lang thang khắp những dãy hành lang các thư viện lớn nhỏ, lục hàng tấn tài liệu lưu trữ để tìm những dấu hiệu dù nhỏ nhất để cậu có thể khám phá bí ẩn về nhà danh họa của cậu, từ hai mươi năm nay hầu như ngày nào chúng ta cũng bàn luận về vấn đề này, vậy mà cuối cùng cậu lại từ chối không muốn biết bức tranh đó có tồn tại hay không ư?

- Có thể chẳng hề tồn tại bức tranh thứ năm nào cả, Peter ạ.

- Làm sao cậu biết được nếu như cậu chưa hề đặt chân vào trong tòa lâu đài ấy? Tớ cần nó, Jonathan, tớ cần nó để không bị các đồng sự của tớ sa thải. Tớ có cảm giác

như đang bị giam trong một bể cá mà nước trong bể mỗi lúc một cạn dần.

Ở Luân-đôn, Peter đã hành động vô cùng liều lĩnh. Anh đã thành công trong việc thuyết phục hội đồng tạm hoãn in ấn cuốn Catalogue trứ danh của công ty, điều ấy ngang với việc phát một tín hiệu quan trọng trong giới nghệ thuật, giống như báo trước sự bùng nổ của sấm sét. Những cuốn Catalogue này thường được phát hành đều đặn và nội dung của nó góp phần không nhỏ đem lại danh tiếng cho công ty nơi anh làm việc.

- Nói cho tớ biết, cậu vẫn chưa hề liên lạc lại với họ chứ?

- Sau cú điện thoại của cậu sáng hôm qua, nghe cậu kể lại cuộc nói chuyện của cậu với Clara và việc cậu vội vàng đi về nông thôn, tớ đã gọi điện cho giám đốc văn phòng công ty tại Luân-đôn.

- Cậu không làm thế thật chứ? Jonathan hỏi thật sự lo lắng.

- Hôm nay là thứ bảy, tớ đã gọi điện tới nhà ông ấy! Peter rên rỉ và vui đầu vào giữa hai lòng bàn tay.

- Thế cậu đã nói gì với ông ta?

- Tớ nói rằng tớ lấy danh dự cá nhân ra đảm bảo, nếu ông ấy dám tin tưởng ở tớ, buổi đấu giá này sẽ trở thành một trong những buổi đấu giá lớn nhất thập kỉ.

Peter không hề nhầm lẫn. Nếu Jonathan và anh có thể đưa ra công bố tác phẩm cuối cùng của Vladimir Radskin, những người mua từ các bảo tàng lớn nhất thế giới sẽ đổ xô tới buổi đấu giá, bất kể các nhà sưu tầm lớn

xương giá tới đâu. Jonathan sẽ đủ sức tặng cho nhà danh họa già của anh một tên tuổi lẫy lừng như anh vẫn hằng ao ước và Peter sẽ trở thành một trong những chuyên gia đấu giá “có hạng” nhất thời đại.

- Vẫn còn thiếu một chi tiết quan trọng trong bức tranh mơ ước của cậu, thế cậu đã chuẩn bị một giải pháp thay thế chưa?

- Có chứ, cậu chuyển giúp tớ thư từ tới hòn đảo hoang nơi cậu đã đẩy ả tớ sau khi bắt tớ phải hứa sẽ không tự tử vì bị cả giới chuyên môn tẩy chay.

Dải bờ biển nước Mỹ dần hiện ra trước mắt và cuộc tranh luận giữa hai người bạn thân vẫn tiếp tục trong suốt chuyến bay, mặc cho những hành khách xung quanh không tài nào chớp mắt nổi. Khi cô tiếp viên đưa cho họ hai khay thức ăn, Peter lơ đãng kéo lá của trập ở máy bay lên và nhìn ra những đám mây bên ngoài để lẩn tránh cái nhìn của Jonathan. Rồi anh quay lại nhanh như chớp, chớp lấy mẫu bánh nhân sô-cô-la trên khay của Jonathan và nhét ngay vào miệng.

- Cậu sẽ phải công nhận với tớ là thức ăn này thật không thể nuốt nổi.

- Chúng ta đang ở độ cao ba mươi nghìn dặm với mặt biển, chúng ta có thể đi từ lục địa này sang lục địa khác trong vòng tám tiếng mà không hề sợ say sóng, cậu cũng đừng nên than phiền chỉ vì món gà không hợp khẩu vị của cậu chứ!

- Giá như trong miếng bánh mì kẹp này có thịt gà thật thì còn đỡ!

- Thì cậu cứ coi đó là thịt gà đi!

Peter nhìn chăm chăm vào Jonathan, cho tới khi anh phải chú ý.

- Cậu làm gì thế? Jonathan hỏi.

- Khi vào phòng cậu lấy hành lý sáng nay, tớ đã tìm thấy tờ giấy biên nhận bức thư cậu fax cho Anna. Lẽ ra tớ không nên đọc, nhưng những hàng chữ tình cờ đập vào mắt tớ, cho nên...

- Thế thì sao? Jonathan khô khốc cắt lời.

- Cậu đã viết tên *Clara* thay vì Anna! Tớ muốn nói cho cậu biết trước khi cậu được vị hôn thê thông báo điều đó.

Ánh mắt hai người giao nhau cảm thông, rồi Peter phá lên cười.

- Thật thế, tớ đang băn khoăn đây! Anh vừa nói vừa lấy lại hơi thở.

- Cậu băn khoăn gì cơ?

- Tớ tự hỏi không biết cậu ngồi trong máy bay này với tớ để làm gì!

- Tớ về nhà!

- Tớ sẽ đặt câu hỏi theo cách khác, cậu sẽ thấy rõ là chính bản thân cậu đã hiểu! Tớ đang tự hỏi cậu sợ hãi điều gì?

Jonathan suy nghĩ thật lâu trước khi trả lời.

- Chính tớ! Tớ sợ chính bản thân mình.

Peter lắc đầu và nhìn qua khung cửa, bán đảo

Manhattan hiện ra ở xa xa.

- Chính tớ cũng nhiều lúc thấy sợ cậu, song điều đó chẳng ngăn cản tớ trở thành bạn thân nhất của cậu! Hãy tự tạo cho mình nhiều cơ hội hơn nữa, rồi cậu cũng sẽ quen dần với những ý nghĩ ngông cuồng của bản thân, rồi cậu cũng sẽ cảm thấy như tớ, lúc say mê một danh họa người Nga sau bao ngày tháng đằng đẳng ngồi nghe cậu ca ngợi về ông ta. Cậu đang tiếc công sức đã bỏ ra để chuẩn bị cho hôn lễ chứ gì. Không, tớ cam đoan với cậu, rồi cậu sẽ trở nên thân thiện với bản thân mình hơn, cậu sẽ nhận ra bao nhiêu biến động trong cuộc sống của chính cậu!

Jonathan không trả lời, anh nhặt lấy cuốn tạp chí của hãng hàng không được gài trong chiếc túi ở lưng ghế trước mặt. Sự tình cờ đôi khi chứa đựng đầy khiêu khích. Khi máy bay cất cánh, trong lúc lật một vài trang của cuốn nguyệt san này, anh ngẫu nhiên dừng lại trước một bài phỏng vấn ngắn một nữ chủ phòng tranh đang rất nổi danh ở Luân-đôn. Một tấm ảnh của Clara minh họa cho bài báo, cô đang đứng trước trang viên của mình. Jonathan cúi người nhét cuốn tạp chí vào túi. Peter liếc mắt dõi theo cử chỉ của anh.

- Cậu đồng ý chứ, Peter nói tiếp, cho dù có bị đẩy lên đảo hoang, thì nhất định phải để cho tớ đến đó một mình.

- Vậy à, sao lại thế?

- Bởi vì nếu cậu nhất định theo tớ, thì ở đó sẽ chẳng còn là đảo hoang nữa!

- Tại sao tớ lại nhất định phải theo cậu?

- Vì cậu đã hoàn toàn chọn nhầm cuộc sống ở

Boston, và cậu đã nhận ra điều đó quá muộn!

- Cậu đang ám chỉ gì thế Peter? Jonathan tức tối hỏi.

- Có gì đâu! Peter ranh mãnh đáp và tảng lờ cầm lấy cuốn tạp chí hàng không của mình.

Sau khi qua cửa hải quan, Peter và Jonathan cùng đi tới khu để xe. Họ đi theo hành lang có mái che cắt ngang qua những lối đi dẫn vào các phòng chờ máy bay. Peter nhòai người qua lan can.

- Cậu có thấy những người xếp hàng dài chờ ta-xi không? Phải cảm ơn ai đã nhanh trí nghĩ ra việc tự mình lái xe tới đây?

Trong hàng dài những hành khách đang chờ tới lượt trên vỉa hè, Jonathan không nhận thấy một người đàn bà có mái tóc màu trắng bước lên chiếc xe đầu tiên.

Con đường ngoại vi thành phố bị tắc nghẽn, Peter phải mất hơn một tiếng mới chở được bạn về tới nhà. Jonathan đặt chiếc va-li xuống và treo áo mưa lên móc. Đèn trong nhà bếp đều tắt hết. Anh đứng ở cầu thang cất tiếng gọi Anna nhưng không thấy ai trả lời. Phòng ngủ chìm trong bóng tối, chăn gối trên giường vẫn được xếp gọn gàng. Nghe có tiếng cọt két phía trên đầu, anh liền bước lên tầng trên. Anh đẩy nhẹ cánh cửa khép hờ của xưởng vẽ. Căn phòng cũng trống trơn. Một bức tranh mới của Anna gác trên giá, Jonathan bước lại gần và chăm chú ngắm nhìn. Bức tranh vẽ quang cảnh từ xưởng vẽ trông ra song lại lấy không gian của thế kỷ trước. Anh nhận ra trên bức tranh

một vài tòa nhà tồn tại bất chấp thời gian và đến giờ vẫn trơ gan dưới cửa sổ căn nhà của họ. Ở chính giữa bức tranh, một chiếc thuyền buồm hai cột đang cập bến cảng cũ. Vài hành khách đang hối hả trên cầu tàu. Một gia đình đang bước đi trên lối dẫn ra bến tàu. Nếu như Jonathan tiến gần hơn chút nữa, anh đã có thể chiêm ngưỡng sự chân thực trong từng nét bút của Anna. Đường nét mờ tỏ của những thanh ván gỗ trên nền vỏ con thuyền. Một người đàn ông vóc dáng cao lớn dắt tay đứa con gái nhỏ, chiếc mũ trùm đầu che khuất mặt ông ta có màu xám hạt trai rất đẹp. Trên bàn tay đang bám vào lan can cầu tàu của người đàn bà có đeo một chiếc nhẫn rất lớn.

Jonathan nghĩ tới người bạn cố tri, giờ đang ở nhà một mình. Mặc dù Peter đã cố tỏ ra bình thản, song Jonathan hiểu bạn quá rõ để thờ ơ với nỗi lo lắng đang gặm nhấm tâm hồn Peter, và anh tự cảm thấy dần vật. Anh tiến lại gần bàn làm việc của Anna và nhắc điện thoại lên. Peter đang gọi điện. Jonathan nhìn quanh, căn phòng tràn ngập những tia nắng cuối ngày xuyên qua lớp cửa kính. Ánh sáng nhuộm lên những lá rèm vàng rộm như màu những tấm thảm phủ trong một tòa dinh thự kiểu Anh. Trái tim anh thình lình rộn lên một ước muốn khiến tâm hồn anh bổng như ngập tràn hạnh phúc. Anh bỏ máy, bước ra khỏi xưởng vẽ và lao nhanh xuống cầu thang. Anh chộp lấy chiếc va-li nhỏ để trên ghế ngoài cửa ra vào và đóng cửa lại phía sau lưng. Anh leo lên một chiếc ta-xi và nói với người lái xe:

- Sân bay Logan, làm ơn chạy càng nhanh càng tốt!

Người lái xe nhìn gương mặt vị khách qua kính chiếu hậu và những bánh xe của chiếc Ford nghiêng sin sít xuống mặt đường rải nhựa.

Khi chiếc ta-xi đã rẽ ở đầu phố, bàn tay Anna buông các lá gỗ của tấm rèm cửa sổ xuống. Từ sau lớp kính của xưởng vẽ, cô mỉm cười. Anna bước xuống cầu thang, bật nút tự động trả lời trên điện thoại trong bếp và nhặt chùm chìa khóa để vào một chiếc cốc nhỏ. Tới cửa ra vào, cô thấy chiếc áo mưa Jonathan đã để quên trên mắc áo khoác. Cô nhún vai, ra khỏi nhà và đi bộ tới đầu phố. Đi được một quãng, cô lấy xe của mình và lái về phía bắc. Cô đi qua cây cầu Harvard bắc ngang dòng sông Charles và tiếp tục chạy xe tới tận Cambrigde. Dòng xe chạy trên đường chen chúc dày đặc. Cô lái xuyên đại lộ Mass, vòng qua khu học xá của trường đại học và rẽ ngang sang phố Garden.

Anna đậu xe không xa số nhà 27. Cô bước lên bậc tam cấp ở thềm cửa và nhấn chuông. Tiếng khóa điện tử reo lên và cánh cửa mở ra. Cô đi thang máy lên tận tầng cuối cùng. Cánh cửa cuối hành lang hé mở sẵn.

- Cửa mở đấy, tiếng một người đàn bà từ bên trong nói vọng ra.

Căn hộ trông thật trang nhã. Trong phòng khách, đồ gỗ được đánh vec-ni kỳ công rất đúng một và được tô điểm bởi những đồ trang trí bằng bạc. Những tấm màn cửa bằng vải mỏng che lớp kính đựng đĩa nhè nhẹ trên những thanh kim loại.

- Mẹ ở trong buồng tắm, mẹ sẽ ra ngay đây, giọng nói lại cất lên.

Anna ngồi vào một chiếc ghế salon bọc nhung màu nâu. Từ chỗ đó, cô có thể nhìn bao quát quang cảnh công viên Danehy.

Người đàn bà mà cô đến thăm bước vào phòng, vắt chiếc khăn bà vừa dùng để lau tay lên thành một chiếc ghế tựa.

- Những chuyến đi này làm mẹ mệt mỏi quá, bà ta nói và ôm Anna trong vòng tay.

Rồi bà lấy ra từ trong chiếc cốc nhỏ chạm trổ tinh tế, một chiếc nhẫn có đính viên kim cương tuyệt đẹp được mài theo kiểu cổ xưa và đeo nó vào ngón tay.

\*

\*            \*

Jonathan đã lại sức trong thời gian bay. Anh nhắm mắt ngay sau khi máy bay vừa rời khỏi đường băng và chỉ mở mắt ra khi những bánh xe được nhả từ bụng chiếc máy bay của hãng British Airways để chuẩn bị hạ cánh. Anh thuê một chiếc xe và rời khỏi Heathrow để ra đường cao tốc. Cho tới khi nhìn thấy một quán rượu trước mặt, anh nhấn bàn đạp tăng ga. Một lát sau, cổng sắt màu đen uy nghi của khu trang viên đã hiện ra trước mũi xe; hai cánh cổng mở rộng. Anh lái xe vào trong trang viên, xe lăn bánh chậm dần và dừng lại trước sân.

Mặt trước tòa nhà nhuộm ánh mặt trời. Những

nhánh hồng đại quần quýt suốt dọc bờ tường màu hồng phấn. Ở chính giữa bãi cỏ hình tròn, một cây dương đu đưa trong gió, những cành cao mềm mại xoà trên mái nhà. Clara hiện ra trước bậc thềm và bước xuống.

- Đúng giữa trưa, cô vừa nói vừa đi đến chỗ anh, nếu như không chậm mất một ngày thì anh thật đúng hẹn.

- Tôi thật lòng xin lỗi, đây là một câu chuyện hơi dài, anh lúng túng đáp.

Cô quay bước vào trong dinh thự. Jonathan bối rối giầy lất rồi đi theo cô. Trong trang viên này, mọi thứ dường như đều không được chủ ý sắp đặt, nhưng lại rất đúng chỗ. Có những nơi, ngẫu nhiên, luôn tạo cho người ta cảm giác sáng khoái khi bước vào. Ngôi nhà mà Clara sống phần lớn cuộc sống của cô cũng là một nơi như vậy. Khung cảnh bên trong thật thân thiện, dường như theo năm tháng, cô đã truyền cho tòa nhà những làn sóng tình cảm.

- Hãy đi theo tôi, cô nói.

Họ bước vào một gian bếp rộng có sàn lát gạch nâu. Thời gian dường như chẳng có chút dấu ấn tại nơi này. Một vài mẩu than cháy dở vẫn hồng lên trong lò sưởi. Clara cúi xuống một chiếc giỏ lớn đan bằng cành liễu, nhặt lên một nhánh củi và ném vào giữa đám tro. Ngọn lửa bùng lên ngay tức khắc.

- Các bức tường ở đây dày tới mức bất kể mùa đông hay mùa hè, căn phòng này luôn phải để lò sưởi. Buổi sáng mà bước vào đây, anh sẽ phải ngạc nhiên vì cái lạnh ngự trị trong này.

Cô đặt vài chiếc đĩa lên một cái bàn lớn.

- Anh có muốn dùng một tách trà không?

Jonathan tựa lưng vào tường và nhìn cô. Ngay cả trong những cử chỉ bình thường nhất, Clara vẫn mang dáng vẻ cao sang.

- Thế là cô đã không tôn trọng bất cứ một nguyện vọng nào của bà cô lúc sinh thời phải không? Jonathan nói.

- Ngược lại thì có.

- Chúng ta chẳng phải đang ở trong trang viên của bà sao?

- Bà là một nhà tâm lý học tinh tế. Cách tốt nhất để khiến tôi thực hiện những điều bà muốn là bắt tôi cam kết những gì ngược lại.

Nước bắt đầu reo trong ấm. Clara rót trà còn Jonathan ngồi vào chiếc bàn lớn bằng gỗ.

- Trước khi tôi quay trở lại trường nội trú, bà đã hỏi tôi có nhớ đan các ngón tay vào nhau khi hứa không.

- Tôi nghĩ đó cũng là một cách để nhìn nhận sự việc.

Clara ngồi xuống đối diện với anh.

- Anh đã nghe chuyện giữa Vladimir và người bảo trợ của ông ấy, Ngài Edward chưa? Clara hỏi. Ngày lại ngày, họ đã không thể tách rời nhau và thân thiết gần như anh em. Người ta còn kể rằng Vladimir đã qua đời trong vòng tay của Ngài Edward.

Giọng cô đầy háo hức và phấn khích. Jonathan cảm thấy thực sự thoải mái và Clara bắt đầu kể.

Sau khi đã bỏ trốn khỏi Nga vào những năm 1860, Radskin đến Anh quốc. Luân-đôn vẫn luôn là nơi trú thân tạm thời của tất cả những kẻ tha hương, ở đó người ta gặp

những người Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Thụy Điển, Pháp, Tây Ban Nha, thậm chí kể cả những lữ khách tới từ Trung Hoa. Đô thị già nua này đông đầy người từ mọi nơi đổ tới đến mức loại rượu thịnh hành nhất cũng được mang tên “thức uống cho mọi dân tộc”, nhưng Vladimir không uống rượu, ông không có tiền. Ông nung nấu trong một căn phòng bẩn thỉu ở khu phố Lambeth gồm ghiếc. Radskin là một người đàn ông tự trọng và dững dắc, và cho dù nghèo kiết xác, ông thà chết chứ không chịu ngửa tay xin. Ban ngày, đem theo những mẩu than được vót nhọn như đầu bút chì, ông ra khu chợ Covent Garden, rồi với những mẩu giấy cũ nhất nhanh được, ông phác họa khuôn mặt của những người qua đường.

Ông cố sức đẩy lùi sự cùng quẫn bằng cách bán những bức vẽ lấy một vài xu trong những ngày may mắn. Chính trong cảnh ngộ ấy ông đã gặp được Ngài Edward. Đó chỉ có thể là bàn tay tài tình của định mệnh dàn xếp, vào buổi sáng mùa thu năm ấy, trên những con phố lộ thiên của khu Covent Garden.

Ngài Edward là một nhà kinh doanh nghệ thuật giàu có và nổi danh.

Lẽ ra ngài sẽ chẳng bao giờ phải đặt chân tới khu chợ, song bệnh tật đã vừa cướp đi một trong những người giúp việc của gia đình và phu nhân muốn ngài phải tìm ra được người thay thế ngay lập tức. Khi Vladimir Radskin giờ ra trước mặt Ngài Edward bức ký họa ngài mà ông vừa hoàn thành khi ngài mới chỉ dừng chân trước một quầy rau, thì nhà sưu tầm lớn này đã nhận ngay ra tài năng của người

đàn ông khốn khổ. Ngày hôm sau, ngài quay lại bằng xe ngựa, đi cùng tiểu thư, và yêu cầu người đàn ông vẽ cô. Vladimir từ chối. Ông không vẽ khuôn mặt phụ nữ. Vốn tiếng Anh còm cõi đã không cho phép ông có thể giải thích rõ ràng, Ngài Edward nổi giận. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của hai người đàn ông mà sau này không thể rời nhau nửa bước thiếu chút nữa đã kết thúc bằng đụng độ. Song Vladimir bình tĩnh chia ra cho Ngài Edward xem một bức vẽ khác. Lại là một bức chân dung ngài, lần này là một bức tranh nhỏ hoàn thiện miêu tả ngài trong tư thế đứng, ông đã hoàn thành hôm trước hoàn toàn dựa vào trí nhớ ngay sau khi ngài rời bước. Bức chân dung sống động đến bất ngờ.

- Chính là bức chân dung của Sir Edward đang được trưng bày tại San Francisco phải không?

- Nói cho chính xác hơn, bức họa hôm đó chính là bản phác thảo của bức chân dung ấy...

Clara nhú mày.

- Anh đã biết tất cả những câu chuyện đó rồi, tôi đang tự biến mình thành trò cười, anh là chuyên gia thông thạo nhất về danh họa này, vậy mà tôi lại kể cho anh nghe những giai thoại mà người ta có thể dễ dàng tìm thấy trong bất cứ cuốn sách nào viết về ông.

Bàn tay của Jonathan nhích lại gần tay Clara. Anh vô cùng muốn đặt nó lên tay cô, song anh kìm lại.

- Trước tiên, có rất ít sách viết về Radskin, và tôi cam đoan với cô rằng tôi chưa hề nghe nhắc tới giai thoại này.

- Anh lại giễu tôi phải không?

- Không hề, và có lẽ cô phải cho tôi biết làm thế nào

những chi tiết quý giá ấy lại đến được với cô, tôi sẽ công bố chúng trong bản chuyên khảo sắp tới của tôi.

Clara ngập ngừng một chút trước khi tiếp tục câu chuyện của mình.

- Thôi được, tôi tin anh, cô nói và rót trà vào tách của Jonathan. Là một người đa nghi, Ngài Edward đã yêu cầu Vladimir phải lập tức vẽ một bức chân dung cho người đánh xe của ngài.

- Và bản phác họa đó đã tạo cảm hứng cho bức tranh mà chúng ta vừa nhận được hôm thứ tư vừa rồi phải không? Jonathan phấn khích hỏi.

- Đúng như vậy, Vladimir và người đánh xe đã trở thành bạn của nhau, cùng gắn bó bởi một niềm đam mê. Nếu như anh đang giễu cợt tôi và nếu anh đã biết tất cả rồi, thì tôi cam đoan với anh...

- Đừng cam đoan gì cả, cô hãy kể tiếp đi.

Vladimir lúc còn trẻ từng là một kỵ sĩ giỏi. Nhiều năm sau, khi con ngựa cưng của người đánh xe chết gục trong lúc đang đi trên đường, Vladimir an ủi nỗi đau ấy bằng cách vẽ tặng ông một bức chân dung đứng trước chuồng ngựa. Lúc này người đánh xe đã già đi nhiều nên Vladimir đã vẽ khuôn mặt ông dựa vào bức kí họa nhanh của buổi sáng mùa thu ẩm ướt năm xưa trong khu chợ lộ thiên ở Covent Garden.

Jonathan không thể không nói cho Clara biết câu chuyện này đã nhân thêm một giá trị lớn cho bức tranh sẽ được đưa ra đấu giá. Máu nghề nghiệp nổi lên, anh nhiều lần thử tìm hiểu xem cô đã lấy thông tin từ đâu. Anh tìm

cách sàng lọc phần hiện thực từ mộng lung trong những câu chuyện của Clara. Suốt buổi chiều hôm đó, cô tiếp tục kể về Vladimir và Ngài Edward.

Nhà sưu tầm nghệ thuật gần như ngày nào cũng tới thăm Vladimir, cố tìm cách gây thiện cảm bằng sự quan tâm chăm sóc. Sau một vài tuần, ngài đề nghị họa sĩ dọn tới ở trong căn phòng có lò sưởi đang hoàng trên gác xép của một trong những ngôi nhà quý phái mà ngài sở hữu ở gần khu chợ, mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào.

Vậy là từ đó, Radskin không còn phải lang thang trên những đường phố lầy lội và bất an của Luân-đôn vào những buổi sáng mờ sương hay những lúc bóng chiều chập choạng. Họa sĩ không chấp nhận ở trọ mà không trả tiền. Ông bắt đầu vẽ tranh để thay tiền trọ. Ngay sau khi Radskin ổn định nơi ở, Ngài Edward cho người mang tới chỗ ông dầu và bột màu loại hảo hạng mà ngài đã mua từ tận Florence về. Vladimir đích thân pha màu và ngay khi vừa nhận được những khung tranh đầu tiên do Ngài Edward gửi tới, ông liền thôi vẽ bằng than và chuyển sang vẽ tranh sơn dầu. Thế là bắt đầu giai đoạn vẽ tranh tại nước Anh kéo dài tám năm, cho tới tận khi ông qua đời. Sống trong căn phòng dành cho mình ở gần khu Covent Garden, danh họa vẽ tranh theo đặt hàng của nhà sưu tầm. Ngài Edward đích thân mang nguyên liệu tới cho ông. Mỗi lần tới, ngài đều nán lại hồi lâu để trò chuyện cùng danh họa. Cứ như thế, sau nhiều tuần lễ, ngài đã dần chiếm được cảm tình của người họa sĩ mà ngài muốn làm Mạnh Thường Quân. Trong vòng một năm, người mà ngài vẫn

thường gọi là “người bạn Nga của ta” đã vẽ sáu bức tranh lớn. Clara kể tên từng bức: Jonathan biết rõ tất cả những bức tranh đó và nói cho cô mỗi bức hiện đang được cất giữ ở nơi nào trên thế giới.

Thế nhưng chuyến đi tản và những tháng ngày sống khốn khổ trong khu phố Lambeth đã làm sức khỏe của Vladimir dần suy kiệt. Ông thường xuyên bị hành hạ bởi những cơn ho xé phổi, các khớp xương trở mặt khiến ông mỗi ngày một thêm đau đớn. Một buổi sáng ghé thăm Radsin, Ngài Edward đã bắt gặp ông nằm sổng soài trên nền nhà. Bệnh thấp khớp đã làm ông tê liệt, không đủ sức để tự mình gượng dậy sau cú ngã.

Ngay lập tức Vladimir được chuyển đến ngôi nhà trong thành phố của Ngài Edward để hàng ngày ngài có thể đích thân theo dõi việc chăm sóc ông. Cho tới khi bác sĩ riêng của Ngài Edward khẳng định danh họa đã bình phục, ngài liền ra lệnh đưa ông tới khu trang viên ngoại ô của ngài để ông tiện bề dưỡng bệnh. Ở đây, Vladimir đã hoàn toàn bình phục. Nhờ có Ngài Edward, ông đã vài lần tự mình du hành sang Florence mua bột màu để có thể tự pha chế những màu vẽ vô cùng tinh túy. Ngài Edward đối với ông như một người anh em. Trong suốt những năm tháng đó, tình cảm giữa hai người trở nên sâu nặng. Những khi không đi du lịch, Vladimir tập trung vào việc vẽ tranh. Ngài Edward tổ chức triển lãm cho ông tại phòng tranh của mình ở Luân-đôn, và mỗi khi có một bức tranh nào không tìm được người mua, ngài liền giữ lại treo tại một trong những tòa nhà của mình và trả tiền cho danh

họa, coi như bức tranh đã có chủ. Tám năm sau, Vladimir lại ngã bệnh và lần này cơ thể của ông suy yếu rất nhanh.

- Ông qua đời vào một ngày đầu tháng sáu, trong khi Ngài Edward để ông ngồi nghỉ trên một chiếc ghế bành dưới bóng cây râm mát.

Giọng Clara trở nên buồn bã khi kết thúc câu chuyện. Cô đứng lên dọn bàn và Jonathan liền tự ý giúp cô một tay. Clara thu những tách trà, Jonathan cầm lấy ấm và hai người mang tất cả tới hai bồn rửa men rạn, phía trên chia ra một vòi nước khá to bằng đồng. Từ đầu vòi nước tuôn dài thành dòng chảy. Jonathan thú thực với Clara anh chưa hề được biết những tình tiết về quãng đời của Vladimir ở đồng quê và kể cho cô nghe một vài chuyện đời khác của ông mà anh đã thu thập được trong quá trình nghiên cứu.

Đã đến cuối buổi chiều. Clara và Jonathan cùng nhau ngắm màn sương dày đặc của Luân-đôn cổ kính, cùng hình dung về ngôi nhà nơi Vladimir đã sống gần khu Covent Garden, thăm vườn hồng nơi ông thích dạo chơi trong quãng thời gian sống tại đồng quê. Họ nói về danh họa nhiều tới mức gần như tưởng thấy tiếng chân ông đang lạo xạo bước trên lối đi trải rơm của chuồng ngựa mỗi khi tới thăm người bạn đánh xe. Jonathan rửa tách, Clara đứng bên cạnh giúp anh lau khô. Anh gần như bị chinh phục bởi vẻ gợi cảm toát ra từ người cô. Cô đứng nhón trên đầu ngón chân để xếp bát đĩa lên một chiếc giá bằng gỗ treo cao phía trên đầu. Hàng trăm lần anh muốn ôm lấy cô trong vòng tay, bấy nhiêu lần anh đều phải ghìm mình lại. Clara

đóng vòi nước lại. Cô lau tay vào tạp dề, tháo nó khỏi người và để bên cạnh chiếc bếp nấu ăn bằng gỗ kiểu cổ. Cô bước lại gần anh, căng tràn sức sống.

- Nào, bây giờ thì đi theo tôi, cô nói.

Cô dẫn anh theo cửa bếp ra phía sau tòa lâu đài. Họ đi ngang qua sân và dừng lại trước một nhà chứa đồ rất rộng. Trong lúc cô xoay chìa khóa, Jonathan thấy tim đập rộn ràng. Cô đẩy hai cánh cửa lớn thật mạnh. Phía trong nhà kho, một chiếc Morgan cổ có mũi xe bằng thép bóng loáng đứng sừng sững. Clara ngồi vào sau tay lái cũ bằng gỗ rồi cho nổ máy.

- Anh đừng xịu mặt như thế, lên xe đi! Tôi phải vào mua một ít đồ trong làng. Khi quay lại, anh sẽ được xem thứ đã khiến anh phải lặn lội tới nơi này. Suy cho cùng, ai là người đã đến chậm hai mươi tư giờ đồng hồ cơ chứ? Cô nói, mắt lấp lánh vẻ ranh mãnh.

Jonathan ngồi vào cạnh cô và Clara cho xe lăn bánh.

Chiếc xe mũi trần lao nhanh trên đường quê. Họ dừng lại trước cửa hàng thực phẩm. Clara mua thức ăn cho bữa tối. Jonathan hai tay bê sọt đựng thức ăn bước ra để lên băng ghế nhỏ phía sau. Chẳng đường về, Clara để anh cầm lái. Tâm trạng căng thẳng, anh cài số một khiến động cơ khựng lại.

- Bộ ly hợp hơi cứng nếu không quen xe! Cô nói.

Jonathan cố nén tự ái và đánh lảng che giấu sự hồi hộp của mình. Khi về đến trang viên, anh đã lấy lại bình

tĩnh. Clara để đồ ăn trong bếp rồi dẫn anh vào trong trang viên. Cô đưa anh đi theo một hành lang dài dẫn tới một phòng sách lớn. Những bậu cửa sổ bằng gỗ đã xối lở bởi thời gian được bọc lại bằng giấy dán tường kiểu cổ. Phía trên lò sưởi, một chiếc đồng hồ treo tường lớn chỉ sáu giờ, không ai biết đó giờ buổi chiều hay buổi sáng. Một vài cuốn sách bìa bọc cũ kỹ nằm rải rác trên chiếc bàn gỗ gụ ở chính giữa phòng. Qua những khung cửa sổ vuông nhỏ, có thể nhìn thấy nắng chiều đang tà dần trên các ngọn đồi. Jonathan thấy Clara tiến về phía cánh cửa nhỏ nằm khuất trong một hốc tường. Lối vào khá hẹp, anh định lùi bước để nhường đường cho cô. Khi cô đặt tay lên nắm đấm cửa, họ vô tình chạm nhẹ vào nhau, và thế là con chóng mặt kỳ lạ lại tái diễn.

Những đụn mây trĩu nặng ùn ùn kéo tới khiến bầu trời tối sầm. Ánh sáng ban ngày tan biến và trận mưa đêm chợt đổ xuống. Một cơn lốc ập vào qua cửa sổ phòng sách. Jonathan chạy băng tới và muốn đóng nó lại, song cánh tay dường như không chịu tuân theo sự điều khiển của anh. Các bắp cơ trong người anh bỗng trở nên rã rời. Anh muốn cất tiếng gọi Clara nhưng miệng không thể thốt thành lời. Bên ngoài, mọi vật đều biến đổi. Những cành hồng tươi tốt bám trên mặt tiền của tòa lâu đài giờ bỗng lan khắp nơi hoang dã. Những khung cửa cũ kỹ rít lên trên các tầng gác dưới những đợt tấn công của gió. Một vài mảnh ngói lao từ trên mái xuống vỡ vụn giữa sân. Jonathan cảm thấy nghẹt thở, phổi đau như xé. Cơn mưa rào tấp rập mặt anh. Trước cửa trang viên, một cỗ xe tồi tàn đã được

đóng ngựa đứng chờ. Những tiếng vó đập thành thịch xuống nền đất cho thấy lũ ngựa rất bồn chồn, một người đánh xe đội mũ cao thành đang cố hết sức ghìim dây cương. Phía trong khoang xe, lấp ló bóng một người trẻ tuổi trong bộ áo choàng màu xám với chiếc mũ rộng trùm kín trên đầu. Một cặp vợ chồng đã đứng tuổi vội vã chạy từ trong lâu đài ra. Người đàn ông dáng vóc cao lớn dùng cánh tay che người đàn bà và giúp bà ta trèo lên xe. Ông đóng cửa khoang xe lại, thò đầu ra cửa sổ và hét lên: “Chạy vào rừng, nhanh lên, họ sắp đuổi tới rồi!”

Người đánh xe quất roi và chiếc xe chạy vòng qua thân cây to. Cây dương mọc trong vườn giờ đã rụng trụi lá. Mùa hè vừa mới bắt đầu giờ đã như sắp tàn. Giọng nói xa lạ lại vang lên bên tai anh: “Nhanh, nhanh, khẩn trương lên!”, tiếng nói thì thầm lẫn trong tiếng gào thét của gió.

Khó nhọc lắm Jonathan mới có thể quay lại nhìn vào trong phòng sách. Khung cảnh bên trong cũng biến đổi. Ở đầu kia căn phòng, cánh cửa ra hành lang đột ngột mở toang. Jonathan nhìn thấy hai bóng người chạy lên cầu thang. Một trong hai bóng người cắp dưới nách một gói lớn bọc trong tấm chăn. Jonathan biết chỉ trong vài giây nữa anh sẽ không còn không khí để thở. Anh hít thật sâu và dùng hết sức chống lại sự rệu rã của cơ thể, anh lùi lại một bước và cơn chóng mặt tan biến ngay lập tức. Clara vẫn đứng trước mặt anh. Anh lại đang đứng bên hốc cửa.

- Mọi thứ lại vừa tái diễn phải không? Cô hỏi.
- Đúng vậy, Jonathan vừa đáp vừa lấy lại bình tĩnh.
- Tôi cũng vẫn bị như vậy, tôi cũng có những giấc mơ

như thế, cô thì thầm. Điều đó xảy ra mỗi lần chúng ta chạm vào nhau.

Mọi việc dường như trở nên kỳ quái hơn khi họ thú nhận điều này với nhau. Cô nhìn anh chăm chăm rồi không nói thêm một lời, cô bước vào trong căn phòng làm việc nhỏ.

Cái giá được đặt chính giữa phòng. Khi Clara nhắc tấm vải phủ trên bức tranh, cô đã trao cho anh giây phút vô song mà anh vẫn hằng mơ tưởng. Anh nhìn bức tranh mà không thể tin vào đôi mắt mình.

## 6

Đứng quay lưng lại, bất động trong sự vĩnh viễn của bức tranh, cô gái khoác trên người chiếc váy xếp ly màu đỏ đậm đặc và sâu lắng, một màu đỏ mà Jonathan chưa từng nhìn thấy. Anh lướt hồ ngón tay trên mặt tranh. Tác phẩm đẹp hơn cả những gì anh có thể tưởng tượng. Trước hết là chủ đề bức tranh đã vượt lên mọi quy tắc mà Vladimir tự đặt ra, rồi sắc đỏ đến khôn tả khiến anh nhớ ra đích thân Vladimir đã tự nghiền và pha chế những màu sắc mà ông sử dụng theo lối cổ xưa.

Anh chuẩn choáng ngây ngất. Cách bố trí ngược sáng mà danh họa sử dụng trong bức tranh là của khuynh hướng cận đại. Đó không chỉ đơn thuần là những xung động mà còn là sự hiện hữu của ánh sáng, một tiến bộ vượt bậc báo hiệu xu thế hội họa của thế kỷ XX. Ở phần hậu cảnh, một cây dương phơn phớt xanh hiện lên trên nền bầu trời xanh ngọc là bước tiên phong cho lối vẽ trường

phái fô-vít<sup>(8)</sup>. Jonathan càng ý thức rõ rệt hơn về tầm vóc của nhà danh họa. Vladimir đã vượt lên mọi thời đại. Từ trước tới nay, và có lẽ sẽ chẳng bao giờ có bức tranh nào sánh được với tác phẩm này.

- Nghĩa là ông đã làm được điều đó, ông bạn già thân mến! Anh thì thảo. Ông đã hoàn thành một tác phẩm bất hủ.

Anh cứ đứng như vậy hàng giờ liền ngắm bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ*, và Clara sau khi đã rời khỏi căn phòng, đến hết đêm cũng không hề quay lại khuấy động sự yên tĩnh vây bọc quanh nhà danh họa và người viết sử của ông.

Chỉ tới rạng sáng hôm sau cô mới bước chân vào phòng làm việc. Cô đặt chiếc khay lên bàn viết, kéo rèm để ánh sáng lùa vào phòng qua cửa sổ mở hé. Jonathan nheo mắt rồi vươn vai. Anh ngồi xuống đối diện cô bên bàn và rót trà. Họ nhìn nhau hồi lâu không nói gì, rồi anh phá vỡ sự yên lặng đồng cảm giữa hai người.

- Cô định thế nào?

- Chủ yếu tùy vào anh, cô nói trước khi bước ra khỏi phòng.

Jonathan nán lại một mình trong chốc lát. Giờ thì anh biết bức tranh mà anh đã nghiền ngẫm suốt đêm rốt cuộc sẽ trả lại cho Radskin sự lấy lòng mà ông đáng được hưởng. Bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ* sẽ đưa ông vào hàng ngũ những danh họa cùng thời với ông. Các quản đốc của

---

8. Trường phái fô-vít: Một trường phái hội họa ra đời năm 1905, do một số nghệ sĩ hiện đại thể hiện, điển hình sử dụng màu sắc trong sáng và ngược với tự nhiên, đã gây được ảnh hưởng tới trường phái nghệ thuật ấn tượng.

những bảo tàng lớn như Metropolitan tại New York, Tate Galerie tại Luân-đôn, Orsay tại Paris, Prado tại Madrid, Offices tại Florence, Bridgestone tại Tokyo, tất cả đều muốn được trưng bày tranh của Radskin. Jonathan thoáng nghĩ tới Peter sẽ rất lúng túng khi đoán xem ai trong số họ sẽ ra giá cao nhất để giành quyền treo bức tranh này trên tường bảo tàng của mình. Anh lấy điện thoại di động trong túi áo vét, bấm số của Peter và để cho bạn một tin nhắn.

- Tớ đây, anh nói, tớ có một tin muốn chia sẻ với cậu. Tớ đang đứng trước bức tranh mà chúng ta đã tìm kiếm bấy lâu nay, và cậu có thể tin là nó vượt lên mọi mong đợi của chúng ta. Nó sẽ làm cho cậu trở thành người hạnh phúc nhất và bị ghen tị nhiều nhất trong các chuyên gia đấu giá.

- Trừ một chi tiết nhỏ, Clara nói sau lưng anh.

- Chi tiết nào? Jonathan nói và cất điện thoại lại vào túi.

- Rõ ràng anh đã quá sốc nên mới bỏ qua chi tiết này!

Cô đứng lên và chìa tay muốn kéo anh lại gần bức tranh. Họ lúng túng đưa mắt nhìn nhau rồi cô lập tức rút tay lại giấu sau lưng. Họ bước đến bên giá tranh. Jonathan lại xem xét bức tranh của Vladimir. Khi nhận ra sai sót của mình, anh mở to mắt, nhấc bức tranh lên khỏi giá và nhìn mặt sau. Trong giây lát anh chợt nhận ra một điều vô cùng hệ trọng mà mình đã không hề để ý tới: Vladimir Radskin đã không để lại chữ ký trên tác phẩm cuối cùng của ông.

Clara bước lại gần anh và định đặt tay lên vai anh để trấn an, nhưng cô kìm lại.

- Anh đừng tự trách mình, anh không phải là người đầu tiên bị bức tranh đánh lừa như vậy. Chính Ngài Edward cũng hoàn toàn bị chinh phục như anh và cũng không nhận ra điều này. Thôi, đừng đứng đây nữa. Tôi nghĩ ra ngoài đi dạo một lát sẽ giúp anh nhẹ nhõm hơn.

Trong khi đi dạo ngoài vườn, cô kể tiếp câu chuyện của danh họa và vị Mạnh Thường quân.

Vladimir đã bị căn bệnh cướp đi quá bất ngờ, ông qua đời ngay khi vừa hoàn thành bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ*. Ngài Edward không thể chấp nhận cái chết của người bạn. Đau đớn và khủng hoảng vì sự nghiệp của danh họa vẫn chưa được thừa nhận một cách xứng đáng, một năm sau đó, ông đã bảo đảm bằng chính danh tiếng của mình, bức tranh cuối cùng của Vladimir Radskin là một trong những tác phẩm lớn nhất thế kỷ. Nhân kỉ niệm một năm ngày mất của danh họa, ông tổ chức một buổi đấu giá rất lớn với mục đích công bố bức tranh. Rất nhiều nhà sưu tầm lớn trên thế giới đã đổ xô tới. Trước ngày hôm đó, ông lấy bức tranh ra khỏi kết nơi vẫn được cất giữ và chuẩn bị mang tới phòng đấu giá.

Khi ông chợt nhận ra bức tranh không hề có chữ ký, tất cả đã quá muộn. Điều kỳ diệu mà ông chờ đợi trong buổi đại lễ được cử hành để vinh danh cho tác phẩm của nhà danh họa đã phản lại ông. Tất cả những nhà kinh doanh và các nhà phê bình của thời ấy đã dùng chính điểm này để công kích ông. Toàn bộ giới nghệ thuật thời đó chế nhạo ông. Ngài Edward bị kết tội đã mưu đồ trưng bày tác phẩm giả mạo một cách vụng về. Mất danh dự, khánh kiệt,

ông bỏ lại các dinh thự của mình và rời khỏi nước Anh ngay lập tức. Ông đã cùng vợ và con gái sang Mỹ sinh sống và qua đời sau đó một vài năm, không còn được ai biết đến.

- Nhưng làm thế nào mà cô biết được tất cả những điều đó? Jonathan hỏi.

- Anh vẫn chưa hiểu ra hiện giờ anh đang đứng ở đâu ư?

Nhìn về bối rối của Jonathan, Clara không thể nhịn được và bật cười.

- Anh đang ở trong dinh thự của Ngài Edward. Chính tại nơi đây nhà danh họa của anh đã sống những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, tại đây ông đã vẽ phần lớn các tác phẩm của mình.

Lúc này Jonathan mới nhìn quanh và nhận ra tòa lâu đài dường như khác hẳn so với trước. Khi họ đi ngang qua cây dương, anh thử hình dung danh họa đang làm việc dưới gốc cây. Anh tìm cách đoán vị trí mà Vladimir đã đặt giá vẽ để vẽ một trong những bức tranh mà anh tâm đắc nhất. Tác phẩm lấy chủ đề là phong cảnh đang hiện ra trước mắt anh, theo anh biết, hiện đang được trưng bày trong một bảo tàng nhỏ tại New England. Jonathan nhìn bờ rào sơn màu trắng bao quanh tòa lâu đài tới tận hút tầm mắt. Ngọn đồi hiện lên trên bức tranh có vẻ như cao hơn so với thực tế. Nghĩ vậy, Jonathan quỳ gối xuống và hiểu ra Vladimir đã vẽ bức tranh trong tư thế ngồi chứ không phải đứng. Clara có lẽ đã nhầm lẫn về khoảng cách thời gian trong câu chuyện của cô. Hai năm sau khi chuyển tới đây,

có lẽ Vladimir đã yếu đi rất nhiều. Họ quay trở vào trong ánh nắng chiều hè rực rỡ.

Suốt buổi chiều Jonathan ở trong phòng làm việc. Khi trời vừa tối, anh tới tìm Clara, cô đang hát khe khẽ trong nhà bếp. Anh lặng lẽ bước vào, đứng tựa lưng vào khung cửa nhìn cô.

- Lạ thật, anh lúc nào cũng chấp tay sau lưng và hể hừ nghĩ gì lại nheo mắt. Anh đang bận khoăn điều gì chẳng? Cô hỏi.

- Rất nhiều điều! Ở trong làng có quán ăn nào khả dĩ để tôi có thể mời cô tới dùng bữa không, tôi muốn rèn luyện tay lái với chiếc Morgan của cô, hơn nữa tôi bắt đầu đói, cô có đói không?

- Tôi sắp chết đói tới nơi rồi! Cô nói và thả nắm dao nĩa đang cầm trong tay vào bồn rửa. Tôi lên gác thay đồ, hai phút nữa sẽ sẵn sàng.

Cô nói không sai. Jonathan chỉ kịp bấm số thử gọi Peter nhưng không có ai bắt máy, và vừa kịp nhận ra điện thoại di động vừa hết pin, thì nghe tiếng Clara gọi anh từ sảnh tầng dưới.

- Tôi xong rồi đây!

Chiếc xe lăn bánh trong ánh sáng nhàn nhạt của vầng trăng hình lưỡi liềm. Clara đã trùm lên tóc một chiếc khăn mỏng để gió khỏi thổi tung. Jonathan nghĩ không biết đã bao lâu rồi anh chưa cảm thấy trái tim mình ngập tràn cảm xúc như lúc này. Anh lại nghĩ tới Peter, anh cần phải báo

để bạn mình biết bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ* không có chữ ký. Anh hình dung ra vẻ mặt của Peter cũng như những việc mà anh phải hoàn thành để khả dĩ cứu được bạn mình. Nội trong một vài ngày, anh phải tìm cho ra những cách thức có thể xác thực một bức tranh có rất nhiều điểm khác biệt với khuynh hướng sáng tạo của nhà danh họa.

Cho dù đối với anh, mỗi nét vẽ trên bức tranh còn có giá trị thực tế hơn rất nhiều so với một chữ ký, việc thiếu một nét ký trên tác phẩm sẽ gây nhiều nghi vấn trong giới hội họa. Trước hết, cần phải tìm ra nguyên do vì đâu Vladimir đã không đề tên mình trên bức tranh. Phải chăng là do ông đã phản lại hai quy tắc bất di bất dịch của chính mình: không bao giờ dùng màu đỏ và không bao giờ vẽ phụ nữ? Nếu như đó là hai đáp án duy nhất giải thích cho sự vô danh của bức tranh, thì vô tình ông đã đặt ra thách thức lớn nhất đối với nhà thẩm định, hơn một thế kỷ cộng vài thập kỷ sau, vốn mang trong tâm trí ước vọng trả lại cho ông một vị trí và danh tiếng xứng đáng.

“Tại sao ông lại làm như vậy, Vladimir?” Jonathan nghĩ thầm.

- Đó chính là câu hỏi mà tôi vẫn thường xuyên đặt ra, Clara nói.

Chiếc đèn bàn nhỏ mà người chủ quán trọ mang tới cho họ kín đáo hắt ánh sáng lên khuôn mặt Clara. Jonathan ngẩng đầu lên và không thể kiềm chế nỗi khao khát muốn nhìn thẳng vào mắt cô.

- Cô đọc được ý nghĩ của tôi sao?

- Tôi chia sẻ với anh những ý nghĩ đó! Hơn nữa cũng

chẳng có gì khó khăn cả, có lẽ anh đã không nhận thấy môi mình mấp máy khi thì thầm những lời đó.

- Không có chữ ký, bức tranh sẽ gây rất nhiều tranh cãi. Chúng ta sẽ cần những bằng chứng cụ thể để chứng minh Radskin chính là tác giả của bức tranh.

- Anh định sẽ bắt đầu như thế nào?

- Tôi sẽ bắt đầu từ sự cấu thành của màu vẽ, và tôi sẽ phải tìm được xuất xứ của những màu được dùng trong *Thiếu nữ áo đỏ* để có thể so sánh với những loại màu mà ông sử dụng trong các bức tranh khác của mình. Điều này sẽ cho chúng ta những manh mối đầu tiên.

Bàn tay của họ để gần nhau tới mức tưởng chỉ cần vượt qua được vài xăng-ti-mét ngưỡng ngừng hay sợ hãi, chúng sẽ quện làm một. Và ai biết được, nếu chạm vào nhau, chúng sẽ chẳng hé mở lời giải đáp cho những băn khoăn cả hai người cùng trăn trở mà không dám cùng thổ lộ?

Tại dinh thự, Jonathan được bố trí ở trong một căn phòng dành cho khách tới thăm. Anh đặt túi của mình lên một chiếc ghế bành và ngồi chống tay trên giường có lọng che bằng vải mộc. Rồi anh tiến tới một trong hai cửa sổ trông ra vườn và dường như cảm thấy mùi hương tỏa ra từ cây dương đang neo mình trong bóng đêm. Anh rùng mình, đóng hai cánh cửa sổ phía trong và bước vào buồng tắm. Clara đi ngang ngoài hành lang, cô dừng lại giây lát trước cửa phòng anh, rồi về phòng cô nằm ở cuối dãy.

Anh dậy từ rất sớm. Chuẩn bị xong, anh xuống bếp. Khắp phòng thơm mùi gỗ cháy dở. Clara đã không hề nói quá, căn phòng buổi sớm thật giá lạnh. Hai chiếc bát to được đặt trên bàn, cạnh một cái giỏ lớn. Jonathan viết vài chữ để vào giỏ. Anh thổi cho lửa bùng lên rồi đi ra bằng lối sau, khép cửa và cố không gây tiếng động. Cả khu vườn như chìm trong giấc ngủ dưới một màn sương mai. Jonathan hít đầy phổi làn không khí mát lạnh của buổi sớm, anh thích nhất thời điểm này trong mỗi ngày, khi hai thế giới hoàn toàn khác biệt gần như nối vào nhau trong giây lát. Không một cành cây, không một ngọn hồng dại nào bám trên tường lâu đài lay động. Những viên sỏi lạo xạo dưới chân anh. Anh lên xe, nổ máy và ra khỏi trang viên. Ra tới con đường nhỏ có hai hàng cây cao, anh nhìn lại tòa nhà đang thu mình dần trong kính chiếu hậu. Khi xe anh tới khúc quanh của con đường, cũng là lúc Clara mở toang các cửa sổ tầng trên.

Một làn mưa rơi nhẹ trên sân bay Heathrow. Jonathan trả chiếc xe và lên xe buýt đi tới khu có các quầy vé của hãng hàng không Italia. Chuyến bay đi Florence sẽ cất cánh trong hai giờ nữa, anh liền đi lang thang khắp các quầy hàng.

Clara bước vào bếp, cô tới bên ngọn lửa đang nổ lộp độp trong lò sưởi và mỉm cười. Rồi cô lại gần bếp ga, đặt ấm đun trà lên một ngăn bếp và ngồi vào bàn. Bà quản gia hàng ngày vẫn lo việc chăm sóc trang viên đã mang báo và bánh mì tới. Cô có thể nghe thấy tiếng bước đi tự tin của bà ở tầng trên. Clara nhìn thấy lá thư mà Jonathan đã để lại cho cô. Cô bỏ tờ báo xuống và bóc phong bì.

Clara,

Sớm nay tôi phải đi. Tôi đã định gõ cửa để chào cô, nhưng cô vẫn còn đang ngủ. Khi cô đọc những dòng này, tôi đang trên đường đi Florence, lần theo dấu nhà danh họa của chúng ta. Thật lạ, tôi đã phải chờ chình ấy thời gian để có được khám phá quan trọng nhất mà cuộc đời dành tặng. Tôi muốn chia sẻ với cô một ý nghĩ đã xuất hiện trong tâm trí tôi ngay khi vừa tỉnh giấc. Khám phá này cũng giống như một chuyến du khảo, tôi nghĩ nó đã xảy đến từ giây phút đầu tiên khi tôi gặp cô. Song thực chất, giây phút đó là lúc nào? Cô có biết không?

Tôi sẽ điện cho cô vào tối nay, hy vọng cô sẽ có một ngày tốt đẹp. Tôi thực lòng muốn được ở bên cô ngày hôm nay, tôi biết mình sẽ nhớ cô nhiều.

Chúc mọi điều tốt lành,

Jonathan

Clara gấp lá thư lại và chậm rãi cất nó vào túi áo khoác dài. Cô hít một hơi thật sâu, bình thần ngược nhìn chùm đèn treo trên trần, rồi đưa hai tay lên trời và thốt kêu lên vui sướng.

Gương mặt ngạc nhiên của Dorothy Blaxton, bà quản gia, ngó vào qua cánh cửa hé mở.

- Cô gọi tôi phải không, thưa cô chủ?

Clara lấy tay che miệng giả vờ ho.

- Không, Dorothy, có lẽ đó là tiếng nước sôi tôi đun để pha trà thôi.

- Có lẽ thế, bà trả lời, và nhìn sang ngăn bếp ga để ấm

nước mà Clara đã quên không bật lửa.

Clara đứng dậy và quay một vòng mà hoàn toàn không để ý mình đang làm gì. Cô bảo bà Blaxton dọn nhà sạch sẽ và cắm vài bông hoa trong phòng dành cho khách, cô ra Luân-đôn nhưng sẽ về ngay.

- Vâng, thưa cô chủ, bà quản gia trả lời và đi lên cầu thang.

Ngay khi Dorothy Blaxton khuất ngoài hành lang, cô ngược mắt lên trời rồi cũng đi lên tầng.

Đúng vào lúc máy bay của Jonathan rời đường băng, Clara lái chiếc Morgan rời khỏi trang viên. Mặt trời tròn vành và nóng bỏng tỏa sáng trên bầu trời.

Hai tiếng sau, cô đậu xe trước cửa phòng tranh.

Ở cách đó vài ngàn cây số, một chiếc ta-xi thả Jonathan xuống trước Piazza della Repubblica<sup>9</sup>, trước cửa khách sạn Savoy. Anh lên phòng và ngay lập tức gọi cho người bạn đã lâu không gặp. Lorenzo nhấc máy sau hồi chuông đầu tiên và nhận ngay ra giọng anh.

- Con gió nào đã mang cậu tới đây? Lorenzo hỏi bằng giọng Toscane.

- Cậu có rỗi để ăn trưa cùng tớ không? Jonathan hỏi lại.

---

9. Quảng trường Cộng hòa nằm ở trung tâm thành phố Florence và là một trong những khu thương mại lớn của thành phố.

- Với cậu thì lúc nào tớ cũng rồi! Thế cậu ở khách sạn nào, sao không tới ở nhà tớ?

- Khách sạn Savoy.

- Vậy thì tớ sẽ gặp cậu ở quán cà phê Gilli trong nửa giờ nữa nhé.

Đa số các bàn ngoài sân đều đã có người ngồi nhưng Lorenzo là khách quen của tất cả các quán đông người lui tới. Người phục vụ bàn thân mật ôm vai anh, bắt tay Jonathan rồi dọn ngay cho họ một bàn trước ánh mắt ghen dữ của đám khách du lịch đang đứng xếp hàng chờ trước cửa. Jonathan nhả nhận từ chối tờ thực đơn mà người phục vụ đưa cho anh.

- Tôi cũng dùng như Lorenzo.

Những câu chuyện liên miên không dứt quanh chiếc bàn, nơi hai người bạn tận hưởng niềm vui hội ngộ.

- Thế nào, cậu tin là cậu đã tìm thấy bức tranh trứ danh của mình rồi phải không?

- Tớ chắc chắn, nhưng tớ rất cần sự giúp đỡ của cậu để cả thế giới có thể đồng tình với tớ.

- Nhưng tại sao ông ta không để lại chữ ký trên bức tranh, cái ông họa sĩ chết tiệt của cậu?

- Tớ còn chưa biết, mà chính vì thế nên tớ cần đến cậu.

- Cậu chẳng thay đổi chút nào! Lúc nào cậu cũng điên rồ. Từ lúc còn ngồi trên ghế trường Mỹ thuật, rồi lúc chúng mình thực tập tại Paris, cậu đã nói mãi với tớ đến nhàm tai về Vladimir Radskin của cậu.

- Cậu thì hơn gì, cậu cũng chẳng thay đổi chút nào, Lorenzo.

- Tớ đã già đi hai mươi tuổi, như thế cũng đã là thay đổi rồi.

- Thế còn Luciana?

- Vẫn là vợ tớ, kiêm mẹ của những đứa con tớ, cậu biết rồi đấy, ở nước Ý này gia đình là cả một thể chế. Thế cậu lập gia đình chưa?

- Sắp.

- Tớ cũng đoán như vậy, cậu vẫn chẳng thay đổi gì.

Người phục vụ đặt phiếu tính tiền và hai ly cà phê đậm đặc lên bàn. Jonathan rút ví ra nhưng Lorenzo lập tức chụp lấy tay anh.

- Cậu cất ngay đi cho tớ, tiền đô-la chẳng còn chút giá trị nào ở châu Âu nữa, cậu không biết sao? Được rồi, tớ sẽ đưa cậu đến chỗ gia đình Zecchi, xưởng của họ nằm ngay gần đây. Có thể ở đó chúng ta sẽ biết được thêm tin tức gì về những loại bột màu mà ông già người Nga của cậu đã sử dụng. Họ còn giữ lại những loại xuất hiện từ thế kỷ trước. Cửa hiệu này chính là ký ức của nền hội họa đương đại.

- Tớ biết chỗ của gia đình Zecchi rồi, Lorenzo!

- Đúng thế, nhưng cậu chẳng quen biết ai làm việc ở đó, còn tớ thì có!

Họ rời khỏi Piazza della Repubblica. Chiếc ta-xi chở họ tới số 19 via della Studio. Lorenzo đến trước quầy tiếp tân. Một người phụ nữ tóc nâu tươi tắn tên Graziella đang rộng hai tay chào đón họ. Lorenzo thì thầm vào tai cô, cô liên tục đáp "Vâng" và dường như có vẻ thích thú. Cô nháy mắt với anh và kéo cả hai người ra phía sau quầy. Ở đó, họ đi lên một cầu thang cũ kỹ bằng gỗ kêu cọt két theo mỗi bước chân.

Graziella cầm theo một chiếc chìa khóa có hình thù rất kỳ quặc. Cô tra chìa vào ổ khóa của cánh cửa dẫn vào một gian phòng xếp rộng mênh mông không có chút ánh sáng nào lọt tới. Dưới những thanh rầm, dãy giá sách như kéo dài vô tận, trên đó hàng ngàn cuốn sách đứng thẳng hàng dưới một lớp bụi mỏng. Graziella quay về phía Jonathan và nói với anh bằng giọng gần như không có trọng âm:

- Nhà danh họa của anh đã đến đây vào năm nào?
- Khoảng từ 1862 đến 1865.
- Nếu vậy thì đi theo tôi, những cuốn sổ ghi chép của thời kỳ đó nằm hơi sâu phía trong kia.

Cô lướt các ngón tay trên giá và dừng lại trước những cuốn sổ có gáy đóng bằng da rạn rồi rút ra năm cuốn.

Cô đặt những cuốn sổ to kèn lên một chiếc bàn trống. Tất cả đơn đặt hàng gửi tới các cửa hiệu của gia đình Zecchi trong vòng bốn thế kỷ qua đều được ghi chép trong những cuốn sổ này.

- Trước kia, đây là nơi người ta chuẩn bị bột màu và các loại dầu tinh khiết, Graziella nói. Những bậc thầy nổi danh nhất đều đặt chân tới đây. Giờ nơi này trở thành phòng lưu trữ tài liệu trực thuộc bảo tàng Florence. Lẽ ra phải có giấy phép của quản đốc bảo tàng, anh mới được vào trong này. Nếu bố tôi biết, thế nào ông cũng sẽ nổi cáu. Nhưng anh là bạn của Lorenzo, thành ra anh cứ coi đây như nhà mình. Tôi sẽ cùng tìm giúp anh.

Jonathan, Lorenzo và Graziella ngồi xuống quanh bàn. Vừa lần theo những trang giấy viết tay, Jonathan vừa hình dung Vladimir đi đi lại lại nơi gian phòng này, trong

lúc chờ người ta chuẩn bị cho các đơn hàng của ông. Radskin cho rằng trách nhiệm của một họa sĩ không chỉ dừng lại ở chất lượng tuyệt hảo cũng như kỹ thuật pha chế màu, mà còn phải biết bảo tồn sắc màu trước sự tàn phá của thời gian. Khi còn dạy học ở Nga, bao lần ông luôn phải luyến tiếc trước những tổn thất do việc phục chế vụng về trên những bức tranh của các danh họa yêu thích. Jonathan biết có nhiều nhà phục chế ở Paris sẵn sàng chia sẻ quan điểm với Radskin. Chợt họ nghe tiếng cầu thang kêu cọt kẹt, ai nấy cảm thấy máu trong người đông cứng lại, có ai đó đang đi lên. Graziella chộp lấy những cuốn sổ và chạy vội đi xếp chúng lại chỗ cũ. Tiếng nắm đấm cửa rít lên, Graziella chỉ kịp làm ra vẻ ngây thơ trước khi cha cô bước vào phòng, nét mặt sa sầm. Giovanni đưa tay vuốt bộ râu quai nón và lên tiếng quở mắng Lorenzo.

- Cậu làm gì ở đây thế này? Chúng ta có hẹn nhau đâu nhỉ.

- Giovanni, lúc nào tôi cũng cảm thấy vui mừng khi được gặp ông, Lorenzo đáp và vui vẻ tiến lại gần ông.

Anh giới thiệu Jonathan với ông. Các nếp nhăn trên mặt người cha của Graziella giãn dần khi ông nhận ra, không chỉ có con gái mình với Lorenzo trong căn phòng xếp.

- Đừng trách cô con gái của ông, chính tôi đã năn nỉ cô bé cho một trong những người bạn thân nhất của tôi xem chốn độc nhất vô nhị này của Florence. Cậu ta từ Mỹ tới, thành phố Boston. Giới thiệu với ông, Jonathan Gardner, chúng tôi biết nhau từ khi còn cùng ngồi trên ghế đại học ở Paris. Anh ta là một trong những chuyên gia có

tiếng nhất trên thế giới.

- Thói quen phóng đại không phải là một tính cách cố hữu của dân tộc ta, Lorenzo, cậu đừng quá lời như thế! Cha của Graziella đáp.

- Kìa bố! Cô con gái nói giọng trách móc.

Giovanni nhìn Jonathan dò xét, ông đưa tay vuốt bộ râu quai nón, nhíu mày phải và cuối cùng chìa tay ra.

- Chào mừng anh đến chỗ chúng tôi, nếu như anh là bạn của Lorenzo, thì chúng tôi cũng sẽ coi anh là bạn. Bây giờ, tốt nhất là chúng ta xuống nhà tiếp tục câu chuyện. Các chủ nhân của gian phòng này sẽ không thích thú chút nào nếu có gió lùa vào đây. Đi theo tôi.

Ông dẫn họ vào trong một gian bếp rất rộng. Một người phụ nữ có mái tóc được buộc túm bên dưới chiếc khăn mỏng, đang đứng trước các bếp lò. Bà thắt chặt dây buộc tạp dề và quay lại, dang rộng tay đón chào những vị khách của cô con gái. Jonathan nhìn bà và chớp mi mắt, anh ngạc nhiên khi nhận ra mình bỗng cảm thấy rất nhớ Clara. Một tiếng sau, Lorenzo và Jonathan rời khỏi nhà Giovanni.

- Cậu sẽ ở lại tối nay chứ? Lorenzo hỏi trong lúc tiễn anh qua những con phố.

- Ừ, tớ muốn chờ kết quả tìm kiếm mà tớ đã nhờ cô bạn của cậu giúp.

- Graziella sẽ tìm ra, cậu yên tâm đi.

- Nếu như bố cô ấy để cho cô được vào khu lưu trữ.

- Cậu đừng lo, tớ biết ông ấy rất rõ, thoát nhìn ông có vẻ đáng sợ vậy thôi, song đối với cô con gái, ông ấy mềm như tuyết.

- Tổ không biết phải làm gì để cảm ơn cậu, Lorenzo.

- Nếu vậy thì hãy tới nhà tổ dùng bữa, Luciana sẽ rất vui nếu được gặp cậu, mà chúng mình lại có thêm thời gian bàn công việc.

Lorenzo chia tay Jonathan ở trước cửa khách sạn và quay lại tiếp tục công việc ở viện hàn lâm nghệ thuật, nơi anh phụ trách một phòng nghiên cứu. Thoạt tiên, Jonathan muốn đi tới Offices song bảo tàng lại đóng cửa. Bồn chồn vì phải chờ đợi lâu, anh bèn đi dạo qua Ponte Vecchio và thả bộ tới tận Piazza Pitti. Anh mua một vé vào công viên Boboli.

Anh đi ngang qua khoảng sân trong và leo lên những bậc thang dẫn tới sân thượng được ngăn cách với tòa lâu đài bằng đài phun nước Carciofo. Khung cảnh Florence thấy được từ chốn này thật dễ khiến cho người ta xúc động. Nóc nhà thờ lớn và gác chuông nhô lên giữa những mái nhà như trái dài không cùng. Anh chợt nhớ tới bức tranh được trưng bày tại Louvre mà Camille Corot<sup>(10)</sup> đã vẽ năm 1840. Công viên mở ra tòa khán đài vòng cung được xây từ thế kỷ XV. Anh say mê chiêm ngưỡng đài phun nước La Mã và cột đá Ai Cập nằm ở trung tâm. Anh đi dần lên đỉnh đồi. Phía bên phải, một lối mòn dốc lên dẫn tới chiếc bồn hoa tròn. Anh ngồi xuống một gốc cây để nghỉ trong ánh chiều dịu dịu của thành phố Florence. Trên chiếc ghế đá bên cạnh, một đôi trai gái đang nắm tay nhau. Họ

---

10. Jean-Baptiste Camille Corot: Họa sĩ Pháp (1796 - 1875), một trong những họa sĩ tiên phong của trường phái nghệ thuật ấn tượng.

lặng lẽ chiêm ngưỡng vẻ hùng vĩ của những công trình xung quanh. Bầu không khí ngự trị khu vườn Boboli mang dấu ấn tĩnh lặng nhiều thế kỷ đã trôi qua. Tâm trí xao động, Jonathan khép mắt để tôn trọng sự riêng tư của đôi trai gái rồi đi dần về phía Viottolone.

Lối đi dài có hai hàng bách cổ thụ rợp bóng chạy dọc thẳng xuống Piazza dell'Isolotto, nơi ngự một bồn nước được trang trí bằng những bức tượng. Chính giữa là một ốc đảo với những cây cam và chanh. Jonathan bước đến gần đài phun nước Đại dương. Giữa các nhân vật huyền thoại, khuôn mặt Vladimir chột hiện lên dưới làn nước phẳng lặng, tưởng như nhà danh họa đã bước tới sau lưng anh mà không hề gây tiếng động. Jonathan quay người lại. Anh cảm giác như nhìn thấy bóng của Vladimir vừa khuất sau gốc cây. Nhà danh họa già uể oải thơ thẩn dạo bước giữa dấu tích những nền văn hóa cổ mà hơi hương trầm lặng của chúng in đậm ở nơi này. Tò mò, Jonathan theo bước ông tới tận đài phun nước Neptune; Vladimir dừng lại trước pho tượng thần Phì nhiêu rồi đến gần anh. Ngón tay trở đưa lên môi, ông ra hiệu cho anh đừng nói gì rồi đặt một bàn tay lên vai và kéo anh đi.

Họ bước cạnh nhau trên lối đi dẫn xuống chân thành Belvédère. Rồi cùng đi theo một con dốc nằm phía bên phải tòa lâu đài đưa đến những hầm đá. “Đây là một tác phẩm do Buontalenti<sup>(11)</sup> thể hiện, bao gồm rất nhiều gian

---

11. Bernardo Buontalenti (1536 - 1608) là nhà họa sĩ và kiến trúc sư người Ý sống vào thời kỳ Phục hưng. Ông đã thực hiện nhiều công trình nổi tiếng trong đó có việc thiết kế khu mộ Basilica di San Lorenzo cho dòng họ Medici.

được trang trí bằng các bồn nước, những bức tranh, những chạch nhũ và một khối điêu khắc đá”, nhà danh họa thì thào vào tai anh. “Hãy nhìn xem, mọi thứ ở đây đẹp quá phải không”, ông lại thì thào. Rồi ông từ biệt anh và biến mất trong cảm giác mơ hồ ảo ảnh. Jonathan đứng dậy rời chiếc ghế đá nơi anh vừa thiếp đi.

Trên đường ra khỏi công viên, đi ngang qua đài phun nước Bacchus, anh đưa tay vấy một chú lùn đang cười trên lưng con rùa đá.

\*

\*       \*

Graziella chạy những bước dài lên cầu thang dẫn tới gian phòng xép. Cô xoay nhẹ nắm đấm cửa, đi dọc theo dãy giá sách và nhẹ nhàng rút cuốn sổ ghi chép ra. Cô đặt nó lên bàn và dưới ánh sáng của một ngọn đèn nhỏ, cô bắt đầu tìm kiếm theo yêu cầu của Lorenzo. Bị cuốn hút bởi những trang sách, cô giật nảy người khi ông bố ngồi xuống bên cạnh. Ông choàng tay qua vai cô và kéo nhẹ về phía ông.

- Thế nào, chúng ta tìm kiếm gì cho những người bạn của con đây, con gái?

Cô nhướn miệng cười và hôn nhẹ lên má ông. Từng trang giấy của cuốn sổ cũ được lật ra, những hạt bụi mỏng ánh lên dưới những tia sáng của ngọn đèn tái hiện tất cả những dòng ghi chép của gian phòng chứa đầy bí ẩn. Graziella và Giovanni làm việc cho tới tận cuối ngày.

\*

\*

\*

Màn đêm buông dần trên thành phố Florence, Jonathan đến trước mặt tiền của tòa nhà từ thế kỷ XVI nơi có căn hộ của gia đình Lorenzo. Cũng vào lúc đó, Graziella bước ra sân nhà Zecchi. Cô choàng trên người một chiếc khăn rộng song không phải để giấu mình trước những cơn gió mát buổi đêm miền Toscan. Cô khéo léo ghi chặt vào người một cuốn sổ có gáy bọc bằng da rạn. Graziella ngược mắt lên nhìn những khung cửa sổ tầng trên, nơi bố mẹ cô đang ngồi xem truyền hình, rồi lén đi qua cổng và biến mất trong những con đường của thành phố cổ kính.

\*

\*

\*

Ở Luân-đôn, Clara đang tiếp một chuyên gia đấu giá người Anh và nhà thẩm định đi cùng ông ta. Cô kín đáo nhìn đồng hồ. Các đối thủ của Jonathan và Peter được biết rằng, cô đã có quyết định và họ không được chọn. Cô bước ra khỏi căn phòng. Trước khi khép cửa lại, cô nhìn bức tranh chép tác phẩm của Camille Corot treo trên tường phòng họp. Bức tranh trông thật sống động. Cô đắm mình vào khung cảnh ấy, để tâm trí phiêu du trên những nóc nhà của thành phố Florence.

\*

\*

\*

Anna đi bộ theo những con đường quanh co của khu chợ lộ thiên nằm bên cảng cũ Boston. Cô ngồi xuống một bàn ngoài trời của một trong vô số những quán cà phê nằm dọc bên đường. Anna mở tờ báo mang theo ra xem. Sau đó chừng mười phút, một người đàn bà có mái tóc trắng đến và ngồi xuống đối diện với cô.

- Xin lỗi vì mẹ đã đến muộn, đường phố lắm xe cộ quá.

- Thế nào mẹ? Anna hỏi và đặt tờ nhật báo xuống.

- Mọi chuyện diễn ra tốt hơn cả mong muốn của mẹ. Nếu một ngày nào đó, mẹ quyết định công bố các công trình nghiên cứu của mình, chắc chắn mẹ sẽ giành được giải Nobel.

- Nếu một ngày nào đó, mẹ quyết định công bố các công trình ấy, có lẽ người ta sẽ đưa mẹ vào ngay nhà thương điên.

- Có thể con nói đúng, nhân loại vẫn luôn chối bỏ những phát minh làm khuynh đảo mọi thứ. Thế nhưng, như một người bạn già của mẹ từng nói, trái đất vẫn quay.

- Mẹ có mang những tấm ảnh theo không?

- Tất nhiên là mẹ có mang chúng tới.

- Như vậy là tất cả đều diễn ra tốt đẹp. Con muốn kết thúc mọi chuyện càng nhanh càng tốt, Anna nói.

- Hãy kiên nhẫn, con gái yêu quý, người đàn bà tóc trắng tiếp lời, chúng ta đã chờ đợi những giờ phút này từ

biết bao lâu nay, vì vậy hãy tận hưởng những tuần lễ sắp tới. Chúng sẽ trôi qua nhanh hơn con tưởng, hãy tin mẹ.

- Từ trước tới nay con vẫn tin tưởng mẹ, Anna nói và đưa tay vẫy người phục vụ bàn.

\*

\*       \*

Luciana đã chuẩn bị một bữa tối rất thịnh soạn. Hai nhóc con của Lorenzo tới chào Jonathan. Graziella đến đúng lúc họ chuẩn bị ngồi vào bàn.

- Tôi nghĩ mình đã tìm được điều gì đó, Graziella nói, nhưng lát nữa chúng ta sẽ cùng xem.

Ngay sau khi bữa tối kết thúc, cô chạy ra phòng ngoài tìm cái gói đã giấu dưới chiếc khăn choàng để mang tới đây.

Cô để cuốn sổ lên chiếc bàn trong phòng khách và mở ra. Jonathan và Lorenzo ngồi xuống bên cạnh cô.

- Vladimir của anh chưa hề tới Florence, hoặc ít nhất thì ông ta cũng chưa bao giờ đặt chân tới các cửa hàng nhà Zecchi.

- Không thể thế được! Jonathan nói.

Lorenzo ra hiệu cho anh để Graziella nói. Graziella lật một trang, rồi một trang tiếp theo trước khi gỡ ngược lại.

- Các anh nhìn đây, chỗ này, cô nói và chỉ vào những dòng chữ thanh mảnh được viết bằng mực xanh.

Cô chỉ ngón tay vào cột đầu tiên có ghi tên những thứ được đặt hàng như bột màu, dầu, bút vẽ, dung môi, chất bảo quản, cột thứ hai ghi ngày pha chế, cột thứ ba ghi

giá tiền và cột cuối cùng ghi tên người đặt hàng. Ở dòng cuối cùng có một dòng chữ viết tay ghi tên Ngài Edward.

- Không phải ông ta đích thân tới, cô nói thêm.

Bí ẩn mà Jonathan đang tìm cách hóa giải lại càng trở nên phức tạp.

- Tôi đã chuẩn bị cho anh một danh sách liệt kê tất cả những gì ông ấy đã mua. Có một chi tiết chắc chắn anh sẽ lưu tâm. Phải thừa nhận rằng ngài chủ phòng tranh đã không hề tính toán khi chi tiêu. Các loại dầu mà ông ta chọn đáng giá cả một gia tài vào thời ấy.

Cô giải thích cho Jonathan rằng, để gia tăng độ tinh khiết, các nhà sản xuất đã thuôn dầu vào những thùng to đem phơi trên những nóc nhà cháy nắng của các cửa hàng Zecchi. Đến tối, họ chỉ gạn lấy phần dầu nổi trên bề mặt.

- Chưa hết đâu, tôi còn tìm thấy thông tin về loại bút vẽ mà ông ta mua về. Đó là bút hiệu Majolicas, rất quý hiếm, được chế từ cùng một loại lông mà người ta dùng để làm chổi cạo râu. Loại lông này đắt giá vô cùng, song nếu được dùng để pha màu, sẽ cho các sắc độ rất chính xác và mượt mà.

Luciana mang cà phê đến. Họ ra uống cà phê, sau khi Graziella đã cẩn thận đóng những cuốn sổ lại.

- Nếu bố cô bắt được thì chắc chắn tôi sẽ phải nghe tên mình bị réo ầm ĩ khắp nơi trong thành phố, Lorenzo vừa nói vừa nhìn cô.

- Chính bố đã giúp tôi bọc chúng lại. Anh cũng biết tính bố tôi rồi còn gì.

Lorenzo từng là học trò của Giovanni, một học trò

ngang ngạnh, như bố của Graziella đã từng nhận xét về anh, song cũng là một trong những học trò được ông ưu ái nhất, vì đức tính ham hiểu biết không giới hạn của anh.

- Ngược lại, nếu bố tôi biết được tôi đã làm gì, thì tôi ước sao mình đang đi nghỉ hè ở Rome chứ không phải ở đây trong lúc này.

Graziella rút trong túi áo ra một tờ giấy, trên đó cô ghi lại tất cả những thành phần màu vẽ mà Ngài Edward đã mua ở Florence.

- Tôi đã lấy cho anh mỗi loại một chút mẫu. Anh có thể so sánh chúng với các màu vẽ trên bức tranh của anh, tôi không biết những thứ này có đủ để anh chứng thực cho bức tranh không, nhưng đó là tất cả những gì tôi có thể làm được.

Jonathan đứng dậy và dang tay ôm lấy Graziella.

- Tôi không biết phải cảm ơn cô thế nào, anh nói với cô. Đó chính là những gì mà tôi cần đến.

Hai má đỏ bừng, Graziella tìm cách thoát khỏi vòng tay của anh và giả vờ ho nhẹ.

- Hãy trả lại sự thật cho nhà danh họa của anh, bản thân tôi cũng rất yêu thích Vladimir.

Trời đã tối muộn. Lorenzo đưa Graziella và cuốn sổ quý báu của cô về nhà. Vừa đến cửa nhà Zecchi, cô hỏi anh, Jonathan có còn độc thân không. Lorenzo mỉm cười và giải thích với cô rằng anh có cảm giác cuộc sống tình cảm của bạn mình hiện đang rơi vào một giai đoạn khá phức tạp. Graziella nhún vai cười.

- Hể cứ có chàng trai nào vừa ý tôi là y như rằng, lần

nào cũng vậy. Dù sao đi nữa, như bà tôi vẫn nói, một mối duyên đẹp để bao giờ cũng cần có hai người ý hợp tâm đầu gặp nhau vào một thời điểm nào đó. Dù thế nào tôi cũng rất cảm ơn anh đã giới thiệu anh ấy với tôi. Hãy gửi lời chào của tôi tới anh ấy, và nói với anh ấy nếu có lúc nào quay lại Florence một mình, tôi sẽ rất vui nếu được mời anh ấy đi ăn trưa.

Lorenzo hứa sẽ thực hiện lời yêu cầu của cô và ngay sau khi cánh cửa nhà Graziella khép lại, anh liền quay trở về. Trong lúc Lorenzo đưa Graziella về, Luciana ngồi nói chuyện với Jonathan.

- Như vậy là cuối cùng anh cũng đã quyết định, Lorenzo kể cho tôi nghe, anh sắp cưới vợ phải không?

- Ngày 19 tháng sáu tới, nếu cô có thể tới dự thì thật tuyệt vời.

- Nhưng điều đó hơi khó với điều kiện của chúng tôi! Công việc của chồng tôi thật thú vị và ngấm anh ấy say mê làm việc mỗi ngày, tôi cảm thấy thật hạnh phúc. Thế nhưng một nhà nghiên cứu cũng phải đối mặt với cơm áo gạo tiền. Anh cũng biết là chúng tôi hạnh phúc, chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy niềm hạnh phúc đó vơi cạn. Chúng tôi đã có những gì mình cần, và ngôi nhà này lúc nào cũng tràn ngập tình yêu.

- Tôi biết, Luciana, hai bạn khiến cho tôi thật ngưỡng mộ.

Luciana nghiêng người về phía Jonathan và cầm lấy tay anh.

- Anh có chuẩn bị cho mình một tương lai tươi sáng

như vậy với người sắp là bạn đời không?

- Tại sao cô lại hỏi tôi với ánh mắt ngờ vực như vậy?

- Vì tôi thấy anh không có vẻ tràn ngập hạnh phúc như một người vài tuần nữa sẽ là chú rể.

- Gần đây tôi hơi bối rối, lẽ ra lúc này tôi phải ở bên cô ấy để cùng chuẩn bị cho lễ cưới, nhưng tôi lại ở Florence để theo đuổi những bí ẩn đã tồn tại từ hơn một thế kỷ và hoàn toàn có thể chờ thêm một vài tháng nữa.

- Nếu thế thì tại sao anh lại làm như vậy?

- Tôi không biết.

- Theo tôi thì anh biết rất rõ, anh là một người đàn ông thông minh. Bức tranh ấy có phải là điều duy nhất vừa xuất hiện trong cuộc đời anh không?

Jonathan ngạc nhiên nhìn Luciana.

- Đạo này cô còn có biệt tài xem bói nữa hay sao?

- Tôi chỉ có biệt tài duy nhất, Luciana nói, là dành thời gian để chăm sóc chồng con và quan tâm đến bạn bè, đó là cách riêng của tôi để thông cảm và thương yêu họ.

- Thế khi nhìn tôi, cô thấy gì?

- Tôi thấy có hai đốm sáng trong mắt anh, Jonathan ạ. Đó là một dấu hiệu không thể nhầm lẫn được. Đốm sáng thứ nhất soi tỏ lý trí của anh, còn đốm thứ hai dành cho tình cảm. Đàn ông bao giờ cũng làm cho mọi sự trở nên phức tạp. Anh phải coi chừng đấy, trái tim sẽ rất dễ tan nát khi bị giày vò quá nhiều. Để hiểu được trái tim muốn nói gì, cần phải lắng nghe nó. Tôi biết có một cách rất đơn giản...

Lorenzo nhấn chuông cửa. Luciana đứng dậy và mỉm

cười với Jonathan.

- Anh ấy lại quên chìa khóa rồi!

- Cách nào đơn giản, Luciana?

- Sau khi ăn những món tối nay, anh sẽ ngủ một giấc thật ngon, tôi đã đích thân chuẩn bị những món ăn đó và tôi biết rất rõ hiệu quả của chúng. Sáng ngày mai, khi tỉnh dậy, hãy ghi nhớ khuôn mặt hiện ra đầu tiên trong tâm trí anh, nếu đó cũng là gương mặt mà anh nghĩ tới trước khi thiếp đi, thì anh sẽ tìm được đáp án cho câu hỏi từng trăn trở.

Lorenzo bước vào phòng và vỗ vai bạn. Jonathan đứng dậy, nhẹ nhàng chào tạm biệt chủ nhà. Anh hứa sẽ thu xếp để quay lại thăm họ trong thời gian gần nhất cho phép. Đôi vợ chồng tiễn anh ra tận đầu phố và Jonathan tiếp tục đi một mình đến Piazza della Repubblica. Quán cà phê Gilli đang chuẩn bị đóng cửa, các nhân viên đang dọn dẹp bàn ghế ngoài sân. Một người phục vụ giơ tay thân thiện chào anh. Jonathan vẫy tay chào lại anh ta và băng qua quảng trường thưa thớt người qua lại. Suốt dọc đường đi, anh không ngừng nghĩ tới Clara.

\*

\*       \*

Clara bước vào căn hộ của cô nằm trong khu Notting Hill. Cô không bật đèn lên mà lặng lẽ đi dạo trong bóng tối. Cô đưa tay lướt khẽ trên khung cửa ra vào, thả nhẹ trên thành chiếc tràng kỷ, se sẽ vuốt rìa chiếc chụp đèn để trên bàn rồi tiến lại gần cửa sổ. Clara ngắm nhìn con phố vắng vẻ trong

ánh đèn mờ ảo và thả áo khoác rơi xuống sàn. Cô gỡ dây buộc chiếc váy ngắn và cởi áo. Trên mình không còn một mảnh vải, cô với tay lấy chiếc khăn choàng vắt trên thành chiếc ghế bành rồi quấn quanh người. Cô liếc nhanh về phía điện thoại, thở dài rồi đi vào phòng ngủ.

\*

\*

\*

Jonathan rời khỏi khách sạn Savoy từ sớm tỉnh mơ. Anh đáp chuyến bay đầu tiên đi Luân-đôn. Ngay khi máy bay vừa hạ cánh, anh chạy thật nhanh trong hành lang dài vô tận của sân bay Heathrow, vội vã đi qua cửa hải quan và lại tiếp tục chạy. Ra đến thêm phòng chờ, anh nhìn hàng người đợi taxi dài dằng dặc, quay lại và lao về phía ga tàu tốc hành. Chuyến tàu tốc hành Heathrow sẽ tới trung tâm thành phố sau khoảng mười lăm phút: nếu như anh bắt kịp chuyến sắp tới, anh sẽ có đủ thời gian để biến ước muốn đầu tiên hiện ra trong tâm trí mình khi thức dậy thành hiện thật.

Anh thở hổn hển khi chạy đến cầu thang máy sâu hun hút dẫn vào lòng đất. Jonathan nhảy xuống bốn bậc một, trượt cả đoạn dài trên nền sàn lát đá hoa khi đến một lối rẽ và chạy vào dãy hành lang dài gần như không thấy lối ra. Những tấm biển báo bằng đèn điện treo trên trần ở những khoảng cách đều đặn thông báo chuyến tàu sắp tới đi Luân-đôn sẽ khởi hành trong hai phút và hai mươi bảy giây nữa. Vẫn chưa nhìn thấy thêm đợi tàu, Jonathan tăng tốc chạy thật lực.

Dãy hành lang kéo dài như vô tận, một hồi chuông dài đổ dồn, đồng hồ bắt đầu đếm ngược những giây cuối cùng, đèn báo hiệu nhấp nháy liên hồi trên những tấm bảng sáng điện. Anh vét cạn những nỗ lực cuối cùng. Cánh cửa toa tàu bắt đầu khép lại khi anh chạy tới thềm ga. Jonathan vung tay về phía trước và lao mình vào trong toa. Chuyến tàu tốc hành Heathrow lúc tám giờ 45 phút sáng bắt đầu chuyển bánh. Mười lăm phút hành trình cho phép anh dần lấy lại hơi thở bị đứt quãng. Ngay khi tàu vừa dừng máy, Jonathan chạy băng qua ga Paddington và nhảy vội lên một chiếc ta-xi. Đúng chín giờ 10 phút sáng, anh ngồi vào một bàn trong quán cà phê đối diện nhà số 10 phố Albermarle, năm phút sau Clara tới. Ai đó đã từng nói, để biết được thói quen của một người, chỉ cần bỏ thời gian quan sát sinh hoạt của người ấy?

Không thể dứt khỏi một bài báo đang đọc dở, Clara đi về phía quầy bar theo thói quen. Cô gọi một cốc cappuccino mà không hề ngược mắt nhìn lên, để một đồng xu lên quầy tính tiền, cầm lấy cốc nước của mình và đến ngồi trên chiếc ghế quầy bar nằm sát cửa kính.

Cô đưa cà phê lên miệng đúng lúc một chiếc khăn mùi xoa trắng hiện ra trước mắt. Cô không ngẩng lên nhìn ngay, rồi chợt cảm thấy thật đáng tiếc nếu phải kìm mình không bày tỏ niềm vui, cô quay lại và đã muốn ôm chầm lấy Jonathan. Rồi Clara lập tức ngồi lại ngay ngắn trên ghế, tìm cách giấu khuôn mặt và sự lúng túng của mình sau tách cà phê.

- Tôi có rất nhiều tin vui, Jonathan nói.

Họ đi về phòng tranh và Jonathan kể cho cô nghe gần như mọi chi tiết về chuyến đi của anh đến nước Ý.

- Tôi không hiểu, Clara nói, về nghỉ ngơi. Trong lá thư viết cho một vị khách hàng, Ngài Edward đã tự khen ngợi mình về việc gửi Vladimir đi Florence, vậy thì tại sao ông ta phải nói dối?

- Tôi cũng đã tự đặt cho mình câu hỏi đó.

- Khi nào thì anh có thể tiến hành so sánh những mẫu đã tìm được với bức tranh?

- Tôi phải liên lạc với Peter, để cậu ta giới thiệu tôi với một phòng thí nghiệm nào đó ở Anh.

Jonathan nhìn đồng hồ đeo tay, đã gần giữa trưa theo giờ Luân-đôn và gần bảy giờ sáng bên bờ biển phía đông nước Mỹ.

- Có thể giờ này cậu ấy còn chưa dậy!

\*  
\*       \*

Peter quờ tay tìm xem từ đâu phát ra tràng âm thanh khó chịu khiến anh không thể tiếp tục giấc ngủ. Anh gỡ băng che ánh sáng ra khỏi mắt, với cánh tay qua khuôn mặt ngái ngủ của cô gái tên Anita, nhấc điện thoại lên và gầm gừ:

- Cho dù là anh có là ai đi chăng nữa, thì anh cũng vừa để mất một người thân!

Rồi anh đập máy.

Một vài giây sau, chuông điện thoại lại reo vang, Peter chui mình khỏi lớp chăn dày.

- Đồ quấy rầy bướng bỉnh! Ai ở đầu dây thề?

- Tớ đây, Jonathan bình thản đáp.

- Cậu có biết bây giờ là mấy giờ không, hơn nửa hôm nay lại là chủ nhật đấy.

- Thứ ba, Peter, hôm nay là thứ ba!

- Khỉ thật, tớ chẳng còn biết gì về thời gian nữa.

Trong khi Jonathan giải thích yêu cầu của anh, Peter nhẹ nhàng lay cô gái nằm bên cạnh. Anh thì thầm vào tai Anita rằng cô phải chuẩn bị thật nhanh, anh đã bị muộn lắm rồi.

Anita nhún vai và ngồi dậy, Peter kéo lấy cánh tay cô và hôn nhẹ lên trán.

- Anh sẽ chở em về nhà nếu em sẵn sàng sau mười phút nữa.

- Cậu có nghe tớ nói không? Jonathan hỏi từ đầu dây bên kia.

- Thế cậu còn muốn tớ nghe ai nữa đây? Nhưng thôi cứ nhắc lại điều cậu vừa nói đi, ở đây vẫn còn sớm lắm.

Jonathan đề nghị bạn giới thiệu mình với một phòng thí nghiệm tại Anh.

- Muốn soi bức tranh bằng X-quang, tớ có một người bạn, cậu có thể gọi anh ta và tự giới thiệu là bạn của tớ, phòng thí nghiệm của anh ấy ở khá gần khách sạn.

Jonathan ghi vội lên giấy địa chỉ mà Peter đọc cho anh.

- Còn muốn làm các xét nghiệm hữu cơ, Peter nói tiếp, để tớ gọi vài cuộc điện thoại đã.

- Tớ có thể cho cậu cả ngày, có điều tớ phải nhắc để

cậu nhớ rằng, thời gian của cậu đang bị rút ngắn dần.

- Cảm ơn cậu đã nhắc khi tớ vừa nhảy ra khỏi giường, tớ đã cảm thấy rõ ràng còn thiếu gì đó để có thể bắt đầu một ngày tốt lành!

Peter đã gần như hoàn thành việc sắp xếp mở tài liệu mang từ Luân-đôn về. Sau khi ngồi hàng giờ liền trong phòng lưu trữ của Christie's, anh đã chụp được rất nhiều bài báo được viết trong thời gian Radskin sống ở nước Anh.

Sau khi đọc xong tất cả những tài liệu đó, anh sẽ viết một bài tổng hợp tất cả những thông tin liên quan đến buổi đấu giá nổi tiếng của Ngài Edward, đúng vào hôm bức tranh đột nhiên biến mất.

- Chúng ta phải tìm hiểu xem vì sao nó lại mất tích.

- Cậu làm tớ vướng tâm ghê, chúng ta đã tìm kiếm điều ấy từ hai mươi năm nay, chắc chắn tớ sẽ thành công trong việc làm sáng tỏ bí ẩn này chỉ trong vòng mười lăm ngày tới, Peter chưa chút trả lời.

- Cậu có nhớ anh bạn cảnh sát của cậu đã từng nói gì không? Jonathan hỏi tiếp.

- Tớ có khối bạn làm cảnh sát, cậu thử hỏi cụ thể hơn được không?

- Cái anh chàng sống ở San Francisco ý!

- À, Georges Pilguez!

- Cậu đã hàng trăm lần nhắc với tớ trong quá trình chúng mình điều tra, là chỉ cần một manh mối nhỏ cũng có thể lần ra được cả một sự kiện.

- Tớ nghĩ là Pilguez còn nói gì đó hơn thế nữa cơ, nhưng tớ hiểu ý cậu. Tớ sẽ gọi lại cho cậu, ngay sau khi thu

xếp xong việc tiến hành các xét nghiệm.

Anita bước ra khỏi phòng tắm đúng lúc Peter gác máy, cô mặc một chiếc quần jean và một chiếc áo phông bó sát người, đến mức không hề cần đến bàn là mỗi lần giặt xong. Peter ngần ngừ rồi đưa tay cho cô gái để cô kéo anh đứng dậy. Ngay lập tức, cô bị kéo trở lại giường.

\*

\*       \*

Jonathan bấm số máy mà Peter vừa đọc cho anh. Vị bác sĩ chẩn đoán hình ảnh hỏi anh về kích thước của bức tranh và đề nghị anh chờ máy. Một lát sau ông ta cầm máy lên, Jonathan đã gặp may, ông ta còn đúng hai khung phim có kích cỡ phù hợp.

Buổi hẹn vào đầu giờ chiều. Clara và Jonathan nhìn nhau ngáp ngừng rồi lao vào đóng gói bức tranh. Mặc dù đã ra sức tìm, song cũng không thể thấy cả thùng gỗ lẩn xe bảo an, họ đành nhảy lên một chiếc ta-xi, đến con phố nhỏ nằm giữa góc công viên Lane và phố Green. Họ nhấn chuông, một giọng nói đề nghị khách đi lên tầng hai. Jonathan lên cầu thang trong tâm trạng hồi hộp pha lẫn tò mò, Clara theo sát sau anh.

Một nữ trợ lý khoác áo blu trắng ra mở cửa và dẫn họ vào phòng đợi. Một người phụ nữ mang thai đang chờ kết quả siêu âm tháng thứ tư, một chàng trẻ bị bó bột ở chân đang xem phim kiểm tra lần cuối của mình. Khi nữ bệnh nhân bị quán băng một bên vai nghỉ ngơi hỏi Jonathan bị

đau chỗ nào, Clara trốn sau một tờ tạp chí Times mà cô nhặt được trên chiếc bàn thấp. Bác sĩ Jack Seasal lộ ra từ cánh cửa khép hờ. Ông kín đáo ra hiệu cho Jonathan và Clara. “Một ca cấp cứu”, ông lau bầu giải thích với những bệnh nhân còn lại.

- Nào, hãy cho tôi xem bức tranh tuyệt vời đó! Ông vui vẻ nói trong khi dẫn họ vào phòng chụp.

Jonathan gỡ những tấm chắn bọc bên ngoài và Jack Seasal, bạn của Peter và cũng là một người say mê hội họa, lặng người đi trước vẻ đẹp của *Thiếu nữ áo đỏ*.

- Peter không hề nói quá, ông vừa nói vừa hạ mặt bàn máy chụp theo chiều ngang. Tôi đang tính sẽ sang Boston thăm cậu ta vào tháng chín tới, chúng tôi có một hội thảo của ngành y, ông nói tiếp và giúp Jonathan đặt bức tranh vào vị trí.

Vị bác sĩ đánh dấu khu vực chiếu tia bằng bút dạ. Bằng những động tác tự tin, ông nhét khung phim chuẩn bị dùng xuống bên dưới mặt bàn, điều chỉnh máy cho thẳng góc với bề mặt bức tranh và đưa cho hai vị khách hai chiếc tạp dề màu nâu.

- Để bảo vệ hai người, bắt buộc đấy! Ông nói.

Lúng túng trong chiếc tạp dề dẹt chì, Clara và Jonathan lùi lại sau lớp kính bảo vệ. Bác sĩ Seasal kiểm tra lại máy móc một lần nữa rồi cũng lùi lại bên cạnh chỗ họ đứng. Ông nhấn nút. Những chùm tia quét trên từng lớp bề dày của bức tranh để tái hiện trên tấm phim phủ hóa chất một vài bí ẩn được che giấu trong đó.

- Nín thở nhé, tôi chuẩn bị chụp lần thứ hai, ông bác

sĩ vừa nói vừa thay khuôn phim.

Jonathan và Clara kiên nhẫn đứng chờ cạnh máy, trong thời gian tráng phim. Bác sĩ Seasal quay lại sau mười lăm phút. Ông gỡ một tấm phim chụp xương đùi và một tấm phim chụp phổi bên phải dính trên tấm bảng lấp đèn huỳnh quang, rồi thay hai tấm phim vừa tráng vào đó. Bản chụp bức tranh của Vladimir hiện lên trong suốt. Đối với tất cả các chuyên gia hoặc nhà phục chế, chụp một bức tranh quả là giây phút vô cùng đặc biệt. Những tia X thể hiện thấu cả những phần không nhìn thấy được của tác phẩm; chúng cung cấp cho Jonathan những thông tin vô cùng quý giá về chất liệu tấm toan mà Vladimir đã sử dụng. Bằng cách so sánh những tấm phim này với các bức tranh khác của danh họa, anh có thể xác định tấm toan được dùng để vẽ bức tranh *Thiếu nữ do đỏ* có cùng kiểu dệt với những tấm toan mà Radskin sử dụng trong thời gian sống ở Anh.

Nhìn kỹ tấm phim chụp, Jonathan chợt lơ mơ phát hiện ra điều gì đó.

- Bác sĩ có thể tắt ánh sáng trong phòng đi được không? Anh thì thầm.

- Đây đúng là những phim chụp duy nhất mà tôi không thể đọc kết quả, Jack Seasal vừa nói vừa lại gần công tắc đèn, song ít nhất tôi cũng mong anh hài lòng về chất lượng các bản chụp.

Gian phòng chìm trong bóng tối, chỉ còn luồng ánh sáng duy nhất phát ra từ bảng đèn huỳnh quang trên tường. Tim của Clara và Jonathan bắt đầu đập cùng một

nhịp rộn ràng. Trước cặp mắt sững sốt của hai người, ở mỗi bên *Thiếu nữ áo đỏ* hiện lên một loạt những ký tự được viết bằng bút chì.

- Cái gì thế này, ông ta đã muốn nói gì với chúng ta?

- Tôi chỉ thấy một loạt chữ số và vài chữ cái viết hoa,

Clara trả lời bằng một giọng ngạc nhiên không kém.

- Tôi cũng vậy, song nếu tôi có thể xác minh đó là chữ viết của ông ta, thì coi như mình đã tìm được bằng chứng, Jonathan thì thảo.

Bác sĩ Seasal khẽ hắng giọng sau lưng họ. Trong phòng đợi, số bệnh nhân ngồi chờ thưa dần. Jonathan cất các bản chụp đi, Clara bọc bức tranh lại và họ nồng nhiệt cảm ơn bác sĩ. Trước khi ra về, họ hứa sẽ gửi lời chào của ông tới Peter ngay khi gọi điện cho anh.

Về tới phòng tranh, họ ngồi quanh chiếc bàn có đèn sáng mà Clara vẫn thường dùng để xem các bản chụp phim. Clara chép lại theo mẫu những ký tự của Vladimir vào cuốn sổ của Jonathan. Anh để cô ngồi đó một mình một lát và ra tìm vài tài liệu trong cặp.

Clara vụng về đánh rơi cuốn sổ lớn gáy lò xo, cô cúi xuống nhặt và lật tìm trang đang viết dở. Chợt cô dừng lại trên một trang, ngón tay vuốt nhẹ trên hình phác thảo khuôn mặt mà cô có thể dễ dàng nhận ra. Jonathan quay trở lại. Cô đóng nhanh cuốn sổ và đặt nó lên bàn.

Những chữ cái viết hoa mà Vladimir ghi bằng bút chì trên bề mặt bức tranh không tiết lộ được gì về tác giả của nó. Tuy nhiên, những nỗ lực của ngày hôm đó cũng không phải hoàn toàn vô ích. Jonathan đã phân tích được tám

toan dùng để vẽ bức tranh. Nó hoàn toàn giống hết với tất cả những tấm toan mà trước kia anh từng nghiên cứu. Mỗi phân vuông của tấm vải được dệt bởi mười bốn sợi ngang và mười bốn sợi dọc, tuyệt đối giống với loại vải mà Ngài Edward cung cấp cho Vladimir. Cả chiếc khung dùng để căng tấm toan cũng vậy. Đến khi trời tối, Jonathan và Clara đóng cửa phòng tranh rồi quyết định dạo bộ trên những con đường yên tĩnh của khu phố.

- Tôi muốn cảm ơn anh vì những gì anh đã làm, Clara nói.

- Chúng ta vẫn còn cách đích rất xa, Jonathan trả lời, hơn nữa chính tôi mới là người phải cảm ơn cô.

Trên đường đi, qua những vỉa hè vắng vẻ, Jonathan thú nhận rằng, anh còn cần rất nhiều trợ giúp mới có thể hoàn thành được việc này đúng hạn. Mặc dù anh tin chắc bức tranh này là thật, thì cũng cần phải thực hiện nhiều đợt kiểm tra nữa mới khả dĩ có những bằng chứng không thể phủ nhận.

Clara dừng lại dưới ngọn đèn đường và đứng đối diện với anh. Cô mong tìm được những lời thỏa đáng để nói với anh, song có lẽ vào thời điểm này sự yên lặng là những gì thích hợp nhất đối với họ. Cô hít một hơi rồi tiếp tục bước đi. Jonathan cũng lặng thinh. Thêm vài mét nữa, họ sẽ tới trước cửa khách sạn và chia tay nhau dưới mái hiên. Trong khoảng khắc này của đêm, anh những muốn mấy bước chân cuối cùng của họ sẽ kéo dài mãi mãi. Vừa bước đi, cánh tay họ thả sát người vung lên nhẹ nhẹ, bàn tay họ gần như chạm vào nhau. Ngón út của Clara mắc vào ngón tay

anh, các ngón còn lại đan vào nhau. Trong màn đêm Luân đôn, hai bàn tay nhập vào thành một và cơn mê lại bắt đầu tái hiện.

Những ngọn nến lung linh soi sáng gian phòng đấu giá rộng mênh mông, tất cả các ghế đều đã có người ngồi kín. Đám đàn ông đội mũ cao và đồng phục chen chúc giữa những dãy ghế, đứng len vào mọi góc phòng, nhiều người trong số họ đi cùng với những phụ nữ mặc váy diêm dúa. Trên bục, một người đàn ông đang đứng sau bàn điều khiển phiên đấu giá. Chiếc búa đập xuống báo hiệu kết thúc đấu giá một chiếc bình cổ. Phía sau ông ta, trong những cánh gà nơi Jonathan và Clara đang đứng, mấy người đàn ông mặc áo choàng xám vội vã. Tấm bảng bọc nhung đỏ dính trên một cái trục được quay ra và chiếc bình biến mất khỏi gian phòng. Một nhân viên lập tức nhấc nó khỏi bệ và thay vào đó bằng một tác phẩm điêu khắc.

Người đàn ông lại quay tấm bảng khiến bức tượng đồng hiện ra trước mắt những vị khách tới tham dự đấu giá. Jonathan và Clara nhìn nhau. Đây là lần đầu tiên họ gặp nhau trong cơn mê mà mỗi người đều không biết nguyên nhân. Mặc dù cả hai đều không thể thốt ra một lời nào, song ít nhất họ cũng không bị đau đớn như những lần trước. Trái lại, tay vẫn nắm trong tay, cơ thể họ dường như song tồn vượt qua mọi thời gian. Jonathan bước lại gần Clara, cô nép mình vào anh và anh nhận ra làn hương của da thịt cô. Chiếc búa của người điều khiển đấu giá khiến họ giật mình, một bầu không khí yên tĩnh kỳ lạ chợt trùm lên gian phòng. Tấm bảng lại xoay một vòng nữa, bức

tượng được lấy ra và một người đàn ông mặc áo choàng xám treo lên đó bức tranh mà cả hai người liền nhận ra ngay tức khắc. Nhân viên chấp hành báo tin đến lượt phiên đấu giá một bức tranh lớn của một nhà danh họa Nga. Ông ta cũng thông báo bức tranh này đã được bảo lãnh và hiện đang thuộc bộ sưu tập cá nhân của Ngài Edward Langton, chủ phòng tranh nổi tiếng nhất Luân-đôn. Một viên thư ký băng qua gian phòng và treo lên bức, anh ta đưa chiếc phong bì đang kẹp dưới nách cho nhân viên chấp pháp. Ông này bóc phong thư và nghiêng người chuyển nó cho chuyên gia đấu giá khiến mặt vị này sững lạnh như đóng băng. Ông gọi viên thư ký lại gần và hỏi khế vào tai:

- Đích thân ông ta đã đưa nó cho anh à?

Viên thư ký trình trọng gật đầu xác nhận. Lúc ấy, nhà đấu giá hét to ra lệnh cho nhân viên không được bày bức tranh lên nữa, đó là một bức tranh giả. Rồi ông chỉ tay về phía một người đàn ông ngồi ở hàng ghế cuối cùng. Tất cả các cặp mắt đều đổ dồn về phía Ngài Edward lúc này vừa đứng bật dậy. Một giọng nói thét to công phần, một giọng khác gào lên là lừa đảo, thêm một giọng hỏi âm lên rằng các chủ nợ sẽ được thanh toán như thế nào, “tất cả chỉ là một trò gian trá”, một giọng nữa gào lên.

Người đàn ông có khổ vai rộng len lỏi dọc lối giữa đám đông ngày càng khép chặt lại. Cuối cùng ông ta cũng ra được tới những cánh cửa dẫn đến một cầu thang rộng. Ông chạy vội xuống cầu thang, cố gắng thoát khỏi đám nhà buôn đang xô nhau đuổi theo, và chạy ra phố. Phía sau

ông, gian phòng đấu giá dần trở nên vắng vẻ.

“Nhanh lên, nhanh lên”, một giọng nói thì thào bên tai Jonathan. Một đôi trai gái chạy qua trước mặt anh, trong tay ôm tác phẩm cuối cùng của Vladimir Radskin được bọc kín trong một tấm chăn. Khi đôi trai gái biến mất sau khán phòng, cơn mê vụt tắt.

Clara và Jonathan nhìn nhau sửng sốt. Trên con phố vắng vẻ, những bóng đèn trên cột thoi không nhấp nháy nữa. Họ chậm rãi ngược đầu lên. Phía trên tòa nhà nơi họ đứng nắm tay nhau, tấm biển bằng đá trắng có khắc hàng chữ: “Vào thế kỷ XIX, nơi đây từng là trung tâm đấu giá của Quận Mayfair.”

## 7

Peter đóng cánh cửa phòng làm việc đúng vào lúc chuông điện thoại reo vang. Anh quay người lại và nhấn vào nút bật loa. Tổng đài thông báo có ngài Gardner đang chờ máy; anh lập tức tiếp điện thoại.

- Ở chỗ cậu chắc phải muộn lắm rồi, tớ đang chuẩn bị ra về, anh vừa nói vừa đặt chiếc túi xuống chân.

Jonathan thông báo với bạn kết quả cuộc tìm kiếm của anh. Anh đã xác định được phần nền và khung của bức tranh, song không tài nào tìm nổi ý nghĩa những dòng chữ mà nhà danh họa đã giấu sau lớp màu, và anh rất tiếc vì các chữ cái viết hoa cũng không đủ để chính thức xác thực bức tranh. Jonathan đang cần bạn mình giúp đỡ. Những xét nghiệm anh cần thực hiện đòi hỏi phải có các trang thiết bị mà nhiều phòng thí nghiệm tư không dễ có được. Peter chợt nghĩ ra, anh quen một người ở Paris có thể sẽ giúp được họ.

Trước khi bỏ máy, Peter kể về một khám phá của anh

trong quá trình nghiên cứu các dữ liệu mang từ Luân-đôn. Một bài báo ra vào tháng sáu năm 1867 mà từ trước tới nay họ chưa hề được đọc, nói về vụ tai tiếng xảy ra trong buổi đấu giá. Nhà báo đó đã không cho biết thêm chi tiết nào khác nữa.

- Người viết có vẻ quan tâm hơn cả tới việc bôi nhọ danh tiếng nhà sưu tầm của cậu, Peter nói.

- Tớ có nhiều lý do để tin rằng bức tranh đã bị đánh cắp đúng vào ngày hôm đó, hay nói đúng hơn là nó đã bị xoáy mất ngay trước khi được người ta công bố, Jonathan trả lời.

- Do Ngài Edward làm ư? Peter hỏi

- Không, không phải ông ta là người đã giấu bức tranh trong một tấm chăn.

- Cậu nói gì thế? Peter hỏi.

- Vấn đề này hơi phức tạp, tớ sẽ giải thích cho cậu sau.

- Dù sao đi nữa, Peter nói tiếp, ông ta cũng chẳng được lợi gì nếu làm như thế. Buổi đấu giá đã có thể gia tăng rất nhiều giá trị cho bộ sưu tập của ông ta, tớ bảo cậu với tư cách là một chuyên gia đấu giá đấy.

- Tớ cho rằng gia tài mà ông ta vẫn thường khoe khoang đã khánh kiệt từ trước đó khá lâu, Jonathan kết luận.

- Nhưng cậu lấy nguồn tin từ đâu thế? Peter tò mò hỏi.

- Đây là cả một câu chuyện dài, anh bạn ạ, mà tớ cũng chẳng nghĩ là cậu sẽ muốn nghe. Ngài Edward có thể chẳng phải là một tay hào hiệp như tớ và cậu đã từng giả định, Jonathan nói thêm. Thế cậu có tìm được thông tin gì về chuyến đi vội vã của ông ta sang Mỹ không?

- Rất ít. Song cậu nói “vội vã” là đúng. Tớ không biết chuyện gì xảy ra với ông ta song chính bài báo đó kể rằng rất nhiều người đã lục tung căn nhà của ông ta ở Luân-đôn lên vào ngay buổi tối diễn ra cuộc đấu giá. Cảnh sát đã phải giải tán mọi người trước khi họ kịp đốt trụi căn nhà. Còn về ông ta, không bao giờ thấy ông ta xuất hiện nữa.

Ngày hôm trước, Peter đã tới tìm các dữ liệu lưu trữ tại khu cảng cổ của Boston. Anh tra danh sách các hành khách di cư từ Anh sang vào thời kỳ đó. Một chiếc tàu đi từ Manchester đã ghé Luân-đôn trước khi vượt biển Đại Tây Dương. Nó cập bến vào một ngày khá phù hợp với thời điểm để Ngài Edward có thể lên tàu.

- Thật không may cho chúng ta, Peter tiếp tục, trên tàu chẳng có hành khách nào tên là Langton cả, tớ đã kiểm tra ba lần rồi, song tớ lại tìm thấy một điều khá thú vị. Có một gia đình khác đã xuống tàu và đăng ký trong danh sách nhập cư vào thành phố với họ Walton.

- Vậy thì có gì là thú vị? Jonathan vừa nói vừa ghi nhanh lên một tờ giấy.

- Chẳng có gì cả! Cậu sẽ tự mình nói với cô ấy rằng thật đáng xúc động mỗi khi tìm ra được dấu vết nguồn gốc của mình cũng như của một thành viên trong gia đình. Walton là họ của Anna, vợ tương lai của cậu, đúng từng chữ một.

Chiếc bút chì đen gãy đôi trong tay Jonathan. Anh lặng đi hồi lâu. Peter gọi anh mấy lần ở đầu dây bên kia, cậu ta nóng ruột nhấn liên tiếp lên nút chuyển mạch, nhưng Jonathan vẫn không hề đáp. Vừa đặt máy nói xuống, Peter

vừa tự hỏi làm thế nào mà Jonathan có thể khẳng định, bức tranh đã được bọc ngoài bởi một tấm chăn?

\*

\*       \*

Jonathan và Clara rời Luân-đôn ngay sáng sớm tinh mơ ngày hôm sau. Peter đã sắp xếp cho họ gặp người quen của anh ở Paris vào cuối buổi chiều hôm đó. Chùng nào bức tranh còn chưa được xác thực, thì các hãng bảo hiểm chưa có quyền đòi hỏi nó phải được bảo vệ kỹ càng mỗi lần di dời. Dù sao đi nữa, quãng thời gian ít ỏi còn lại cũng không cho phép họ làm như vậy. Clara đã bọc bức tranh trong một tấm chăn và bảo vệ nó khá cẩn thận bằng một chiếc túi da.

Chiếc ta-xi đưa họ tới sân bay City. Vừa theo sát bước Clara lên cầu thang dẫn tới phòng chờ tầng một, Jonathan vừa say sưa ngắm cô. Trong khi chờ tới giờ máy bay cất cánh, họ ngồi ở một quán cà phê nằm ngay phía trên đường băng. Dán mắt vào lớp kính, họ có thể nhìn thấy những chiếc máy bay phản lực chở khách đều đặn nối đuôi nhau cất cánh. Jonathan đi ra quầy bar lấy nước mát cho Clara. Đứng chống khuỷu tay trước quầy, anh chợt nghĩ tới Peter, rồi tới Vladimir và cuối cùng thì tự hỏi điều gì đang lôi cuốn anh trong cuộc đua này. Anh quay trở lại ngồi vào bàn và nhìn Clara.

- Tôi đang tự đặt cho mình hai câu hỏi, anh nói. Còn cô không nhất thiết phải trả lời tôi.

- Anh cứ bắt đầu hỏi câu thứ nhất đi! Cô vừa nói vừa đưa cốc lên miệng.

- Làm thế nào mà các bức tranh ấy đã tới được tay cô?

- Chúng được treo trên tường khi bà tôi mua lại trang viên, nhưng chính tôi đã tìm thấy bức *Thiếu nữ áo đỏ*.

Rồi Clara kể cô đã tìm thấy bức tranh trong hoàn cảnh nào. Vài năm trước, cô quyết định dọn dẹp căn phòng áp mái. Vì tòa nhà đã được xếp hạng nên phải chờ khá lâu mới có được giấy phép hành chính để tiến hành công việc sửa chữa. Khi đơn xin bị từ chối và trả lại, Clara đành bỏ lửng dự định đó. Nhưng tiếng sàn tầng trên kêu kèn kẹt trong đêm luôn ám ảnh cô. Ông Wallace, một thợ mộc trong làng rất quý Clara, đã đồng ý giúp cô bí mật dỡ gỗ sàn ra để thay toàn bộ các thanh rầm, sau đó lắp lại như cũ. Khi bụi phủ lại lên phía trên, thanh tra các di tích lịch sử sẽ không thể nào phát hiện được. Rồi một hôm, người thợ mộc đã tới tìm cô. Cô cần phải đến xem một thứ. Clara đi theo ông lên gian phòng trên tầng xếp. Ông ta đã tìm thấy một thùng gỗ vuông chiều dài khoảng một mét được giấu kỹ giữa hai thanh rầm. Clara giúp ông lôi chiếc thùng ra khỏi chỗ giấu và đặt lên trên chân mễ. Được bọc ngoài bởi một tấm chăn màu xám, *Thiếu nữ áo đỏ* hiện ra từ quá khứ và ngay lập tức Clara đã nhận ra tác giả của bức tranh.

Giọng nói từ radio hướng dẫn đã cắt ngang câu chuyện của cô. Máy bay bắt đầu nhận hành khách. Một đôi trai gái đứng hôn nhau ngay trước cửa kiểm soát. Cô gái lên máy bay một mình. Khi cô đã đi qua cửa kiểm tra an ninh, chàng trai âu yếm đưa tay lên vẫy. Cô gái biến mất

trong khung cửa tròn phía cuối hành lang mà bàn tay vẫn còn giữ một lát trên không trung. Jonathan nhìn chàng trai đi về phía cầu thang cuốn, đôi vai trĩu buồn. Về tư lự, anh đuổi theo Clara đang đi dần về phía cửa số 5.

Chiếc phản lực City của hãng hàng không Air France tới Paris sau bốn mươi lăm phút. Mọi giấy tờ của phòng tranh đã giúp họ nhanh chóng qua cửa hải quan mà không gặp khó khăn gì. Jonathan đã đặt hai phòng trong một khách sạn nhỏ nằm cuối đường Bugeaud. Họ để hành lý ở đó, gửi bức tranh vào két an toàn của khách sạn rồi chờ đến khi chiều xuống. Sylvie Leroy, một cộng tác viên đặc lực của trung tâm nghiên cứu và phục chế trực thuộc các Bảo tàng Pháp, tới gặp họ tại quầy bar của khách sạn khi trời vừa tối. Ba người chọn chỗ ngồi kín đáo bên chiếc bàn đặt dưới gầm cầu thang gỗ. Những bậc thang lên xoáy hình tròn ốc dẫn tới một trong những lối vào thư viện. Sylvie Leroy chăm chú nghe Jonathan và Clara, rồi cô theo họ vào phòng khách nhỏ nằm giữa hai căn phòng mà họ đã đặt. Clara mở phéc-mơ-tuya hiệu Tia Chớp của chiếc túi da, tháo bức tranh ra khỏi tấm chăn bọc ngoài và gác lên bệ cửa sổ.

- Bức tranh thật tuyệt vời, nữ nhân viên giám định thì thăm bằng một giọng tiếng Anh rất chuẩn xác.

Sau khi quan sát kỹ bức tranh, cô quay lại ngồi vào ghế bành và nói về bất lực:

- Thật đáng tiếc, tôi không thể giúp gì được cho hai người, tôi thành thật xin lỗi. Hôm qua tôi đã giải thích rõ ràng với Peter qua điện thoại. Các phòng thí nghiệm của Louvre chỉ dành phục vụ những bức tranh là đối tượng

quan tâm của các Bảo tàng Quốc gia. Chúng tôi không bao giờ làm việc cho giới tư nhân. Không có yêu cầu khẩn thiết của một quần đốc bảo tàng, chúng tôi không được phép sử dụng trang thiết bị cho người ngoài.

- Tôi hiểu, Jonathan đáp.

- Còn tôi thì không hiểu nổi, Clara tiếp lời. Chúng tôi từ tận Luân-đôn tới đây, chỉ còn hai tuần nữa, chúng tôi sẽ phải chứng minh được đây là một bức tranh thật, mà ở chỗ cô có mọi trang thiết bị cần thiết.

- Chúng tôi hoàn toàn không liên quan gì tới những vấn đề của thị trường nghệ thuật, thưa cô, Sylvie nói tiếp.

- Nhưng đây là một vấn đề nghệ thuật chứ không phải vấn đề thị trường, Clara đáp lại, giọng cương quyết. Chúng tôi đấu tranh để một tác phẩm lớn của một danh họa được công nhận, chứ không phải để phá vỡ kỷ lục của các phòng đấu giá!

Sylvie Leroy khẽ ho và mỉm cười.

- Cô cũng không nên đi quá xa, dù sao thì Peter cũng là người giới thiệu hai người đến với tôi!

- Clara nói đúng sự thật. Tôi là một chuyên gia thẩm định chứ không phải tay buôn, Jonathan tiếp lời.

- Tôi biết anh là ai, anh Gardner, tiếng tăm của anh thật đáng nể. Tôi rất quan tâm tới các công trình nghiên cứu của anh, một vài trong số đó đã giúp cho tôi khá nhiều. Thậm chí tôi đã tới dự các buổi hội thảo của anh tại Miami. Chính ở đó tôi đã làm quen và dùng một bữa tối khá muộn với anh bạn Peter của anh, chỉ có điều tôi đã không có may mắn gặp được anh. Anh đã ra về mất rồi.

Sylvie Leroy đứng lên và nắm tay Clara.

- Tôi rất vui mừng được làm quen với hai người, cô nói với Jonathan trong lúc ra khỏi căn phòng.

- Chúng ta làm gì bây giờ? Clara hỏi khi cánh cửa đã khép lại.

- Vì tôi cần phải có một chiếc máy chụp bằng tia hồng ngoại, một máy chiếu cao áp, phổ kế plasma và kính quét hiển vi điện tử, tôi nghĩ rằng đi dạo một vòng Paris có lẽ là điều thích hợp nhất nên làm, tôi biết khá rõ nơi chúng ta cần tới.

Chiếc ta-xi chạy khá nhanh trên con đường dọc bờ sông. Từ chân cầu Trocadero nhìn ra, hàng ngàn ngọn đèn nhấp nháy trên tháp Eiffel phản chiếu xuống mặt nước sông Seine. Mái vòm bằng vàng của cung điện Invalides tỏa sáng trong bầu không khí dịu dịu của buổi tối mùa hè. Chiếc xe thả họ dưới chân tòa nhà của bảo tàng Orangerie. Trên quảng trường Concorde, một ông già cô đơn lang thang giữa hai đài phun nước. Từng chùm tia nước phun ra từ miệng các bức tượng. Clara và Jonathan im lặng bước dọc theo bên sông. Đi dọc theo phố Tuileries, nhìn những hàng cây đan tay hai bên các lối đi dạo, Jonathan chợt nghĩ tới những khu vườn Boboli.

- Khi nào tới Boston, chúng ta sẽ đi dạo cùng nhau dọc theo bờ sông Charles chứ? Clara hỏi.

- Tôi hứa với cô, Jonathan trả lời.

Hai người đi qua Cổng Sư tử<sup>(12)</sup>. Dưới chân họ, trong

---

12. Nguyên tác tiếng Pháp: Porte des Lions.

tầng hầm nằm dưới sân Bảo tàng Louvre là những phòng thí nghiệm của trung tâm nghiên cứu và phục chế của các Bảo tàng Pháp.

\*

\*

\*

Sylvie Leroy chuẩn bị bước xuống tầng hầm của ga tàu điện ngầm đúng lúc chuông điện thoại di động của cô reo vang. Cô dừng lại phía trên bậc cầu thang và đưa tay vào túi xách. Khi cô vừa bật máy, Peter cao giọng hỏi cô đang làm gì khi không có anh bên cạnh trong cái thành phố lãng mạn nhất thế giới này.

\*

\*

\*

Anna đi lại trước giá vẽ để hoàn thành nốt những chi tiết cuối cùng của một bức tranh. Cô lùi lại để chiêm ngưỡng sự trau chuốt trong tác phẩm của mình. Một loạt tiếng bíp reo lên từ phòng bên. Cô đặt cây cọ vẽ xuống một chiếc cốc bằng đất nung và đi tới ngồi nơi bàn làm việc kê sát một trong những cửa sổ nằm cuối xưởng vẽ. Cô mở máy vi tính, gõ mã số cá nhân lên bàn phím và tra chiếc thẻ số hóa vào một đầu từ; ngay lập tức màn hình hiện lên một loạt ảnh. Tám ảnh đầu tiên chụp từ ngoài phố cho thấy Jonathan và Clara đang ngồi cạnh nhau ngắm một bức tranh trong phòng tranh tại phố Albermarle, trên tám thứ

hai, ánh sáng yếu ớt từ cột đèn phủ một lớp màu cam lên con phố nhỏ vắng vẻ, song ánh mắt họ nhìn nhau lại chẳng nhột nhạt chút nào. Trong tấm ảnh thứ ba, Jonathan và Clara đang đi dạo trong khu vườn của một tòa trang viên theo kiểu Anh. Nhưng tấm khác chụp cảnh hai người đang ngồi bên chiếc bàn sau lớp kính của một quán cà phê, rồi đứng đối diện nhau dưới mái hiên khách sạn Dorchester. Trên tấm ảnh thứ sáu, Jonathan đang đứng chống khuỷu tay xuống quầy bar của sân bay, Clara ngồi bên chiếc bàn sát cửa kính phía trên đường băng. Bức ảnh nét tới mức người ta có thể phân biệt rõ màu những chiếc máy bay vừa hạ cánh xuống đường băng. Một hình phong bì nhỏ nhấp nháy ở góc dưới màn hình. Anna tải xuống máy dữ liệu đính kèm thư điện tử mà cô vừa nhận được. Một loạt ảnh kỹ thuật số mới tự động chạy vào kho ảnh mở sẵn trong máy tính của cô. Anna xem kỹ từng tấm một. Ở Paris, cuối phố Bugeaud, Clara và Jonathan đang bước xuống bậc thang của một khách sạn nhỏ. Tấm ảnh cuối cùng chụp họ đang bước lên xe ta-xi, trên đó hiện con số chỉ chín giờ 12 phút tối. Anna nhấc điện thoại và bấm số gọi ra ngoại ô. Giọng nói bên kia đầu dây hồi luôn.

- Các bức ảnh thật tuyệt, phải không?

- Phải, Anna cau có, mọi chuyện càng lúc càng trở nên rõ ràng.

- Đừng có quá lạc quan như thế. Mẹ sợ rằng mọi chuyện tiến triển không nhanh như chúng ta muốn. Không phải mẹ vẫn nói với con rằng, gã đàn ông này lẽ mà khùng khỉnh sao?

- Mẹ! Anna hét lên.

- Thôi được, đó là ý kiến của cá nhân mẹ, giọng nói đầu dây bên kia tiếp lời. Dù sao thì chúng ta cũng chỉ còn có ba tuần để kết thúc mọi thứ, chúng không nên bỏ cuộc lúc này. Có thể là hơi mạo hiểm nhưng mẹ nghĩ, chúng sẽ cần một chút xúi trợ giúp từ bên ngoài.

- Mẹ định làm gì? Anna hỏi.

- Mẹ quen biết một số người có vị trí tương đối ở Pháp, con chỉ nên biết thế thôi. Ngày mai mẹ con mình vẫn ăn trưa với nhau chứ?

- Vâng, Anna trả lời và đập máy.

Bàn tay của người vừa nói chuyện với cô cũng đặt máy xuống. Trên ngón tay bà ta lấp lánh một viên kim cương.

\*

\*      \*

Clara và Jonathan đi dọc theo ngõ Nghệ thuật. Mặt trăng lưỡi liềm vẫn treo lơ lửng trên bầu trời.

- Anh lo lắm à? Cô hỏi.

- Tôi không biết làm thế nào để có thể kịp xác nhận bức tranh đúng hạn.

- Nhưng anh tin rằng bức tranh đúng là của ông ấy cơ mà!

- Tôi tin chắc như vậy!

- Anh tin chắc mà vẫn chưa đủ ư?

- Tôi phải đứng ra bảo lãnh cho công ty của Peter. Bản thân họ cũng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nếu

người ta nghi ngờ bức tranh có thể bị làm giả, họ sẽ phải trực tiếp chịu trách nhiệm đối với người mua tranh, và phải hoàn trả toàn bộ tiền, có nghĩa là hàng triệu đô la. Tôi cần những chứng cứ xác thực. Tôi buộc phải tiến hành những xét nghiệm cần thiết.

- Nếu chúng ta không thể đặt chân vào các phòng thí nghiệm của bảo tàng Louvre, anh định sẽ làm gì?

- Tôi không biết. Thông thường tôi vẫn làm việc với các phòng thí nghiệm tư, song họ bận ngập đầu, vì thế phải đăng ký dịch vụ trước vài tháng.

Jonathan căm ghét cảm giác bị quan đang xâm chiếm anh. Số mệnh của anh ngày càng trở nên cần kíp. Nếu xác thực được bức tranh, anh sẽ cứu thoát Peter khỏi một hoàn cảnh rất tệ nhị và khiến cho tài năng của Vladimir Radskin được thừa nhận xứng đáng. Hơn thế nữa, có thể anh sẽ hiểu thêm được điều gì đó trong chuỗi sự kiện kỳ dị đã ngăn không cho anh được ôm Clara trong vòng tay. Bàn tay anh lướt nhẹ gần sát khuôn mặt Clara mà cố tránh không chạm vào da cô.

- Nếu như em biết, anh khao khát được chạm vào em như thế nào, anh nói.

Clara lùi lại và quay người đứng đối diện với anh. Cô tỳ tay lên lan can. Sương đêm phủ một lớp mỏng lên tóc cô.

- Em cũng vậy, cô thì thâm và nhìn nước chảy dưới dòng sông Seine.

Điện thoại của Jonathan reo vang. Anh nhận ra giọng nói của Sylvie Leroy.

- Tôi không biết ông đã thuyết phục như thế nào,

thưa ông Gardner, nhưng những người quen của ông rất có thể lức. Sáng mai tôi sẽ chờ ông ở phòng thí nghiệm. Cửa vào nằm ngay sau cổng Lions, trong sân bảo tàng Louvre. Hãy đến vào lúc bảy giờ sáng, cô nói thêm trước khi cúp máy.

Peter quả có những mối quan hệ đặc biệt, Jonathan nghĩ thầm khi rời khỏi nhà hàng.

\*

\*       \*

Buổi sáng sớm, Trung tâm Nghiên cứu và Phục chế của các Bảo tàng Pháp vẫn còn đóng cửa. Jonathan và Clara bước xuống những bậc thang dẫn tới sân của Bảo tàng Louvre. Sylvie Leroy đứng chờ họ sau cánh cửa bọc thép của phòng thí nghiệm. Cô quét thẻ của mình qua đầu đọc và cánh cửa lập tức trượt tự động vào trong tường. Jonathan bắt tay cô, rồi cô mời họ đi theo.

Nơi này quả là vô cùng hiện đại. Những dãy hành lang bằng kim loại vắt ngang các gian phòng rộng mênh mông, nơi rất nhiều nhà nghiên cứu, kỹ thuật viên và nhà phục chế ngày đêm làm việc. Một trăm sáu mươi người làm việc trong nhiều dự án khác nhau của trung tâm. Là tác giả của những sáng chế về công nghệ hiện đại nhất trong lĩnh vực bảo tồn nghệ thuật, các nhà nghiên cứu của chương trình C2RME, những người gìn giữ phần lớn kỷ ức của các nền văn minh đã cống hiến cả cuộc đời để phân tích, xác định, phục chế, bảo quản và thống kê những tác

phẩm lớn nhất của kho tàng di sản.

Nếu không phải là con người kín đáo, thì những ai làm việc ở Trung tâm nghiên cứu và phục chế của các Bảo tàng Pháp đã có thể rất tự cao về tài năng của bản thân. Những ngân hàng dữ liệu mà các nhà nghiên cứu xây dựng nên sau nhiều năm đã được thừa nhận và sử dụng trên toàn thế giới. Rất nhiều tổ chức của châu Âu và nhiều quốc gia đã liên kết hợp tác với họ. François Hébrard, trưởng chi nhánh “Tranh cỡ nhỏ” đang chờ họ ở cuối hành lang. Tối lượt ông đưa thẻ của mình lướt qua một máy kiểm tra và cánh cửa tự động nặng trĩu của trung tâm nghiên cứu liền được kéo ra. Clara và Jonathan tiến vào một trong những phòng thí nghiệm bí mật nhất thế giới. Rất nhiều gian phòng rộng mênh mông nằm san sát dọc hành lang, ở khu vực trung tâm là một thang máy bằng thép và kính được dùng để lên các văn phòng tầng trên. Vô số màn hình phát ra những quang sáng màu xanh lá cây xuyên qua các vách ngăn kính. Jonathan và Clara bước vào một căn phòng có trần rất cao. Một chiếc máy chụp ảnh khổng lồ đang lướt trên những đường rãnh. Các kỹ thuật viên đặt bức tranh lên một chiếc giá và ngắm nhìn rất kỹ tác phẩm của Vladimir Radskin. Mặc dù có trong tay đủ trang thiết bị hiện đại, song các nhà nghiên cứu của trung tâm không bao giờ có thái độ coi nhẹ hay hàm hồ đối với một tác phẩm toàn vẹn. Người kỹ thuật viên đảm nhiệm việc chụp ảnh điều chỉnh một loạt ánh đèn chiếu từ các góc độ khác nhau xung quanh bức tranh. Bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ* được chụp dưới ánh đèn chiếu trực diện, rồi bằng tia cực

tím và tia hồng ngoại.

Tất cả những tấm ảnh chụp đặc biệt này sẽ cho phép nhìn thấy được những hình vẽ chìm nếu có, những nét sửa chữa hoặc những dấu vết phục chế đã được thực hiện trong quá khứ. Bản phổ kế bằng tia hồng ngoại đã không mang lại những kết quả như mong muốn. Để có thể khám phá những bí mật của bức tranh, trước hết phải tìm cách tách rời các yếu tố cấu thành nên nó. Đến cuối buổi sáng, một số mẫu thành phần nhỏ li ti như đầu kim đã được trích ra và dùng hơi ga để thử nghiệm màu sắc. Chiếc máy tối tân cho phép tách ra những phân tử nhỏ nhất cấu thành nên chất sơn. Sau khi có được những kết quả đầu tiên, François Hébrard gõ chuông vào một trong những máy tính được nối mạng thông tin. Chỉ vài phút sau, máy in bắt đầu chạy. Rất nhiều các đường vạch và sơ đồ bắt đầu được in ra trước mắt họ. Một nhà nghiên cứu bắt tay ngay vào công việc so sánh và chuẩn bị một hệ thống cơ sở dữ liệu. Bầu không khí nóng dần lên trong phòng thí nghiệm. *Thiếu nữ áo đỏ* đang quay về phía bên kia mà không ai thấy được khuôn mặt, có lẽ cũng đang mỉm cười khi thấy mình đã gây được một ấn tượng lớn. Từ lúc cô bước vào nơi này, các nhà nghiên cứu tập trung mỗi lúc một đông.

Chiếc máy kỳ lạ nhất mà bức tranh sẽ được đưa qua giúp đo được màu sắc. Chiếc máy đo góc-màu-ảnh phổ trông chẳng khác gì một máy chiếu phim cũ, song nó lại là một trong những trang thiết bị tối tân nhất và có thể cho kết quả trong vòng chưa đầy một phút. François Hébrard với ngay lấy tờ kết luận, đọc đi đọc lại hai lần rồi chuyển cho

Sylvie Leroy. Cả hai nhìn nhau ngạc nhiên. Sylvie thì thầm vài tiếng vào tai ông. Hébrard tỏ ra ngập ngừng, rồi ông nhún vai, nhắc điện thoại treo tường và bấm bốn chữ số.

- AGLAË có hoạt động không nhỉ? Ông hỏi bằng giọng tự tin.

Ông chờ máy bên kia trả lời và hài lòng gác điện thoại. Ông kéo tay Jonathan đi theo. Sau khi đã đi qua một cánh cửa an ninh nữa, họ bước vào một khu nhà kỳ quặc. Ngay từ cửa vào, dãy hành lang bê-tông chạy vòng vèo như một mê cung.

- Đây là một cách để chống lại các nguyên tử, ông thì thào. Chúng không đủ thông minh để tự tìm thấy lối ra!

Đi hết dãy hành lang quanh co ấy, họ tới một căn phòng rộng thênh thang có đặt máy gia tốc phân tử. Hàng chục đường ống dẫn được nối vào nhau theo một thứ lô-gíc mà chỉ có một vài nhà bác học và kỹ thuật viên mới hiểu được. Chiếc Máy Gia tốc Phân tích Phân tử của Louvre, bảo vật của cả tòa nhà này, là chiếc duy nhất trên thế giới và được sử dụng chỉ để phục vụ nghiên cứu di sản văn hóa. Sau khi đã đặt các vật mẫu vào vị trí, Jonathan và Clara đi sang phòng bên cạnh, ngồi vào những máy tính được nối mạng trên đó đang dần hiện ra tiến trình chiếc máy AGLAË phân tích trên bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ*.

Ngày làm việc đã kết thúc. Ngồi sau bàn giấy, François Hébrard đang xem xét những tài liệu thu thập được. Jonathan và Clara ngồi trước mặt ông, hỏi hớp như đôi vợ

chồng đang ngồi chờ nghe chẩn đoán của một vị bác sĩ nhi. Các kết quả thật đáng ngạc nhiên. Những chất liệu tự nhiên mà Vladimir sử dụng vô cùng đa dạng. Dầu, sáp ong, nhựa thông, bột màu, được pha chế bằng các công thức hóa học phức tạp một cách đáng kinh ngạc. Cho đến thời điểm này, các kết quả phân tích thu được vẫn chưa cho phép kỹ thuật viên của bảo tàng Louvre đưa ra kết luận chắc chắn về thành phần cấu tạo nên màu đỏ được dùng để vẽ bộ váy áo của cô gái trong bức tranh. Màu đỏ này tươi một cách khác thường. Điều khó tin là ở chỗ, mặc dù chưa hề phải trải qua bất cứ một quá trình phục chế nào, song bức tranh lại có vẻ như không hề bị tác động bởi thời gian.

- Tôi chẳng biết phải nói gì với hai người, Hébrard kết luận. Nếu như tất cả chúng tôi không bị choáng ngợp bởi vô số điểm trong kỹ thuật hội họa của Radskin, thì chúng tôi đã cho rằng đây là tác phẩm của một nhà hóa học tài năng.

Hébrard chưa từng gặp một trường hợp nào tương tự trong suốt nhiều năm làm việc ở đây.

- Mặt tranh được quang một thứ dầu mà chúng tôi chưa hề biết đến, và đặc biệt chúng tôi cũng không hiểu lớp dầu đó được dùng với mục đích gì! Hébrard nói thêm.

*Thiếu nữ áo đỏ* hoàn toàn đi ngược lại mọi quy luật của quá trình lão hóa. Không thể chỉ đơn thuần dựa vào điều kiện hoàn cảnh đặc biệt để giải thích sự bảo tồn hoàn hảo cho bức tranh. Bí ẩn này đã trở thành một thách thức đối với tất cả những nhà nghiên cứu của trung tâm. Vladimir đã làm gì để thời gian khiến cho bức tranh trở

nên rực rỡ hơn, chứ không hề làm nó bị phai màu? Jonathan tự hỏi khi rời khỏi trung tâm.

- Tôi biết một điều có thể làm cho mọi thứ đẹp lên theo thời gian, Clara nói trong lúc bước lên cầu thang: đó là tình cảm!

Họ quyết định rút ngắn thời gian lưu lại Paris và chỉ kịp ghé qua khách sạn lấy hành lý. Trên đường ra sân bay, Jonathan gọi điện cho Peter để kể lại cho bạn nghe về ngày làm việc của mình. Khi anh tỏ ra thán phục Peter vì đã thu xếp được buổi hẹn gần như không tương ấy với các nhà nghiên cứu của Louvre, Peter có vẻ ngạc nhiên.

- Tớ thề với cậu lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng, suốt cả đêm tớ đã ngủ quên với nỗi tự ái dưới làn gối êm. Sylvie Leroy đã chẳng hề đếm xỉa khi tớ gọi điện năn nỉ tới qua.

Nói rồi anh bỏ máy.

Chiếc máy bay đưa Clara và Jonathan quay trở lại Luân-đôn hạ cánh xuống đường băng của sân bay City lúc vừa chập tối.

## 8

Bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ* được bọc kín trong tấm chắn màu xám và đặt trong chiếc ta-xi đang chạy về phía trung tâm thành phố. Jonathan để Clara xuống Notting Hill, trên phố Westbourne Grove.

- Anh đi cùng tôi chứ, cô nói, chắc anh không có ý định ăn tối một mình ở khách sạn phải không?

Họ lên cầu thang và dừng lại trên bậc thềm, trước cánh cửa bị phá đang mở toang vào căn hộ của Clara. Jonathan yêu cầu cô đi xuống phố chờ cho tới khi anh kiểm tra chắc chắn căn hộ đã thực sự an toàn và quay lại tìm cô, song, đúng như anh nghĩ, Clara lao ngay vào trong. Phòng khách không hề bị xáo trộn, phòng ngủ cũng không suy suyển chút nào.

Một lát sau, họ ngồi trong bếp chờ cảnh sát khám xét khắp căn hộ. Các thanh tra không tìm thấy một dấu vân tay nào. Đồ đạc không mất thứ gì; người đội trưởng cho rằng bọn trộm đã bị đánh động trước khi ập vào trong.

Clara một mực phản đối, một số đồ vật đã không còn nằm đúng chỗ của chúng. Cô chỉ chiếc đèn để trên bàn ngủ đầu giường, nó đã bị di chuyển đi vài phân, một chiếc chụp đèn trong phòng khách bị xô nghiêng. Sau khi lấy xong lời khai, các nhân viên cảnh sát chào tạm biệt Clara và Jonathan.

- Nếu tôi ở lại đến sáng mai thì có lẽ cô sẽ cảm thấy yên tâm hơn chứ? Jonathan hỏi. Tôi sẽ ngủ trên ghế bành phòng khách.

- Không, tôi lấy vài thứ đồ cần thiết rồi sẽ về trang viên.

- Tôi không thể yên tâm để cô lái xe đi lúc này, trời đã tối mà lại còn mưa nữa.

- Tôi thuộc đường như lòng bàn tay rồi, anh cứ yên tâm.

Nhưng Jonathan cảm thấy không thể yên lòng chừng nào cô chưa về đến nơi an toàn. Và cứ nghĩ tới việc cô sẽ ở một mình trong tòa dinh thự, anh lại càng cảm thấy lo lắng, anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần chuyện đó. Clara nhìn anh trong lúc anh cầu nhàu và khuôn mặt cô chợt sáng lên.

- Anh lại chấp hai tay sau lưng, anh nhíu mày còn nhiều hơn cả bình thường và làm ra vẻ mặt của một đứa trẻ lên năm, tôi nghĩ là anh sẽ chẳng có sự lựa chọn nào khác cả, anh phải đi cùng tôi thôi!

Clara đi vào phòng ngủ, cô mở ngăn tủ quần áo và sững sốt, cô nhắc một chồng áo lên, rồi lại nhắc một chồng khác.

- Bọn trộm này đúng là bị loạn trí, cô kêu to gọi Jonathan đang đứng chờ ngoài cửa.

Anh thò đầu vào.

- Chúng đã lấy các kết quả xét nghiệm của tôi!
- Các xét nghiệm nào cơ? Jonathan hỏi.
- Kết quả xét nghiệm công thức máu mà tôi vừa làm tuần trước. Tôi chẳng hiểu chúng lấy cái đó để làm gì.
- Có thể đó là câu lạc bộ những người hâm mộ cô!
- Chắc là như vậy, đám này quả thật điên rồ!

Jonathan sửa lại khóa để cánh cửa có thể tạm đóng được rồi họ đi xuống phố, mang theo bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ*. Khi xuống đến vỉa hè, Jonathan dừng lại và nói với Clara.

- Tôi sợ rằng cả ba chúng ta sẽ không thể chui được vào chiếc Austin của cô!

Clara không trả lời mà đưa anh ra phía sau tòa nhà. Trong ngõ nhỏ được lát bằng gạch trơn, một dãy chuồng ngựa cũ đã được sửa thành những ngôi nhà xinh xắn có mặt tiền phủ đầy hoa. Clara kéo một cánh cửa nhà xe lên và nhấn nút chiếc hộp nhỏ lấy từ trong túi. Ánh sáng từ các ngọn đèn pha của một chiếc Land Rover nhấp nháy bùng cả nhà xe.

- Anh có cần tôi giúp để xếp nó vào trong cốp xe không? Cô hỏi và mở nắp thùng phía sau chiếc xe đi được trên mọi địa hình.

Jonathan đã không nhầm. Họ vừa rời khỏi đường cao tốc thì mưa bắt đầu rơi nặng hạt. Mặt đường lấp loáng lên dưới bánh xe và những cần gạt nước phải nhọc nhằn lắm để xua bớt nước trên lớp kính. Nhà trọ sau ngã ba gần như biến mất trong bóng đêm, những rãnh nước sâu xuất hiện ngày càng nhiều dọc con đường nhỏ xuyên qua rừng. Mặt đường mỗi lúc một trở nên khó đi, chiếc xe địa hình lắc lắt

bên này đến bên kia, trượt hẫng trong lớp bùn dày. Jonathan nín chặt dây nắm phía trên cửa xe, Clara nắm chắc tay lái, cố chống lại những đợt gió mạnh như muốn xô ngã chiếc xe. Những cơn lốc tuồn vào tận trong khoang lái. Cuối cùng thì những thân cây cổ thụ cũng hiện lên trước ánh đèn pha. Cánh cửa sắt của trang viên rộng mở.

- Tôi sẽ đậu xe trong sân, Clara nói thật to. Tôi sẽ mở cửa bếp trước và anh phải ôm bức tranh chạy thật nhanh vào bên trong.

- Dưa chìa khóa cho tôi, Jonathan trả lời.

- Không, Clara nhấn giọng, chìa khóa cửa rất khó mở nếu như không quen, anh đừng lo cho tôi.

Những viên sỏi nghiêng vào nhau, Clara cho chiếc Land Rover dừng bánh. Cô gần như đánh vật với cánh cửa mới có thể đẩy bật được nó ra phía ngoài. Vừa mở xong cửa ra vào, cô vội quay về phía Jonathan và ra hiệu cho anh lại chỗ cô.

Jonathan ra khỏi xe và đi nhanh về phía đuôi xe.

- Nhanh, nhanh, khẩn trương lên! Clara hét to từ phía cửa tòa lâu đài.

Máu trong người anh như ngừng chảy trong giây lát. Cúi người xuống thùng xe, anh nhìn bàn tay mình đang với lấy bức tranh bọc trong tấm chăn xám và khi Clara hét lên một lần nữa trong bóng đêm: "Nhanh, nhanh, khẩn trương lên", anh nhận ra giọng nói đã từng vang lên trong cơn mê. Anh đẩy bức tranh về phía hàng ghế sau, đóng thùng xe lại và bước chậm rãi trong luồng sáng phát ra từ ngọn đèn pha. Clara sững sờ nhìn anh, nước mưa tuôn xối

xả trên mặt cô. Nhìn ánh mắt anh, cô chợt hiểu và chạy vội về phía anh.

- Em có tin rằng người ta yêu nhau tới mức cái chết cũng không xóa được ký ức không? Em có tin rằng tình cảm sẽ tồn tại vĩnh cửu và mang lại sự sống cho con người không? Em có tin rằng thời gian có thể mãi mãi tái hợp những người yêu nhau mãnh liệt đến độ không bao giờ mất nhau? Em có tin điều đó không, Clara?

- Em tin rằng em yêu anh, cô trả lời và ngả đầu vào vai anh.

Jonathan ôm siết cô trong vòng tay, Clara thì thắm vào tai anh.

- Ngay cả giữa ánh sáng và bóng tối.

Họ hôn nhau, nụ hôn đích thực trong vịnh hằng của họ, như những xúc cảm từ khởi đầu. Cây dương già đu mình trong gió, các cánh cửa chớp của tòa lâu đài lần lượt mở tung, và xung quanh họ, mọi vật bắt đầu biến đổi. Từ một ô cửa sổ tầng xếp, bóng Vladimir mỉm cười.

Đột nhiên, những bìa sách bằng da trên bàn phòng đọc không còn nứt rạn nữa. Những tấm ván đánh sập của các bậc cầu thang sáng bóng lên trong ánh trắng rọi qua những khung cửa sổ phòng khách. Ở tầng trên, trong phòng của Clara, những tấm thảm đã trở lại màu sắc ban đầu của chúng. Chiếc váy của cô trượt xuống phía dưới chân, cô bước lại gần Jonathan và áp sát mình vào anh. Họ yêu đương tới tận khi trời sáng.

Ánh ngày lọt vào trong căn phòng. Clara cuộn mình trong tấm chăn Jonathan phủ lên đôi vai cô. Tay cô quờ xung quanh tìm kiếm. Cô vươn vai và mở to mắt. Chỗ Jonathan nằm trống trơn. Cô chột vùng dậy. Tòa trang viên đã lấy lại vẻ thường nhật của nó. Clara buông rơi tấm chăn, để lộ cả thân mình trong ánh sáng ban mai. Cô bước lại gần cửa sổ và nhìn xuống dưới sân. Khi Jonathan đưa tay vẫy, cô vội lao sang một bên giấu mình sau tấm rèm che.

Jonathan mỉm cười, quay người đi vào trong bếp. Clara đi xuống với anh, khoác trên người một chiếc áo choàng rộng. Anh có vẻ bận rộn bên bếp ga. Căn phòng thơm lừng mùi bánh mì nướng. Anh hớt lớp bột sữa nóng bằng một chiếc thìa nhỏ, rót vào cà phê và rắc bột sô-cô-la lên trên cùng. Anh đặt chiếc bát nóng hổi trước mặt Clara.

- Cappuccino không đường!

Vẫn còn ngái ngủ, Clara nhô cả mũi vào trong tách và uống một ngụm cà phê.

- Anh có nhìn thấy em bên cửa sổ không? Cô rụt rè hỏi.

- Hoàn toàn không thấy, Jonathan vừa trả lời vừa loay hoay với một lát bánh mì bị kẹt trong máy nướng bánh. Hơn nữa anh cũng sẽ chẳng cho phép mình nhìn, cho đến bây giờ vẫn không hề có chuyện gì xảy ra giữa hai ta.

- Chẳng buồn cười chút nào, cô lâu bầu.

Jonathan rất muốn đặt tay lên vai cô, anh lùi lại.

- Anh biết là chẳng buồn cười chút nào, nhưng dù sao thì chúng ta cũng phải hiểu điều gì đã xảy đến với mình.

- Anh có địa chỉ của bác sĩ chuyên khoa nào không?

Em không muốn thất vọng sớm, nhưng em sợ rằng nếu mô tả những triệu chứng vừa rồi, có lẽ vị bác sĩ trong làng này sẽ cho nhốt cả hai chúng ta vào nhà thương điên mất thôi!

Jonathan ném vội vào chậu rửa lát bánh mì cháy đen làm bỏng tay anh.

- Anh lại chấp hai tay sau lưng, và mặc dù không nhìn thấy mặt anh, song em dám chắc anh đang nheo mắt lại, anh đang nghĩ gì thế? Clara hỏi.

- Trong lần hội thảo, anh đã gặp một người đàn bà có lẽ sẽ giúp được chúng ta.

- Bà ấy như thế nào? Clara hỏi.

- Một nữ giáo sư đang giảng dạy tại trường Đại học Yale, có lẽ anh sẽ tìm được thông tin về bà ta. Sáng thứ sáu này anh sẽ gửi bản báo cáo tới các thành viên trong ban quản trị của Christie's, rồi đi ngay buổi tối.

- Anh sẽ về Mỹ phải không?

Jonathan quay đi và Clara để anh yên tĩnh một mình. Những việc anh cần thu xếp thuộc về thế giới riêng của anh. Để có được sự bắt đầu, trước hết phải biết nói chia tay.

Jonathan dành cả buổi sáng để ngồi với *Thiếu nữ áo đỏ*. Đến trưa, anh quay về Luân-đôn giam mình trong phòng khách sạn, để hoàn thành phần kết luận cho bản báo cáo của anh.

Clara đến chỗ anh khi trời bắt đầu tối. Đứng vào lúc anh chuẩn bị gửi thư điện tử cho Peter, cô trang trọng hỏi, anh đã suy nghĩ kỹ về quyết định của mình chưa. Xét

nghiệm các chất màu không cho phép thực hiện những so sánh đủ sức thuyết phục, tất cả các công việc tại phòng thí nghiệm Louvre cũng không cho những kết quả chính xác tuyệt đối. Song Jonathan, người dành trọn cả cuộc đời để nghiên cứu Vladimir Radskin, đã xác định được những kỹ thuật dùng để vẽ tranh, nét bút cũng như chất liệu vải của tác phẩm. Niềm tin chắc chắn cũng đủ để anh hoàn toàn chịu trách nhiệm và chấp nhận mọi rủi ro khi đứng ra bảo lãnh. Mặc dù không có được một bằng chứng cụ thể, song anh sẵn sàng mang uy tín cá nhân của một chuyên gia để đảm bảo đây là tác phẩm đích thực. Sáng thứ sáu, anh sẽ trao cho những đồng sự của Peter giấy chứng nhận xác thực bức tranh *Thiếu nữ do đỏ*, do chính tay anh ký. Anh nhìn Clara và nhấn một nút trên bàn phím. Chưa đầy năm giây sau, một chiếc phong bì nhỏ nhấp nháy trên màn hình của Peter cũng như của tất cả các thành viên Ban Giám đốc Hăng Christie's.

Tối hôm sau, Clara đưa Jonathan đến tận thêm phòng chờ số 4 của sân bay Heathrow. Anh không muốn cô phải đưa anh tới tận cửa an ninh. Họ chia tay nhau, lòng trĩu nặng.

Trong khi xe của Clara lăn bánh trên con đường quê nước Anh, chiếc máy bay vạch một làn trắng dài trên nền trời. Cũng đêm đó, các trục quay máy in bắt đầu cho ra những cột tin trên *New York Time*, *Boston Globe* và *Figaro*:

## BỨC TRANH CUỐI CÙNG CỦA MỘT DANH HỌA NGÀ VỪA ĐƯỢC XÁC NHẬN.

*Bị thất lạc trong gần một trăm bốn mươi năm, bức tranh lớn của danh họa Vladimir Radskin lại xuất hiện. Được xác thực bởi chuyên gia thẩm định nổi tiếng Jonathan Gardner, bức tranh này sẽ là một điểm nhấn trong buổi đấu giá danh tiếng được tổ chức bởi Nhà đấu giá Christie's tại Boston vào ngày 21 tháng sáu tới, do chuyên gia đấu giá Peter Gwel điều hành.*

Bài viết về sự kiện này của một nhà phê bình nghệ thuật cho tờ *Corriere della Sera* đã được in lại toàn bộ trên trang nhất của ba tờ tạp chí nghệ thuật quốc tế. Ban biên tập của sáu mạng truyền hình châu Âu và Mỹ đã quyết định cử các nhóm phóng viên tới tận nơi.

\*

\*

\*

Jonathan về đến Boston lúc chập tối. Khi anh bật di động lên, hộp thư thoại đã đầy đến mức không thể nhận được thêm lời nhắn nào nữa. Chiếc ta-xi đưa anh về khu cảng cũ. Anh vào ngồi ở một quán cà phê ngoài trời, nơi đã từng chung biết bao kỷ niệm với Peter. Jonathan gọi cho bạn.

- Cậu có chắc chắn về việc mình làm không, đó không phải một giây phút bốc đồng chứ?

Jonathan áp sát điện thoại vào tai.

- Peter, giá mà cậu biết được điều gì đang đến với tớ.

- Cậu đòi hỏi tớ hơi nhiều rồi đấy! Tớ có thể hiểu được tình cảm của cậu, nhưng câu chuyện kỳ quặc cậu vừa kể thì tớ chịu! Thậm chí tớ còn không muốn nghe và tốt nhất cậu đừng nên kể cho bất cứ ai khác nữa, nhất là Anna. Chắc cậu không muốn câu chuyện này được đồn đại khắp thành phố để mọi người cho là cậu điên và tốt nhất là nhốt cậu vào trại, bất kể chỉ còn ba tuần nữa sẽ tới buổi đấu giá.

- Tớ chẳng quan tâm tới cái buổi đấu giá ấy, Peter ạ.

- Tớ cũng đoán thế, bệnh của cậu nặng rồi đấy! Tớ muốn cậu phải đi chụp phim ngay, không chừng có một dây thần kinh nào đó của cậu bị đứt rồi. Cái đám dây thần kinh nhiều khi cũng dễ đứt lăm đấy!

- Peter, cậu có thôi đùa cợt đi không hả! Jonathan nổi cáu.

Hai người chìm vào im lặng trong giây lát, rồi Peter xin lỗi.

- Tớ không đùa nữa.

- Tớ đang rất bối rối, chỉ còn hai tuần nữa là đến đám cưới. Tớ thậm chí còn không biết nên nói thế nào với Anna.

- Nhưng cậu vẫn phải nói! Chẳng bao giờ quá muộn cả, đừng nên cưới xin trái với lòng mình chỉ vì thiếp mời đã được gửi đi! Nếu đúng là cậu yêu cái cô người Anh như cậu nói, thì hãy nắm lấy số phận trong tay và hành động đi! Cậu có cảm giác mọi chuyện bế tắc, nhưng giá cậu biết được tớ ghen tị với cậu đến mức nào. Giá cậu biết tớ cũng mong muốn có được một tình yêu như của cậu biết chừng nào. Đừng nên bỏ phí món tặng vật quý giá ấy. Tớ sẽ rút ngắn chuyến đi của mình và rời New York ngay ngày mai

để về Boston với cậu. Trưa mai chúng ta sẽ gặp nhau tại quán cà phê.

Jonathan lang thang dọc bến cảng. Anh nhớ Clara đến quận lòng và trong vài phút nữa anh sẽ về nhà để nói toàn bộ sự thật với Anna.

Khi anh về, đèn trong nhà đã tắt hết. Anh gọi Anna nhưng không có ai trả lời. Anh leo lên tận xưởng vẽ của cô. Tối nơi, anh nhìn thấy một tập ảnh nằm bừa ra trên bàn làm việc của Anna. Trong một bức ảnh, Clara và anh đứng đang nhìn nhau trên vỉa hè sân bay. Jonathan ôm đầu và ngồi phịch xuống chiếc ghế bành của Anna.

## 9

Mãi gần sáng cô mới về nhà. Jonathan đã ngủ thiếp đi trên ghế sa-lông trong phòng khách tầng trệt. Cô đi thẳng vào trong bếp mà không nói với anh nửa lời. Cô rót nước vào máy pha cà phê, đổ cà phê vào phin và nhấn nút. Đặt hai tách cà phê lên bàn, cô lấy từ trong tủ lạnh ra một gói bánh mì đã cắt lát và hai chiếc đĩa từ trong tủ để bát phía trên bồn rửa, và vẫn không thốt lên lời nào. Con dao được cô đặt lên chiếc hộp đựng bơ bằng thủy tinh, chỉ có tiếng bước chân cô khua nhẹ trên nền nhà lát gạch. Sau khi lại mở tủ lạnh, cô nói câu đầu tiên với Jonathan:

- Anh vẫn dùng mút dầu trong bữa sáng chứ?

Jonathan muốn đến gần cô nhưng cô chìa con dao cắt bơ ra đe dọa anh. Ánh mắt của Jonathan đổ dồn vào lưỡi dao đầu tròn rộng hai phân, cho tới lúc cô vung con dao trước mặt anh.

- Dừng lại, Anna, chúng ta cần nói chuyện với nhau.

- Không! Cô hét lên, chẳng có gì để nói cả!

- Anna, chẳng lẽ em muốn chúng ta sẽ nhận ra sai lầm của mình trong sáu tháng hay một năm nữa sao?

- Im đi, Jonathan, anh im đi!

- Anna, chúng ta đã diễn trò lễ cưới này từ nhiều tháng nay, anh đã hết sức để nín kéo, chỉ vì anh muốn chúng ta yêu nhau, anh thật sự muốn điều đó. Song chúng ta không thể lừa dối tình cảm được.

- Nhưng anh lại có quyền lừa dối người đàn bà mà anh sẽ cưới phải không? Có phải vậy không?

- Anh về đây để nói sự thật với em.

- Từ khi nào anh đã có đủ dũng cảm để thú nhận với tôi sự thật, Jonathan?

- Hôm qua, khi anh nhận thấy cần phải như thế. Anh đã gọi điện từ Luân-đôn về cho em mỗi buổi tối, Anna ạ.

Anna nóng nảy quơ lấy túi, mở phất ra và lôi một chiếc phong bì có những tấm ảnh khác ném từng chiếc một vào mặt Jonathan.

- Đây là anh đang ngồi tại một quán cà phê ngoài trời ở Florence, đây là trong một chiếc ta-xi ở quảng trường Concorde, còn đây, tại một tòa lâu đài đáng nguyên rủa ở Anh, và đây nữa, trong một nhà hàng ở Luân-đôn... anh đã làm tất cả những trò này chỉ trong có một ngày thôi sao? Không phải tất cả những sự dối trá này đều đã xảy ra trước ngày hôm qua sao?

Jonathan nhìn bức ảnh có hình Clara rơi dưới chân anh. Trái tim anh thất lại thêm một chút.

- Em cho người theo dõi anh từ khi nào?

- Từ khi anh gửi cho tôi một bức điện trong đó anh

gọi tôi là Clara! Tôi đoán là tên người đàn bà ấy, có đúng không?

Jonathan không trả lời, và Anna lại hét to hơn.

- Có đúng tên cô ta là Clara không? Nói đi, tôi muốn nghe anh nói tên người đàn bà đã làm hỏng cuộc sống của tôi! Anh có đủ can đảm để làm điều đó không, Jonathan?

- Anna, Clara không phải là người đã phá vỡ tình cảm của chúng ta, chính hai ta đã gây ra điều đó, chẳng cần sự tiếp tay của ai cả. Mỗi người đã dần xa nhau để theo đuổi cuộc sống riêng, song lại muốn kết hợp hai con đường ấy với nhau. Đã từ lâu chúng ta chẳng còn chạm tới nhau nữa.

- Chúng ta chỉ quá mệt mỏi vì chuẩn bị cho đám cưới, Jonathan, chúng ta có phải là những con vật dẫu!

- Anna, em đã không còn yêu anh nữa.

- Còn anh, chắc anh yêu tôi điên cuồng chứ?

- Anh sẽ để lại căn nhà cho em, anh là người phải ra đi...

Cô ném cho anh cái nhìn nảy lửa.

- Anh sẽ chẳng để gì cho tôi cả, vì anh sẽ không rời khỏi bốn bức tường này, anh không thể bước ra khỏi cuộc đời của tôi như vậy được, Jonathan. Đám cưới sẽ được tiến hành. Ngày thứ bảy 19 tháng sáu, dù anh có muốn hay không, thì tôi cũng vẫn trở thành vợ chính thức của anh cho tới khi nào cái chết chia lìa hai chúng ta.

- Em không thể buộc anh kết hôn với em được, Anna. Dù em có muốn hay không cũng vậy!

- Có thể đấy, Jonathan ạ, anh hãy tin tôi đi, tôi có thể

làm được điều đó!

Ánh mắt cô đột nhiên biến đổi, Anna trở nên bình tĩnh hơn. Hai bàn tay cho đến giờ vẫn bầu chặt trên ngực dần dần buông xuống và mọi nét nhăn nhó bực tức trên mặt cô từ từ dần ra. Cô mở một tờ báo đặt trên bàn. Ảnh của Jonathan được in trên trang bìa bên cạnh ảnh Peter.

- Mọi chuyện cứ như trong bộ phim truyền hình *Bạn tốt của nhau* vậy! Phải không, Jonathan? Tôi có một câu hỏi cho anh đây. Nếu giới báo chí biết được rằng, nhà chuyên gia đã xác thực cho bức tranh có thể sẽ phá vỡ mọi kỷ lục đấu giá trong mười năm trở lại đây chẳng phải ai khác mà chính là nhân tình của người đàn bà đã rao bán bức tranh, thì ai trong số hai người, Clara hay anh, sẽ vào tù trước vì tội lừa đảo? Theo anh thì sao, Jonathan?

Anh sững người nhìn Anna. Mặt đất dưới chân anh như nứt lăm đôi.

Cô nhặt tờ báo lên và bắt đầu đọc bài báo bằng giọng châm biếm.

- *Được giới thiệu bởi một phòng tranh danh tiếng, bức tranh với quá khứ đầy bí ẩn đã được xác thực bởi chuyên gia Jonathan Gardner. Bức tranh sẽ được Nhà Christie's đưa ra đấu giá dưới sự điều hành của Peter Gwel...* Tên của bạn anh sẽ bị giới chuyên môn tẩy chay, anh ta sẽ bị kết án treo hai năm vì tội đồng lõa. Chính anh sẽ đánh mất danh tiếng của mình, song nhờ có tôi, anh sẽ chỉ bị kết án năm năm. Các luật sư của tôi sẽ có nhiệm vụ thuyết phục quan tòa, rằng người tình của anh mới là chủ mưu trong vụ lừa đảo.

Jonathan không muốn nghe thêm nữa, anh quay bước và đi về phía cửa.

- Khoan đã, đừng đi vội, Anna cười khẩy, hãy nghe tôi đọc thêm một vài dòng nữa, tất cả các bài báo này đều tôn vinh anh, anh có thể tự đánh giá... *Nhờ sự xác nhận của Jonathan Gardner, bức tranh được ước giá khoảng hai triệu đô la có thể sẽ được mua với giá gấp hai hoặc ba lần...*

Anna đuổi kịp anh tại sảnh và níu tay áo vết anh lại, buộc anh phải nhìn thẳng vào cô.

- Với một vụ lừa đảo công khai trị giá sáu triệu đô la, cô ta sẽ dễ dàng được tặng mười năm sau chấn song sắt và tin buồn cho hai người là trong nhà tù, nam nữ không được giam chung!

Jonathan cảm thấy con buồn nôn trào lên. Anh bước vội ra phố và cúi gập người xuống rãnh nước. Bàn tay của Anna vẫn đặt trên lưng anh.

- Cứ nôn đi, anh yêu, hãy nôn hết ruột gan ra. Khi anh đã lấy lại sức lực để có thể gọi điện và nói với cô ta rằng, anh sẽ không bao giờ còn gặp lại cô ta nữa, rằng tất cả chỉ là một chuyện qua đường nực cười và anh không hề yêu cô ta, tôi muốn có mặt tại đó để nghe!

Anna quay gót trở vào trong nhà. Một cụ ông dắt chó đi dạo ngang qua chỗ Jonathan. Ông giúp anh ngồi bệt xuống đất, tựa lưng vào bánh một chiếc xe đậu ngay bên lề đường.

Con chó của ông cụ có vẻ không mấy thích thú với vẻ mặt người đàn ông đang ngồi bệt xuống đường ngang tầm với nó, đưa mõm hất bàn tay anh và cúi kính tìm cách

tớp nhẹ. Ông cụ khuyên Jonathan úp mặt vào hai tay và hít thở thật sâu.

- Chỉ là một cơn co thắt dạ dày nhẹ thôi mà, cụ Skardin nói bằng giọng trấn an.

- Và như cụ bà nói khi cụ trở về nhà sau buổi đi dạo, một bác sĩ, cho dù có nghỉ hưu, thì cũng vẫn là một bác sĩ.

\*

\*       \*

Peter chờ anh đã được nửa tiếng tại quán cà phê ngoài trời nơi họ thường hẹn nhau. Trông thấy Jonathan bước tới, vẻ cáu bẳn của anh biến mất ngay lập tức và anh đứng lên giúp bạn ngồi vào ghế.

- Chuyện gì xảy ra thế? Anh hỏi giọng đầy lo lắng.

- Chuyện gì đang xảy ra với tất cả chúng ta? Jonathan nhắc lại về tuyệt vọng.

Và trong suốt một tiếng đồng hồ, anh kể lại cho Peter nghe những gì đã khiến cuộc đời anh rẽ sang bước ngoặt chỉ trong vài ngày.

- Tôi biết cậu cần phải nói gì với Anna, cậu hãy bảo cô ta biến đi cho khuất mắt!

Peter cúi đến nỗi những người ngồi bàn bên cạnh phải ngừng chuyện để ngó sang chỗ hai người.

- Bữa của các người không ngon hả? Peter nóng nảy hỏi.

Bọn họ vội đưa mắt đi chỗ khác.

- Cậu không cần phải thô lỗ và gây gổ với họ, điều đó

sẽ chẳng giải quyết được gì, Peter ạ.

- Cậu không được hủy hoại cuộc đời mình như thế, cho dù bức tranh đó có đáng giá mười triệu đô la thì cũng vậy thôi.

- Nhưng đây không phải là chuyện cuộc đời tớ, mà là cậu và Clara.

- Thế nên cậu mới co vùi, cậu nói rằng cậu nghi ngờ về sự xác thực của bức tranh và chúng ta sẽ dừng tất cả lại.

Jonathan ném lên bàn một tờ *Wall Street Journal*, rồi một tờ *New York Times*, một tờ *Boston Globe* và một tờ *Washington Post*. Tất cả các báo đều đã đăng tin.

- Đó là chưa kể các tuần báo sẽ ra chiều nay cũng như các tờ nguyệt san. Đã quá muộn để có thể lùi bước, tớ đã ký và đã gửi bản chứng thực tới các cộng sự của cậu ở Luân-đôn. Khi Anna công bố các tấm ảnh mà cô ấy có trong tay với báo giới, chắc chắn sẽ nổ ra một vụ tai tiếng. Nhà Christie's sẽ đâm đơn kiện, các luật sư của Anna sẽ hỗ trợ cho họ, và nếu như chúng ta có tránh khỏi bị kết án tù, mặc dù tớ cũng chẳng hy vọng lắm vào điều đó, thì cả tớ lẫn cậu đều sẽ bị xóa sổ khỏi lĩnh vực này. Còn Clara, cô ấy sẽ bị phá sản. Sẽ chẳng còn ai bước chân vào các phòng tranh của cô ấy nữa.

- Nhưng chúng ta vô tội, trời ạ!

- Đúng vậy, song chỉ có ba chúng ta biết điều đó thôi.

- Tớ cứ nghĩ cậu là người lạc quan hơn thế cơ, Peter vừa nói vừa xoắn hai bàn tay vào nhau.

- Tối nay tớ sẽ gọi lại cho Clara, Jonathan thở dài.

- Cậu sẽ nói cậu không còn yêu cô ấy nữa hả?

- Phải, chính vì yêu cô ấy mà tớ sẽ phải nói tớ không còn yêu nữa. Tớ thà mang lại hạnh phúc cho Clara còn hơn lỗi cô ấy theo tớ trong nỗi bất hạnh. Đó cũng là yêu, phải không?

Peter sửng sốt nhìn Jonathan.

- Thật sao! Anh đứng chống nạnh nói. Cậu vừa mới để ra một giai thoại tình yêu để khiến cho bà tớ cũng phải bật khóc, và thậm chí kể cả tớ cũng sẽ rơi lệ nếu cậu cứ tiếp tục như vậy. Cậu đã ăn quá nhiều bánh pút-đinh trong lúc ở Luân-đôn phải không?

- Sao cậu ngốc thế, Peter! Jonathan nói.

- Có thể là tớ ngốc thật nhưng ít ra thì cậu đã cười được, thôi đừng mất công giả vờ nữa, tớ nhìn thấy cậu cười rồi! Cậu thấy không, ngay cả khi cùng quần nhất, tớ và cậu vẫn có thể đùa tếu được, và nếu như cái cô gái sắp trở thành vợ cũ của cậu tưởng có thể khiến chúng ta không còn đùa được, thì lại càng phải chứng tỏ cho cô ta thấy khả năng dồi dào của hai đứa mình.

- Cậu có ý tưởng gì đó chẳng?

- Bây giờ thì hoàn toàn không, nhưng hãy tin tớ, tớ sẽ nghĩ ra cách nào đó!

Peter và Jonathan đứng lên, khoác vai nhau cuốc bộ trên lối đi lát đá dọc khu chợ cũ. Peter chia tay bạn vào giữa buổi chiều. Trên đường lái xe về nhà, Peter nhắc điện thoại khỏi bảng điều khiển xe và bắt đầu bấm số.

- Jenkins phải không? Peter Gwel, người ông yêu quý nhất trong khu nhà đây, tôi rất cần sự giúp đỡ của ông, Jenkins đáng mến ạ. Ông có thể lên căn hộ của tôi, và gom

giúp tôi một vài thứ đồ đạc giống như ông chuẩn bị hành lý cho chính mình được không? Ông có chìa khóa và tôi đoán chắc ông cũng biết tôi cất áo sơ-mi ở chỗ nào, đúng không? Hãy tha lỗi nếu như tôi có vẻ lạm dụng tình thân giữa hai chúng ta, vì trong thời gian tôi đi vắng, tôi muốn nhờ ông tìm giúp một vài thông tin trong thành phố, tôi không biết tại sao, song lý trí mách bảo tôi rằng trong con người ông có ẩn chứa chút tài năng thám tử. Khoảng một tiếng nữa tôi sẽ về tới nơi!

Peter vừa kịp gác máy khi xe của anh bắt đầu chui vào đường hầm.

Anh rời khỏi khu nhà Stapledon lúc chập tối và gửi một lời nhắn khá dài vào điện thoại di động của Jonathan.

- Peter đây, cậu biết không, lẽ ra tớ phải căm ghét cậu, chỉ vì một nụ hôn mà đã cùng lúc vừa làm ảnh hưởng tới buổi đấu giá của tớ, vừa phá hoại sự nghiệp của cả hai chúng ta, chưa kể tới đám cưới của cậu mà lẽ ra tớ sẽ là người làm chứng, song điều nghịch lý là tớ lại không hề muốn như vậy. Tớ và cậu đều đang trong ngõ cụt nhưng lâu lắm rồi tớ không cảm thấy phấn khích như bây giờ. Tớ không ngừng tự hỏi vì sao, nhưng có lẽ bây giờ thì tớ hiểu ra rồi.

Vừa tiếp tục nhắn vào hộp thư thoại của Jonathan, Peter vừa lục túi áo vét. Mẫu giấy mà anh đã lấy trộm của bạn vẫn nằm sâu dưới đáy túi.

- Lúc ở Luân-đôn, nhìn thấy cậu và cô ấy ngồi trong quán cà phê, tớ đã hiểu chẳng phải bức tranh khiến cậu hạnh phúc đến vậy. Những cái nhìn kiểu như cậu và cô ấy

dành cho nhau thật lạ thường nên chẳng cần khó khăn lắm cũng có thể đoán ra ngụ ý của chúng. Vì thế mà anh bạn thân mến ạ, tối nay khi gọi điện cho Clara, cậu muốn nói gì cũng được, miễn sao cô ấy hiểu được rằng, ngay cả trong những hoàn cảnh tuyệt vọng nhất cũng vẫn có thể tìm thấy niềm hy vọng. Và nếu như cậu không biết nói với cô ấy như thế nào, thì chỉ cần cậu lấy tờ ra làm dấu chúng. Cậu sẽ không thể liên lạc được với tớ từ giờ cho đến sáng mai, nhưng rồi tớ sẽ gọi điện và giải thích hết cho cậu. Tớ vẫn chưa biết phải làm thế nào, song chắc chắn tớ sẽ tìm được cách giải cứu cho chúng ta.

Anh gác máy, bị cắn rứt bởi cảm giác ngờ vực, song rất hài lòng.

\*

\*            \*

Jonathan bước vào xưởng vẽ của Anna. Cô đang đứng vẽ trước giá.

- Anh đầu hàng trước sự đe dọa của em, em thắng rồi, Anna ạ!

Anh quay gót bước đi về cả quyết. Ra tới cửa, anh nói thêm mà không quay người lại.

- Anh sẽ gọi điện cho Clara một mình, em có thể lấy cuộc đời của anh, song em đừng hy vọng có cơ hội xâm phạm phẩm cách của cô ấy!

Rồi anh bước xuống cầu thang.

\*

\*

\*

Clara chậm rãi buông máy. Đứng một mình bên cửa sổ trang viên, cô không nhìn thấy cây dương già đua với gió. Những giọt nước mắt lăn tròn từ đôi mắt nhắm nghiền của cô. Màn đêm buông xuống cùng những tiếng khóc bật ra nức nở. Trong căn phòng làm việc nhỏ, thiếu nữ áo đỏ dường như hơi cúi người, dường như nỗi buồn đang lan tỏa khắp tòa nhà đã thấm vào tận trong lớp toan và đè nặng lên cả đôi vai cô. Đêm đó Dorothy ở lại trong tòa nhà. Việc cô chủ đã không thể kiềm chế trước mặt bà chứng tỏ nỗi đau này quá lớn để cô có thể một mình chịu đựng. Có những lúc sự có mặt của người khác đủ để khiến mọi thứ trở nên êm dịu hơn, cho dù người đó không hé một lời.

Khi trời vừa sáng, Dorothy bước vào phòng làm việc. Bà thổi bùng lửa trong lò sưởi và mang trà tới cho Clara. Bà lại gần cô, đặt chiếc rách lên bàn, quỳ xuống và ôm cô trong vòng tay.

- Rồi em sẽ thấy, để mọi thứ trong cuộc sống có thể đến được với em, không bao giờ được mất lòng tin, bà luôn miệng thì thầm với cô, và Clara gục đầu vào vai bà khóc cho tới khi trời sáng hẳn.

Khi ánh mặt trời buổi trưa chiếu lên người, Clara choàng mở mắt rồi nhắm ngay lại. Có phải ánh sáng hay

tiếng còi xe giục già ngoài sân đã kéo cô ra khỏi giấc ngủ? Cô tung chăn ra và vùng dậy khỏi chiếc ghế dài. Dorothy bước vào phòng, và theo cung cách y hệt như thời xa xưa, bà đồng dặc báo tin:

- Cô chủ có một người khách từ châu Mỹ tới!

Peter đứng giậm chân trong bếp, nơi bà Blaxton lúc trước đã yêu cầu anh vui lòng chờ để bà đi hỏi xem cô chủ có sẵn lòng tiếp đón anh hay không. Theo yêu cầu nghiêm khắc của Dorothy, Clara chạy lên phòng nhanh chóng rửa mặt. Ở xứ sở của Nữ hoàng nước Anh, một người phụ nữ không được xuất hiện với vẻ mặt đau khổ trước khách lạ, cho dù đã từng chạm mặt nhau ngoài phố, Dorothy vừa theo chân cô lên gác vừa nhắc lại.

\*  
\*        \*

- Tức là anh ấy yêu tôi? Clara hỏi trong lúc ngồi đối diện với Peter bên chiếc bàn trong bếp.

- Trời ơi, hai người thật khéo xứng đôi vừa lứa! Tôi đã phải qua một đêm dài trong máy bay, phải chạy suốt hai tiếng đồng hồ liền trong một chiếc xe tay lái nghịch, tôi vừa giải bày mọi chuyện với cô, vậy mà cô lại hỏi tôi, cậu ấy có yêu cô không ư? Xin thưa là có, cậu ấy yêu cô, cô cũng như tôi, chúng ta đều yêu cậu ấy, cậu ấy cũng yêu tôi, tất cả chúng ta đều yêu nhau song tất cả chúng ta đều đang kẹt cứng trong ngõ cụt!

- Ông sẽ dùng bữa trưa ở đây chứ? Bà quản gia hỏi

khi bước vào bếp.

- Bà chưa có gia đình phải không, Dorothy?

- Ông không cần phải bận tâm tới gia cảnh của tôi, chúng ta không ở Mỹ, bà Blaxton đáp.

- Như thế có nghĩa là bà chưa có gia đình! Tôi muốn giới thiệu với bà một người rất tuyệt vời! Một người Mỹ gốc Chicago hiện đang sống ở Boston và vô cùng yêu mến đất nước Anh.

\*

\*            \*

Jonathan ở lại một mình trong căn nhà. Anna đã đi khỏi nhà từ sáng sớm, phải đến chiều muộn cô mới về. Anh lên xuống vẽ để xem thư điện tử, và bật máy tính lên. Các thư mục của Anna đều có mật khẩu bảo vệ, nhưng anh vẫn có thể vào mạng Internet. Peter vẫn chưa viết gì cho anh và anh hoàn toàn không muốn trả lời những thư đề nghị phỏng vấn được ồ ạt gửi tới hộp thư điện tử của anh. Jonathan quyết định quay xuống phòng khách. Trong lúc tắt màn hình, con mắt nhà nghệ của anh đã bị cuốn hút bởi một chi tiết nhỏ trên một bức tranh của Anna treo trên tường. Jonathan khom người quan sát kỹ bức tranh. Quá ngạc nhiên, anh quan sát một bức khác. Rồi anh bèn chồn mở chiếc tủ to và lần lượt lấy ra từng bức tranh của Anna được xếp vào đó từ bấy lâu. Trên nhiều bức tranh, Jonathan đều tìm thấy một điểm giống nhau khiến anh cảm thấy máu trong người đông cứng lại. Anh vội vã đi về phía bàn làm

việc, mở ngăn kéo và lấy ra chiếc kính lúp. Từng bức tranh được anh soi kỹ một lại lần nữa. Nằm ở xa xa trong nền cảnh nông thôn, những khu trang viên mà Anna vẽ trông không khác chút nào so với tòa dinh thự của Clara. Bức tranh mới nhất được vẽ từ mười năm về trước, *và lúc đó Jonathan còn chưa hề quen biết Anna*. Anh vội vã xuống cầu thang, chạy trên vỉa hè và nhảy vội vào trong xe rồi lái về hướng ngoại ô. Nếu như đường không quá đông xe, thì chỉ trong vòng hai tiếng anh sẽ tới cổng trường Đại học Yale.

Danh tiếng của Jonathan đã cho phép anh được gặp ngài hiệu trưởng. Ông đứng đón anh trước một dãy hành lang rộng mênh mông có tường bọc gỗ, trên đó treo những bức chân dung của các nhà văn hoặc nhà khoa học có nét mặt buồn buồn. Giáo sư William Backer mời anh vào phòng làm việc của ông. Ông tỏ vẻ ngạc nhiên trước lời đề nghị của anh, ông đã nghĩ anh tới để trao đổi về hội họa, vậy mà giờ đây anh lại hỏi ông những vấn đề khoa học, mà lại chẳng phải thuộc về một môn khoa học chính thống. Backer rất lấy làm tiếc, song không một giáo sư nào trong trường giống với sự mô tả của Jonathan, kể cả các giáo sư nữ hoặc nam, cả những người làm việc chính thức lẫn nhân viên hợp đồng, và cũng chẳng có ai dạy môn học mà Jonathan đang đề cập. Bộ phận nghiên cứu mà Jonathan nhắc tới đúng là trước kia đã từng nằm trong trường, song đã từ lâu nó không còn tồn tại nữa. Nếu Jonathan muốn, anh vẫn có thể đi thăm các nơi trong trường. Tòa nhà 625 trước kia là nơi giảng dạy những môn khoa học tiên báo nhưng đã để trống kể từ khi bộ phận

nghiên cứu bị đóng cửa.

- Ông làm việc ở đây lâu chưa? Jonathan hỏi người đàn ông thuộc bộ phận duy tu được giao dẫn anh đi tham quan trường.

- Từ lúc tôi mới mười sáu tuổi, mà lẽ ra tôi đã nghỉ hưu cách đây năm năm, vì thế tôi nghĩ là cũng khá lâu rồi đấy, ông O'Malley trả lời.

Ông đưa tay chỉ một tòa nhà lớn bằng gạch đỏ và dùng chiếc xe điện trước bậc thềm.

- Đến rồi đây, ông nói và đưa tay ra hiệu cho Jonathan đi theo.

O'Malley tìm chìa khóa trong một chùm lớn để có đến cả trăm chiếc. Sau một thoáng ngập ngừng, ông tra chiếc chìa khá dài vào ổ khóa đã rỉ sét.

Cánh cửa lớn mở ra gian sảnh của tòa nhà 625 rít lên trên bản lề.

- Chẳng có ai đến đây từ bốn mươi năm nay, nhìn cái mớ lộn xộn trong này mà xem! O'Malley nói.

Trong mắt Jonathan, ngoài lớp bụi dày phủ trên sàn và đồ đạc, nơi này được gìn giữ khá tốt. O'Malley dẫn anh đi thăm phòng thí nghiệm. Gian phòng rộng có tới mười chiếc bệ được lát gạch men trắng, trên đó vẫn còn để đầy ống nghiệm và những dụng cụ chung cất.

- Có vẻ như họ nghiên cứu về những vấn đề toán học thực nghiệm, song tôi đã nói với các thanh tra, đúng hơn là họ tìm cách phát minh ra những công thức hóa học tại nơi này.

- Các thanh tra nào? Jonathan hỏi.

- Ông không biết sao? Tôi cứ nghĩ ông đến đây vì chuyện đó. Cả vùng này ai cũng biết chuyện đã xảy ra.

Vừa đi theo dãy hành lang dẫn tới khu dành cho các giáo sư, O'Malley vừa kể cho Jonathan nghe chuyện gì đã khiến người ta phải vội vã đóng cửa bộ phận nghiên cứu các môn khoa học tiên báo, theo như tên gọi trước kia của nơi này. Có rất ít sinh viên được nhận vào học tại khoa. Đa số những người đăng ký học đều không qua được kỳ thi sát hạch đầu vào.

- Không những sinh viên phải có học lực giỏi trong tất cả các môn khoa học, mà còn phải là một thần đồng về triết học. Hơn nữa, trước khi được nhận, sinh viên còn phải trải qua một buổi phỏng vấn với bà giám đốc bộ phận ban nghiên cứu trong trạng thái thôi miên. Chính bà ta là người đã loại bỏ hầu hết các sinh viên. Chẳng ai làm bà ta hài lòng. Bà ấy quả là một con người kỳ lạ. Bà ấy đã làm việc mười năm trong bốn bức tường ở đây, song trong suốt cuộc điều tra, không ai nhớ đã từng gặp bà ấy trong trường này. Tất nhiên là trừ tôi ra, mà tôi, thì ở đây ai tôi cũng biết cả.

- Ông vẫn chưa nói cho tôi biết người ta đã đến điều tra về việc gì?

- Cách đây bốn mươi năm, có một sinh viên đã mất tích.

- Mất tích ở đâu? Jonathan hỏi.

- À, đó mới chính là vấn đề, thưa ông. Nếu như ông biết chìa khóa của ông bị mất ở đâu, thì đã chẳng thể bảo là bị mất! Đúng không?

- Thế cảnh sát kết luận thế nào?

- Rằng cậu ta đã bỏ trốn, nhưng tôi chẳng hề tin.

- Vì sao?

- Vì tôi biết cậu ta đã biến mất trong phòng thí nghiệm.

- Có thể anh ta đã lọt khỏi tầm nhìn của ông, dù sao thì mất ông cũng không thể bao quát khắp nơi được.

- Hồi đó, O'Malley nói tiếp, tôi làm việc trong đội bảo vệ. Thời ấy, "an toàn" vẫn là một từ vĩ đại. Công việc của chúng tôi chủ yếu là ngăn không cho các cậu sinh viên ban đêm trốn ra lảng vảng bên khu nội trú dành cho các nữ sinh... và ngược lại.

- Thế còn ban ngày?

- Giống như tất cả những người trực đêm khác; chúng tôi ngủ ban ngày; đúng hơn là hai đồng nghiệp của tôi ngủ, còn tôi thì không. Tôi không bao giờ ngủ quá tám tiếng, hình như đó là di truyền, chính vì lý do đó mà tôi bị vợ bỏ. Vì thế nên buổi chiều hôm ấy tôi ra tía cỏ. Còn cậu sinh viên Jonas, tôi đã nhìn thấy cậu ta đi vào trong tòa nhà và cậu ấy đã không bao giờ trở ra nữa.

- Thế cảnh sát không tin lời ông à?

- Họ đã dò khắp các bức tường, đã cào khắp các vườn hoa, họ đã hỏi cung mục già, ông còn muốn họ làm gì hơn được nữa? Và lại hồi đó tôi cũng có uống chút rượu, mà ông biết đấy, một nhân chứng mặt đỏ gay thì thường không được tin cậy nhiều lắm.

- Thế mục già mà ông nói đến là ai vậy?

- Chính là bà giám đốc, mời ông theo tôi.

O'Malley lại tìm một chiếc khác trong chùm chìa khóa, ông mở cửa một phòng làm việc và bước vào trước Jonathan. Các mặt kính của hai khung cửa sổ bé bắn đến nổi ánh sáng chỉ lơ mờ lọt được vào trong phòng. Một chiếc bàn học bằng gỗ nhỏ phủ dày một lớp màu xám đã được đẩy sát vào tường. Chiếc ghế đồ bị bỏ quên trong góc phòng, bên cạnh cây mắc áo xiêu vẹo. Ở góc đối diện, một chiếc rương lớn có ngăn kéo trông cũng không có vẻ gì khác hơn.

- Tôi cũng chẳng hiểu vì sao người ta lại gọi chỗ này là phòng giáo viên, bà ta là người duy nhất từng giảng ở đây, O'Malley nói.

Ông ta tiến lại gần dãy giá sách đứng che kín một bức tường và lục tìm trong chồng báo cũ đã ngả màu vàng.

- Đây này, chính mục già ấy đây! Ông bảo vệ nói thêm và chỉ cho Jonathan xem bức ảnh trên trang nhất một tờ báo.

Người đàn bà đứng giữa bốn sinh viên trẻ trông chưa quá ba mươi tuổi.

- Vì sao ông lại gọi bà ta là mục già? Jonathan vừa hỏi vừa nhìn bức ảnh.

- Vì hồi ấy tôi mới tròn hai mươi tuổi, O'Malley vừa lâu lâu vừa lấy chân đi đi lớp bụi.

Jonathan bước lại gần cửa sổ để nhìn cho rõ tấm ảnh ố vàng. Khuôn mặt của người phụ nữ không gợi lên điều gì đối với Jonathan, song bàn tay bà ta lại thu hút sự chú ý của anh, trên ngón áp út của bà ta có đeo một chiếc nhẫn kim cương rất lớn.

- Đây có phải là Jonas không? Jonathan vừa hỏi vừa

chỉ tay vào chàng trai đứng sát mép ảnh bên phải.

- Sao ông biết được? O'Malley ngạc nhiên hỏi lại.

- Tôi cũng không rõ nữa, anh trả lời.

Anh gấp tờ báo lại và nhét vào túi áo. Trên tấm ảnh, chàng trai với hai tay chắp sau lưng đang nheo nheo đôi mắt, có thể chỉ đơn giản là vì ánh đèn.

- Thế những lúc không gọi bà ta là "mụ già", thì ông thường gọi bà ấy thế nào?

- Chưa bao giờ chúng tôi gọi bà ta bằng tên khác cả.

- Khi bà ấy nói chuyện với ông, chắc ông không thể trả lời bằng cách gọi bà ấy là "mụ già" được chứ? Jonathan cố nài.

- Chẳng bao giờ bà ta nói chuyện với chúng tôi, mà chúng tôi cũng chẳng có gì để nói với bà ta cả.

- Vì sao ông căm ghét bà ấy đến vậy, ông O'Malley?

Người bảo vệ già quay lại nhìn Jonathan.

- Tại sao ông lại đến đây, ông Gardner? Tất cả những chuyện này đều đã là chuyện xưa cũ và chẳng có gì hay ho khi khuấy động quá khứ lên cả. Tôi còn nhiều việc cần làm, chúng ta nên ra khỏi đây thôi.

Jonathan tóm lấy cánh tay O'Malley.

- Chính vì ông đã nói đến quá khứ, tôi bị giam lỏng trong một thời đại mà chính bản thân tôi không hề được biết, và tôi còn rất ít thời gian để tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra. Một người bạn của bạn tôi từng nói, chỉ cần một manh mối nhỏ xíu cũng có thể lần ra được cả tiến trình sự việc. Tôi đang tìm kiếm một mẫu ghép nhỏ xíu có thể cho phép tôi tái hiện lại cả một bức tranh. Tôi cần ông giúp tôi,

ông O'Malley ạ.

Người bảo vệ nhìn Jonathan chăm chăm, rồi hít một hơi thật sâu.

- Họ đã tiến hành nhiều cuộc thí nghiệm tại đây. Chính vì lý do đó mà tòa nhà này phải đóng cửa, để tránh làm mọi chuyện trở nên ảm đạm sau sự mất tích của Jonas.

- Thí nghiệm như thế nào?

- Các sinh viên đã được chọn vì họ từng có những cơn ác mộng. Tôi biết điều đó có vẻ vô lý, song đó là sự thật.

- Ác mộng kiểu gì, ông O'Malley?

Người đàn ông nhún đôi mày. Dường như việc trả lời câu hỏi đó là một gánh nặng khủng khiếp đối với ông ta.

- Cảm giác đang sống lại những sự kiện xảy ra trong một thời đại khác đúng không? Có đúng như vậy không?

O'Malley gật đầu tỏ vẻ xác nhận.

- Bà ta thôi miên họ, bà ta nói rằng làm như thế mới có thể đạt tới nơi sâu thẳm nhất của ý thức, một trạng thái tuyệt vời có thể cho phép chúng ta bước chân vào vùng ký ức tiền kiếp.

- Hồi đó, ông không hề làm việc trong đội bảo vệ, ông là một trong những sinh viên của bà ta, phải không ông O'Malley?

- Phải, thưa ông Gardner, chính là tôi từng là một trong những sinh viên của bà ta, và kể từ khi phòng thí nghiệm đóng cửa, cả đời tôi đã chẳng học thêm được gì nữa.

- Chuyện gì đã xảy ra với ông, O'Malley?

- Sang năm thứ hai, bà ta cho thêm vào người chúng tôi các loại dung dịch, để có thể kích thích các "sự kiện".

Sau khi bị tiêm mũi thứ ba, cả Coralie lẫn tôi đều đã nhớ ra mọi chuyện. Ông có sẵn sàng nghe một câu chuyện rất khủng khiếp không, ông Gardner? Nếu có, thì ông hãy nghe cho kỹ đây! Năm 1807, vợ chồng tôi từng sống ở Chicago, tôi là một nhà buôn thùng thành đạt, cho tới khi Coralie giết chết con gái của chúng tôi. Con bé mới chỉ một tuổi khi cô ấy quấn chết nó bằng tã lót. Tôi rất yêu vợ, nhưng cô ấy bị mắc một căn bệnh khiến các tế bào não bị phá hủy dần. Các triệu chứng đầu tiên chỉ là những cơn co giật thoáng qua, nhưng rồi sau năm năm, những ai bị mắc căn bệnh đó đều phát điên mà không có cách nào chữa được. Coralie bị kết án treo cổ. Ông không thể hình dung nổi con người ta phải chịu đau đớn tới mức nào, khi đao phủ không muốn ban ân cho tội nhân bằng cách siết chặt nút dây làm gãy các đốt sống cổ. Tôi đã phải nhìn Coralie bị treo lủng lẳng ở đầu dây, những giọt nước mắt cô ấy như van vãn tôi hãy tìm cách giúp cô ấy rút ngắn nỗi đau đớn. Tôi những muốn tự tay mình giết chết tất cả những kẻ hiếu kỳ đứng xem cô ấy bị hành hình, vậy mà tôi lại đứng bất lực giữa đám đông. Rồi cô ấy đã lặp lại chuyện đó năm 1843, tôi đã không nhận ra cô ấy và cả cô ấy cũng vậy, nếu không thì chắc chúng tôi đã chẳng yêu nhau mãnh liệt đến thế. Một tình yêu cuồng nhiệt như vậy không còn tồn tại trong thời đại của chúng ta, ông Gardner ạ. Rồi mọi chuyện lại tái diễn năm 1902, và chính mẹ già đã nói với tôi rằng câu chuyện sẽ còn tiếp tục mãi như vậy trong những lần sau. Cho dù vợ tôi có mang cái tên khác hay khuôn mặt khác, cô ấy vẫn mãi mãi là linh hồn ấy, cùng với

căn bệnh điên sẽ mãi mãi quay lại ám ảnh chúng tôi. Cách duy nhất để nỗi đau của chúng tôi chấm dứt hoàn toàn là một trong hai người phải chối bỏ tình yêu khi còn đang sống. Chỉ cần một trong hai chúng tôi bộc lộ tình cảm của mình với người kia, là chúng tôi sẽ sống lại “kiếp trước” và mọi chuyện sẽ tái diễn, cùng với tất cả những nỗi đau.

- Và ông đã tin bà ta ư?

- Nếu như ông từng trải qua những cơn ác mộng như chúng tôi gặp phải trong lúc hoàn toàn tỉnh táo, ông Gardner ạ, thì chính bản thân ông cũng sẽ tin thôi.

Khi phòng thí nghiệm bị đóng cửa, vị hôn thê của ông O'Malley đã lên cơn điên lần thứ ba mà không thể nào kiểm soát nổi. Cô đã tự tử vào năm hai mươi ba tuổi. Chàng trai O'Malley đã bỏ sang Canada sinh sống. Hai mươi năm sau, ông trở về Yale và nộp đơn xin vào làm công việc duy tu. Ông đã thay đổi tới mức chẳng còn ai nhận ra được nữa.

- Và cũng không ai biết chuyện gì đã xảy ra với Jonas ư? Jonathan hỏi.

- Mụ già đã giết chết cậu ta.

- Vì sao ông lại tin chắc như vậy?

- Cậu ta cũng từng mơ thấy điều gì đó. Buổi sáng hôm mất tích, cậu ấy đã tuyên bố sẽ rời khỏi trường. Jonas vội vã chuẩn bị đi Luân-đôn.

- Vậy mà ông lại không nói gì với cảnh sát!

- Nếu như tôi kể cho họ nghe tất cả những gì tôi vừa nói với ông, thì ông nghĩ họ sẽ tin tôi, hay đưa tôi vào nhà thương điên?

O'Malley tiễn Jonathan ra tới tận chỗ anh đỗ xe trong bãi đỗ xe của trường. Khi Jonathan hỏi, vì sao ông lại quyết định quay trở lại đây, O'Malley nhún vai.

- Đây là nơi tôi cảm thấy được ở gần cô ấy nhất, nơi chôn cũng có kỷ ức cả đấy, ông Gardner ạ.

Khi Jonathan bắt đầu khởi động máy, O'Malley cúi người xuống cửa xe nói.

- Tên mụ già là Alice Walton!

## 10

Peter hoàn toàn bị chinh phục bởi kỹ thuật của Radskin. Tia sáng phản chiếu trên nhánh chính của cây dương trước khi xuyên qua khung cửa sổ nhỏ nằm bên phải khung hình đã đạt được hiệu quả đáng kinh ngạc. Màu sáng bạc phủ trên sàn nhà dưới chân thiếu nữ áo đỏ trông giống hệt như màu ánh trăng tối hôm đó chiếu vào căn phòng làm việc nhỏ. Rất nhiều lần, Peter thích thú tắt đèn đi để có thể chiêm ngưỡng sự lột tả chân thật tới mức làm rung động lòng người. Anh tới sát cửa sổ và nhìn cây cổ thụ, rồi lại ngắm bức tranh.

- Căn phòng của Vladimir nằm ở đâu? Anh hỏi Clara.

- Ngay bên dưới, anh đã để hành lý ở đó, tối nay anh sẽ ngủ trong giường của ông ấy.

Đêm đã khuya, Clara chào tạm biệt vị khách. Peter muốn nán lại đôi chút bên bức tranh, cô hỏi anh có cần thêm gì không và anh trấn an cô: anh đã có phép chống lại mũi giò chèn lệch, đó là những viên thuốc nhỏ để giúp

thần kinh thư giãn.

- Cảm ơn anh, Peter, Clara nói khi ra tới ngưỡng cửa phòng sách.

- Cảm ơn vì chuyện gì?

- Vì đã đến đây.

Và khi Peter quay lại thì Clara đã đi mất.

Nằm dài trên giường, Peter không nén nổi cơn bức tức với Jenkins. Cái đồ ngốc ấy đã nhầm giữa thuốc kháng sinh với thuốc ngủ. Chẳng còn dám tin vào ai được nữa! Nếu như lúc này đã là mười một giờ đêm ở Anh, mà giờ đó đối với anh cũng còn là khá sớm, thì ở Boston mặt trời vẫn chưa lặn. Không thể đổ mình vào giấc ngủ, Peter đành ngồi dậy, lấy tập hồ sơ trong va-li và mang lên giường. Cảm thấy trong phòng quá nóng, anh đứng ngay dậy, ra mở cửa sổ. Anh hít một hơi bầu không khí mát rượi và say sưa nhìn tấm áo bạc mà vàng trắng sắp tròn phủ lên cây dương. Chợt cảm thấy đôi chút ngờ vực, anh khoác áo choàng vào người và quay lại phòng làm việc. Quan sát kỹ bức tranh, đoạn anh quay trở về bên cửa sổ trong phòng ngủ. Nhánh chính của cây dương bắc ngang trên đầu anh, cùng tấm với mái nhà. Vì cây cối bao giờ cũng mọc vươn ngọn lên trời, Peter cho rằng Vladimir đã phải vẽ bức tranh của ông từ một căn phòng nằm trên tầng xép. Anh tự nhủ phải nói điều này với Clara ngay sáng hôm sau. Sự nóng lòng càng làm cơn khó ngủ kéo dài, vì thế ngay khi vừa nghe tiếng bước chân cô chủ nhà vang lên ngoài cầu thang, anh vội vàng hé cửa gọi cô.

- Tôi đi lấy nước, anh có muốn uống không? Clara từ cầu thang hỏi vọng lên.

- Tôi chẳng bao giờ uống nước cả, nó dễ làm tôi bị gì sét! Peter vừa trả lời vừa bước ra hành lang.

Anh đi theo Clara và mời cô cùng anh vào phòng làm việc.

- Tôi đã thuộc lòng bức tranh đó rồi! Cô nói.

- Tôi không hề nghi ngờ điều đó, nhưng cô hãy cứ theo tôi, Peter nhấn mạnh.

Sau khi đi nhanh qua gian bếp, Peter dẫn Clara đến tận bên cửa sổ phòng anh.

- Đây này, cô hãy tự mình nhìn đi! Tôi cam đoan với cô là Vladimir đã vẽ từ tầng phía trên!

- Không thể nào, đến gần cuối đời Vladimir đã rất yếu, và ông phải thu hết sức lực mới có thể đứng trước giá vẽ. Leo thang gác để lên được tận tầng trên là một việc khá mạo hiểm ngay cả đối với người dũng cảm. Không một người nào trong tình trạng sức khỏe như ông ấy lại tìm cách lên đó làm gì.

- Có mạo hiểm hay không chưa kể, nhưng tôi dám chắc với cô, đây không phải là cửa sổ tôi thấy trong bức tranh, trông ở đây nó to hơn rất nhiều, khung cảnh trông cũng không giống và nhánh chính của cây nằm ngang tầm với mái nhà chứ không phải ngang cửa sổ phòng tôi!

Clara nhắc Peter rằng sau một thế kỷ rưỡi, cây dương đã mọc cao lên nhiều và trí tưởng tượng cũng là một trong những biệt tài của nhà danh họa. Nói xong những lời này, cô đi về phòng của mình.

Peter quay vào giường trong cảm giác bức bối. Đến nửa đêm, anh lại bật đèn lên và đi ra cửa sổ. Nếu Vladimir đã có thể tái hiện một cách tuyệt vời như vậy hiệu ứng của ánh sáng đêm trắng lên cành cây như anh nhìn thấy từ cửa sổ phòng mình, thì vì lý do gì ông ta lại phải di chuyển vị trí của thân cây?

Anh để dành cả đêm dài mất ngủ để thử tìm câu trả lời. Đến tận khi trời sáng, Peter vẫn còn ngồi trên giường đọc lại tập hồ sơ của buổi đấu giá danh tiếng mà anh vẫn chưa hoàn toàn mất hy vọng được điều hành trong hai tuần nữa. Dorothy đến lúc sáu giờ 30 phút sáng và Peter chuồn ngay xuống bếp dùng một tách cà phê.

- Ở đây lạnh như cắt thịt, Peter vừa nói vừa xoa hai tay vào nhau cạnh lò sưởi bếp.

- Tòa nhà này cổ lắm rồi, Dorothy trả lời và đưa cho anh một bộ đồ ăn để dọn bữa sáng bày trên chiếc bàn gỗ lớn.

- Bà làm việc ở đây đã lâu chưa, Dorothy?

- Khi tôi bắt đầu phục vụ bà chủ, tôi mới mười sáu tuổi.

- Bà chủ nào? Peter vừa nói vừa đổ đầy sữa vào bát.

- Bà ngoại của cô chủ.

- Bà ngoại cô ấy đã từng sống ở đây ư?

- Không, bà chủ không bao giờ đến đây, tôi sống nơi này một mình.

- Thế bà không sợ các bóng ma sao? Peter trêu bà.

- Cũng giống như con người, thưa ông, họ cũng có thể là những bạn đồng hành tốt hoặc xấu theo cách của họ.

Peter vừa lắc đầu vừa phết bơ lên lát bánh mì.

- Tòa nhà có thay đổi nhiều so với hồi đó không?

- Hồi ấy chúng tôi chưa có điện thoại, và đó gần như là thay đổi duy nhất. Cô chủ cũng đã trang trí lại một vài căn phòng.

Dorothy xin lỗi anh, bà còn bận nhiều việc và để Peter ở lại ăn nốt bữa sáng. Anh lật nhanh một tờ báo, để bát cũ vào bồn rửa, và quyết định đi lên phòng mình lấy tập hồ sơ. Không khí bên ngoài hứa hẹn một ngày đẹp trời, anh sẽ làm việc ngoài trời trong lúc chờ Clara xuống. Trên đường đi lên phòng, Peter dừng lại giữa cầu thang trước một bức vẽ được đóng khung mô tả tòa trang viên. Bức tranh được vẽ năm 1879. Anh cúi người xem thật kỹ bức họa. Băn khoăn, anh xuống thang, ra ngoài và băng qua sân. Anh dừng lại ở gốc cây dương đoạn chăm chú nhìn lên phía mái nhà. Rồi Peter quay vào trong, lên cầu thang và tháo bức tranh ra, ôm dưới cánh tay rồi đi xuống dưới.

- Clara, Clara, cô lại đây mà xem!

Peter đứng từ giữa sân hét toáng lên. Dorothy tức giận bước trong bếp ra.

- Cô chủ đang nghỉ ngơi, thưa ông, đừng làm ồn như vậy, tôi xin ông!

- Di đánh thức cô ấy dậy ngay! Nói với cô ấy là có việc rất quan trọng!

- Tôi có thể biết ông đã tìm thấy điều gì quan trọng ở giữa sân đến nỗi ông muốn tôi phải đánh thức cô chủ dậy, trong khi cô ấy đang rất cần nghỉ ngơi sau nhiều đêm không khiếp mà cô đã phải trải qua vì lỗi của người bạn ông?

- Bà có thể nói một mạch tất cả những điều vừa rồi mà không cần lấy hơi sao, Dorothy? Bà khiến tôi phải

ngưỡng mộ đấy! Thôi, bà đi nhanh đi, không có chính tôi sẽ vào phòng đánh thức cô ấy dậy đấy.

Dorothy vừa bỏ đi vừa giơ hai tay lên trời, miệng lầm bầm rằng những người Mỹ quả là chẳng có chút phong thái nào! Clara khoác trên mình một chiếc áo choàng đi ra chỗ Peter, lúc này đang sốt ruột đi đi lại lại quanh gốc cây. Cô đưa mắt nhìn bức tranh đã được Peter dựng bên gốc cây.

- Nếu tôi nhớ không nhầm thì bức tranh này hôm qua không được treo ở đây, đúng không? Cô vừa chào Peter vừa nói.

Peter ngồi xuống và chuyển bức tranh cho Clara.

- Cô nhìn xem!

- Đây là tòa dinh thự mà, Peter!

Cô đếm được bao nhiêu cửa sổ con trên mái? Anh nôn nóng hỏi.

- Sáu, Clara trả lời.

Anh nắm lấy vai cô và xoay người cô nửa vòng.

- Còn bây giờ, cô thử đếm xem có bao nhiêu?

- Năm, Clara thì thầm.

Peter tóm lấy cánh tay cô và kéo cô vào trong nhà. Họ leo bốn bước một lên cầu thang và Dorothy, rất không hài lòng về cách trang phục của cô chủ trước mặt Peter, ra khỏi bếp rồi đi theo họ lên tận tầng xép.

\*

\*

\*

Jonathan viết vội vài dòng. Anh báo với Anna mình sẽ ở cả

ngày trong bảo tàng và sẽ ăn tối với ông quản đốc ở đó. Sẽ trở về nhà vào khoảng mười giờ tối. Jonathan rất ghét phải thông báo thời gian biểu của mình. Anh xé tờ giấy ra khỏi cuốn sổ và gắn lên cửa tủ lạnh bằng viên nam châm hình con cánh cam. Rồi anh bước ra đường đi dọc vỉa hè bên phải. Anh ngồi vào sau tay lái chiếc xe của mình và kiên nhẫn chờ đợi.

Một tiếng sau, Anna đi xe khỏi nhà, cô rẽ về phía bên trái. Khởi động xe, cô đi về hướng bắc, qua cầu Harvard và tiếp tục lái thẳng tới Cambridge. Jonathan đậu xe ở lối rẽ vào phố Garden và dõi theo cô cho tới khi Anna bước lên ba bậc thềm của một tòa nhà sang trọng. Ngay sau khi cô biến vào trong tòa nhà, anh ra khỏi xe và đi bộ đến tận cửa kính ra vào. Trong sảnh, tấm bảng điện tử phía trên cửa thang máy cho thấy thang đã dừng lại ở tầng mười ba. Anh quay trở lại trong xe. Hai tiếng đồng hồ sau Anna lại xuất hiện. Jonathan nằm nép mình xuống ghế khi chiếc xe Saab chạy ngang qua chỗ anh về phía đầu phố. Ngay khi Anna vừa qua khỏi ngã tư, anh xuống xe và bước cả quyết về phía căn nhà số 27 phố Garden, dừng lại lưỡng lự trước nút chuông căn hộ 13A và 13B rồi quyết định nhấn cả hai. Tiếng chuông mở cửa vang lên ngay lập tức.

Cánh cửa cuối hành lang vẫn còn hé mở. Jonathan đẩy nhẹ cửa, và một giọng nói mà anh nhận ra ngay tức khắc vang lên:

- Con quên thứ gì phải không, con gái yêu?

Khi nhìn thấy anh đứng ở cửa, người đàn bà có mái tóc bạch kim khẽ giạt mình sang lập tức trấn tĩnh.

- Bà Walton phải không? Jonathan lạnh lùng hỏi.

\*

\*

\*

Hai tay chống lên hông, Dorothy đứng thẳng đơ người như cái cây mọc chính giữa gian phòng lớn trên tầng xép, sẵn sàng đối mặt với Clara.

- Dorothy, hãy thề danh dự rằng bà tôi chưa bao giờ cho thay đổi bất cứ thứ gì trên mái của tòa nhà này!

Peter chăm chú nhìn bà. Giơ cao chiếc búa tạ mang từ dưới nhà kho lên, anh nện thật mạnh vào bức tường cuối phòng. Cả căn phòng rung lên.

- Tôi sẽ không thề! Bà giận dữ trả lời.

- Thế tại sao không bao giờ bà nói với tôi về chuyện này? Clara hỏi.

Peter nện thêm một cú nữa và trên vách tường xuất hiện vết nứt đầu tiên.

- Chúng ta chưa bao giờ có dịp bàn tới chủ đề này!

- Thôi đi nào, Dorothy! Kiến trúc sư của gia đình ta, ông Goesfield, đã tỏ ra ngạc nhiên khi tòa thị chính từ chối đơn xin cải tạo tầng xép, và còn nhắc đi nhắc lại rằng, ông ấy tin chắc căn phòng này đã từng được sửa chữa.

Clara giật nảy người khi Peter giáng thêm một cú nữa lên tường.

- Bà đã cam đoan trước mặt tôi rằng tòa lâu đài vẫn hoàn toàn nguyên vẹn như trước kia! Tôi vẫn còn nhớ như in, hơn nữa bà lại tỏ ra rất khó chịu với ông Goesfield.

Căn phòng lại rung lên lần nữa, một làn bụi mù mịt rơi từ trên mái xuống. Clara ngược đầu lên rồi kéo Dorothy lại gần cửa sổ.

- Bà chủ bắt tôi hứa! Chính bà chủ đã cho người sửa lại trang viên.

- Vì sao? Peter hỏi vọng từ cuối phòng.

Anh lấy chân đẩy những mảnh tường vỡ nằm rải rác trên sàn. Hai vai anh đau nhức. Anh hít một hơi thật sâu và tiếp tục đập.

- Tôi không biết, Dorothy lâu bầu với Clara, bà của cô đã quyết định mọi việc nhưng bà là một người đúng đắn. Bà chủ nói cô sẽ trở thành một nhà sinh học tài năng nhưng cô chỉ làm theo ý mình...

- Bà tôi muốn tôi trở thành nhà hóa học! Và bà cũng muốn tôi phải bán trang viên này đi, Dorothy có nhớ không? Clara cắt ngang.

- Phải, Dorothy lúng búng trong miệng, quả là bà đã rất gần bó với nơi này.

Các lớp gạch bắt đầu long ra. Peter dùng lưới búa cạy các khe vữa. Bức tường bắt đầu cong xuống sau cú đập tiếp theo.

- Tại sao bà lại muốn làm cho cái cửa sổ này biến mất khỏi tầng xép, Dorothy?

Dorothy nhìn chằm chằm Clara, lưỡng lự không muốn trả lời. Trước ánh mắt khẩn nài của cô, bà đành nhượng bộ.

- Vì điều bất hạnh đã đến với con gái bà chủ khi cô ấy muốn đục bức tường này ra. Hãy bảo ông ấy dừng tay,

tôi xin cô!

- Bà biết chuyện gì đã xảy ra với mẹ tôi ư? Clara run rẩy hỏi.

Peter đã gỡ ra viên gạch đầu tiên, anh thò tay qua lỗ hổng và khua cánh tay. Khoảng trống phía sau bức tường có vẻ khá sâu. Anh lại cầm búa lên và dồn sức gấp đôi.

- Bà của cô đã tìm được tôi trong làng khi bà vừa mới mua lại tòa nhà. Những cơn ác mộng của con gái bà chủ bắt đầu ngay từ kỳ nghỉ đầu tiên khi hai mẹ con bà tới đây.

Peter lại làm bung một lớp gạch nữa, khoảng trống bây giờ đã đủ lớn để anh có thể ngó vào trong. Phía bên kia bức tường, tất cả tối như đêm đen.

- Những cơn ác mộng kiểu gì? Clara hỏi.

- Cô thường hét lên những điều khủng khiếp trong giấc ngủ.

- Bà có nhớ mẹ tôi thường nói gì không?

- Tôi vẫn mong sao có thể quên đi được! Thật không thể hiểu nổi, cô ấy vẫn thường nhắc đi nhắc lại: "*Anh ấy sẽ đến*". Các loại thuốc do bác sĩ kê hoàn toàn không có tác dụng gì khiến cô giảm cơn và bà chủ vô cùng tuyệt vọng khi nhìn thấy con gái mình trong tình trạng như vậy. Những khi cô ấy không cả ngày lục lọi từng góc ngách trong tòa lâu đài, thì lại ngồi dưới bóng cây dương. Tôi thường ôm cô ấy trong vòng tay, vỗ về và cô tâm sự với tôi rằng trong giấc mơ cô vẫn thường nói chuyện với một chàng trai mà cô ấy đã biết từ rất lâu. Tôi chẳng hiểu gì cả, cô ấy nói tên anh ta là Jonas, rằng họ đã yêu nhau từ trước đó. Rồi anh ta sẽ nhanh chóng tới tìm cô, anh ấy đã biết

làm thế nào để tìm được cô. Rồi đến một tuần khủng khiếp, khi nỗi buồn cướp mất cô.

- Nỗi buồn nào?

- Cô chủ không nghe thấy anh ta nữa, cô nói anh ta đã chết, người ta đã giết anh ấy. Cô không muốn ăn uống nữa, sức lực đã nhanh chóng rời bỏ cô ấy. Chúng tôi rắc tro của cô ấy xung quanh gốc cây cổ thụ. Bà chủ đã cho người xây tường bịt lại và lấp kín cửa sổ trên mái. Tôi xin cô, hãy bảo ông Gwel dừng lại trước khi mọi chuyện trở nên quá muộn.

Peter đã nện đến nhát thứ hai mươi, và hai cánh tay làm anh đau nhức nhối. Cuối cùng thì anh cũng chui người lọt qua lỗ hổng và sang được phía bên kia bức tường.

- Có phải ông ấy là bố tôi không, cái người tên Jonas ấy?

-Ồ không! Thưa cô chủ, cầu Chúa ban phúc lành cho cô. Bà của cô đã nhận nuôi cô sau đó một thời gian dài.

Clara tựa lưng vào khung cửa sổ. Cô nhìn xuống dưới sân và nín thở. Nỗi buồn đang dâng lên ngập mất không cho phép cô quay lại đối diện với Dorothy.

- Bà nói dối! Tôi không phải là con nuôi, cô vừa nói vừa cố kìm để khỏi bật khóc.

- Bà cô là người rất tốt! Bà đã đi thăm nhiều trại trẻ mồ côi trong vùng. Bà yêu quý cô ngay từ khi trông thấy cô lần đầu tiên, bà nói bà như thấy con gái mình trong đôi mắt của cô, rằng con gái bà đã tái sinh thành cô. Đó chỉ là những câu chuyện do bà chủ nghĩ ra để tự xoa dịu nỗi đau của mình, bà chủ đã hoàn toàn thay đổi kể từ sau cái chết của con gái. Bà cấm cô không được đến gần trang viên.

Chính bà cũng không bao giờ quay lại đây nữa. Mỗi khi bà chủ từ Luân-đôn tới đây để trả tiền lương cho tôi cũng như đưa các khoản chi dùng cho việc chăm sóc nơi này, tôi thường phải đứng chờ bà sau cánh cổng sắt. Mỗi lần gặp bà tôi đều khóc.

Peter ho sặc sụa vì bụi. Anh đứng yên chờ cho đôi mắt quen dần với bóng tối.

- Thế con gái của bà tôi tên là gì?

Đôi mắt của Dorothy Blaxton bắt đầu đẫm nước. Bà ôm cô gái trẻ vô cùng yêu quý trong vòng tay và nói thầm vào tai cô bằng giọng run rẩy:

- Giống như cô, thừa cô chủ, cô ấy cũng tên là Clara.

- Cô phải vào đây để xem tôi tìm thấy điều gì! Peter hét lên từ bên kia bức tường.

\*

\*       \*

Jonathan bước vào phòng khách của căn hộ quý tộc.

- Anh làm gì ở đây? Bà Walton lạnh lùng cất tiếng hỏi.

- Tôi vừa từ Yale về và hôm nay chính tôi sẽ là người đặt câu hỏi, Jonathan trả lời khô khốc. Anna làm gì ở nhà bà vậy, bà Walton?

Người đàn bà có mái tóc trắng chăm chú nhìn anh. Anh cảm thấy có chút gì như thương hại trong ánh mắt bà ta.

- Anh đã bỏ sót quá nhiều thứ, Jonathan tội nghiệp ả.

- Bà tự cho mình là ai kia chứ? Anh bắt đầu nổi nóng.

- Là mẹ vợ của anh! Điều sẽ trở thành hiện thực trong vài ngày nữa.

Jonathan nhìn bà ta hồi lâu, cố tìm hiểu xem có bao nhiêu phần sự thật trong câu nói ấy.

- Bố mẹ của Anna đều đã qua đời!

- Điều này nằm trong kế hoạch mà chúng tôi muốn anh phải tin.

- Kế hoạch nào vậy?

- Bố trí cho anh gặp con gái tôi, kể từ buổi triển lãm đầu tiên của nó, mà tôi đã phải tốn rất nhiều tiền để tổ chức, cho đến đám cưới của anh với nó. Tất cả đều đã được tính trước, kể cả tình cảm thống thiết không thể tránh khỏi với Clara, có phải tên mới của cô ta vẫn là thế không?

- Chính bà là người đã theo dõi chúng tôi ở châu Âu chứ?

- Tôi và một vài người bạn, nhưng điều đó thì có quan trọng gì khi kết cục vẫn là như thế! Các mối quan hệ của tôi cũng đã giúp ích nhiều cho anh khi ở Louvre, có đúng không?

- Nhưng thật ra bà muốn gì? Jonathan hét to.

- Trả thù! Trả lại công bằng cho con gái tôi, Alice Walton gào lên.

Bà châm một điếu thuốc. Mặc dù đã cố gắng tỏ ra bình tĩnh, song bàn tay điểm chiếc nhẫn kim cương của bà ta vẫn liên tục chà xát lên lớp vải bọc ghế bành đang ngồi. Bà nói tiếp.

- Giờ thì các viên xúc xắc đã được tung ra và số phận các người đã được định đoạt, hãy để tôi kể nốt cho anh

nghe câu chuyện buồn về Ngài Edward Langton, người đã từng là chồng của tôi.

- Chồng của bà ư? Nhưng Langton đã qua đời từ cách đây hơn một thế kỷ rồi!

- Những cơn ác mộng không thể kể cho anh nghe hết mọi chuyện, Alice thở dài. Ngài Edward có hai cô con gái. Ông ấy là một người hào phóng, quá hào phóng. Ngoài việc dốc hết tài năng và gia tài của một nhà buôn tranh cho lão họa sĩ Radskin, ông ấy còn có một tình yêu vô bờ bến đối với đứa con gái lớn. Ông ấy không tiếc bất cứ thứ gì cho nó, và anh không thể tưởng tượng nổi đứa thứ hai đã phải khổ sở như thế nào khi không có được tình cảm của người cha! Song đàn ông bao giờ cũng chỉ hành động theo ý muốn của mình, chẳng bao giờ suy nghĩ về những hậu quả có thể xảy ra. Vì sao các người lại có thể đối xử như vậy với chúng tôi?

- Đối xử với bà như thế nào? Tôi chẳng hiểu bà đang nói gì!

- Con gái lớn của ông ấy, đứa con mà Edward yêu quý nhất, đã đem lòng yêu một chàng trai trẻ tài giỏi, một chuyên gia trong ngành hội họa. Họ không thể rời nhau, tình yêu là tất cả đối với họ. Edward đã không thể chịu đựng được khi thấy con gái xa rời ông ấy, ông ấy đã ghen tị, như tất cả các ông bố đều có đôi lúc vậy, mỗi khi con cái bắt đầu muốn tự bay bằng đôi cánh của mình. Còn tôi thì chỉ mơ đến ngày hai đứa chúng nó ra đi. Tôi đã hy vọng cuối cùng thì Edward cũng sẽ dành nhiều quan tâm hơn cho Anna. Sau cái chết của Vladimir, chúng tôi không còn

nhiều khả năng thanh toán các khoản nợ. Chỉ có việc bán bức tranh cuối cùng của ông ta mới có thể cứu chúng tôi khỏi phá sản. Chúng tôi trông đợi một số tiền khá lớn và mong tất cả những bức tranh chưa bán được mà chồng tôi đã chắt trong nhà, sau nhiều năm cũng sẽ trở nên giá trị. Như thế mới công bằng, Edward đã chứa chấp và cung phụng Vladimir một cách vô lý trong quá nhiều năm và điều đó đã làm tiêu tan cả sản nghiệp của chúng tôi!

\*

\*       \*

Đến lượt Clara chui qua lỗ hổng mà Peter đã khoét rộng. Đằng sau bức tường, tất cả đều toát lên vẻ trần hàn. Đồ đạc tuềnh toàng bao gồm một chiếc bàn gỗ nhỏ, chiếc ghế mộc, một cái giường nhỏ trông giống như cái chõng tời tàn thời chiến tranh. Chiếc bình gốm cũ đặt trên một trong ba cái giá. Cuối phòng, một tia sáng từ trên trần chiếu xuyên xuống sàn tới tận chỗ để giá tranh. Peter xông vào góc tối. Anh ngẩng lên và phát hiện ra những mảnh ván được đóng sát trần nhà. Anh kiễng chân kéo từng mảnh một ra. Một luồng xám nhạt bốc lan ra chỗ giá tranh. Peter đẩy tấm cửa vừa lộ ra rồi dùng hết sức của đôi tay để kéo nó lên.

Mái tóc phủ trắng bụi của anh nhô ra khỏi mái nhà nghiêng nghiêng. Anh nhìn khu vườn trải rộng xung quanh và khi nhìn thấy nhánh chính của cây dương đang đung đưa nhẹ nhẹ trên máng nước phía dưới, anh mỉm cười, quay vào bên trong.

- Clara, tôi nghĩ chúng ta vừa tìm ra phòng ở thực sự của Vladimir Radskin. Chính tại nơi này ông ấy đã vẽ bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ*.

\*

\*

\*

Alice Walton xoay xoay chiếc nhẫn quanh ngón tay. Mẫu thuốc của bà ta vẫn còn nhả khói trong gạt tàn, bà nóng nảy dụi tắt nó rồi ngay lập tức lại châm một điếu khác. Ngọn lửa từ que diêm buồn bã rọi lên khuôn mặt bà ta. Sự đau khổ và giận dữ hằn sâu trong từng nếp nhăn trên mặt bà.

- Thật không may, vào đúng ngày tổ chức buổi đấu giá, tên chuyên gia xấu bụng đã gửi một bức thư tới cho người điều hành đấu giá, hắn ta cho rằng bức tranh là giả! Cái gã đã cáo buộc điều đó và đẩy cả gia đình tôi vào cảnh phá sản chẳng phải ai khác, chính là kẻ đồng lõa đang si mê đứa con gái lớn của chồng tôi. Đó là sự trả thù đối với chồng tôi vì đã ngăn cản đám cưới của chúng. Sau đó thì anh biết rồi, chúng tôi đã sang Mỹ. Chồng tôi qua đời chỉ vài tháng sau khi chúng tôi tới đây, ông ấy chết vì bị mất hết danh dự.

Jonathan đứng lên và bước lại gần ô cửa kính. Chẳng có điều gì đáng là sự thật trong câu chuyện trên. Song ký ức về cơn ác mộng gần đây nhất mà cả anh và Clara cùng gặp phải vẫn còn ám ảnh anh. Quay lưng lại phía Alice, anh lắc lắc đầu tỏ vẻ không thể tin.

- Đừng làm ra vẻ không biết gì, Jonathan! Chính anh

cũng từng gặp phải những giấc mộng. Tôi chưa bao giờ rời bỏ hai người. Nỗi căm hận là một cảm xúc có thể khiến cho linh hồn có được sức sống mãnh liệt. Tôi đã không ngừng nuôi dưỡng nó để có thể sống lại. Vào mỗi thời đại, tôi đều tìm ra được các người và tìm ra cách thay đổi số phận của hai người. Tôi thật sung sướng làm sao khi anh là một trong những sinh viên của tôi tại Yale. Các người đã tiến thật gần tới đích. Trong kiếp đó, anh đã mang cái tên Jonas, anh đã tới học tại Boston và muốn đổi tên gọi của mình theo kiểu Mỹ, song điều đó chẳng có gì quan trọng cả. Suýt nữa thì anh tìm thấy Clara, trong các giấc mơ anh thấy được nó đang ở Luân-đôn, song tôi đã vừa kịp chia rẽ các người.

- Bà thật điên rồi!

Jonathan bỗng cảm thấy bị vò xé bởi ước muốn rời khỏi cái nơi đang khiến anh ngạt thở này. Anh tiến ra cửa. Người đàn bà tóc trắng thô bạo kéo tay anh lại.

- Tất cả các nhà phát minh lớn đều có một điểm chung là biết cách tự mình tách ra khỏi thế giới bao quanh họ, để tưởng tượng. Tôi đã thành công trong việc khiến cho Coralie O'Malley phát điên, và tôi đã gần như làm được điều đó với Clara cái ngày mà tôi đầu độc chết Jonas. Tôi đã nói với anh ngay lần đầu tiên gặp nhau tại Miami. Yêu và hận chính là cách sáng tạo ra cuộc sống, thay vì chiêm ngưỡng nó. Tình cảm không phải lúc nào cũng lụi tàn, Jonathan ạ. Và tình cảm luôn khiến cho các người phải tái hợp.

Jonathan nhìn bà ta khinh bỉ, anh túm bàn tay bà ta

và hất nó khỏi cánh tay anh.

- Bà đang tìm cách làm gì, bà Walton?

- Vất kiệt linh hồn anh và buộc anh vĩnh viễn phải rời xa Clara. Chính vì thế mà trước hết tôi phải khiến cho các người tìm thấy nhau. Tôi đã chạm tới đích. Nếu như lần này các người không thể hưởng tình yêu bên nhau, thì đây sẽ là lần cuối các người được sống. Linh hồn của các người đã gần hết năng lượng, chúng sẽ không thể vượt qua nổi một lần chia tay nữa.

- Đó chính là mục đích của bà ư? Jonathan vừa nói vừa đứng dậy. Bà muốn trả thù vì một điều đã xảy ra cách đây hơn một thế kỷ phải không? Cứ cho là mọi chuyện sẽ tuân theo suy luận của bà, bà sẵn sàng hy sinh một trong hai cô con gái của mình vì ước muốn điên rồ đó ư? Vậy mà bà vẫn còn cho rằng mình không điên hay sao?

Jonathan bước thẳng ra khỏi căn hộ mà không hề ngoái lại. Khi anh bước qua ngưỡng cửa, Alice Walton gào lên sau lưng anh.

- Clara không phải là con gái ta, chỉ có Anna thôi! Và cho dù anh có muốn hay không, thì anh cũng sẽ phải cưới con gái ta trong một vài ngày nữa.

\*

\*       \*

- Điều duy nhất mà chúng ta có thể khẳng định được, là Radskein chắc chắn đã không làm Ngài Edward phải phá sản vì những chi phí của ông.

Peter ho nhẹ. Không khí trong phòng hơi hăng hắc, phảng phất mùi tỏi.

- Ông ấy sống trong căn phòng chật chội này ư? Clara ngỡ ngác hỏi.

- Ít nhất thì tôi cũng thấy, khó mà phủ nhận được điều đó! Peter vừa trả lời vừa thả một viên gạch mới được dỡ ra xuống sàn.

Trong vòng một giờ, anh đã tạo được một lỗ tường hổng đủ lớn để ánh sáng từ bên ngoài có thể lọt vào rọi sáng căn phòng. Peter giơ tay chỉ lên mái lâu đài.

- Giang sơn khép kín của Vladimir trông có vẻ giống một xà lim hơn là một phòng dành cho khách.

Peter tò mò nhìn xuống sàn nhà, màu gỗ ở đây trông rất khác so với phần còn lại của tầng xép.

- Đúng là sàn chỗ này chưa từng được làm lại!

- Tất nhiên rồi! Clara tiếp lời.

Peter tiếp tục xem xét căn phòng, anh cúi người nhìn xuống gầm giường.

- Anh tìm gì vậy? Clara hỏi.

- Bảng màu, bút vẽ và những tuýp màu của ông ấy, một dấu vết nào đó.

- Tôi chẳng thấy gì trong căn phòng này cả, cứ như ai đó đã muốn xóa bỏ hết mọi dấu vết về cuộc sống của Radskin ở đây.

Anh trèo lên giường và đưa tay quờ lên các tầng giá treo.

- Tôi tìm thấy cái gì đó, anh thốt lên.

Anh nhảy cẫng lên và chìa cho Clara xem một cuốn

sổ màu đen. Cô thổi nhẹ lên bìa sổ, một lớp bụi dày bay tung. Peter nôn nóng lấy cuốn sổ khỏi tay cô.

- Tôi sẽ mở nó ra xem!

- Từ từ thôi! Clara vừa nói vừa ngăn anh lại.

- Tôi là chuyên gia đấu giá, và chắc cô sẽ ngạc nhiên về điều này, song tôi đã khá quen với việc phải nung tay khi đụng đến những di vật cổ xưa.

Clara lấy lại cuốn sổ trong tay anh và thận trọng mở trang đầu tiên.

- Trong đó có gì thế? Peter năn nỉ.

- Tôi không biết, trông nó giống như một cuốn nhật ký, nhưng hình như được viết bằng ngôn ngữ Ki-rin<sup>(13)</sup>.

- Tiếng Nga ư?

- Thì cũng thế cả thôi!

- Tôi cũng biết thừa là thế rồi, Peter lâu bầu.

- Khoan đã, còn có cả một loạt ký hiệu hóa học nữa.

- Cô có chắc không? Peter hỏi bằng giọng lộ rõ vẻ phẫn khích.

- Tất nhiên! Clara hơi tự ái.

\*

\*

\*

Ngồi sau bàn giấy, François Hébrard kết thúc ngày làm việc bằng cách đọc lại bản báo cáo mà Sylvie Leroy vừa mang tới. Sau khi Jonathan về, các chuyên viên vẫn tiếp tục

---

13. Mẫu tự Nga cổ, xuất hiện vào thế kỷ thứ IX.

nghiên cứu và tìm cách khám phá bí ẩn của màu đỏ.

- Cô đã liên lạc được với Gardner chưa? Ông giám đốc phòng thí nghiệm hỏi.

- Vẫn chưa, bộ nhớ điện thoại của anh ta đã hết chỗ, chẳng có cách nào để nhấn thêm vào đó được nữa, mà anh ấy cũng chẳng trả lời email.

- Bao giờ thì buổi đấu giá bắt đầu? Ông Hébrard hỏi.

- Ngày 21, tức là bốn hôm nữa.

- Sau tất cả những nỗ lực chúng ta đã bỏ ra, nhất định phải báo bằng được tin này cho anh ta biết. Cô muốn làm gì cũng được, miễn là tìm cho ra anh ấy cho tôi.

Sylvie Leroy bước ra khỏi phòng và đi về phía xưởng vẽ của cô. Cô biết một người có thể tìm được Jonathan Gardner, nhưng cô không hề muốn gọi cho người ấy chút nào. Cô vớ lấy túi và tắt đèn trên bàn làm việc. Trong hành lang, Sylvie gặp vài đồng nghiệp song cô bực mình tới mức chẳng buồn nghe tiếng họ chào. Cô bước qua cổng kiểm soát và tra thẻ của mình vào máy đọc. Cánh cửa lớn mở ra tức khắc. Sylvie Leroy bước lên cầu thang dẫn ra phía ngoài. Bầu trời rực rỡ, không khí bắt đầu có hương vị mùa hè. Cô băng qua sân bảo tàng, ngồi xuống một băng ghế và tận hưởng vẻ đẹp của khung cảnh xung quanh. Kim tự tháp Pei phản chiếu những tia nắng chiều đỏ rực tới tận mái vòm của phòng trưng bày Richelieu. Cô nhìn hàng người dài dằng dặc đang chờ tới lượt tham quan, trông như một dải ruy-băng kéo dài trước sân bảo tàng. Làm việc trong một không khí mang đậm nét cổ tích như ở đây quả là giấc mơ mà cô không bao giờ muốn tỉnh dậy. Cô nhún

vai thờ dài và bấm số điện thoại di động.

\*  
\*       \*

Dorothy đã trải khăn lên chiếc bàn nhỏ ngoài sân. Họ ăn tối sớm, để sáng sớm mai, đi Luân-đôn. Công nhân của hãng vận chuyển Delahaye Moving sẽ có mặt tại phòng tranh ngay đầu giờ buổi sáng để chuẩn bị mang *Thiếu nữ áo đỏ* đi. Clara và Peter sẽ được xếp chỗ ngồi trên chiếc xe hòm bọc thép và được hộ tống tới tận sân bay Heathrow. Năm bức tranh của Vladimir sẽ được đem đi trong tầng hầm của chiếc Boeing 747 của hãng British Airways tới tận Boston. Một chiếc xe bọc thép khác chờ sẵn tại sân bay Logan. Ngày mai khi ra đến Luân-đôn, Peter sẽ chụp lại các trang viết tay trong cuốn sổ của Vladimir và gửi qua thư điện tử tới một đồng nghiệp người Nga để nhờ anh ta dịch giúp ngay lập tức. Anh rút thêm một tách cà phê cho Clara, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ khác nhau và hầu như họ chuyện trò rất ít kể từ đầu bữa ăn.

- Hôm nay anh nói chuyện với anh ấy chưa? Clara hỏi, phá vỡ bầu không khí yên lặng.

- Lúc này là bảy giờ sáng ở Boston, có lẽ Jonathan vừa mới dậy thôi. Lát nữa tôi sẽ gọi điện cho cậu ấy, tôi hứa với cô.

Điện thoại di động của Peter rung bần bật trên bàn.

- Cô có tin vào thần giao cách cảm không? Peter vui vẻ nói. Tôi dám chắc là cậu ta gọi đây!

- Peter, Sylvie Leroy đây, tôi có thể nói chuyện với anh được không?

Peter xin lỗi Clara và đi ra chỗ khác. Nữ chuyên viên của dự án C2RF bắt đầu ngay một báo cáo chi tiết với anh.

- Chúng tôi đã phân tích thành công một số chất cấu tạo nên các hạt màu. Thành phần chính làm từ xác rệp thường được tìm thấy trên cây lê. Chúng tôi hoàn toàn không nghĩ tới điều này, vì thông thường đây là một loại màu nhuộm rất đẹp nhưng không bền, và chúng tôi vẫn chưa thể hiểu nổi nhà danh họa của anh đã làm thế nào để nó không hề phai sau nhiều năm tháng như vậy. Song dù sao thì những kết quả phân tích cũng vẫn khẳng định chắc chắn điều đó. Chúng tôi cho rằng bí ẩn của bức tranh nằm trong lớp sơn phủ mà Radskin đã sử dụng. Chúng tôi vẫn chưa thể tìm ra đó là chất gì, song những tính chất của nó thì có vẻ rất đáng chú ý. Nếu anh muốn biết, theo ý kiến cá nhân của tôi thì có vẻ như nó đóng vai trò màng lọc, giống như một lớp phim trong suốt có tác dụng che chắn cho các lớp màu bên dưới. Chúng tôi đã phát hiện ra những mảng tối rất mờ trên tấm phim chụp bức tranh, mặc dù không phải tất cả mọi người trong phòng thí nghiệm đều đồng tình với nhau về điểm này. Bây giờ thì anh nghe kỹ đây, chúng tôi đã có những phát hiện rất quan trọng. Radskin cũng đã sử dụng màu đỏ Andrinople, tôi sẽ không trình bày chi tiết với anh công thức của nó, anh chỉ cần biết màu đỏ được pha chế từ thời Trung Cổ. Để có được màu đỏ tươi và bền, người ta trộn màu với mỡ, nước tiểu và máu súc vật.

- Cô nghĩ rằng ông ta đã cắt cổ một con chó ư? Peter ngắt lời. Nếu cô không phản đối, tôi sẽ tránh nói về chi tiết này trong buổi đầu giá!

- Anh nhầm rồi, Vladimir đã không hề làm hại tới một con ruồi. Tôi nghĩ, Radskin đã pha chế màu đỏ của mình bằng những thứ mà ông ta có sẵn, và các kết quả ADN khẳng định điều đó, chúng tôi đã tìm thấy máu người trong các hạt màu.

Mặc dù rất choáng váng, song trong giây lát Peter tưởng rằng cuối cùng thì anh cũng đã tìm được cách để xác thực bức tranh. Nếu như nhà danh họa đã dùng chính máu mình, thì chỉ cần so sánh các xét nghiệm ADN, song sự phản kích vừa thoáng xuất hiện đã vội tan như bong bóng, thân thể của Vladimir giờ đã trở thành cát bụi, chẳng còn bất cứ mẫu nào khả dĩ cho phép tiến hành so sánh ADN.

- Thế còn phát hiện quan trọng tiếp theo là gì? Peter lo lắng hỏi.

- Một điều rất lạ lùng, đó là sự xuất hiện của Réalgar, một màu hoàn toàn không cần thiết và lẽ ra Vladimir chẳng bao giờ cần dùng tới nó.

- Vì sao? Peter ngạc nhiên hỏi.

- Vì màu đỏ đỏ hoàn toàn bị lu mờ bởi các sắc đỏ khác và cũng vì nó chứa rất nhiều độc tố từ sunfuric thạch tín.

Peter nghĩ tới mùi tỏi mà anh đã ngửi thấy khi vừa thò đầu qua lỗ hổng trong tường. Đó quả là mùi đặc trưng cho loại chất độc này

- Chất Réalgar thuộc nhóm độc được dùng để sản

xuất thuốc diệt chuột, và nếu như hít phải nó, thì chẳng khác nào cố tình tự vẫn.

- Cô có thể gửi cho tôi bản báo cáo này tới văn phòng của tôi ở Boston được không?

- Tôi hứa với anh sẽ gửi ngay, với một điều kiện.

- Cô muốn gì cũng được!

- Anh đừng bao giờ gọi điện cho tôi nữa!

Rồi Sylvie Leroy đột ngột ngắt máy.

Mặt trăng bắt đầu ló lên trên đỉnh những ngọn đồi.

- Đêm nay trăng sẽ tròn, Peter vừa nói vừa nhìn lên trời.

Nhìn thấy vẻ mặt buồn rười rượi của Clara, anh đặt tay lên vai cô.

- Chúng ta sẽ tìm ra giải pháp, Clara ạ.

- Tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta nên dừng lại, cô mơ màng nói. Tôi sẽ ngồi tù bao lâu cũng được, nhưng sau đó tôi sẽ đi tìm anh ấy.

- Cô yêu cậu ấy đến thế ư? Peter hỏi.

- Tôi e là còn hơn thế rất nhiều, cô nói thêm và đứng dậy.

Clara cáo lỗi vì cảm thấy quá mệt mỏi. Anh tiễn cô ra tận cửa bếp rồi quay trở lại bàn để tận hưởng bầu không khí êm dịu của buổi tối. Đã gần nửa đêm, ánh đèn trong phòng Clara đã tắt và Peter về phòng mình để chuẩn bị đồ đạc. Đến lưng chừng cầu thang anh quay lại và đi về phía phòng làm việc. Một vài giây sau, anh đi lên tầng xép, ngồi vào chiếc ghế cũ và nhẹ nhàng đặt *Thiếu nữ áo đỏ* lên giá vẽ của Vladimir Radskin.

- Thế là nàng đã trở về đúng chỗ của mình, anh thì

chằm với bức tranh trong bóng đêm hiu quạnh.

- Đây quả là một món quà tuyệt đẹp đối với Vladimir, hôm nay đúng là ngày mất của ông ấy, tiếng Clara thì trào sau lưng anh.

- Tôi không nghe thấy tiếng chân cô, Peter nói mà không quay lại.

- Tôi biết anh sẽ lên đây.

Mặt trăng vẫn lên cao dần trên bầu trời và ánh trăng bắt đầu rơi vào phòng qua ô cửa sổ trên mái. Bỗng nhiên, tất cả mọi vật được bao phủ bởi một lớp sáng màu xanh ánh bạc. Ánh trăng chiếu thẳng vào bức tranh và thấm dần vào lớp sơn phủ trên bề mặt. Chầm chậm, dưới ánh nhìn sững sốt của Peter và Clara, một khuôn mặt từ từ hiện lên dưới mái tóc dài của *Thiếu nữ áo đỏ*. Mặt trăng tròn vẫn tiếp tục lên dần trên bầu trời, trăng càng lên cao bao nhiêu, ánh trăng càng soi tỏ bấy nhiêu hình ảnh trong tranh. Đến nửa đêm, khi mặt trăng đã lên tới đỉnh, chữ ký của Vladimir dần dần hiện ra ở góc của tranh. Peter nháy ra khỏi ghế ngồi và siết chặt Clara trong vòng tay.

- Nhìn kia! Clara nói và chỉ về phía bức tranh.

Khuôn mặt hiện ra rõ nét dần, thoát tiên là đôi mắt, rồi sống mũi, đôi má, cuối cùng là đôi môi nhỏ xinh. Peter nín thở, anh hết nhìn Clara rồi lại nhìn *Thiếu nữ áo đỏ*: các nét của họ giống nhau như đúc. Một trăm năm mươi năm về trước, Vladimir Radskin đã hoàn thành tác phẩm đẹp nhất cuộc đời ông, rồi lịm dần đi trong chiếc ghế này khi đêm trở sáng. Mặt trăng bắt đầu xuống dần và khi ánh trăng vừa biến mất trên lớp sơn phủ, khuôn mặt và chữ ký

của nhà danh họa cũng lập tức như bị xóa mất khỏi bức tranh. Clara và Peter chia tay nhau sau khi đã ở gần hết một đêm dài đối diện với bức tranh trong căn phòng của nhà danh họa. Trời vừa sáng họ đã gặp nhau. Sau khi chất hết hành lý lên xe và đặt bức tranh vào trong cốp xe, Peter gọi điện cho Jonathan nhưng không được.

- Chịu thôi! Cậu ấy vẫn còn ngủ.

- Đến Luân-đôn chúng ta sẽ thử lại, nếu vẫn không được thì ra đến sân bay sẽ gọi tiếp.

- Nếu cần thì tôi sẽ chui vào tận buồng lái máy bay để gọi, Peter nói thêm.

Họ đến phòng tranh lúc chín giờ sáng. Trước khi mở lớp cửa sắt, Clara đưa mắt liếc nhanh qua lớp kính lấp lánh ánh mặt trời của quán cà phê. Một lát sau, các nhân viên vận chuyển đóng nắp két bảo mật chứa bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ*.

Đến trưa, chiếc xe thùng bọc thép của hãng Delahaye rời khỏi phố Albermarle, theo sau là một xe cảnh sát tháp tùng. Clara ngồi ở phía trước, Peter được xếp một chỗ gần bức tranh trong thùng xe phía sau.

- Sóng di động không lọt được vào đây, một nhân viên vận chuyển nói với Peter khi thấy anh định dùng điện thoại di động. Tất cả các thành xe đều bọc thép và chịu lửa.

- Đến ngã tư tới, tôi có thể xuống xe vài phút được không, tôi cần gọi điện cho một người bạn?

- Tôi nghĩ là không được, thưa ông, người đội trưởng mỉm cười trả lời anh.

Xe dừng lại trên đường băng, dưới bụng chiếc Boeing 747. Peter ký năm phiếu giao hàng. Những tờ phiếu này nghiêm nhiên biến anh, kể từ giờ cho tới buổi đấu giá, trở thành người giám hộ chính thức đối với các tác phẩm cuối cùng của Vladimir. Kể từ giờ phút này trở đi, anh sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các bức tranh. Clara và anh tiến về phía cầu thang thoát hiểm của ngăn chứa hành lý dưới bụng máy bay. Peter ngược nhìn lên phòng đợi nơi các hành khách của chuyến tới đang ngồi chờ đến giờ lên máy bay.

- Dù sao thì cũng còn khá hơn là bay cùng với vài đứa trẻ con!

- Chúng ta sẽ gọi cho Jonathan ngay khi đến Boston, Clara nói.

- Không, chúng ta sẽ gọi cho cậu ấy từ trên đó, Peter nói và chỉ tay lên bầu trời

Rồi anh bước lên thang.

\*

\*            \*

Jonathan đã ngủ rất ít. Khi ra khỏi buồng tắm, anh nghe thấy tiếng bước chân của Anna đang đi lên xuống vệ. Anh khoác một chiếc áo choàng bông và đi xuống bếp. Tiếng chuông điện thoại reo vang. Anh nhấc ống nghe trên tường và lập tức nhận ra giọng nói của Peter.

- Cậu biến đi đâu thế? Jonathan hỏi, tớ tìm cách liên lạc với cậu từ hai ngày nay mà không được!

- Thế giới này đảo lộn mất rồi! Tớ đang ở độ cao mười nghìn mét trên Đại Tây Dương.

- Cậu đã lên đường ra hòn đảo hoang của cậu rồi đấy à?

- Vẫn chưa đâu, anh bạn thân mến ạ, tớ sẽ giải thích với cậu sau, có một tin vui lớn muốn báo với cậu, nhưng tớ sẽ chuyển máy cho cậu nói chuyện với một người trước đã.

Peter đưa điện thoại cho Clara. Khi nghe thấy tiếng cô, Jonathan ghì chặt ống nghe vào tai mình.

- Jonathan, chúng ta có bằng chứng rồi! Em sẽ kể cho anh nghe mọi chi tiết khi nào đến nơi, thật không thể tin được. Chuyến bay của em sẽ tới sân bay Logan lúc năm giờ chiều.

- Anh sẽ chờ hai người ở sân bay, Jonathan nói và bỗng cảm thấy mọi mệt mỏi tan biến.

- Em rất muốn gặp anh ngay, nhưng đến sân bay em và Peter sẽ phải đi cùng đội bảo vệ. Bọn em sẽ phải theo các bức tranh đến tận phòng chứa két an toàn của hãng Christie's. Em đã đặt một phòng tại khách sạn Four Seasons, anh hãy đến tìm em ở đó, em chờ anh trong sảnh vào lúc tám giờ tối.

- Và anh hứa sẽ đưa em đi dạo dọc bờ sông ở khu cảng cũ. Buổi tối khung cảnh ở đó tuyệt đẹp, rồi em sẽ thấy.

Clara quay ra ô cửa kính của máy bay.

- Em nhớ anh lắm, Jonathan ạ.

Cô trả máy cho Peter, anh chào bạn rồi cắt điện thoại vào ngăn dưới thành ghế ngồi.

Jonathan gác ống nghe lên tường, Anna cũng bỏ điện

thoại trong xưởng vẽ. Cô lấy điện thoại di động, lại gần cửa sổ và bấm số gọi đi Cambridge. Mười lăm phút sau, cô ra khỏi nhà.

\*  
\*            \*

Cô tiếp viên bước vào khoang phát phiếu nhập cảnh cho hành khách.

- Cô không muốn Jonathan tới gặp chúng ta rồi cùng về bằng xe an ninh ư? Peter hỏi.

- Tôi đã sẵn sàng chờ anh ấy mười năm, thì cũng phải cố gắng vượt qua chút thời gian ngắn ngủi chỉ để lên phòng khách sạn một chút. Anh trông thấy bộ dạng tôi rồi đấy.

\*  
\*            \*

Nhờ xe cảnh sát tháp tùng, chỉ chưa đầy hai mươi phút họ đã vào tới thành phố. Khi bức tranh cuối cùng vừa được đưa vào kết, Clara lên ngay một chiếc ta-xi về khách sạn. Peter gọi xe khác để về nhà cất hành lý và lấy chiếc xe Jaguar cũ của anh. Trước đó anh đã nhờ Jenkins cho người lái xe của khu nhà tới sân bay lái chiếc Jaguar của anh về.

Trên đường đi, anh gọi điện cho người bạn anh nhờ dịch giúp cuốn sổ của Vladimir. Anh ta đã làm việc cả ngày lẫn đêm trên những trang giấy viết tay và vừa mới gửi cho anh qua thư điện tử phần đầu tiên của bản dịch. Phần còn

lại, chủ yếu toàn các công thức hóa học, anh sẽ cần một người hiểu biết nhiều hơn về ngành này giúp đỡ. Peter chân thành cảm ơn bạn. Chiếc ta-xi đã về tới khu nhà. Anh chạy vội qua sảnh, tăng lờ ánh mắt của người gác cổng rồi nôn nóng đứng giậm chân trong thang máy. Vừa vào đến nhà, anh vội vã bật màn hình máy tính và in ngay bản dịch ra giấy.

Mười phút sau anh trở xuống nhà, gần như chỉ có thời gian để tắm qua loa và thay một chiếc áo sơ-mi sạch. Jenkins đứng chờ anh trên bậc thềm, ông ta mở chiếc ô to che cho Peter khỏi làn mưa nhẹ đang rơi trên phố.

- Tôi đã gọi người đưa xe của ông đến, Jenkins thông báo và chăm chú nhìn phía chân trời mù mịt.

- Thời tiết thật đáng ghét, phải không? Peter nói.

Cặp đèn pha tròn của chiếc xe hộp hiệu Jaguar XK 140 lộ ra khỏi cổng nhà để xe. Peter bước lại phía xe của mình, được nửa đường anh dừng bước, quay người và ôm chầm lấy Jenkins.

- Đây, ông đã có gia đình chưa ấy nhỉ, Jenkins?

- Chưa, thưa ông, thật đáng buồn là tôi vẫn còn độc thân, ông gác cổng trả lời.

Trên đường, Peter gọi điện cho Jonathan rồi ghé lại gần chiếc micro được gắn trên tấm chắn nắng và hét lên.

- Tôi biết chắc cậu đang ở đó! Cậu không thể tưởng tượng được cái hệ thống chặn cuộc gọi của cậu làm tôi khó chịu tới mức nào đâu. Cho dù cậu đang làm gì đi nữa, thì cậu cũng chỉ còn có mười phút thôi, tôi sắp đến rồi đây!

\*

\*

\*

Chiếc xe đậu dọc vỉa hè, Jonathan lên xe và Peter lập tức khởi động máy.

- Tớ muốn cậu kể cho tớ nghe mọi chuyện, Jonathan nói.

Peter kể cho bạn nghe câu chuyện về khám phá đến khó tin của anh đêm trước. Vladimir đã dùng lớp sơn phủ mà chỉ có một thứ ánh sáng đặc biệt chiếu trực diện lên bức tranh mới có thể xuyên qua đó. Bố trí toàn bộ mọi điều kiện cần thiết để hiện tượng đó có thể xảy ra sẽ khá phức tạp, song với sự trợ giúp của máy tính chắc chắn họ sẽ làm được.

- Khuôn mặt đó trông giống Clara lắm à? Jonathan hỏi.

- Với độ chính xác đến nhường ấy, thì cậu hãy tin tớ, nó còn đáng ngạc nhiên hơn cả sự giống nhau thông thường!

Và khi Jonathan tỏ vẻ lo lắng vì không biết Peter có thực sự tin rằng một lúc nào đó có thể tái hiện lại cho anh xem hiện tượng mà cậu ta may mắn được chiêm ngưỡng đêm hôm trước, Peter liền trấn an bạn, các nhà hóa học chắc chắn sẽ tìm ra cách để dịch những công thức của nhà danh họa, và ngay cả nếu như việc đó cần mất khá thời gian, thì một ngày nào đó bức tranh cũng sẽ được trả về trạng thái ban đầu của nó.

- Cậu có nghĩ rằng đó là điều ông ấy muốn không? Radskin chắc chắn phải có một lý do thì mới tìm cách giấu

chữ ký của mình như vậy chứ.

- Một lý do rất chính đáng, Peter khẳng định. Đây, đây là bản dịch cuốn nhật ký của ông ấy, chắc chắn cậu sẽ hài lòng.

Peter với tập tài liệu để trên băng ghế sau và đưa cho bạn. Anh bạn của Peter đã đính kèm bản chụp các trang gốc vào từng trang bản dịch. Jonathan đưa tay sờ nhẹ nét chữ của Vladimir và bắt đầu đọc.

*Clara,*

*Cuộc sống của cha con mình đã không hề dễ dàng kể từ khi mẹ con qua đời. Cha vẫn còn nhớ cuộc chạy trốn ấy, khi cả hai cha con mình đã phải cuốc bộ qua những vùng thảo nguyên nước Nga. Cha công con trên vai, và chỉ cần cảm thấy đôi bàn tay nhỏ bé của con túm chặt lấy tóc mình là đủ để cha không bao giờ bỏ cuộc. Cha đã nghĩ rằng chúng ta sẽ thoát khi đến nước Anh, song sự cùng quẫn lại dai dẳng mai phục cha con mình tại Luân-đôn. Những ngày lang thang trên đường phố để vẽ người qua đường, cha đã nhờ vài bảo mẫu trông coi con. Để đổi lại, cha trả cho họ những khoản tiền ít ỏi kiếm được nhờ thỉnh thoảng bán một vài bức họa. Rồi cha đã tưởng Ngài Edward là vị cứu tinh của mình. Liệu một ngày nào đó con có tha thứ cho cha vì sự nhẹ dạ khiến cha con mình đã bị chia rẽ ngay từ những ngày đầu dọn tới đây? Ông ấy chăm chút con như con đẻ của mình, song chính vì vậy mà ông ấy vừa chiếm được lòng tin của cha lại vừa phản bội lòng tin ấy. Con mới chỉ lên ba tuổi khi ông ấy tước con khỏi vòng tay cha. Cha vẫn còn nhớ mãi mùi thơm con trẻ vương trên trán cha*

khi con hôn cha lần cuối cùng cách đây đã rất lâu. Căn bệnh ngày càng xâm lấn khiến cơ thể cha yếu dần, Langton đã cho người đưa cha tới gian phòng chật chội này, nơi cha đang ngồi viết cho con. Thấm thoát đã sáu năm cha không được ra khỏi chỗ này; cũng từng ấy thời gian cha không được ôm con trong vòng tay, không còn được nhìn thấy ánh sáng lấp lánh trong đôi mắt con. Ở trong đó cha còn thấy cả sức sống mãnh liệt mà cha từng được thấy ở mẹ con lúc sinh thời.

Để đối lấy những bức tranh mà cha vẽ theo yêu cầu của ông ta, Langton đã chăm sóc, nuôi nấng và dạy dỗ con. Người đánh xe ngựa vẫn thường đến thăm và kể cho cha nghe về con.

Đôi khi, cha và ông ấy cùng được cười với nhau, ông ấy kể cho cha nghe những gì con đã làm được và nói rằng con còn linh lợi hơn cả con gái của Langton. Có những ngày con chơi ở trong sân, ông ấy đã giúp cha đến gần ô cửa sổ nhỏ của tầng xép. Từ đây, cha có thể nghe thấy tiếng con và mặc dù lòng ngực cha xương cốt nhức nhối, cha vẫn cảm thấy hạnh phúc vì được nhìn con lớn lên. Cái bóng của người đàn ông già nua mà đôi lúc thoáng nhìn thấy dưới mái nhà làm con vô cùng sợ hãi, chính là cha của con. Mỗi khi ra về, người đánh xe ngựa đều phải khom người bước đi, đôi vai ông ta oằn xuống dưới gánh nặng của sự cảm lạnh và xấu hổ. Mọi can đảm đã rời bỏ ông ta kể từ ngày con ngựa yêu của ông ta bị chết. Cha đã vẽ cho ông ấy một bức tranh, song bức tranh đó cũng đã bị Langton chiếm đoạt mất.

Clara, cha đã kiệt sức. Người bạn đánh xe đến kể cho cha nghe một câu chuyện mà ông ta tình cờ nghe được. Những trò cá cược đã đẩy Langton vào cảnh túng quẫn tiền nong và

bà vợ của ông ta cho rằng nếu cha chết đi, các bức tranh của cha sẽ có giá hơn và sẽ cứu họ khỏi bị phá sản. Từ vài ngày nay, cha cảm thấy lồng ngực đau như xé và cha sợ rằng mình sẽ không thể tránh khỏi điều tồi tệ nhất. Con gái bé nhỏ của cha, nếu như không có con, nếu tiếng cười của con từ bên ngoài không vọng vào như những âm thanh trong trẻo nhất của cuộc sống, thì có lẽ cha đã dám đón nhận cái chết như một sự giải thoát. Song cha không thể ra đi thanh thản trước khi biết chắc mình đã để lại được cho con một kỷ vật duy nhất.

Đây là bức tranh cuối cùng của cha, một kiệt tác của đời cha bởi đó chính là con, người cha vẽ trong tranh. Con mới chỉ chín tuổi, song ngay khi còn bé con đã mang các đường nét của mẹ con. Để Langton không thể cướp đoạt bức tranh này từ tay con, cha đã có cách che khuôn mặt đi nhờ vào lớp sơn phủ mà chỉ có cha mới biết được công thức.

Con thấy không, những năm tháng tuổi trẻ mồn mõi gặm trên ghế trường hóa học ở Saint-Petersbourg cha tự cho là buồn tẻ cuối cùng thì cũng giúp ích được cho cha. Người đánh xe đã hứa với cha sẽ giữ gìn cuốn sổ này và trao tận tay con vào ngày sinh nhật mười sáu tuổi của con. Ông ấy sẽ đưa con tới gặp những người bạn Nga của cha, họ sẽ giúp con dịch những dòng chữ này. Chỉ cần áp dụng những công thức mà cha chép trong các trang sau đây là con sẽ biết cách phá đi lớp sơn phủ cha đã quét trên bề mặt bức tranh. Làm hiện ra bức tranh thật và với cuốn sổ này, con sẽ chứng minh được rằng bức tranh này là của con. Đó là gia tài duy nhất mà cha có thể để lại cho con, con gái bé nhỏ của cha, đó cũng là di vật của người cha vừa ở rất gần vừa rất xa con, song lúc nào cũng

*yêu con vô cùng. Người ta nói rằng những tình cảm chân thật sẽ không bao giờ chết, và cha vẫn mãi yêu con ngay cả khi không còn trên cõi đời này nữa.*

*Cha rất muốn được nhìn thấy con trưởng thành, được thấy con trở thành một người phụ nữ. Nếu như có quyền ước một điều, thì khát vọng duy nhất của cha là cuộc sống của con sẽ cho phép con đi tới tận cùng những ước mơ. Hãy thực hiện những ước mơ của mình, Clara, và đừng bao giờ sợ hãi tình yêu. Cha yêu con như cha đã từng yêu mẹ của con và cha sẽ còn mãi mãi yêu mẹ con cho tới hơi thở cuối cùng.*

*Bức tranh này là của con, vì con, Clara của cha, con gái yêu của cha.*

*Vladimir Radskin, 18 tháng sáu 1867.*

Jonathan gấp tập giấy lại. Anh không thể thốt lên nổi lời nào với bạn.

\*

\*       \*

Clara bước khỏi bồn tắm và quấn một chiếc khăn bông quanh người. Cô ngắm nhìn khuôn mặt mình trong tấm gương treo trên bồn rửa và nhăn mặt. Chiếc va-li của cô mở tung trên giường và đồ đạc nằm rải rác tới tận tròng kỷ. Tất cả những thứ nào trông giống một chiếc váy dài đều đã được ném lên những mắc treo lưng lửng hoặc chiếc chụp đèn chân cao, trên đỉnh ống thông khói móc vào nắm tủ tường. Gần cửa sổ, một vài bộ trang phục khác bị vo tròn vút dưới

chân ghế bành. Có thể cô sẽ mặc quần jean, với điều kiện chiếc áo sơ-mi nam đi kèm phải dài trùm qua hông.

Cô rời khỏi căn phòng bữa bãi, đóng cửa và mắc lên nắm đầm tắm biển nhỏ ghi dòng chữ “Xin đừng quấy rầy”. Cửa thang máy mở ra sảnh, Clara nhìn đồng hồ, mới tám giờ kém mười. Trong khi chờ đợi Jonathan, cô muốn uống chút gì đó cho đỡ khát. Một ly rượu vang sẽ làm cô cảm thấy thoải mái. Cô bước vào quán rượu của khách sạn và đến ngồi ở quầy bar.

Chiếc xe Jaguar cũ tiến về phía trung tâm thành phố. Khi họ tới cửa khách sạn nơi Clara ở, Jonathan quay về phía Peter.

- Cô ấy đã đọc bức thư đó chưa?

- Chưa, bản dịch vừa mới được gửi cho tớ, ngay trước khi tớ đến đón cậu.

- Peter, tớ muốn đề nghị cậu một điều.

- Tớ biết, Jonathan, chúng ta sẽ rút bức tranh ra khỏi danh sách đấu giá.

Jonathan đặt bàn tay lên vai Peter đầy vẻ biết ơn. Khi anh xuống xe, Peter mở cửa kính và nói với theo:

- Thế nào cậu cũng sẽ ra đảo hoang thăm tớ chứ?

Jonathan đưa tay vẫy bạn.

# 11

Jonathan bước vào khách sạn Four Seasons, tìm anh đập ròn rảng vì hồi hộp. Anh tìm Clara và bước tới quầy lễ tân. Người trực ban gọi lên phòng nhưng không thấy ai trả lời. Một đám đông đang xúm xít trước cửa quầy rượu. Jonathan tưởng trận đấu bóng chày có lẽ đã thu hút nhiều người hơn sức chứa của gian bên trong. Bỗng anh nghe có tiếng còi hú phía sau lưng. Một chiếc xe cấp cứu đang chạy tới. Anh tiến về phía đám đông và tìm cách len vào. Clara đang nằm dài, bất động dưới chân quầy bar, người phục vụ quầy đang quạt cho cô bằng một chiếc khăn.

- Tôi không biết cô ấy bị sao! Anh ta hốt hoảng nhắc đi nhắc lại.

Clara vừa uống một ly rượu vang, rồi chỉ vài phút sau, cô ngã gục xuống. Jonathan quỳ xuống và áp bàn tay Clara trong tay anh. Mái tóc dài của cô rủ xuống hai bên khuôn mặt. Đôi mắt cô nhắm nghiền, sắc mặt nhợt nhạt, một dòng máu đỏ chảy ra từ khóe miệng. Rượu vang đỏ

lênh lảng từ chiếc ly vỡ hòa lẫn với máu của Clara, chảy trên sàn nhà lát đá thành dòng đỏ thẫm.

Các bác sĩ cấp cứu đã chạy tới cửa khách sạn, kéo theo sau chiếc cáng cứu thương. Một người đàn bà tóc trắng bước ra từ sau chiếc cột, nhã nhặn nhường đường cho họ.

Jonathan trèo lên xe cấp cứu. Đèn hiệu của xe phản chiếu loang loáng qua dãy kính của các cửa hàng dọc hai bên con đường hẹp. Người lái xe hy vọng họ sẽ có thể tới bệnh viện trong vòng chưa đầy mười phút Clara vẫn chưa hồi tỉnh.

- Huyết áp đang tụt dần, một bác sĩ cấp cứu nói.

Jonathan cúi xuống người cô.

- Anh xin em, đừng đối xử với anh như vậy, anh thì thâm và ôm chặt cô trong vòng tay.

Bác sĩ đẩy anh ra để đặt một kim truyền vào cánh tay của Clara. Dung dịch nước biển chảy dần vào mạch máu, nó sẽ được đẩy về trái tim để tiếp sức cho nhịp đập. Kéo áp nhích lên vài bậc. Hải lồng, bác sĩ hồi sức đặt một tay lên vai Jonathan tỏ ý an ủi anh. Lúc bấy giờ, anh vẫn chưa biết dung dịch đó mang theo dòng chảy của mình hàng ngàn phân tử lạ, cho chúng cơ hội nhanh chóng xâm chiếm và tấn công các tế bào trong cơ thể. Jonathan âu yếm vuốt ve khuôn mặt Clara; khi ngón tay anh lướt trên má cô, dường như cô mỉm cười với anh. Khi xe vừa dừng lại trước cửa cấp cứu, các nhân viên đặt Clara lên một chiếc giường có bánh xe. Rồi họ vội vã đẩy chiếc xe giường chạy như bay trong hành lang. Những ánh đèn nê-ông lướt qua trên đầu khiến đôi mi mắt cô như hơi động đậy. Jonathan nắm tay

cô cho tới tận cửa phòng khám. Peter nhận được điện thoại cầu cứu của anh cũng vừa tới nơi, cậu ta chọn chỗ ngồi trên một trong những băng ghế trống kê dọc hành lang dài nơi Jonathan đang nóng ruột đi đi lại lại.

- Cậu đừng quá lo lắng như vậy, Peter nói, cô ấy chỉ bị ngất đi chốc lát thôi. Một hồi vì chuyển đi, quá xúc động vì những chuyện vừa qua, niềm vui vì được gặp lại cậu. Giá mà cậu nhìn thấy cô ấy khi bọn tớ về đến sân bay. Nếu không có tớ ngăn lại, để cô ấy đã tự xông ra mở cửa trong khi máy bay vẫn còn chưa dừng hẳn! Đấy, cậu thấy không, cậu đã cười rồi đấy! Cậu nên gặp tớ thường xuyên hơn, chỉ có tớ mới biết cách làm cậu thư giãn. Tớ nghĩ thiếu chút nữa thì cô ấy đã giật cuốn hộ chiếu khỏi tay nhân viên hải quan, khi anh ta hỏi cô ấy định ở lại trong bao lâu.

Song Jonathan, lúc này vẫn không ngừng đi đi lại lại dọc hành lang, có thể cảm nhận được sự lo lắng của bạn mình cũng đang tăng dần theo từng lời. Hai tiếng đồng hồ sau, một bác sĩ đến gặp họ.

Giáo sư Alfred Moore, mà Peter đã nhờ gọi giúp, cũng không hiểu nổi trường hợp của bệnh nhân được gửi tới chỗ ông. Các báo cáo xét nghiệm mà ông đã đọc chẳng tuân theo bất cứ logic nào. Cơ thể của Clara đột nhiên sản sinh ra cả một đội quân kháng thể rồi tấn công chính các tế bào máu của cô. Bạch cầu đang hủy diệt hồng cầu trong người cô với một tốc độ đáng kinh ngạc. Nếu cứ tiếp tục, chẳng mấy chốc các thành mạch máu của Clara sẽ bị vỡ tung.

- Chúng ta có bao nhiêu thời gian để cứu cô ấy? Jonathan hỏi.

Moore tỏ ra bị quan. Một vài nơi đã bắt đầu có dấu hiệu xuất huyết dưới da, các bộ phận trong cơ thể cô có lẽ cũng sắp bị xuất huyết. Chạm nhất là ngày mai, các động mạch và tĩnh mạch của cô sẽ lần lượt bị vỡ.

- Nhưng cũng phải có một cách nào để điều trị chứ? Bao giờ cũng phải có giải pháp điều trị! Trời ạ, chúng ta đang ở thế kỷ XXI, y học không còn bất lực như trước kia nữa! Peter nổi cáu.

Moore nhìn anh về ấy náy.

- Hãy quay trở lại tìm chúng tôi sau hai hoặc ba thế kỷ nữa, có thể lúc đó điều anh nói sẽ là sự thật. Anh Gwel ạ, để chữa được cho cô gái này, chúng tôi phải biết nguồn gốc căn bệnh của cô ấy. Điều duy nhất mà tôi có thể làm được lúc này là truyền cho cô ấy chất gây đông máu để kìm hãm tiến trình đó lại, nhưng không được quá hai tư tiếng.

Moore thành thật cáo lỗi và quay bước. Jonathan đuổi kịp ông trong hành lang. Anh hỏi ông liệu có khả năng Clara bị đầu độc không.

- Anh có nghi ngờ ai không? Moore thận trọng hỏi.

- Hãy trả lời câu hỏi của tôi đã, Jonathan nhắc lại.

- Các xét nghiệm tìm kiếm chất độc đều chưa mang lại kết quả gì. Tôi có thể cho xét nghiệm sâu hơn nếu như anh có lý do để tin vào giả thuyết ấy.

Giáo sư Moore tỏ vẻ hoài nghi. Ông giải thích cho Jonathan rằng nếu quả thực có chất độc, nó sẽ làm biến đổi các bạch cầu của Clara khiến chúng coi các tiểu cầu và hồng cầu trong máu của cô như những cá thể lạ.

- Chỉ trong trường hợp ấy hệ thống tự vệ của cơ thể

mới bắt đầu quá trình tự hủy hoại giống như chúng ta đang thấy, ông kết luận.

- Nhưng về mặt chuyên môn, điều đó liệu có thể xảy ra không? Jonathan hỏi.

- Nói đúng ra thì điều đó cũng không phải không thể xảy ra, nhưng trong trường hợp ấy chúng ta đã gặp phải một loại chất độc được sản xuất đúng theo công thức máu. Để chế tạo thành công loại độc được như vậy, cần phải biết được chính xác công thức máu của nạn nhân.

- Vậy ta có thể lọc máu hoặc thay máu cho cô ấy không? Jonathan nài nỉ.

Giáo sư Moore buồn bã đáp.

- Muốn làm vậy thì cần phải có một lượng máu vô cùng lớn...

Jonathan ngắt lời ông và đề nghị lấy máu của anh, rồi nói thêm anh thuộc nhóm máu A dương tính.

- Cô ấy có máu âm tính và thuộc một nhóm khác, nếu một trong hai người truyền máu cho nhau thì người kia sẽ chết ngay lập tức.

Moore chân thành nói thêm rằng ông rất thông cảm, xong điều mà Jonathan vừa đề nghị hoàn toàn không thể thực hiện được. Ông hứa sẽ liên lạc với phòng xét nghiệm huyết thanh để nghiên cứu kỹ thêm nhằm tìm ra chất độc trong máu nếu có.

- Thú thật với anh, đó sẽ là hy vọng duy nhất của chúng ta, một số độc được có thể tìm ra chất giải.

Ông không dám nói thêm rằng ông đã chuẩn bị cho tình huống xấu nhất, thời gian không hề đứng về phía họ.

Jonathan cảm ơn ông và chạy về gặp Peter. Anh van xin bạn đừng hỏi anh bất cứ điều gì và bắt bạn hứa sẽ ở lại túc trực bên cạnh Clara. Anh sẽ quay về sau vài giờ đồng hồ. Nếu tình trạng Clara trở nên tồi tệ thì Peter sẽ phải gọi vào máy di động để báo cho anh biết.

Anh qua cầu và vượt đèn đỏ ở tất cả các ngã tư trên đại lộ Camden. Anh đậu xe sát vỉa hè và vội vã bước tới số nhà 27. Một người đàn ông từ trong tòa nhà đi ra cùng với con chó, Jonathan liền tận dụng cơ hội đó để lao ngay vào sảnh và vội vàng vào thang máy. Anh gõ dồn dập vào cánh cửa nằm cuối hành lang. Khi Alice ra mở cửa, anh tóm lấy cổ 목 và đẩy 목 tới tận cuối phòng khách. Mục già tóc trắng loạng choạng ngã vào chiếc bàn tròn một chân và kéo Jonathan ngã dúm theo. Mặc dù gắng dùng hết sức chống cự, song 목 vẫn không thể thoát khỏi hai bàn tay của Jonathan đang siết chặt. Mục chơi với khuya tay trên không rời một tấm màn đỏ bắt đầu hiện ra che mờ tầm nhìn của 목. Cảm thấy mình sắp ngất đi, 목 gần như chỉ còn đủ sức để thì thào rằng 목 có thuốc giải độc. Vòng siết được nới lỏng dần và không khí bắt đầu vào tới phổi mục già.

- Ở đâu? Jonathan hét lên trong khi vẫn ghì chặt 목 xuống sàn.

- Tôi chẳng hề sợ chết và anh biết rất rõ nguyên do, thế nên nếu anh muốn cứu Clara của anh, thì nhất định anh phải thay đổi thái độ.

Jonathan đọc thấy trong ánh mắt mẹ rằng lần này thì mẹ không hề nói dối. Anh buông tay.

- Tôi biết anh sẽ đến, nhưng không nghĩ là sớm như vậy, mẹ vừa nói vừa đứng dậy.

- Vì sao bà làm thế?

- Bởi vì tôi là người bú sữa bình! Alice vừa nói vừa xoa khuỷu tay. Clara phải trả giá vì những gì nó gây ra.

- Bà đã nói dối, Clara không phải là con gái lớn của Langton.

- Đúng vậy. Chính vì thế mà đối với tôi tội nó càng lớn hơn nữa. Sau cái chết của cha nó, chồng tôi đã chính thức nhận nó làm con nuôi. Ông ấy yêu thương nó như con đẻ của mình, ông ấy là người bảo trợ của nó, vậy mà nó đã phản bội ông ấy và lấy trộm bức tranh.

- Langton đã sát hại Vladimir! Jonathan thét lên.

- Không, không phải ông ấy, Alice Walton nói, giọng tự mãn. Chồng tôi chỉ là một người nợ đầm đìa vì thua cá cược, song cần phải có ai đó sửa chữa các điểm yếu và sai lầm của ông ấy, cứu chúng tôi thoát khỏi cảnh phá sản. Sáng kiến đó là của tôi, ông ấy hoàn toàn không hay biết gì.

- Nhưng Clara thì biết, cô ấy đã tìm thấy nhật ký của Vladimir. Cô ấy không hề phản bội chồng bà, thậm chí cô ấy còn không thêm trả thù, cô ấy chỉ thực hiện ước nguyện cuối cùng của người cha. Chúng tôi chỉ ngăn cản không cho các người bán bức tranh mà các người chiếm đoạt của cô ấy.

- Anh muốn nói sao cũng được, song lúc này người có thuốc giải là tôi.

Alice lấy từ trong túi áo khoác ra một chiếc lọ nhỏ trong đó có chứa thứ dung dịch màu hổ phách. Mẹ nói với Jonathan rằng các bác sĩ sẽ không thể nào tìm ra dấu vết loại độc được mà mẹ đã rót vào ly rượu của Clara, bất kể cô còn sống hay đã chết. Anh chẳng còn cách nào khác để cứu cô ngoài việc tuyệt đối tuân theo mọi yêu cầu của mẹ. Đám cưới con gái mẹ ngày mai sẽ tập hợp đông đủ giới thượng lưu của Boston. Đương nhiên hai mẹ con mẹ không muốn phải đối đầu với một lời hủy hôn ước vào phút cuối. Anh và Clara đã phá hoại danh dự của chồng mẹ, Alice sẽ không thể chấp nhận nếu họ lặp lại điều đó với con gái mẹ. Đúng giờ trưa, Jonathan sẽ thành hôn với Anna. Sau lễ cưới, mẹ sẽ tới thăm Clara và cho cô uống thuốc giải độc.

- Tại sao tôi phải tin bà? Jonathan hỏi.

- Vì thời gian còn lại không cho phép anh có sự lựa chọn nào khác! Giờ thì hãy ra khỏi nhà tôi. Ngày mai chúng ta sẽ gặp nhau tại nhà thờ.

\*

\*       \*

Phòng bệnh chìm trong một thứ ánh sáng đục như sữa. Peter ngồi trên chiếc ghế kê cạnh giường. Một nữ y tá bước vào chuẩn bị lấy máu thêm lần nữa. Cô rút đường truyền và lần lượt lấy sáu ống nghiệm thủy tinh hứng vào chót kim cắm trên cánh tay Clara. Từng ống một được đóng đầy thứ dung dịch càng lúc càng loáng và màu đỏ cũng

nhặt dần đi. Mỗi lần được một ống nghiệm đầy, cô đóng nút lại, lắc ống thật mạnh trước khi để chúng lên chiếc khay. Khi ống cuối cùng vừa đầy, cô lấp lại đường truyền, tháo đôi găng tay và mang ra vứt vào chiếc thùng đựng rác thải y tế. Trong khi cô vẫn còn quay lưng lại, Peter nhón lấy một ống và nhét vào sâu trong túi áo vét.



Sau khi Jonathan bực tức bỏ đi, Anna bước ra khỏi chỗ nấp. Cô ngồi vào ghế bành và chăm chú nhìn mẹ.

- Tất cả những điều đó còn có nghĩa lý gì nữa hả mẹ? Rồi anh ấy sẽ ly dị ngay thôi.

- Con gái đáng thương của mẹ, Alice trả lời. Mẹ còn rất nhiều điều phải dạy cho con! Ngày mai, nó sẽ kết hôn với con, người ta không thể ly dị nhau trước sự chứng giám của Chúa. Nó sẽ trả lời đồng ý kết hôn với con trong lúc con bé Clara đang chết dần, nó sẽ bội lại lời thề ước đã gắn kết chúng trong quá khứ. Lần này thì chúng sẽ phải xa nhau mãi mãi.

Alice mở nắp chiếc lọ nhỏ và rẩy thứ nước đựng bên trong vào lòng bàn tay. Mẹ đưa tay xoa lên gáy.

- Đây là nước hoa của mẹ! Mẹ nói bằng giọng vui sướng. Mẹ đã nói dối nó!

Anna đứng lên, và không nói một lời nào, cô cầm lấy túi rồi đi về phía cửa. Cô nhìn mẹ, hơi ưu tư, rồi đóng cửa lại.

- Mẹ đã nói dối cả con, Anna nói và buồn bã bỏ đi.

\*

\*       \*

Jonathan bước vào phòng và Peter đi ra để họ ở lại với nhau.

Anh ngồi lên giường và đặt môi lên trán Clara.

- Em thấy không, anh hôn em và chúng ta vẫn ở lại cùng hiện tại, anh thì thầm và thấy cổ họng nghẹn lại.

Đôi mắt Clara hé mở, rồi nở nụ cười nhợt nhạt, cô cố gắng sức nói vài lời.

- Phải nói rằng em cũng chẳng còn nhiều sức lực nữa, anh biết không.

Cô siết chặt các ngón tay đang nắm lấy bàn tay Jonathan và nói tiếp bằng giọng yếu ớt.

- Mình vẫn còn chưa cùng nhau đi dạo dọc bờ sông trên khu cảng cũ của anh.

- Anh sẽ đưa em đến đó, anh hứa với em.

- Em phải kể cho anh nghe đoạn kết câu chuyện của chúng ta, tình yêu của em, bây giờ thì em biết vì em đã mơ thấy đêm qua.

- Anh xin em, Clara, hãy giữ sức.

- Anh có biết chúng ta đã làm gì sau khi Langton bỏ trốn khỏi tòa lâu đài không? Chúng ta đã yêu nhau, và cho tới tận giây phút cuối của cuộc đời chúng ta đã không ngừng yêu nhau.

Cô nhắm mắt và khuôn mặt cô hiện lên nỗi đau đớn

đang vò xé thân mình.

- Khi nhận em làm con nuôi, Langton đã biến em thành người thừa kế của ông ta. Nhờ lam làm, gắng sức trong công việc, cuối cùng thì chúng ta cũng trả hết nợ nần và có thể giữ lại trang viên. Chúng ta đã sống ở đó trong tình yêu, Jonathan ạ, đến tận ngày cuối cùng của cuộc đời. Khi anh qua đời, em đã đặt anh dưới gốc cây cổ thụ. Em đã giấu bức tranh trên tầng xép rồi tới nằm bên cạnh anh, cho đến khi sự sống rời khỏi em. Và chính trong cái đêm duy nhất không có anh ở bên ấy, em đã thề sẽ yêu anh ngay cả sau khi chết đi và sẽ tìm lại anh cho dù anh có ở bất cứ nơi đâu. Anh thấy không, em đã giữ lời và anh cũng thế.

Nghệt thở vì đau đớn, anh ôm lấy Clara trong vòng tay và tựa đầu cô lên vai anh.

- Đừng nói gì nữa, anh xin em, hãy nghỉ ngơi đi, tình yêu của anh.

- Giá như anh biết em yêu anh đến nhường nào, Jonathan. Mỗi giây phút không có anh đều không đáng để em phải sống. Hãy nghe em, em biết mình còn rất ít thời gian. Những tuần vừa qua là quãng thời gian đẹp nhất trong đời em, không gì có thể sánh được với niềm hạnh phúc mà anh đã mang lại cho em. Giờ thì anh phải hứa với em rằng anh cũng sẽ sống hạnh phúc. Em muốn anh sống tiếp, Jonathan. Đừng chối bỏ hạnh phúc. Có biết bao điều kỳ diệu tiềm ẩn sâu trong mắt anh. Rồi chúng ta sẽ gặp lại nhau, có thể là vẫn còn kiếp sau.

Đôi mắt Jonathan ầng ậng nước. Thu hết sức lực còn

lại, Clara đưa tay vuốt má anh.

- Hãy ôm em chặt thêm một chút, Jonathan của em, em thấy lạnh quá.

Đó là những lời cuối cùng của cô. Đôi mắt Clara nhẹ nhàng khép lại và nét mặt cô bình lặng trở lại. Tim cô đập rất nhẹ. Jonathan thức trông cô suốt đêm. Anh ôm cô vào lòng và âu yếm ru cô. Hơi thở của anh hòa vào nhịp đập sống mong manh của Clara. Bình minh ló rạng, mỗi giờ trôi qua thể trạng của cô lại đuối dần. Jonathan đặt một chiếc hôn dài lên môi cô rồi đứng dậy. Trước khi rời khỏi phòng, anh quay lại và thì thầm.

- Anh sẽ không để em ra đi, Clara ạ.

Khi cánh cửa khép lại, một dòng máu chảy từ cơ thể Clara nhuộm màu đỏ lên tấm khăn đắp trên mình cô. Mái tóc dài của cô ôm lấy khuôn mặt thanh thản. Ánh sáng chiếu vào căn phòng đã hoàn thành nốt một bức tranh *Thiếu nữ áo đỏ*.

Peter hiện ra ở đầu hành lang, anh nắm lấy vai Jonathan và kéo bạn về phía máy bán nước tự động. Anh nhét một đồng xu vào khe và nhấn nút gọi cà phê đặc.

- Cậu sẽ cần mà tớ cũng thế, anh vừa nói vừa đưa chiếc cốc cho Jonathan.

- Tớ có cảm giác đang sống một cơn ác mộng giữa ban ngày, Jonathan nói.

- Hy vọng mình gặp nhau trong đó vì chính tớ cũng thấy như vậy, Peter thở dài. Tớ đã gọi điện cho một người

bạn ở phòng hình sự. Tớ sẽ gửi gấp cho cậu ấy bằng phát chuyển nhanh mẩu máu mà tớ lấy trộm của cô y tá. Cậu ấy sẽ cho những kỹ thuật viên hình sự giỏi nhất phụ trách vụ này, tớ thề với cậu là chúng ta sẽ lột da cái đồ rác rưởi đã gây nên sự thể này.

- Thế cậu kể gì cho anh bạn cảnh sát của cậu? Jonathan hỏi.

- Toàn bộ câu chuyện, thậm chí tớ còn hứa sẽ gửi cho cậu ấy tất cả các ghi chép của hai đứa mình cùng với cuốn sổ của Vladimir.

- Thế cậu ấy không muốn tống ngay cậu vào trại tâm thần sao?

- Đừng lo, Pilguez là một chuyên gia về các hồ sơ kỳ dị. Cách đây vài năm, cậu ấy đã kể cho tớ nghe về một trong những cuộc điều tra của cậu ấy ở San Francisco, mà nếu so sánh với vụ ấy thì chuyện của chúng ta chỉ là chuyện thường ngày.

Jonathan nhún vai và tiến về phía cửa. Trong lúc anh đi xa dần, Peter gọi với theo.

- Lát nữa tớ sẽ đi với cậu, đừng có quên đấy, và cho dù câu chuyện của hai người có thể khiến tớ bị coi là điên, thì sau khi đã cứu sống được Clara, tớ sẽ là người làm chứng đấy.

\*

\* \*

Tất cả các ghế trong nhà thờ Saint Stephen đều đã chật

kín. Giới thượng lưu Boston dường như đã hẹn nhau ở đâu đó dọc theo lối đi chính. Hai chiếc xe cảnh sát đậu chắn lối vào phố Clark trong suốt thời gian cử hành hôn lễ. Peter đã ngồi vào chỗ bên phải Jonathan, về mặt u ám. Nhạc lễ cử hành và toàn bộ cử tọa lặng lẽ quay lại. Anna kéo đuôi váy lướt thướt đi về phía gian giữa của nhà thờ trong vòng tay mẹ cô và cũng là người làm chứng cho cô. Hôn lễ sẽ bắt đầu vào lúc mười một giờ sáng. Ngồi xuống bên trái con mình, Alice nở một nụ cười với Peter. Trông mẹ thật hơn hở.

\*

\*

\*

Giáo sư Moore bước vào phòng của Clara. Ông đến bên giường và đặt tay lên trán cô. Nhiệt độ không ngừng tăng lên. Ông ngồi ghé xuống giường và thở dài buồn bã. Giáo sư với một chiếc khăn giấy trên bàn và lau dòng máu đang rỉ ra từ mũi cô. Ông đứng lên chỉnh lại tốc độ chảy của dịch truyền. Đôi vai trĩu xuống, Giáo sư bước ra khỏi phòng, nhẹ nhàng khép cánh cửa lại sau lưng. Clara mở mắt, cô rên khe khẽ rồi lại chìm ngay vào cơn mê.

\*

\*

\*

Hôn lễ đã bắt đầu được nửa giờ và vị linh mục chuẩn bị yêu cầu cô dâu chú rể đọc nguyện ước của mình. Ông cúi

về phía Anna và nở nụ cười độ lượng. Nhưng cô không nhìn ông. Đôi mắt giàn giụa nước, cô nhìn chăm chăm vào mặt mẹ mình.

- Hãy tha lỗi cho con, cô thì thầm.

Cô hướng ánh mắt về phía Jonathan và cầm lấy tay anh.

- Anh sẽ không thể làm được gì cho cô ấy nữa, Jonathan, nhưng anh còn có thể làm được một điều cho cả hai người!

- Em nói gì vậy?

- Anh hiểu rất rõ mà, hãy đi khỏi đây trước khi mọi chuyện trở nên quá muộn. Anh không thể cứu được cô ấy nữa, nhưng anh vẫn có thể quay lại bên cô ấy, hãy đi đi.

Cả nhà thờ rung lên trong tiếng hét điên cuồng của Alice Walton khi Jonathan và Peter lao về phía lối ra. Vị linh mục đứng sững người, hai cánh tay đung đưa, cả gian phòng bật dậy khi hai người chạy qua những cánh cửa lớn. Từ trên bậc thềm vắng vẻ, Peter gọi viên cảnh sát đang đứng dựa lưng vào thành xe.

- Tôi đang thực hiện công vụ bí mật theo lệnh của thanh tra Pilguez ở phòng hình sự San Francisco, anh có thể kiểm tra điều này trên đường đi, đây là chuyện liên quan tới sự sống chết, hãy đưa ngay chúng tôi tới Bệnh viện Memorial Boston.

Hai người bạn không nói với nhau một lời nào suốt dọc đường. Tiếng còi xe cảnh sát như đẹp lối cho con đường mở ra trước mặt họ. Jonathan tựa đầu vào kính xe, hai mắt nhòa mờ, anh nhìn những chiếc cầu cầu trên bến cảng trôi

đi phía xa xa. Peter choàng tay qua vai bạn siết chặt.

Khi họ tới trước cửa phòng Clara, Jonathan quay nhìn người bạn thân nhất của mình hồi lâu.

- Cậu có thể hứa với tớ một điều không, Peter?

- Bất cứ điều gì cậu muốn!

- Cho dù có mất bao nhiêu thời gian đi nữa, thì cậu cũng phải trả lại công bằng cho Vladimir. Hãy thề với tớ rằng cho dù có xảy ra điều gì, cậu cũng sẽ đi đến cùng. Đó cũng là điều mà Clara mong muốn.

- Tớ thề với cậu, chúng ta sẽ cùng nhau làm điều đó, tớ sẽ không bao giờ bỏ cuộc.

- Cậu sẽ phải thực hiện điều đó một mình, anh bạn thân mến à, tớ không thể làm được nữa rồi.

Jonathan nhẹ nhàng mở cửa phòng. Trong bóng tối, Clara thở rất yếu ớt.

- Cậu muốn rời khỏi Boston ư? Peter hỏi.

- Có thể nói như vậy.

- Thế cậu định đi đâu?

Jonathan ôm choàng bạn trong vòng tay.

- Tớ cũng vậy, tớ đã có một lời hứa, cậu biết không. Tớ sẽ đưa Clara đi dạo dọc bờ sông... *trong kiếp sau*.

Anh bước vào phòng và đóng cửa lại. Peter nghe thấy tiếng chìa khóa quay trong ổ.

- Jonathan, cậu làm gì vậy? Anh lo lắng hỏi.

Anh đập dồn đập vào ô cửa, nhưng bạn anh không hề trả lời.

Jonathan ngồi xuống giường bên Clara. Anh cởi áo vét và kéo ống tay áo sơ-mi lên cao. Anh rút kim ra khỏi

túi dịch truyền rồi chọc nó vào chính cánh tay mình, nối hai cơ thể của họ lại với nhau. Khi anh nằm xuống bên cạnh cô, máu Clara đã bắt đầu chảy vào các tĩnh mạch của anh. Anh vuốt gò má nhợt nhạt của cô và ghé miệng lại gần tai cô.

- Anh yêu em, anh không biết làm thế nào để hết yêu em, anh chẳng biết vì sao và để làm gì. Anh yêu em như vậy vì anh chẳng biết được điều gì khác. Nơi nào không có em, nơi đó cũng chẳng có anh.

Jonathan đặt đôi môi mình lên môi Clara và lần cuối cùng trong đời, tất cả mọi thứ trở nên quay cuồng trong mắt anh.

\*

\*

\*

Trời vừa mới chớm thu. Peter thả bộ một mình trên con đường lát gạch trong khu chợ không mái che. Chuông di động của anh reo lên.

- Tớ đây, một giọng nói vang lên trong máy. Tớm được nó rồi. Tớ hứa với cậu tìm các chuyên gia giỏi nhất nước, và tớ đã giữ lời, họ đã tìm ra chất độc. Tớ đã có được lời khai của người phục vụ quầy, anh ta nhận ra mù Walton. Điều thú vị nhất tớ dành cho phần cuối, chính con gái của mù ta cũng đứng ra làm chứng. Mù ta sẽ không bao giờ được ra khỏi nhà tù. Cậu sẽ tới San Francisco trong một ngày gần đây chứ? Natalia rất vui mừng được gặp cậu, Pilguez nói thêm.

- Tớ hứa, trước Noel nhé.
- Cậu định làm gì với các bức tranh?
- Tớ cũng sẽ thực hiện một lời hứa.

- Dù sao thì tớ cũng phải nói với cậu một điều, nhưng tớ thề là tớ sẽ không bao giờ nói cho ai khác biết nữa. Theo đúng yêu cầu của cậu, tớ đã so sánh phân tích ADN từ mẫu trong hồ sơ cậu gửi với ADN của cô gái bị đầu độc.

Peter dừng bước, anh nín hơi thở.

- Phòng thí nghiệm cam đoan rằng hai mẫu máu có mối liên hệ trực tiếp với nhau. Nói cách khác, máu trên bức tranh là máu của cha cô gái. Nhưng cậu thấy đấy, với những mốc thời gian mà cậu cung cấp cho tớ, điều này là không thể!

Peter tắt điện thoại. Hai mắt giàn giụa nước, anh ngước lên trời và bật tiếng khóc vui sướng:

- Tớ nhớ cậu quá, Jonathan, tớ nhớ cả hai người.

Rồi anh rút hai tay vào túi và tiếp tục bước. Vừa đi dọc theo bờ sông, anh vừa mỉm cười.

Về đến nhà, Peter gặp Jenkins đang đứng chờ anh dưới mái hiên với hai chiếc va-li đặt dưới chân.

- Mọi chuyện ổn cả chứ, Jenkins? Peter nói.
- Tôi không biết phải làm gì để cảm ơn ông đã tặng chuyến du lịch này cho tôi. Suốt cuộc đời tôi chỉ mơ có một ngày được đến Luân-đôn. Đây là món quà tuyệt vời nhất mà tôi từng được nhận.

- Thế ông đã cất kỹ địa chỉ và số điện thoại mà tôi đưa chưa?

Jenkins gật đầu.

- Vậy thì hãy lên đường đi, Jenkins thân mến.

Rồi Peter vừa mỉm cười vừa bước vào tòa nhà Stapledon trong khi Jenkins đưa tay vẫy chào anh và bước lên chiếc ta-xi đưa ông tới sân bay.

## 12

*Saint-Petersbourg, rất nhiều năm sau...*

Một ngày sắp kết thúc, trong vài phút nữa bảo tàng Ermitage sẽ đóng cửa. Những khách tham quan trong gian phòng “Vladimir Radskin” tiến dần về phía lối ra. Một người bảo vệ kín đáo ra hiệu cho đồng nghiệp. Hai người đàn ông mặc đồng phục khề khàng bước tới gần một đôi nam nữ đang chuẩn bị rời khỏi gian phòng. Khi thấy hoàn cảnh khá thích hợp, họ áp sát hai bên chàng trai và cô gái rồi yêu cầu hai người đi theo họ và đừng hỏi han gì. Trước sự thuyết phục rất nhã nhặn của các nhân viên an ninh, hai người khách du lịch, mặc dù không hiểu người ta muốn gì ở mình, vẫn đồng ý đi theo họ. Hai người được đưa vào một dãy hành lang dài và đi qua cánh cửa được đóng kín. Sau khi đi lên cầu thang phụ và buộc phải tìm cách che giấu nỗi lo ngại đang mỗi lúc một tăng dần, họ đã vào rất sâu bên trong tòa nhà và được đưa đến một

phòng làm việc khá rộng. Đôi bạn được mời ngồi quanh chiếc bàn họp. Có người sẽ đến gặp họ ngay. Một người đàn ông khoảng chừng năm mươi tuổi mặc com-lê sang trọng bước vào và ngồi đối diện với họ. Ông ta đặt một tập hồ sơ trước mặt và vừa lật xem bộ hồ sơ nhiều lần vừa đưa mắt nhìn cặp thanh niên.

- Tôi phải thú thật là tôi vô cùng sửng sốt, ông nói tiếng Anh bằng giọng lơ lớ.

- Tôi có thể biết các ông muốn gì được không? Chàng trai hỏi.

- Đây là lần thứ ba trong tuần vừa rồi hai vị tới chiêm ngưỡng các tác phẩm của Vladimir Radskin.

- Chúng tôi rất ngưỡng mộ danh họa này, cô gái trả lời.

Youri Egorov tự giới thiệu về mình. Ông là quản đốc trưởng của bảo tàng Ermitage và ông rất hân hạnh được đón tiếp hai người tới thăm bảo tàng.

- Bức tranh mà anh chị đã ngắm cả buổi chiều hôm nay được đặt tên là *Thiếu nữ áo đỏ*. Bức tranh này đã được trở về nguyên trạng nhờ việc phục chế rất vất vả do một chuyên gia đấu giá người Mỹ đảm trách. Chính ông ta là người đã tặng cho bảo tàng này năm bức tranh của Radskin hiện vẫn đang được trưng bày tại đây. Bộ sưu tập ấy có thể nói là vô giá và lẽ ra chúng tôi sẽ không bao giờ có thể sở hữu được cả một báu vật lớn như vậy. Song chính nhờ nhà bảo trợ hảo tâm này mà nhà danh họa lớn của nước Nga đã có thể quay trở về tổ quốc của mình sau bao năm lưu lạc. Để đổi lại món quà tặng này cho đất nước chúng tôi, bảo tàng Ermitage đã cam kết với nhà bảo trợ

thực hiện một lời hứa khá đặc biệt. Người tiền nhiệm của tôi trước khi nghỉ hưu cách đây vài năm đã giao lại cho tôi trọng trách thi hành nhiệm vụ này.

- Nhiệm vụ gì vậy? Đôi trai gái đồng thanh hỏi.

Ông quản đốc khế ho vào lòng bàn tay trước khi tiếp tục.

- Ngài Peter Gwel đã đề nghị chúng tôi phải hứa nếu một ngày nào đó có một phụ nữ với khuôn mặt giống một cách kỳ lạ khuôn mặt *Thiếu nữ áo đỏ* tới xem bức tranh, thì chúng tôi có bốn phen phải trao cho người đàn ông đi cùng cô ta một lá thư cho chính tay ngài viết. Chúng tôi đã quan sát cô rất lâu, thưa cô, và tôi nghĩ rằng đã đến lúc chúng tôi phải thực hiện lời hứa của mình.

Ông quản đốc mở tập hồ sơ và đưa một chiếc phong bì cho đôi thanh niên. Chàng trai mở phong bì ra. Vừa đọc bức thư lấy ra từ bên trong, anh vừa đứng lên và đi đi lại lại trong căn phòng.

Đọc xong bức thư, anh gấp tờ giấy lại và lặng lẽ cất nó vào trong túi áo vét.

Rồi anh chấp hai tay sau lưng, nheo đôi mắt và mỉm cười... Từ đó trở đi, nụ cười không bao giờ tắt trên môi anh...

# Kiếp sau

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 8222135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo

PHẠM SÔNG HỒNG

- \* Biên tập: PHÒNG VHNN
- \* Thiết kế bìa: HỮU KHOA
- \* Trình bày: HỒNG NHUNG
- \* Sửa bản in: KHÁNH PHƯƠNG

## Liên kết xuất bản và phát hành:

**CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÀ NAM**

**1B/IF1, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội**

**Điện thoại: 04.5146875 - Fax: 04.5146965**

**Đại diện tại TP Hồ Chí Minh**

**166A Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận**

**Điện thoại: 08.8456072 - Fax: 08.9971916**

In 2.000 cuốn, khổ 13 x 20.5cm tại Công ty In Tiến Bộ, 175 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 471-2006/CXB/53-37/HNV và quyết định xuất bản số 277/QĐ-NXB HNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 19.6.2006. In xong và nộp lưu chiểu năm 2006.

Đi tìm một bức tranh bí ẩn, Jonathan đã gặp Clara.  
Cả hai nhận ra họ đã gặp nhau ở đâu đó.  
Nhưng ở đâu, khi nào?

Ở London, cách đây hơn một thế kỷ

Khi nàng chính là cô gái trong tranh...

Một chuyện tình lãng mạn nửa của Marc Levy, để  
chứng minh cho sự bất tử của tình cảm con người. Một  
câu chuyện đã mang ta từ Saint-Petersbourg tới  
Boston, từ London tới Florence rồi Paris, nơi mà tình  
yêu và những bí ẩn của nó đã thách thức cả thời gian,  
khi những đôi tình nhân chết đi, rồi tái sinh và tìm ra  
nhau, trong kiếp sau...

*"Một câu chuyện duyên dáng, kỳ bí diễn ra trong không  
gian nghệ thuật"*

L'Express

*"Đây chính là những gì mà một tiểu thuyết cần đạt tới - một  
cuốn sách tuyệt vời để ta đọc trong những ngày cuối tuần  
có mưa... Một câu chuyện kỳ diệu đã đưa người đọc đi từ  
nước Mỹ sang châu Âu rồi ngược lại, đã gìn giữ sự hồi hộp  
của ta cho tới trang cuối cùng."*

Le Temps

Giá: 41.000 đ



nhà nam



8 936024 910563